

# Đại Việt Thông Sử

史通越大

Soạn giả: LÊ QUÝ ĐÔN

Thế Kỷ 18  
(1759)

**Ghi chú:**

Khi mới bắt đầu công việc chuyển sang ấn bản điện tử, chúng tôi dùng bộ sách dịch bởi cụ Lê Mạnh Liêu, nhưng khi đánh máy xong thì chúng tôi nhận ra rằng bộ của cụ Lê Mạnh Liêu còn thiếu sót rất nhiều phần, vì thế để khỏi mất công đánh máy lại từ đầu, chúng tôi chuyển sang đánh tiếp những phần còn thiếu sót dựa trên bản Đại Việt Thông Sử của Lê Quý Đôn Toàn Tập do nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội dịch và ấn hành năm 1977.

Để tạo điều kiện cho quý vị biết rõ và dễ dàng trích dẫn, chúng tôi sẽ ghi rõ tên của dịch giả trên đầu mỗi trang của từng chương.

(BD:LML): Bản dịch Lê Mạnh Liêu Ủy Ban dịch thuật - Bộ Văn Hóa Giáo Dục & Thanh Niên -Saigon 1973

(BD:VSH): Bản dịch Viện Sử Học - Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội - Hà Nội 1977.

<b>Tựa sách:</b>	Đại Việt Thông Sử	<b>Năm</b>
<b>Soạn giả:</b>	Lê Quý Đôn	1759
<b>Dịch giả:</b>	Lê Mạnh Liêu - Tủ sách cổ văn - Ủy ban dịch thuật Viện Sử Học - Hà Nội	1973
<b>Nhà xuất bản:</b>	Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên - Saigon Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội - Hà Nội	1973 1978
<b>Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:</b>	Công Đệ, Lê Bắc	2001
<b>Điều hợp:</b>	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

# Đại Việt Thông Sử

## QUYỂN I

### Đế Kỳ Đệ Nhất

Thần Đôn soạn

## THÁI TỔ (THƯỢNG)

**[tờ 7a]** Vua Thái Tổ, thụy hiệu Thống Thiên khai vận thánh đức thần công duệ văn anh vũ khoan minh dũng trí hoǎng nghĩa chí nhân đại hiếu Cao Hoàng Đế. Vua họ Lê, tên húy là Lợi, người làng Lam Giang, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa. Cụ Tăng Tổ của vua tên húy là Hối, sau truy tôn là "Cao thượng tổ Minh Hoàng Đế". Tính cụ chất phát ngay thẳng, giữ mình như người ngu, nhưng hiểu biết rất sâu xa, có thể biết trước những sự chưa thành hình. **[tờ 7b]** Nguyên trước ở thôn Như Áng, một hôm, cụ đi chơi, thấy đàn chim liệng vòng quanh trên một khoảng đất nơi dưới núi Lam sơn, trông hình như một đám người tụ hội. Cụ tự nghĩ: "Chỗ này tất là nơi đất lành", bèn dời nhà đến ở đấy, rồi khai phá ruộng vườn, tự chăm lo cày cấy, được 3 năm, trở thành một sản nghiệp, tự đấy, đời đời đều là hùng trưởng một phương. Sau này vua dựng đô mở nước, thực cũng căn cơ tự đấy vậy. Cụ Hoàng tổ, tôn phong là "Hiển tổ Trạch Hoàng Đế", tên húy là Đình, cụ nổi được cơ nghiệp tiền nhân, tính khoan nhân, có bụng yêu người, người các nơi gần xa đều qui phục, trong nhà có hàng nghìn người. Lấy cụ bà "Hiển tử Gia thực Hoàng Thái Hậu" họ Nguyễn, tên húy là Quách, sinh hạ 2 con trai, con trưởng tên là Tông, con thứ tức là cụ Hoàng Khảo, tôn phong "Tuyên tổ Phúc Hoàng Đế", **[tờ 8a]** tên húy là Khoáng, cụ nuôi nhiều tân khách đúng lễ nghi, thương yên nhân dân, chu cấp người nghèo cùng, giúp đỡ người bệnh tật, cả vùng đều phục cụ là có nghĩa, lấy cụ bà "Trinh tử Ý văn Hoàng Thái Hậu" họ Trịnh tên húy là Ngọc, sinh hạ 3 con trai, con trưởng tên là Học, sau truy phong "Chiêu hiếu đại vương", con thứ tên là Trữ, sau truy tặng "Hoǎng dụ vương", con trai út tức là Hoàng đế. Hoàng đế sinh giờ tý ngày mồng 6 tháng 8 năm Ất sửu (1385), nhằm niên hiệu Xương phủ thứ 9 nhà Trần, sanh tại làng Chủ sơn, huyện Lô dương. Nguyên trước, xứ Du sơn thôn Như áng hậu thuộc làng này (Chủ sơn), có một cây quế, dưới cây quế này có con hùm xám thường xuất hiện, nhưng nó hiền lành, vẫn thường thân cận với người mà chưa từng hại ai. Tự khi Hoàng đế ra đời, thì không thấy con hùm ấy đâu nữa. Người ta cho là một sự lạ! Ngày Hoàng đế sanh, thì trong nhà có hào quang đỏ chiếu sáng rực, và mùi thơm ngào ngạt khắp làng. **[tờ 8b]** Khi lớn tuổi, ngài thông minh dũng lược, độ lượng hơn người, vẻ người tươi đẹp hùng vĩ, mắt sáng mồm rộng; sống mũi cao, xương mi mắt gồ lên; bả vai bên tả có 7 nốt ruồi, bước đi như rồng như hổ; tiếng nói vang vang như tiếng chuông. Các bậc thức giả biết ngay là một người phi thường.

Khi Hoàng đế giúp việc ở Khả lam, được hồn sư ông Bạch Y hiển hiện chỉ cho ngôi huyệt phát "đế vương" ở động Chiêm nghi.

Thời ấy, người phường chài ở sách Mục sơn là Lê Thận, đêm nào cũng thấy khoảng sông Lam Xuyên có luồng ánh sáng như bó đuốc cháy, rồi hơn một tháng sau, bỗng chài được một thanh sắt dài hơn một thước, hình tựa thanh đao cũ, đem về để trong nhà, ngày hôm ấy Hoàng đế đến nhà y, thấy trong nhà tối có một luồng ánh sáng, liền tới chỗ đó lấy thanh đao đem về, về đến nhà, không phải mài mà sáng như đao mới, nhận thấy có hàng chữ triện khắc trên thân đao, biết là một thanh bảo kiếm. Đêm hôm sau, **[tờ 9a]** có trận mưa gió, sáng ra, thấy trong vườn rau có lốt chân thần in trên lá rau, Hoàng đế sai người vẽ hình vết chân ấy. Ngày hôm sau, Hoàng hậu ra vườn hái rau, đến chỗ cây rau có hình bàn chân, bỗng được một quả ấu bấu, bề dài bề rộng ngay ngắn, mặt quả ấu khắc mấy chữ lối triện. trên quả ấu khắc đích họ tên Hoàng đế, nhận kỹ mới rõ. Hoàng đế biết rõ bảo vật của trời đất ban cho, bèn cuồi đầu lạy tạ. Ngày hôm sau, bỗng được cái chuôi thanh kiếm ở cây đa, rửa sách đất cát đi, thấy có khắc hình con rồng và con hổ, và hiện ra hai chữ "Thanh Thụy", đem lắp vào thanh kiếm đã bắt được hồi trước, vừa vận không sai tý nào, càng tin là vật thần cho.

Bấy giờ là thời kỳ họ Hồ cướp ngôi vua nhà Trần, Hoàng đế ở quê hương đọc sách và nghiên cứu binh pháp, giữ mình chờ thời vận.

Đến khi nước Tàu dẫn quân sang đánh, bắt họ Hồ đem vữa kinh đô Kim Lăng, rồi chia nước Nam ta thành từng Quận từng Huyện. **[tờ 9b]** Hoàng đế ngầm có chí khôi phục non sông, ngài hạ mình tôn người hiền, tung tiền của nuôi binh sĩ, chiêu nạp những người mắc lỗi trốn lánh, được nhiều người qui phục.

Vua Hưng Khánh và vua Trùng Quang nối tiếp khởi binh chống quân Tàu, lấy danh nghĩa là khôi phục ngôi vua nhà Trần, được rất nhiều người hưởng ứng. Nhưng Hoàng đế biết rõ thời thế, cho là tất không thành công. Bởi thế ngài không dự, và hết sức ẩn kín hình tích, không lộ tiếng tăm.

Trịnh Đồ tự nước Ai Lao lại yết kiến, hiến 1 con voi đực, Hoàng đế sai Trương Phần đón tiếp, sau Trịnh Đồ và Trịnh Khả đều được ngài tín nhiệm.

Những hào kiệt thời ấy như: Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Khai Hưng, Nguyễn Truy, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Vũ Uy, Lê Liễu, và Lê Xa Lô, đều nối tiếp qui phục, ngài niềm nở đón tiếp, **[tờ 10a]** cùng bí mật mưu việc khởi nghĩa.

Có tên Đỗ Phú người xã Hào Lương, đến Ty Bố chánh kiện Hoàng đế về việc lấn ruộng đất, nhưng y đuối lý, bị thua kiện, đem lòng oán giận, bèn cáo mét quan nhà Minh dẫn quân bức bách Hoàng đế ở Lạc Thủy (nay đổi là Cẩm Thủy).

Từ khi người Minh đô hộ nước ta, chánh sự phiền toái; thuế má nặng nề; quan tham lại những; cấm dân nấu muối trồng rau; bắt dân xuống biển tìm ngọc châu; phá núi lấy vàng; những sản phẩm quý giá như: ngà voi, sừng tê, cánh chim chẻ, cùng các thứ hương, chúng đều vơ vét hết. Sau lại bắt dân đắp 10 thành trong 10 Quận để đóng quân; chúng lại khéo dụ dỗ các người hào kiệt, đưa vào triều đình Trung Hoa làm quan, cốt là an trí ở nước Tàu vậy. Bởi vậy nhân dân nước ta không trừ một ai, thấy đều sâu thẳm oán giận! Hoàng đế vẫn giữ chí như trước, dù người Minh đem quân tước cũng không dự được, **[tờ 10b]** lấy thể lực cũng không hiệp được, nhưng nhận thấy thế quân địch đang mạnh, nên ngài càng ẩn trong bóng tối, không dám khinh động, thường đem bảo vật năn nỉ hối lộ cho bọn Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ và Mã Kỳ, những mong được khỏi nạn, để nuôi thêm sức lực và chờ đợi thời cơ. Chỉ vì tên Lương nhữ Hốt người huyện Cổ đảng (nay đổi Hoàng hóa), giữ chức Tham chánh là Thổ quan của người Minh, đem lòng ghen ghét, bèn mật cáo với người Minh rằng:

"Người chủ Lam Sơn chiêu nạp những kẻ vong mạng, và đãi ngộ sĩ tốt rất hậu, chí của người ấy không phải là nhỏ. Nếu không sớm tính đi, để cho con rồng có lúc gặp mây gặp mưa, thì khi ấy nó sẽ không còn là một con vật trong ao nữa đâu. Vậy xin trừ ngay đi, đừng để lưu tai vạ về sau này".

Người Minh tin lời tên Nhữ Hốt, cho nên càng bức bách ngài rất gấp. Bởi vậy ngài bèn đại hội Tướng sĩ, bàn tính việc khởi binh.

Ngày mồng 2 là ngày Canh Thân, tháng giêng năm Mậu Tuất (1418), **nhằm niên hiệu Vĩnh Lạc triều Minh thứ 16, [tờ 11a]** Hoàng đế dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xưng là Bình Định Vương, phong chức Đại Tướng và chức Thừa Tướng cho: Lê Khang, Lê Luân, Lê Sao, Lê Lễ, Lê Hiêu, Lê Nhữ Trí, Lê Cố, Trịnh Thác, Trịnh Hồi, Lê Thỏ, Lê Lý, Lê Xa Lô, Lê Khắc Phục, Lê Định, Lê Lăng, Lê Vấn, Lê Cuống, Lê Chiêm, Lê Đệ, Lê Khiêm, Lê Trinh, Lưu Đàm, Lê Lâm, Lê Nghiệm, Lê Văn Giáo, Trần Đạt, Trần Khai, Lê Cảnh Thọ, Phạm Lung, Phạm Qui, Lê Sát, Trương Lô, Trịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Lê Nỗ, Lê Liễu, Lê Nhữ Lãm, Lê Khả Lăng, Vũ Oai, Trịnh Vô, Lưu Hoạn, Trần Hốt, Đỗ Bí, Nguyễn Trãi, Lê Văn Linh, Lê Thận và Lê Văn An, **[tờ 11b]** chia nhau đốc suất đội quân Thiết đột ra đối địch với quân Minh.

Lúc ấy binh tướng của ta đương thời kỳ ban đầu, còn rất ít ỏi, thế mà quân Minh có tới hơn 45.000, voi ngựa có hàng trăm con, bởi thế Hoàng đế không địch nổi, thua trận phải chạy vào Mang Một, nay là (Mang Chánh), rồi lần đến Trịnh Cao, giáp giới nước Ai Lao, nơi đây, dân thưa lương ít, trên đường không người đi lại. Đóng ở Mang Cốc trong núi Linh sơn hơn 10 ngày, phải dùng mật ong trộn với vữa dư lương (thứ phẩn hồng trong đá) làm bữa ăn, rất là khổn đốn! Hoàng đế bèn hỏi các tướng:

"Có ai dám bắt chước việc Kỷ Tín thời xưa không<sup>1</sup>?".

Người ở thôn Đặng Tú là Lê Lai khẳng khái vâng mệnh, tự nguyện thay đổi mặc áo bào nhà vua, xưng là vua Lê Lam Sơn, dẫn quân ra đánh nhau với quân Minh, quân Minh mừng rỡ, liền dồn cả quân vây chặt Lê Lai, Lai chống cự đến kiệt sức thì bị bắt, quân Minh dẫn Lai về thành Đông Quang giết chết, **[tờ 12a]** chúng bèn lui binh, ta được thoát nạn.

Hoàng đế được biết Trịnh Khả và Lê Lôi đã từng đi đón tiếp con voi tự nước Ai Lao về, tất nhiên am hiểu tiếng nói và văn tự nước Ai Lao, bèn sai hai Tướng này mang tờ thông điệp sang bảo Quốc Vương nước Ai Lao rằng:

"Quốc gia tôi phụng thờ thông điệp của triều Đại Minh ban cho nhà vua. Vậy nhà vua hãy đem số lương thực đủ quân sĩ dùng trong 5 tháng, và khí giới cùng voi trận tới yết kiến, rồi nhận tờ điệp văn về thi hành, để khỏi phải bắt giải. Nếu không tuân mệnh, lập tức sai nước Xa Lý và Lão Qua hợp quân 6 nước tiến đánh".

Vua nước Ai Lao sợ hãi, xin tuân mệnh trên. Hoàng đế nhờ được lương thực và quân dụng đó, nên thế quân lại trở nên phần chấn.

Ngày mồng 4 tháng 4 (năm Mậu Tuất), Hoàng đế kéo quân về Lam Sơn, trao rất nhiều vàng bạc cho Tướng Trịnh Đồ, Trịnh Khả và Lê Lôi, đem dứt lốt cho Tướng nhà Minh là Trần Trí, Sơn thọ và Mã Kỳ, **[tờ 12b]** để cầu được hoãn binh.

Ngày mồng 9 (tháng 4 năm Mậu Tuất), người Minh cất quân đánh vào Lam Sơn, Hoàng đế bỏ Lam Sơn lui quân và đóng tại Lạc Thủy, rồi đặt phục binh sẵn để đợi địch.

Ngày 13 (tháng 4 năm Mậu Tuất), quả nhiên quân địch kéo đến, phục binh nổi dậy xung đột; 4 Tướng Lê Thạch, Đinh Bồ, Lê Ngân và Lê Lý xông lên trước hãm trận, chém đầu hơn 2.000 tên địch, thu được hàng mấy nghìn chiến lợi phẩm.

Ngày 16 (tháng 4 năm Mậu Tuất), tên bày tôi phản bội của ta là Thượng Ái, dẫn quân Minh do đường tắt đánh úp vào sau quân ta, và bắt hết vợ con binh sĩ. Quân sĩ đâm chán nản, mất hết tinh thần chiến đấu. Hoàng đế bèn thu quân cùng với Lê Lễ, Phạm Hương, Đỗ Bí, Nguyễn Xí và Lê Đạp, tạm náu ở núi Linh Sơn, hơn 3 tháng trời, chỉ dùng vỏ măng tre và rễ cỏ làm bữa ăn khỏi đói.

Sau khi địch đã lui binh, Hoàng đế lại trở về Lam Sơn, đắp đồn lũy và chiêu tập tàn binh, được chừng trăm tên, dựng trại sách ở xứ Mang Khao. Ngài vỗ về tướng sĩ, chỉnh đốn hàng ngũ và khí giới, quân nhu cũng khá đầy đủ, lúc ấy lòng quân lại phần khởi, đều xin tình nguyện thù tử chiến đấu. Hoàng đế biết là quân sĩ có thể dùng được, bèn đặt phục binh ở Mang một, rồi sai đội khinh binh ra khiêu chiến, quân địch tiến tới chỗ hiểm, phục binh liền dùng nỏ bắn tên tẩm thuốc độc ra như mưa, quân địch thua chạy tán loạn. Hoàng đế lại tiến quân tới Mang Ninh, ngày đêm tiến đánh, quân địch bị tổn hại, phải lui về giữ một xã Nga Lạc Hạ.

Năm Kỷ Hợi (1419), **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 17**, tháng 4, Hoàng đế tiến quân đóng tại trại A Đà, đánh nhau với quân Minh ở xứ Nghĩa Canh, bắt được viên Chỉ huy là Nguyễn Sao và chém đầu 300 tên địch.

Tháng 5, Hoàng đế đóng đồn quân ở trại Đà Sơn, đặt phục binh ở Mang Chánh, đánh đuổi được quân địch, rồi dời quân đến đóng tại trại Lưu Sơn, **[tờ 13b]** được nước Ai Lao đem quân lại giúp, lại dời tới Mang Thôi đóng đồn.

Mùa thu, tháng 7, viên Tri phủ Phan Liêu là Thổ quan tỉnh Nghệ An phản nhà Minh, người Minh dẫn quân vây thành Nghệ An, Tổng binh Phong thành hầu là Lý Bân cũng dẫn quân lại cứu, Phan Liêu

<sup>1</sup> Thời Hán, Hán- Cao- Tổ đóng quân ở thành Vinh Dương, bị Hạng Võ dẫn quân Sở vây chặt mấy vòng. Tướng quân Kỷ Tín thấy tình thế nguy cấp, dâng kế lừa Sở: Tín bèn vận mũ áo Đại Vương, dùng cờ quạt xe ngựa Hoàng đế ra cửa Đông hô rằng: "Ta là Hán Vương, vì cạn hết lương thực xin ra đầu hàng nước Sở". Quân Sở bèn xúm cả vào đây. Hán Vương thừa cơ hội lên ra cửa Tây trốn thoát. Sau Hạng Võ biết là giả, giết chết Kỷ Tín.

thua chạy sang nước Ai Lao, Lý Bân đuổi đến châu Ngọc Ma, không đuổi kịp dẫn quân về. Thỏ quan Lộ Văn Tú là Tướng tiền phong của Lý Bân lại phản, bỏ đi.

Tháng 11, các tướng giặc: Trịnh Công Chứng, Phạm Hỷ, Nguyễn Trì và Nguyễn Cấu ở các hạt: Hạ Hồng, Tân Minh, Khoái Châu và Hàng Giang, đều khởi binh kéo đến sông Nhị Hà đánh phá cầu nổi, Lý Bân sai tướng sĩ đánh phá, giặc đều thua chạy tán loạn. Lúc ấy, các lộ miền Bắc, nơi nào cũng có giặc nhiễu loạn, duy Tam giang, Qui hóa và Tuyên quang được yên ổn thôi. Bởi thế, người Minh không có thì giờ để ý đến Thanh Hóa.

**[tờ 14a]** Năm Canh Tý (1420) niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 18. Mùa xuân, tháng 2, Lý Bân dẫn quân trở về Đông Quang.

Mùa hạ, tháng 4, Lộ Văn Luật khởi binh ở huyện Thạch Thất, Lý Bân đánh tan, Văn Luật chạy sang nước Ai Lao.

Tháng 6, triều Minh sai Vĩnh Xương Bá là Trần Trí đóng giữ Đông Quan.

Người đất Phụng Hóa là Trần Văn Xung và người đất Đồ Sơn là Phạm Ngọc Giai đều khởi binh phản nhà Minh, Lý Bân đánh phá tan cả.

Người ở Tràng Cảng thuộc huyện Thủy Đường là Lê Ngã đổi tên ra Dương Củng, trá xưng là con cháu xa của vua Trần Duệ Tông, tự nước Lão Qua trở về, Bế Thuấn ở Đan Ba thuộc núi Đan làm Phụ đạo, dựng Ngã làm chúa, đóng trại Hồng Doanh ở An Bang. Dư đảng của Trịnh Công Chứng và Phạm Ngọc đều qui phụ, quân số có tới vài vạn. Tự xưng là Thiên Thượng Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên, đặt đủ các chức quan, rồi chia quân đánh đốt thành Xương Giang; cướp trại Bình Than. **[tờ 14b]**. Lý Bân dẫn đại binh tới đánh, Lê Ngã và Bế Thuấn thua chạy trốn đi lúc ban đêm. Không biết đi đâu.

Người hạt Kiến Xương là Nguyễn Thuật đánh quân Minh ở Hoàng Giang, giết viên Tham chánh là Hầu Bảo.

Tháng 10, Tướng Minh lại kéo đại quân tới. Hoàng đế tính trước: Chúng sẽ đến Bồng Tân vào khoảng giờ Tỵ (15 giờ), bèn đặt sẵn phục binh để chờ. Đúng giờ tỵ, quả nhiên quân địch tràn tới đó, 4 mặt phục binh đều chối dậy xông đánh, quân địch tan vỡ, ta giết chết và bắt sống vô kể, thu được hơn trăm con ngựa, và phóng lửa đốt hết khí giới của chúng.

Ngày hôm sau, Hoàng đế bảo các Tướng lãnh rằng: "Quân địch vừa mới thua trận, tất nhiên chúng để tâm đề phòng cẩn mật. Vậy ta không nên giao chiến".

Nhưng các Tướng đem lòng khinh địch, không tuân theo, cứ tiến đánh. Quả nhiên bị tổn thương rất nhiều! Bèn lưu binh ở Nang Ninh, rồi lại lui binh về giữ Mang Thôi.

Phụ đạo châu Quì là Cầm Lan hướng đạo cho **[tờ 15a]** Trấn Thủ nhà Minh là Lý Bân và đô đốc là Phương Chánh, dẫn hơn mười vạn quân theo đường châu Quì vào đánh ta. Hoàng đế sai Lê Hượng và Lê Lý đem mấy nghìn khinh binh đi trước tiên, để đón đường chặn đánh, rồi đặt phục binh ở Bồ Mộng để đợi. Khi quân địch tới, ta đánh phá đại thắng! Nhưng quân địch ý vào thế mạnh, vẫn cứ tiến quân, địch đánh thẳng tới doanh trại của Hoàng đế. Hoàng đế tiên liệu, đã đặt sẵn phục binh ở các lối hiểm yếu. Ngày hôm sau, quân giặc kéo tới, ta dồn quân đánh úp ở Thi Lang, đại thắng! Chém đầu hơn ba nghìn tên địch, Lý Bân và Phương Chánh chỉ chạy thoát thân lấy mình thôi. Ta thừa thắng đuổi dài suốt ba ngày đêm mới ngừng, rồi tiến đóng trại Ba Lãm ở Suối Giang, dẫn quân khiêu chiến. Các Tướng nhà Minh tại đồn Tạ Phục, đồn Hoàng Thành và trại Nga Lạc, đều giữ trại Quan Du để phòng bị cho thành Tây Đô, cố thủ trong trại, không chịu ra đánh, **[tờ 15b]** Hoàng đế ngày đêm dồn quân vây đánh các đồn, chia tướng Lê Hào và Lê Sát dẫn quân đánh úp trại Quan Du, phá tan quân địch, chém đầu hơn vạn tên, thu được rất nhiều khí giới. Tự đấy, thế địch một ngày một suy. Nhân dân các xứ trong nước, không nơi nào là không hưởng ứng Hoàng đế.

Năm Tân Sửu (1421) niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 19, ngày 20 tháng 11. Tham Tướng nhà Minh là Trần Trí, đem hơn mười vạn vệ quân ở Giao Châu, đánh trại Ba Lãm ở ải Kinh Lộng Hoàng đế bàn với các Tướng rằng:

"Hiện tình, bên địch nhiều quân, bên ta thì ít, bên địch hành quân vất vả, mà bên ta thì quân sĩ được thành thơi. Binh pháp có câu rằng: "Sự thắng địch cốt ở Tướng giỏi, chứ không quan hệ ở số quân nhiều hay ít". Nay chúng ta tuy nhiều quân, nhưng ta dùng quân được thành thơi đánh quân vất vả, nhọc mệt, thì tất phá được".

**[tờ 16a]** Tối hôm ấy ta chia quân đánh úp các ngả, quân sĩ hò la vang động, đánh phá được 4 trại, chém đầu hơn nghìn quân địch, thu được rất nhiều chiến lợi phẩm.

Thần Trí lại phá núi mở đường tiến quân đánh ta, Hoàng đế ngầm đặt phục binh các nơi hiểm yếu ở xứ Ứng Ai để đợi. Đến giữa trưa, quả nhiên Thần Trí dẫn quân do đường núi tới, bị hai cánh quân ta đánh vào hai bên, Thần Trí thua trận dẫn quân lui.

Thời ấy, nước Ai Lao cường thịnh, Hoàng đế giao thiệp thân thiện, thỉnh thoảng có đưa quân sang giúp ta. Chỉ vì thổ quan Lê Văn Luật trốn chạy sang đấy, đem lời gièm pha, nên vua Ai Lao sinh lòng oán giận. Đến đây, ta đang chống cự với quân Minh, chưa phân thua được, thì bỗng Ai Lao đem 50.000 quân và 100 con voi đến đóng tại phía trước trại Hoàng đế, nói là lại giúp ta. Hoàng đế yên chí vẫn thân thiện, không ngờ là khi trá, bèn ước hẹn cùng hợp đánh quân Tàu. **[tờ 16b]** Đến nửa đêm, ta bị quân Ai Lao đánh úp! Hoàng đế thân tự đốc chiến, đánh rất hăng hái, tự giờ tý (1 giờ sáng) đến giờ mao (5 giờ sáng), đánh tan quân Ai Lao, chém đầu hơn vạn tên, thu 14 con voi và hàng vạn chiến lợi phẩm. Ta thừa thắng đánh đuổi bốn ngày đêm, đến tận sào huyệt chúng. Tù trưởng là Man Sát xin hòa, ta không nghe. Bình chương là Lê Thạch Kinh tiến đánh trước, trúng phải công nhọn, chết.

Năm Nhâm Dần (1422) **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 20**, tháng 2, quan tổng binh nhà Minh là Lý Bân chết.

Ngày 21, tháng 12, Ai Lao đem quân đến Kiệt Mang dựng trại kết trận, Thiếu úy là Lê Chích đánh lui.

Mã Kỳ ước hẹn với Ai Lao cùng đánh ta ở Quan gia, quan quân giao chiến mấy trận, thường bị tổn thất **[tờ 17a]** bèn lui quân về đóng tại Khôi Sách, ủy lạo quân sĩ, tu sửa khí giới, được 7 ngày thì quân Minh kéo đến, Hoàng đế bảo Tướng sĩ rằng:

"Hiện giờ bị quân địch bao vây bốn mặt, ta không còn lối thoát đi đâu được! Đó tức binh pháp gọi là "tử địa" Vậy, phải đánh chớp nhoáng mới sống, nếu chậm trễ sẽ chết".

Nói xong, ngài sa hai hàng lệ, mọi người đều cảm kích, tranh đua thù tử chiến đấu! Các Tướng Lê Lĩnh, Lê Hương, Lê Hào và Lê Triện, đích thân xông ra hãm trận, chém đầu tham tướng là Phùng Quý và hơn nghìn quân, thu được hơn trăm con ngựa, Mã Kỳ và Trần Trí chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng trốn về. Hoàng đế bèn thu quân về núi Chí Linh. Ở đây thiếu lương thực, trong 2 tháng trời, quân sĩ toàn ăn rau cỏ và măng tre, phải giết bốn con voi và một số ngựa để quân sĩ ăn. Thường có quân bỏ trốn, **[tờ 17b]** Hoàng đế kiểm soát rất nghiêm ngặt, bắt được viên Tướng bỏ trốn là Thượng Khanh, đem chém đầu để làm gương, tự đẩy quân sĩ lại nghiêm chỉnh như trước. Lúc này, ta từng trải nhiều phen nguy nạn, Tướng sĩ mỏi mệt, muốn được nghỉ ngơi, đều khuyên Hoàng đế hòa với người Minh, ngài bèn sai thân thần là Lê Vận và Lê Trăn đưa thư đến Mã Kỳ và Sơn Thọ để cầu hòa, bọn Mã Kỳ ưng thuận.

Năm Quý Mão (1423) **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 21**, ngày mồng 10 tháng 4, Hoàng đế trở về Lam Sơn, Trần Trí và Sơn Thọ thường đem tặng trâu, bò, muối, cá, nông cụ và thóc giống, ngài cũng sai bọn Lê Trăn đem vàng bạc tặng đáp. Nhưng Trần Trí ngờ ta chỉ giả vờ giao hảo bề ngoài, mà bề trong có ý thực đánh úp, nên bắt giữ Lê Trăn không cho về. Hoàng đế bèn tuyệt giao.

**[tờ 18a]** Năm Giáp Thìn (1424) **niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 22**, mùa thu, tháng 7, vua Thái Tông nhà Minh chết, Thái tử lên nối ngôi Thiên Tử, đổi niên hiệu là Hồng Hưng. Lúc này mới có tờ chiếu đình chỉ việc kiểm vàng bạc và các thứ hương ở Giao Chỉ ta, triệt hồi các viên Giám đốc về công tác trên.

Ngày 20, tháng 9. Hoàng đế hỏi các bầy tôi rằng:

"Nay chúng ta nên tới xứ nào để mưu đồ việc nước"

Thiếu úy Lê Chích đáp:

"Hạ thần thường qua lại tỉnh Nghệ An nhiều lần, nên có biết những nơi hiểm yếu trong tỉnh ấy. Nay xin dẫn quân vào trại của Cầm Bành tỉnh Nghệ An, hễ ai hàng thì ta phủ dụ, nếu không hàng thì ta đánh lấy trại ấy làm căn bản, rồi từ từ tính việc lấy lại Đông Đô. Như vậy việc nước có thể sẽ thành".

Hoàng đế cho lời bàn của Lê Chích là phải, bèn chia quân đến đánh úp phá thành Đa Căng, số quân địch bị giết và bị chết đuối có tới hơn một ngàn, nguy Tham chánh là Lương Nhữ Hốt chỉ kịp chạy thoát lấy một mình, ta thu được chiến lợi phẩm vô kể, rồi đốt hết trại thành. Tướng của Cầm Bành là Hoa Anh **[tờ 18b]** dẫn quân lại cứu, ta lại đánh tan. Hoa Anh thua chạy vào Tây Đô.

Sau khi thắng trận, Hoàng đế sai thả hết các phụ nữ đã bắt được, rồi ở đấy tuyển mộ binh sĩ, seo sửa khí giới, chỉnh đốn hàng ngũ, chứa đủ lương thực, dẫn quân thẳng tới tỉnh Nghệ An, do đường châu Trà Long, vượt qua núi Bồ Lạp thuộc châu Quì.

Đồng Tri là Sư Hựu tướng chỉ huy quân Minh, cùng với tri phủ châu Trà Long là Cầm Bành dẫn 5.000 quân đón đánh vào mặt tiền quân ta; các Tướng Minh là Trần Trí, Lý An, Phương Chánh và Thái Phúc dẫn quân đánh vào mặt hậu quân ta, quân ta bị địch áp bức cả mặt tiền mặt hậu! Hôm ấy, trời sắp tối, Hoàng đế đặt phục binh các ngả rồi ung dung chờ quân địch. Một lát thì Trần Trí dẫn quân đến, quân phục binh ta nổi dậy xông đánh, quân địch tan vỡ, ta chém đầu Đô ty là Trần Quý và hơn hai ngàn sĩ tốt, thu hơn trăm con ngựa, Trần Trí và Phương Chánh bị thua chạy.

Ngày hôm sau **[tờ 19a]** quân ta đi đến trang Trịnh sơn, gặp cánh quân của Tướng Sư Hựu, ta xông thẳng tới đánh phá, chém đầu Thiên hộ là Trương Bản và hơn nghìn quân sĩ. Sư Hựu chỉ kịp chạy thoát lấy một mình. Hoàng đế bèn đóng quân ở Mộc Sách, còn Trần Trí thì thu vét tàn quân, đuổi ta đến sông Trạm Hoàng, nhưng sợ không dám tiến, trở về giữ thành Nghệ An.

Tháng 11, Hoàng đế sai Sứ Giả chiêu hàng Cầm Bành, Bành không chịu hàng, đem hơn nghìn quân lập doanh trại trên đỉnh núi, để chờ viện binh. Quan quân vây chặt nơi đây.

Tháng 12, Sơn Thọ sai Nguyễn Sĩ đưa Lê Trần trả về ta để cầu hòa. Số là Trần Thọ và Đức Chính đóng ở Nghệ An, thấy Cầm Bành bị vây, vẫn muốn cứu lắm, nhưng sợ không dám tiến, bèn sai Sứ giả đem thư cầu hòa, xin giải vây. Sau khi tiếp sứ giả, Hoàng đế triệu các Tướng bàn rằng:

"Hiện Cầm Bành bị vây khốn đốn, lẽ ra bọn tên Chánh phải cấp cứu ngay mới phải, thế mà đến nay vẫn còn dửng dăng quanh co. Đó tất là có ý nhát sợ. **[tờ 19b]** Chi bằng ta hãy cứ vờ bằng lòng hòa, để xem tình thế. Trong khi thư từ qua lại độ một tháng, thì ta đã bắt được Cầm Bành rồi".

Bàn xong, cho viết bức thư, để lên trên một cái bè, thả cho xuôi dòng, trong thư nói: "Chúng tôi muốn trở về Thanh Hóa, nhưng bị Cầm Bành ngăn chặn. Vậy ông cho người tới giải hòa để thông lối về, rất mong". Chánh nhận được thư, tin là thật, bèn sai Trần Đức Nhị đưa thư đến Cầm Bành bảo nên hòa giải. Cầm Bành được thư, biết là viện binh không đến, bèn mở cửa thành ra hàng. Sau khi bình định châu Trà Long, Hoàng đế ra lệnh các quân sĩ không ai được xâm phạm một mảy may của dân, còn các quân địch đều được xá tội hết, không giết một người nào. Ngài thưởng lạo các bộ trưởng và tù trưởng, tuyển được 5.000 trai tráng sung vào ngạch binh. Thanh thế trở nên lừng lẫy! (Sau Cầm Bành mưu toan trốn đi, bị giết). Người Minh nghe thanh thế ta phần chấn, lại tới đánh sơn trại ta, Hoàng đế đánh lui, rồi tiến quân đóng tại cửa ải Khả Lưu, định đánh thành Nghệ An, **[tờ 20a]** nhưng chưa biết rõ tình thế, nhân gặp hồi vua Nhân Tông nhà Minh mới lên ngôi, sai Sơn Thọ đến phủ dụ Hoàng đế hàng. Ngài rằng:

"Đó chỉ là kế của quân địch lừa dối ta. Nhưng ta hãy nhân đó để thi hành kế sách của mình".

Ngài bèn cho sứ giả qua lại, để dò hư thực. Sau Sơn Thọ biết là kế của y không ăn thua gì, lại tuyệt hòa nghị. Hoàng đế bèn phát binh đánh Nghệ An. Sắp hành quân thì có tin báo: "Người Minh phái rất nhiều binh mã và thuyền bè, cả thủy binh và bộ binh đều tiến, và sắp tới. Hoàng đế bèn hội các Tướng mà bảo rằng:

"Hiện bên địch rất nhiều quân, mà ta thì ít. Bên ít quân mà muốn địch nổi bên nhiều quân, chỉ có cách giữ lấy cái chỗ hiểm yếu trước, thì mới thành công. Binh pháp có câu: "Thiện chiến giả trí nhân nhi bất tri ư nhân". Những Tướng tài giỏi, thường bắt buộc đối phương phải đến chỗ mình đã chỉ định, chứ không bao giờ đến chỗ đối phương định.



Nói xong, ngài chia hơn nghìn quân cho Đinh Liệt dẫn đi trước, theo con đường tắt chiếm lấy huyện Đỗ Gia, tranh cướp lấy nơi địa lợi, rồi ngài thân đốc đại quân chiếm đóng ở các chỗ hiểm yếu, để chờ quân địch. Vừa sắp đặt xong đô 3, 4 ngày, quả nhiên địch dẫn đại quân [tờ 20b] đến cửa ải Lậu Thư và Khả Lưu, chúng đóng trại ở phía dưới dòng nước, Hoàng đế thì đóng ở phía trên dòng nước, ban ngày dựng cờ và thúc trống âm âm, ban đêm thì đốt đèn đuốc sáng choang trong trại, rồi ngầm sai binh mã qua sông phục nơi hiểm yếu. Trời sắp sáng, địch dẫn quân đánh vào trại ta, Hoàng đế vội thua chạy lui, dẫn địch vào ổ phục binh, bốn mặt phục binh đều dõng dậy xông phá, có hàng vạn quân địch bị giết và chết đuối! Thua trận này, chúng bèn lập trại tựa vào thế núi để đóng quân, mà không chịu ra giao chiến nữa.

Lúc này, bên địch lương thực dồi dào, mà lương thực bên ta thì chưa đủ để quân sĩ dùng trong 10 ngày. Hoàng đế bảo các tướng sĩ rằng:

"Giặc cậy nhiều lương, nên cứ cố thủ trong trại, không chịu ra đánh. Đó là chúng định lập cái kế lâu dài vậy. Ta ít lương thực, không có thể cầm cự lâu dài với chúng được".

Ngài bèn sai tự đốt hết các doanh trại, vờ như trốn lánh, rồi đi ngầm ra lối tắt. Quân địch thấy vậy rất mừng, liền tiến quân đóng vào doanh trại cũ của ta, và đắp thêm đồn lũy lên trên núi.

Ngày hôm sau, Hoàng đế [tờ 21a] ngầm đặt phục binh ở Bồ Ải, rồi sai đội khinh kỵ đến khiêu chiến. Địch không hay biết, liền dẫn hết quân ra ứng chiến, đến Bồ Ải trúng ổ phục binh, quân phục binh liền chối cả dậy, các viên dũng tướng: Phạm Văn, Lê Sát, Lê Ngân, Đinh Lễ, Lê Xý, Lê Đạp, Lê Triện, Lê Bôi, Lê Nhân Chú, Lê Chiến, Lê Tông Kiêu và Lê Khôi đều tranh đua xông trận trước, đánh phá quân địch chém đầu vô kể, thân địch lấp sông, khí giới đầy đường, thuyền bè trôi ngang. Bắt sống Đô ty là Chu Kiệt, chém Tướng Tiền phong là Hoàng Thành, bắt sống chừng nghìn quân. Trần Trí và Sơn Thọ chạy về tỉnh Nghệ An, cố thủ trong thành.

Năm Ất Tỵ (1425) niên hiệu **Hồng Hưng thứ nhất** (tự tháng 11 năm này trở xuống, là niên hiệu Thiên Khánh thứ nhất vua Trần Cao thời Hậu Trần). Mùa xuân, Hoàng đế tiến quân đóng tại làng Mỹ Lôi huyện Thổ Du (nay là huyện Thiên Lộc) tỉnh Nghệ An [tờ 21b] các người già trẻ trong làng, đều mang rượu thịt ra đón mừng tướng sĩ, và cùng bảo nhau rằng:

"Không ngờ ngày nay chúng ta lại được trông thấy uy nghi nước nhà".

Viên tri phủ châu Ngọc Ma là Cầm Quý, dẫn hơn 8 nghìn quân và 10 con voi về hàng Hoàng đế, được ngài phong cho chức Thái úy. Hoàng đế hạ lệnh rằng:

"Nhân dân ta lâu nay đã khổ nhờ về chánh trị bạo tàn của người Minh! Vậy quân sĩ đến châu huyện nào, cũng không được xâm phạm của dân một mảy may. nếu không phải là trâu bò thóc gạo của ngụy quan, thì dù có thiếu thốn cũng không được lấy".

Lúc ấy, quân sĩ có người ba ngày chưa được một bữa ăn, mà không ai dám phạm lệnh trên! Về phần nhân dân, thì ai nấy cũng đem những trâu bò thóc gạo của người Minh đã chứa tích ra để tiếp tế quân sĩ ta. Hoàng đế chia quân đi thu phục các châu huyện, quân ta đến châu huyện nào, chúng cũng ra hàng tức khắc, ngài bèn vây thành Nghệ An, địch cố thủ trong thành, không dám ra giao chiến.

[tờ 22a] Hoàng đế huấn luyện Tướng sĩ, tu sửa khí giới, trong một tuần chiến cụ đầy đủ, ngài bèn duyệt vũ nghệ, dạy quân sĩ biết các phép: Ngồi, đi, đánh và đâm; chỉ cho biết các thế: Kỳ, chính, chia và hợp; lại cho biết các hiệu lệnh về chiêng, trống, và lá cờ để biết lệnh tiến lệnh lui. Đội ngũ nghiêm chỉnh, thưởng phạt công minh, quân sĩ đều hăng hái, nhân dân cả vùng dặt dít qui phục đông như người về chợ. Hoàng đế ủy lạo vỗ về, ai ai đều hoan hỉ.

ngày 15, tháng 4, tham Tướng nhà Minh là Lý An tước An bình bá, dẫn thủy quân tự Đông Quan lại cứu thành Nghệ An. Hoàng đế tính: Trần Trí bị vây khổn đã nhiều ngày, bây giờ có viện binh tới, y tất nhiên ra đánh. Ngài bèn dời quân đến tại cửa sông Quạt Giang thuộc huyện Đỗ Gia, sai Lê Ninh dẫn binh phục nơi bờ sông.

Ngày 17, địch dẫn hết quân trong thành ra **[tờ 22b]** đánh trại Lê Thiệt của ta, chúng mới qua sông được nửa số quân, bị phục binh chối dậy đánh phá, chém hơn mười thủ cấp. quân địch bị chết đuối rất nhiều. Trần Trí chạy vào trong thành.

Tháng 5, Hoàng đế sau Tư Không là Đinh Lễ đến châu Diên, đặt phục binh đón đánh cướp những thuyền lương của Đô Tư là Trương Hùng, ta vừa đuổi vừa đánh cho đến thành Tây Đô. Hoàng đế lại tuyển 2.000 tinh binh sai các Tướng Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Triện và Bùi Bị dẫn tiếp theo làm hậu viện cho Đinh Lễ, đánh úp thành Tây Đô, chém hơn năm trăm đầu quân địch, thu rất nhiều chiến lợi phẩm. Tướng nhà Minh đóng chặt cửa thành cố thủ, Đinh Lễ và Lê Triện chiêu tập nhân dân, hợp binh vây thành. Người tỉnh Thanh Hóa đều đua nhau đến cửa quân xin hàng.

Tháng này, vua Nhân Tông nhà Minh chết, Thái tử lên nối ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức.

Mùa thu, tháng 7, **[tờ 23a]** Hoàng đế hội các Tướng mà bảo rằng:

"Các vị Tướng giỏi thời xưa, thường bỏ chỗ kiên cố mà đánh vào nơi nứt rạn; lánh chỗ xung đột mà đánh vào nơi trống không. Như vậy thì chỉ dùng nửa phần sức lực, mà thu lượm được thành công gấp đôi. Nay hai xứ Thuận Hóa và Tân Bình, mất liên lạc với Nghệ An và Đông Đô đã lâu rồi. Vậy ta nên thừa thời thế tiến đánh hai xứ đó".

Ngài bèn sai Tư Đồ và Trần Nguyên Hãn, Thượng Tướng quân là Doãn Nỗ, và Chấp lệnh là Lê Đa Bồ, dẫn hơn nghìn quân đi kinh lược xứ Thuận Hóa và Tân Bình, để chiêu phủ nhân dân, bọn Trần Nguyên Hãn đánh phá tướng nhà Minh là Nhiệm Năng ở sông Bồ Chánh. Hoàng đế lại sai Lê Ngân, Phạm Bôi và Lê Văn An dẫn thuyền chiến ra ngoài biển, để làm đội quân kế tiếp, liền phá được thành này, quân dân hai phủ trên thảy đều qui thuận, ta thu lượm được vài vạn quân tinh nhuệ, để sung thêm vào binh số, thanh thế rất lừng lẫy! Các Tướng bèn suy tôn Hoàng đế là **[tờ 23b]** "Đại thiên hành hóa". Tự đây, trong những tờ Bảng hoạc những tờ Dụ đều nêu bốn chữ này.

Mùa đông, tháng 11, dựng Trần Cao làm vua, đặt niên hiệu là Thiên Khánh. Trần Cao chính tên là Hồ Ông, lánh nạn đến châu Ngọc Ma, mà thổ quan là Cầm Quý đã giả mạo xưng Ông là dòng dõi vua họ Trần. Vì vua triều Minh cho là quốc dân nước ta vẫn còn nhớ họ Trần, cho nên đón Trần Cao dựng nên làm vua, để mượn việc đó trả lời cho triều Minh và sai viên Tả Bọc Xạ là Bùi Quốc Hưng truyền tin này, còn Hoàng đế thì tự xưng một cách khiêm tốn là: "Kiểm hiệu Thái sư bình chương quân quốc trọng sự, đại thiên hành hóa, tứ kim ngư đại kim hổ phủ trang võ vệ quốc công". Ngày 30 tháng 12, là ngày Mậu Tý, làm lễ tâu cáo với các vị Vua và Hoàng hậu thời trước của nhà Trần về việc dựng vua này.

**[tờ 24a]** Niên hiệu Tuyên Đức (triều Minh) thứ 1, nhằm niên hiệu Thiên Khánh vua Trần năm thứ 2 (1427), thuộc năm Mậu Ngọ. Mùa hạ, tháng 5, vua triều Minh ban tờ chiếu tha tội bạn nghịch cho các quan lại và quân dân nước Giao Chỉ ta; và bãi bỏ hết thảy các thứ thuế trưng thầu buôn bán các loại: vàng, bạc, đồng, thiếc, sắt, muối, hương và cá. Những loại này để cho người bản xứ tự do mua bán, các quan không được cấm. Tưởng cũng nên biết, trước đây, pháp luật nhà Minh rất hà khắc nghiêm ngặt! Nhân tình không ưa, cho nên mới ban tờ chiếu mệnh này. Nhưng lòng dân oán ghét đã lâu, phần nhiều đều phụ về với quân ta, đại thế không thể kéo trở lại được nữa.

Mùa thu, tháng 8 (năm Bính Ngọ), Hoàng đế tính: Bao nhiêu quân tinh nhuệ của nhà Minh đều đóng ở thành Nghệ An, còn các xứ thuộc Đông Đô, thảy đều chỉ có một số quân yếu kém. Ngài bèn sai các Tướng thi hành kế sách: Sai Cơ mật đại sứ là Phạm Văn Sảo, Thiếu úy là Lê Triện, Thái giám **[tờ 24b]** là Lê Khả, Á hầu là Đỗ Bí, Lê Như Thận, dẫn 3.000 quân và một con voi đi chiêu phủ nhân dân các xứ: Thiên Quang, Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng, Qui Hóa, Đà Giang, Tam Đới và Tuyên Quang, để ngăn chặn quân cứu viện tự tỉnh Vân Nam (thuộc Trung Hoa) tới; Thông hầu là Lưu Nhân Chú, Thiếu úy là Bùi Bị, Thái giám là Lê Văn, Lê Ninh, dẫn 2.000 quân và 1 con voi đến các xứ: Thiên Trường, Tân Hưng, và Kiến Xương, để chặn con đường chạy trở về của Đức Chính và Lý An khi thua trận. Hai đạo binh này sau khi đã chiếm được đất, liền chia quân đóng giữ các nơi; Nhân Chú, Bùi Bị cùng với Lê Bôi, Lê Vị Tẩu, dẫn 2.000 quân Thanh Hóa và một con voi, đi chiêu mộ nhân dân các xứ: Khoái Châu, Bắc Giang và Lạng Giang, rồi đóng quân giữ các nơi hiểm yếu, để ngăn chặn quân cứu viện do tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (thuộc Trung Hoa) tới; Tư Không là Đinh Lễ Nguyễn Sí và Lê Bị, **[tờ 25a]** đồn quân tinh nhuệ tiến đánh Đông Đô, để biểu dương thanh thế. Ra lệnh cho các Tướng: Đến đâu đều không được lấy của

dân một mảy may. Bởi thế quân đi qua mà chợ vẫn hợp như thường. Các Trấn ở các Lộ thấy đều hoan nghênh, thi đua đem thịt trâu thịt dê cơm rượu ra khao lạo quân sĩ.

Ngày 12, Lê Triện dẫn 3.000 quân tiến sát Đông Đô, tham Tướng nhà Minh là Trần Trí, thấy quân ta kéo đến một cách bất thành linh! Sợ quá! Bèn dẫn quân ra ứng chiến ở Ninh Kiều thuộc phủ Ứng Thiên, Lê Triện, Lê Khả và Đỗ Bí hết sức chiến đấu. Quân Minh thua, ta chém đầu 2.000 quân địch, rồi tiến quân đến bờ phía tây sông Ninh. Trần Trí thấy thành Đông Quang cô lập nguy cấp, bèn đào hào đắp lũy thêm, để làm kế "cố thủ", rồi phi một tờ cáo cấp, để vào trong hộp bằng thiếc gửi tới Nghệ An, bảo Lý An và Phương Chánh dẫn quân về cứu nơi cố rể.

Ngày 17 tháng 9, Lý An và Phương Chánh **[tờ 25b]** để chỉ huy là Thái Phúc ở lại giữ thành Nghệ An, rồi xuống thuyền lên ra biển lúc ban đêm. Quan quân ta đã phục sẵn các nơi yếu hại, để chặn đường về của chúng, bởi thế bọn Phương Chánh chỉ loanh quanh ở trong biển, không lên bờ được. Về phần quân ta, lúc ấy hãy còn ít thuyền, khó bề đuổi đánh, nên bọn Phương Chánh chạy thoát. Hoàng đế bèn để Lê Ngân, Lê Văn An, Phạm Bôi, Lê Thận, Lê Văn Linh và Bùi Quốc Hưng ở lại vây thành Nghệ An, ngài thì đích thân đốc suất cả thủy quân và lục quân, tiến theo sau Lý An và Phương Chánh. Khi quân tới Tây Đô, ngài đóng doanh trại tại Lỗi Giang, úy lạo Tướng sĩ; ban thưởng cho các vị phụ lão trong làng và các người thân thuộc trong họ, tùy theo từng hạng. Nhiều người trong các Quận, các Huyện tỉnh Thanh Hóa nghe thấy Hoàng đế tới, đều đến cửa viên tình nguyện theo ngài xông pha ra trận, ngài đều cho dẫn vào bệ kiến, **[tờ 26a]** rồi tùy tài cho ghép vào các đội binh.

Ngày 20, viên Đô tư tỉnh Vân nam nhà Minh là Vương An Lão dẫn hơn vạn quân tới cứu viện, đi đến cầu Xa Lộc thuộc Tam Giang, Văn Sảo đón đánh phá tan. Địch bị giết và chết đuối tới hơn một nghìn quân, còn thì chạy vào thành Tam Giang.

Lê Triện đánh nhau với Ty Đô nhà Minh là Vi Lượng ở cầu Nhân Mục, đại thắng bắt được Vi Lượng.

Mùa đông, tháng 10, vua nhà Minh sai tổng binh là Thành Sơn Dật và Vương Thông, giữ chức Tham tán việc quân, cùng với Thượng thư bộ binh là Trần Hợp, và Tham Tướng là Mã Anh dẫn 50.000 quân và 5.000 kỵ binh tới cứu viện. Khi chúng tới Đông Đô, thì hơn vạn quân đạo binh Vân Nam đã đến Tam Giang rồi, và đang xuôi dòng thẳng tiến. Bọn Lê Khả được tin này, lập tức tự Ninh Kiều vội vã tới gặp, đón đánh ngay ở cầu Xa Lộc. **[tờ 26b]** phá tan được đạo quân Minh này.

Ngày mồng 6, Vương Thông ỷ vào thế mạnh lúc mới đến, bèn suất tất cả 1.000.000 quân, cùng với bọn Trần Hợp, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Lý An, Trần Trí và Phương Chánh, chia làm 3 đạo quân kéo ra ngoài thành, đánh vào trại của Lê Triện và Lê Bí ở bến đò Cổ...<sup>1</sup>, Lê Triện bèn cấp báo cho Lê Lễ và Lê Sí biết, bọn Lê Lễ dẫn quân tự Thanh Đàm lại cứu, rồi cùng nhau bàn kế dụ lừa quân địch, và cùng hăng say chiến đấu, phá tan quân Vương Thông ở Ninh Kiều Túy Động (việc này có chép ở truyện tiểu sử Lê Triện). Trần Hợp và Lý Lượng nhà Minh cùng 50.000 quân chết đuối rất nhiều, ta bắt sống được hơn vạn quân địch, và thu được khí giới, ngựa trâu, vàng bạc của cải rất nhiều, bọn Vương Thông chỉ chạy thoát lấy thân về Đông Quan đóng thành cố thủ. Lê Lễ và Lê Triện **[tờ 27a]** thừa thắng thẳng tiến vây thành, quân uy lừng lẫy sấm vang! Lúc này Hoàng đế đang hội các Tướng Hải Tây đóng ở Thanh Hóa, nhận được thư báo thắng trận, ngài bèn thân xuất đại quân và 20 con voi thẳng tiến, ngày 11 tới Lũng Giang, các Tướng đón mừng.

Tri Châu châu Bình Chánh là Hà Hoạn bị quân ta bắt, nhưng y chịu chết không hàng.

Vương Thông tự sau khi thua trận, khí giới gần hết, phải phá quả chuông Qui Điền và cái đỉnh Phổ Minh để đúc đạn súng.

Ngày 22, Hoàng đế tiến quân đến Phù Liệt, ngày hôm sau, ngài sai Trần Hãn, Bùi Bị lĩnh 100 thuyền chiến tự sông Đại Lũng bơi ra cửa sông Hác Giang, rồi xuôi dòng thẳng xuống; Đinh Lễ dẫn hơn vạn quân bản bộ đánh vào cầu Tây Dương, ngài thì đích thân cầm quân đánh vào cửa Nam Thành Đại

<sup>1</sup> Đây là tên một bến đò, có 2 chữ, nhưng bản chính chỉ chép có 1 chữ "cổ", còn phần dưới bỏ trắng khoảng một chữ. Vậy không thể biết là bến đò cổ gì?.

La. Đến trống canh ba đêm hôm ấy, quân ta đánh cả bốn mặt, rồi phóng lửa đốt những nhà của dân ở bên ngoài thành, binh Tướng của Phương Chánh ở doanh ngoài, **[tờ 27b]** vội tranh nhau chạy vào trong thành, bị chết ngổn ngang! Ta giải phóng hết những người Việt ta từng bị chúng ức hiếp phải theo, và thu được hơn trăm chiếc thuyền chiến, cùng rất nhiều khí giới đồ đạc. Quân dân vùng này thấy đều qui phụ quân ta. Bọn Vương Thông và các quan 3 Ty đều cố chết giữ thành, để đợi quân cứu viện. Hoàng đế bèn đóng dinh tại Đông Phù Liệt gần đó để uy hiếp.

Sau khi Hoàng đế tới thành Đông Đô 3 ngày, các vị hào kiệt các Lộ; nhân dân các Phủ Huyện; và Tù Trưởng các Trấn kéo nhau đến cửa dinh đông nghịt, thấy đều tình nguyện giúp sức đánh phá các thành, Hoàng đế cho dẫn các người vào bệ kiến, ngài phủ dụ an ủi và giảng cho biết lẽ lui tới; các sĩ phu và thứ dân đến yết kiến ngài đều niềm nở tiếp đãi đúng lễ, rồi tùy tài cao thấp của từng người, cho liệt vào các chức; ban hành cả thưởng và phạt, để cho mọi người biết sự khuyên răn. **[tờ 28a]** Ai nấy đều cảm kích.

Chia các lộ và các Trấn ở Đông Đô làm thành 4 Đạo; đặt các quan văn võ trong Triều và ngoài Đạo; đặt chức tuần kiểm ở các cửa biển, để khám xét người qua lại, và bắt những kẻ phản đảng đã làm quan với nhà Minh, cùng những kẻ ngoan dân có lòng phản bội định đem thư về Trung Hoa.

Lại ban lời dụ rằng:

"Các bậc văn nhân tài tử nào chưa ra làm quan, mà có thể viết thư đưa vào thành Đông Đô, khuyên được Tướng Tá trong đó mở cửa thành ra hàng, hoặc giảng hòa để về nước. Sẽ đặt cách trọng dụng ngay".

Ban lệnh tịch thu sản nghiệp, vợ con, tảo tử của bọn ngụy quan (làm quan với triều Minh), lấy thóc lúa sung vào kho dự trữ, để cung cấp quân nhu.

Tháng 12, ra lệnh cấm quân sĩ không được chặt phá cây cối hoa quả, cướp bóc tài sản của nhân dân.

Quan quân ta vây thành Đông Đô rất gấp. Vương Thông bị cùng quẫn quá! Bèn gửi thư giảng hòa, xin cho được đem hết quân sĩ về Trung Hoa. Hoàng đế rằng:

**[tờ 28b]** " Binh pháp có câu: "Không cần đánh mà đối phương phải khuất phục. Đó là thượng sách của nhà binh vậy".

Ngài bèn bằng lòng cho hòa, và hẹn Vương Thông phải đồn tất cả người và lính ở các thành khác, về hội cả Đông Đô, càng sớm càng hay. Nhưng mới qua một thời gian, có bọn cận thân qua lại với Vương Thông là bọn ngụy Đô ty Trần Phong, Tham chánh Lương Nhữ Hốt, và Đô chỉ huy Trần An Vinh bảo Vương Thông rằng:

"Thời xưa, Ô Mã Nhi thua trận ở sông Bạch Đằng, phải đem quân lại hàng, Hưng Đạo Vương bằng lòng cho hàng, rồi sai đem các thuyền lớn chở đưa về nước, nhưng lại dùng các người tài lặn làm thủy thủ. Khi thuyền ra tới ngoài biển, chờ khi ban đêm, các người trong thuyền ngủ say, lúc ấy thủy thủ lặn xuống nước, khoan thủng đáy thuyền, làm cho binh Tướng Tàu đều chết đuối hết trơn, không còn một mống".

Bởi thế, Vương Thông dâm ngờ, lại đắp thêm lũy, đào thêm hào, và gài chông nhọn để làm kế cố thủ **[tờ 29a]** rồi ngầm sai mấy chục người đem bức thư bọc ngoài bằng sáp ong, lén đi lối tắt để cầu viện binh. Quan quân ta bắt được bọn này, nên Hoàng đế phát ghét về thói trá trở, ngài bèn sai đặt phục binh khắp bốn mặt bên ngoài thành, để bắt các người trong thành ra vào, tổng số bắt được đã tới hơn 3.000 lính và 5 con ngựa, thì tự đẩy Vương Thông đóng thành không ra, sứ giả qua lại cũng chấm dứt.

Hoàng đế sai các Tướng dẫn quân đi đánh các Phủ Huyện: Bùi Quốc Công đánh Đào Khê Thị Kiều; Lê Khả và Lê Văn đánh Tam Giang; Lê Sát, Lê Thu, Lê Lý và Lê Lãn đánh Xương Giang; Lê Lưu và Phạm Bôi đánh Khâu Ôn.

Ngày 20, đặt chức An Phủ Sứ vào các Lộ, dùng Đào Công Soạn và Nguyễn Dực cả thảy 24 người sung chức này; đặt chức Viên ngoại lang vào 6 đạo quân, dùng Nguyễn Tông Vỹ cả thảy 6 người sung chức này. Bọn Công Soạn hết thảy đều là **[tờ 29b]** sĩ tử mới trúng tuyển.

Năm Đinh Tỵ, niên hiệu Thiên Đức thứ 21<sup>1</sup>, Mùa xuân, tháng giêng, Hoàng đế tiến quân đóng tại bờ phía Bắc sông Lô, rồi chia quân vây thành Đông Đô: Lê Hượng giữ vây cửa Đông thành, Đinh Lễ giữ vây cửa Nam thành, Thái giám Lê Chứng giữ vây cửa Tây thành, Lê Triện giữ vây cửa Bắc thành. Sơn Thọ sai Thông Sự là bọn Nguyễn Nhiệm gồm 3 người, lại thông tin tức với ta.

Hoàng đế ban chức Hòa thủ quân trong các Lộ, tùy theo từng hạng; bổ 515 người vào thuộc lại trong Viện Hàn Lâm, và thuộc lại trong bốn Đạo; sai Dương Thái Nhất tu sửa đền thờ Trần Hưng Đạo, cấm không được chặt phá cây cối nơi đây; ra lệnh cho Lộ An Bang nộp gỗ sung và tên bắn bằng tre; ra mệnh lệnh cho các Lộ các Trấn chuyển vận lương hướng tới Xương Giang và Tam Giang, để cung cấp quân lính; ra lệnh cho các Tướng và quan chức các Lộ, phải dò hỏi **[tờ 30a]** tìm tòi người có tài ba trí dũng, có thể làm chức Thượng Tướng Tư Mã, mỗi viện phải tiến cử một người; ra lệnh cho nhân dân, người nào dâng thóc để cấp phát cho quân, sẽ được phong tước, tùy theo từng hạng.

Viên chỉ huy tỉnh Nghệ An là Thái Phúc đầu hàng ta. Thành Diễn Châu cũng hàng.

Phạm Cự Luyện ở huyện Đường Hào, và Đoàn Lộ ở huyện Cổ Phí, đều dâng kế sách đánh phá thành trì; và cách thức làm phen chiến đấu, xe phá thành và xe ngựa bay. Hoàng đế khen hay, bèn sai các Tướng y theo kiểu mẫu đó để làm các thứ trên.

Ra lệnh cho các xứ phải tôn thờ miếu thờ các vị Công thần thời trước.

Sai người đã đầu hàng là viên Bách Hộ Hà Vượng, mang thư vào thành Đông Quan dụ Vương Thông ra hàng. Sai Tư Mã Tuyên Quang là Lương Thế Vinh và Đề Đốc Phụ Đạo là Ma Tông Kế coi việc đóng thuyền chiến.

Sai Nhập nội Thiếu bảo là Lê Lưu tổng quản việc quân dân các xứ Lạng Sơn và An Bang, **[tờ 30b]** xuất quân đánh thành Khâu Ôn, rồi chia quân đóng giữ các chỗ hiểm yếu nơi ấy, và cho Lê Lưu được quyền "tiên trăm hậu vạn" (mỗi khi kẻ nào phạm pháp, được quyền chém đầu kẻ ấy ngay, rồi sau mới tâu lên vua).

Mời viên Nhập nội thiếu phủ là Lê Chích ở Nghệ An về Đông Đô.

Phong cho viên Hàn Lâm Viện Thừa chỉ học sĩ là Nguyễn Trãi chức "Triều liệt đại phu nhập nội hành khiển, Lại bộ Thượng thư, kiêm Cơ Mật viện". Hoàng đế sai dựng một cái lầu mấy tầng trong dinh Bồ Đề, hằng ngày ngai ngự tại tầng lầu trên cùng, để trông vào thành bên địch, cho Nguyễn Trãi ngồi ở tầng lầu dưới, để bàn luận cơ mưu hầu ngài, và thảo những thư từ gửi đi, xét những thư từ gửi tới.

Ngày 13, Lê Lưu và Phạm Bôi đánh chiếm được thành Khâu Ôn, người Minh bỏ thành chạy trốn vào lúc ban đêm.

Viên Tư mã là Lê...<sup>2</sup> cậy có chiến công **[tờ 31a]** thường thốt ra những lời khinh nhờn. Hoàng đế sai giết chết, và tịch thu gia sản. Viên Thiên hộ là Lý Vân, và Tòng nhân là Bùi Vinh, lấy trộm muối chở vào thành Chí Linh, ngài cũng sai giết cả. và đều bị tịch thu gia sản.

Ra lệnh kiểm điểm khí giới của binh sĩ, kẻ nào thiếu, sẽ trị theo quân luật.

Ra lệnh cho tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Lạng Sơn nộp vỏ cây gai, để dùng vào việc quân. Ra lệnh cho huyện Tân Phúc mở lò rèn sắt.

Sai viên Tư mã Tổng đốc Trấn Thiên quan là Cao Ngự dẫn quân vây thành Cổ Lộng, và cho ông được quyền "tiên trị hậu vạn" (mỗi khi kẻ nào phạm pháp, được quyền trị tội ngay, rồi sau mới tâu lên

<sup>1</sup> Năm trước đây là năm Bính Ngọ niên hiệu Tuyên Đức thứ nhất, nhằm niên hiệu Thiên Khánh triều Trần thứ 2. Năm này là năm Đinh Tỵ, liền sát ngay với năm trước, sao lại chép niên hiệu thứ 21? Hoặc chép lầm chăng ?.

<sup>2</sup> Đây là tên người, nhưng chính bản chỉ chép một chữ "Lê" (họ Lê) mà bên dưới bỏ trắng khoảng một chữ. Vậy không biết viên này tên là gì ?.

vua), rồi sai các Tướng đóng đồn giữ nơi đây: Lê Văn đóng đồn tại cửa Đông thành Đông Quan; Đinh Lễ, Lê Sát, Lê Lý và Lê Chích đóng đồn tại cửa Nam; Lê Bị đóng đồn tại cửa Tây; Lê Triện và Lê Văn An đóng đồn tại cửa Bắc.

Ra lệnh cho các xứ : Tam Giang, Tam Đới, Tuyên Quang và Qui Hóa nộp thứ tre **[tờ 31b]** nửa, dựng bức thành ở dưới nước, vào phía bờ bên Bắc sông Nhị Hà.

Lê Chích đánh chiếm được thành Dao Kê, viên Chỉ huy là Trương Lân và viên Tri phủ là Trần Văn ra đầu hàng.

Chế tạo súng Tương dương, để dùng vào việc đánh phá thành trì.

Ra lệnh cho người trong nước: Người nào có cha mẹ vợ con, anh em, tôi tớ hoặc họ hàng, đã trốn theo quân địch ở trong thành, cho phép tự nguyện đến ghi tên<sup>1</sup>, chờ sau khi phá được thành, sẽ chiếu đó giao cho đưa về gia đình. Nếu không khai, đến khi thành phá, lại tư túi tranh nhận xin về chung sống, sẽ trị tội theo quân luật.

Ban cho các viên Phụ đạo ở các Xứ chức Thủ ngự đoàn luyện, phẩm tước tùy theo từng hạng.

Ngày 7, tháng 2, Thiếu úy là Lê Triện, đánh nhau với Tướng nhà Minh là Phương Chánh ở Khỏa Động, Triện bị tử trận, Đỗ Bí thì bị giặc bắt.

Ngày 19, quân Minh đánh đồn Bài Sa Đồi thuộc huyện Từ Liêm, quan quân đóng vững cửa thành và cố sức chống cự, tới khi hết tên đạn **[tờ 32a]** phải lấy cả vò lọ và gạch nấu bếp liệng ra, quân địch không tiến nổi, sau phải giữ nhà của dân chất đống lại, phóng lửa đốt theo chiều gió, rồi kéo nhau bơi lội qua sông, bị chết đuối khá nhiều. Duy đạo quân Thiên quan không biết bơi lội, ở lại thù tử chiến đấu, quân địch phải thua chạy.

Lê Chích dẫn quân vây đánh thành Thị Kiều, Tướng nhà Minh là Vương Đường và Bào Trinh ra hàng.

Hoàng đế sai Nguyễn Trãi đi cùng với người đã hàng là viên chỉ huy họ Tăng đến thành Tam Giang chiêu dụ (khuyên hàng).

Sứ thần nước Chiêm Thành lại nước ta dâng cống hiến, Hoàng đế đãi yến, khi trở về ngài lại ban cho lụa vải và con ngựa, và sai Thiêm tri khu mật là Hà Lật đi cùng với sứ giả tới Chiêm Thành để tuyên bố ủy lạo.

Ra lệnh các Tướng Tá lại bắt đầu lập công mới. Tự các vị đại thần tới chức Thái úy, ai có công lớn được thưởng "kim phù", thì được hưởng thuế một Quận; các viên Chấp lệnh có công được hưởng một Ấp; các viên Đốc Tướng và quân nhân có công **[tờ 32b]** cũng được hưởng một Quận hoặc một Ấp, tùy theo từng hạng. Những vị nào không có công thưởng, thấy đều giáng xuống hạng dân thường.

Ban tờ chiếu cho các địa phương, nơi nào có Lăng Miếu của các vị vua thời trước, mà bị người Minh phá hủy, thì quan chức nơi ấy phải tu sửa lại, và phái người trông coi; mỗi Lăng mấy người, tùy theo từng hạng.

Tháng 3, duyệt binh ở Vĩnh Động, hàng ngũ đội binh của viên Chánh đốc là Nguyễn Liên Khiêm Khuyết, khí giới lại không tề chỉnh, liền chém đầu Nguyễn Liên để làm gương.

Phong chức Thượng thư bộ Lễ, và Kiêm Tư đông đạo quân dân bạ tịch cho Bùi Ư Đài.

Ra lệnh cho ba quân: Kẻ nào có chí hi sinh về việc nước, mà tinh thông võ nghệ, có sức mạnh, tính quả cảm, đều được tự đến tiến thân, sẽ tuyển vào đội thị vệ nơi Nội phủ.

<sup>1</sup> Câu này bản chính chép: "Hứa tự nguyện dâng thành" (cho phép được tự nguyện lên trên thành). Hai chữ "dâng thành" (lên trên thành) đáng ngờ. Vì đang lúc hai bên đánh nhau, mặt thành là nơi canh phòng cẩn mật, người thường đâu có thể lên được. Và lại trèo lên thành để làm gì? như vậy đủ rõ hai chữ "dâng thành" là không hợp văn lý. hoặc do chữ "dâng ký" (ghi tên vào quyển sổ) chép lộn ra chăng? Vậy xin dịch theo nghĩa chữ "dâng ký".

Ngày mồng sáu, viên chỉ huy sứ nhà Minh là Lưu Thanh tại thành Tam Giang ra hàng. Lưu Thanh vẫn sẵn có chí qui phụ ta. Nguyên hồi trước, người Tam Giang theo viên tổng binh nhà Minh **[tờ 33a]** đi đánh Thanh Hóa, bị thua trở về, bọn người bản xứ có những kẻ nói những lời hối xược, Lưu Thanh liền mắng rằng:

"Thằng mán vô lễ! Người ấy sẽ là vị Hoàng đế của chúng mày đấy".

Đến đây Lưu Thanh ra hàng. Cách đây một thời gian ngắn, hơn vạn hàng binh các thành khác hợp nhau làm phản, việc vỡ lở, đều bị giết hết, chỉ có binh sĩ thành Tam Giang không dự việc này.

Ngày mồng 8, viên Tư Không là Đinh Lễ và Thượng Tướng quân là Nguyễn Sí, đánh nhau với Tướng nhà Minh là Vương Thông ở Mỹ Động, bị thua, Đinh Lễ tử trận, Nguyễn Sí bị địch bắt.

Phong chức Hành quân quản đốc nhập nội đại tư mã cho Thông hầu là Lưu Nhân Chú, và được quản lĩnh 4 Vệ: Tiền, Hậu, Tả, Hữu, lại được biết tới các việc quân trong Tân Vệ.

Ra lệnh cho Tướng Tá và quân nhân trong hạt Quốc Oai, Tam Đới: Người nào bắt được tờ thư của giặc, nội dung toàn những lời lừa dối dụ dỗ, cốt để mê hoặc lòng người, mà chỉ đem thư ấy trình riêng **[tờ 33b]** lên viên Tướng trong bộ mình, sẽ bị chém đầu. Viên Đốc Tướng trong các đội ấy, mà không xét tới việc ấy, cũng bị đồng tội. Kẻ nào phao lời mê hoặc tại các Châu Huyện, thì bắt ngay dẫn giải tới cửa quân, chém đầu.

Bổ trí những quan nhà Minh đã đầu hàng vào các Xứ: Thanh Hóa, Nghệ An, Lam Ấp, và Tân Bình.

Ra mệnh lệnh cho các Lộ, phải tiến cử những người anh tuấn hiền tài có trí dũng và ngay thẳng, sẽ vờ vào triều đình đối đáp xử dụng. Nếu trong hạt có người hiền trên, mà các quan ẩn giấu không tiến cử, sẽ bị giáng chức hoặc cách chức.

Ra lệnh cho chức Thiếu úy giữ lệnh giám sát trong quân ngũ: Lúc ngày thường, có tên lính nào phạm pháp, không được tự ý giết ngay. nhưng khi lâm trận, tên lính nào trái lệnh, được quyền chém đầu ngay, rồi sẽ tâu lên vua.

Ngày 19, thành Thị Kiều đầu hàng. Vua ra lệnh:

"người trong nước, ai có vợ con hoặc anh em đã bị quân giặc ở các thành cướp bắt làm vợ, làm thiếp, hoặc làm tôi tớ, nay đã ra hàng, mà có thể cùng nhau đánh vào thành Đông Quan, **[tờ 34a]** kẻ nào chém được đầu giặc, hoặc bắt được giặc, sẽ tra hỏi người thân thích giao cho về nhà, và vẫn được thưởng cấp bậc, tùy theo từng hạng".

Cấm các người đồng cốt không được hành nghề tả đạo, giả xưng tà ma quỷ thần, đem những lời phù phiếm cổ động, mê hoặc lòng người.

Ra lệnh cho những nhân dân lưu tán được về nguyên quán, kẻ nào chăm chỉ cày cấy ruộng nương, đều cho được giao dịch mua bán, kẻ nào hoang phế việc nông, sẽ trị tội nặng.

Sai người Minh đã đầu hàng là Châu Sài đem 340 con ngựa đến Hóa Châu chăn nuôi.

Ra mệnh lệnh cho các đạo quân, luyện tập thủy chiến.

Ra mệnh lệnh cho các viên Thiếu úy, chọn những con nhà giàu, lấy hạng thân thể to lớn; tình thông nghề võ; có sức mạnh, lại có chí quả quyết, mỗi viên hãy chọn 200 như trên, để sung vào đội Thị vệ.

Vì Đào Lý Khánh tư thông với giặc<sup>1</sup>.

Cấm viên chức coi kho muối, **[tờ 34b]** không được tự ý đem muối thông dụng.

<sup>1</sup> Câu này chưa đủ ý nghĩa. Hoặc bên dưới còn hai chữ "sát chi" (giết chết) mà người chép đã bỏ sót chăng ?

Tháng này (tháng 5 Đinh Tỵ), nhà Minh sai viên Thái Tử Thái Phó, tước An viễn hầu là Liễu Thăng, mang quả ấn Chinh lỗ phó tướng quân, và Thượng thư hộ Binh là Lý Khánh giữ chức Tham tán quân vụ, dẫn 70.000 quân trong các tỉnh Kinh Hồ, Tích Giang và Phúc Kiến, do đường tỉnh Quảng Tây tới đánh ta; viên Thái phó tước Kiểm quốc công là Mộc Thạnh, mang quả ấn Chinh nam tướng quân, đem 50.000 quân Vân Nam, do đường tỉnh Vân Nam tới đánh ta.

Mùa hạ, tháng 4. sai viên Phòng ngự là Trần Ban quản đốc công tác tu sửa cửa ải Lê Hoa, để phòng ngăn quân Vân Nam.

Hoàng đế hạ lệnh rằng:

"Ta không có tài dũng và trí tuệ, thế mà một mình giữ trách nhiệm trọng đại này, sợ không đương nổi. Bởi thế, nên ta vẫn thường khoanh tay cầu người hiền, nghiêng lòng tôn kẻ sĩ, để cùng mưu toan việc lớn, cứu vớt dân này. Vậy ai tiến cử những bậc có cơ mưu võ dũng hơn người, **[tờ 35a]** hoặc đích thân tự tiến, ta sẽ phong cho tước Thượng Khanh".

Ghi chép công các người đã khó nhọc về việc nước: Phong chức Thái úy cho em trai Lê Lễ là Đinh Liệt ; phong chức Quan sát sứ cho thân phụ Lê Triện là Lê Ba Lao; phong chức Phòng ngự sứ cho con Lê Triện là Lăng<sup>1</sup>.

Sai ban lời dụ khuyến khích các Tướng sĩ trong 14 Vệ Thiết đột, phải đồng lòng đánh quân giặc; lại sai ban lời dụ cho các Tướng sĩ trong 3 Lộ; Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa, phải gắng sức dẹp giặc.

Hoàng đế hạ lệnh cho các Tướng các quân rằng:

"Người Minh tàn hại dân ta đã hơn 20 năm nay. Buổi đầu số quân của ta có hơn trăm vạn, sai để 35 vạn chờ đánh phá thành Đông Quan, cho 25 vạn về làm ruộng, lưu vài chục vạn làm quân phòng ngự việc nước. bây giờ phải lấy thêm quân, cứ nhà nào có 3 người thì lấy 1 người làm lính. Còn các thứ thuế và tạp dịch đều miễn cho 3 năm. **[tờ 35b]** Lại tuyên bố 10 điều quân luật cho quân sĩ biết.

Cho viên Thiếu bảo là Lê Văn An được quyền tổng tri việc quân trong 4 Lộ: Quốc Oai, Thượng Trung, Tam Đới, và Quảng Oai.

Ban 3 điều răn cho các quan văn và võ:

1. Không được vô tình.
2. Không được dối trá, khinh nhờn.
3. Không được gian tham.

Sai ban lời dụ cho các hào kiệt trong thiên hạ rằng:

"Hiện nay đã phá được nhiều thành quân địch, duy còn thành Đông Quan vẫn chưa hạ được. Bởi thế, ta ngũ không yên giấc, ăn không biết ngon, đêm ngày lo nghĩ, Vả lại ta chưa được người hiền tài phụ tá. Ta tuy là chủ Tướng nhưng tự xét:

1. Già yếu không có tài năng;
2. Học thức nông hẹp;
3. Trách nhiệm nặng nề khó đương nổi.

"Thế mà các vị đại thần giúp đỡ, chưa có người đặt vào chức Tướng Quốc, chức Thái phó và Thái bảo; chức Thái úy, chức Đô nguyên soái cũng còn thiếu; các chức Hành khiển **[tờ 36a]** và các quan khác, mười phần mới có một hai. Thế cho nên ta thành thực khuyên mong các vị hào kiệt gắng sức giúp ta, để cứu vãn nhân dân, không nên ẩn mình giấu bóng, để cho thiên hạ phải chịu cảnh khổ lầm than

---

<sup>1</sup> Lê Lễ và Lê Triện là hai vị kiện Tướng, đã từng lập nhiều chiến công, và đều đã tử trận. Triều đình nghĩ tới công lao, nên phong quan chức cho thân nhân của ông.



này mãi. Hoặc có vị nào muốn giữ tiết tháo cao siêu như tứ hạo<sup>1</sup>; trốn lánh công danh như Tử Phòng<sup>2</sup>, cũng nên vì dân, hãy ra cứu nạn, chờ sau khi thành công mà muốn toại chí nguyện, lúc ấy sẽ về ẩn nơi rừng núi, ta không cưỡng ép".

Ra mệnh lệnh cho các Tướng giữ đồn ải, phải xét hỏi gặt những người qua lại vận sắt phục lạ, và xét những thư từ các biên thủy đưa về, xem thực hay giả.

Tháng 5, ra mệnh cho mọi người tục nạp văn bằng của người Minh đã phong cho, và xét kỹ dấu ấn trong văn bằng đó có đúng không.

người ở hạt Bồ chánh là Nguyễn Tử Hoan hiến kế sách, Hoàng đế vừa ý, ngài bèn phong cho ông chức Quân sư.

Ra mệnh cho các viên Thiếu úy và quan các Lộ, phải tìm tòi hết văn bằng của các ngục quan, (làm quan với giặc) và tịch thu tài sản trâu bò vợ con đầy tớ của các ngục thổ quan và ngục thổ quân **[tờ 36b]** để nộp, cho phép được nộp tiền chuộc tội, để lấy tiền cấp cho quân sĩ.

Sai tuyển nhân đinh, chọn lấy những người khỏe mạnh, để bổ thêm vào hàng ngũ quân đội.

Bọn Vi Báo tại châu Tư Lăng thuộc phủ Tư Minh ra đầu hàng ta.

Các Tướng đánh nhau với quân Minh ở Từ Liêm và Cơ Xá, đều thắng trận, đều được ban thưởng tùy từng hạng.

Ra lệnh cho các quan lại tại 4 Lộ: Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân và Tân Hưng, phải cấp dưỡng những người ở các thành đã ra hàng, cả đàn ông và đàn bà gồm hơn 6.000 người, không được để cho chúng phải lưu ly thất sở.

Thổ tù ở Mộc mang thuộc trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham qui thuận, Hoàng đế phong cho chức Ty không bình chương sự, Tri thượng Phán thuộc trấn Đà Giang, và cho tui Kim ngư áo mũ tước Hầu, trao cho con ông là Xa Lộc chức Thượng Tướng quân vệ kim ngô; trao chức Đại Tướng quân vệ Ngọc kiềm cho Xa Khát, Xa Bàn, Xa Điểm, đều cho **[tờ 37a]** được đổi ra họ nhà vua (họ Lê).

Ngày mồng 10, tháng 6, Tước Trấn viễn hầu nhà Minh đóng ở tỉnh Quảng Tây là Cổ Hưng Tổ, dẫn 50.000 quân và 5.000 con ngựa sang cứu thành Đông Đô, khi đi đến cửa ải Pha Lũy, bị các Tướng đóng giữ ở đây là Lê Lưu và Lê Bôi đánh phá tan, Hưng Tổ phải chạy về Quì Châu.

Phụ đạo là Cầm Lan qui thuận.

Phong thêm chức Tư đồ Tư mã cho Nguyên tử thị trung là Tư Tế, và chức Tư không cho Nhân Chú. Bổ các viên Thiếu úy là Lê Văn, Lê Sát vào chức Tư mã Thượng Tướng; Lê Bôi vào chức Thiếu úy.

Ta đắp một đồn nhỏ ở châu Cơ Xá, bị quân nhà Minh đánh phá tan! Hoàng đế ra lệnh không được cứu, để cho chúng yên chí là quân ta nhất.

Tháng 7, ra mệnh lệnh cho quan các Lộ, và quan văn Môn hạ tinh hành khiển, cùng với Tướng Tá các đạo quân, hợp đồng lập hộ tịch (sổ đinh).

Sứ thần nước Chiêm Thành tới dâng phẩm vật bản xứ.

Ra lệnh ban tờ dụ cho các vị Tướng quân: **[tờ 37b]** "Tướng nào giữ việc binh, phải chăm lo về việc chiến trận, Tướng giữ việc vận tải, phải chăm lo về việc tiếp tế lương thực, việc đốn củi, việc nấu muối, và ngăn chặn các lối đường thủy, đường bộ, để bắt những kẻ gian. Các người nên hi sinh bản

<sup>1</sup> Tứ hạo: 4 ông già ngoại 80 tuổi: 1. Đông Viên Công, 2. Hạ Hoàng Công, 3.- ý Lý Công, 4.-Giác Lý Tiên Sinh, cùng nhau ở ẩn tại núi Thương Sơn, vua Hán Cao tổ cho sứ vời, đều không chịu tới. Sau vua Cao Tổ định bỏ Thái tử Doanh, dựng em Doanh là Như Ý lên thay, Trương Lương bèn lập mưu mời đón được 4 ông già này đến phụ Tá Thái tử. Vua Cao Tổ thấy vậy, cho là Thái tử được người hiền giúp, bèn bỏ ý thay Thái tử.

<sup>2</sup> Tử Phòng tức Trương Lương, được Hoàng Thạch Công trao cho quyển "Thái công binh pháp", học tập trở nên đại tài thao lược, chức quân sư giúp vua Hán Cao Tổ bình định thiên hạ. Sau khi thành công, ông không chịu nhận chức làm quan, rồi giòng thuyền tiêu dao nơi Ngũ Hồ.

thân, chăm lo công vụ, sát cánh cùng nhau giết hết quân thù. Ta là cha mẹ của dân, há ta không biết như thế là vất vả, mà còn buộc các người vào những việc cực khổ đó chẳng ? đó chỉ là sự chẳng được đừng vậy. Các người hãy cố gắng lên, để lập công lớn".

Các Tướng đánh nhau với quân Minh ở thành Đông Quan và hạt Thổ khối, đều thắng trận, được thưởng ngân bài và tiền lụa, tùy theo từng hạng.

Nước Ai Lao sai sứ sứ thần đến hiến phẩm vật bản xứ.

Tháng 8, ra lệnh ban tờ dụ khắp thiên hạ rằng:

"Hiện nay quân giặc ở trong nước ta, dân ta chưa được bình định, thì các người có yên lòng chẳng ? Xưa vì họ Hồ vô đạo, cho nên giặc Minh nhân đó mà cướp nước ta, [tờ 38a] những sự chúng tàn ngược nhân dân ta, tưởng các người cũng đã đều thấy cả . Bây giờ hãy dùng sức gian lao trong một năm, để hưởng cơ nghiệp thái bình muông thuở. Các người nên nghĩ cho kỹ, đừng để lưu mỗi họa về sau".

Sai bọn Lê Khắc Hải sang sứ nước Chiêm Thành.

Lê Khả Tham hiến 3 con voi. Hoàng đế ban thưởng ngựa và lụa cho Khả Tham.

Ra lệnh nhân dân các Lộ tới cả dinh Bồ Đề, để tuyển lấy hạng khỏe mạnh, ghép thêm vào hàng ngũ quân đội.

Ra lệnh ban lời dụ cho Tướng Tá quân nhân lộ Tân Bình và Lộ Thuận Hóa rằng:

"Thời xưa nước Chiêm Thành phản nghịch, xâm lấn nơi biên thùy nước ta, lúc ấy, chính Tổ Tiên ông cha các người, đã tận trung với nước, góp sức đánh bại quân thù, lấy lại đất đai do chúng đã lấn cướp. Những công trạng hiển hách đó, hiện đã chép vào sử sách, lưu truyền đời sau. Hiện nay, người Minh vô đạo, trái nghịch lòng trời, hiểu chiến dùng binh, để mở thêm đất đai, khiến cho nhân dân ta đã chịu lầm than khổ hơn 20 năm, thế mà trong các Lộ ta, chưa thấy có kẻ nào đem lòng trung nghĩa, chưa gắng sức lập công. Các người là bầy tôi nơi biên thùy, nên nghĩ đến công của Tổ Tiên ông cha các người ngày trước, phải tận trung với nhà vua, cố sức đánh giặc lập công. Những sự trung thành đó, rất đáng khen, và sẽ đặt cách phong tước vào hàng quan cao. Các người nên cố gắng".

Ngày mồng 8, tháng 9 viên Thái úy Trần Hãn, Tư Mã Lê Sát, và Thiểu úy Lê Lý, dẫn quân đánh phá được thành Xương Giang, quan Tri phủ Lưu Tử Phụ và chỉ huy dân Lý Nhiệm nhà Minh đều bị tử trận, ta thu chiến lợi phẩm, khao cho quân sĩ, Hoàng đế bèn sai các Tướng dẫn quân qua sông, cướp lấy đê Vạn Xuân, đắp bức lũy lên, để uy hiếp thành Đông Đô.

Quan tổng quản nhà Minh tước An viễn hầu là Liễu Thăng, dẫn 10 vạn quân tự tỉnh Quảng Tây [tờ 39a] tới nước ta; tước Kiềm quốc công nhà Minh là Mộc Thạnh, dẫn 5 vạn quân tự tỉnh Vân Nam tới nước ta. tin này tự biên thùy báo về rất gấp! Hoàng đế bèn sai Trần Hãn, Lê Sát và Lê Nhân Chú dẫn binh tượng (voi) tới phục tại ải Chi Lăng, để đợi chống đạo viện binh tự Quảng Tây tới; sai Phạm Văn Sảo và Lê Khả, dẫn binh tượng đóng giữ ải Lê Hoa thuộc Mông Tự, để đợi chống đạo viện binh tự Vân Nam tới.

Lúc này, được tin đại binh nhà Minh sắp ồ ạt kéo đến, các Tướng phần nhiều xin Hoàng thượng đánh gấp ngay các thành nơi Đông Đô, để tuyệt quân nội ứng của chúng. Nhưng Hoàng đế phán rằng:

"Việc đánh thành lúc này là kế sách kém nhất. Là vì nếu ta đánh vào thành kiên cố đó, phải mất mấy tháng hoặc hàng năm, chưa chắc đã hạ nổi, binh sĩ ta tất phải mỏi mệt chán nản. Đang khi ấy, viện binh của địch lại kéo đến sau lưng, thế là ta bị địch đánh cả vào đằng trước và đằng sau, rất là nguy hiểm. Chi bằng ta hãy dưỡng sức, để chờ đánh viện binh , một khi viện binh đã bị phá, tất nhiên Tướng trong thành phải ra hàng, thế là ta chỉ khó nhọc một phen, mà thu được hai mối lợi. [tờ 39b] Đó là kế sách vạn toàn vậy".

Sau đấy, ngài sai canh gác cẩn thận, tuần phòng ngày đêm, và ra lệnh cho các Lộ: Lạng Sơn, Bắc Giang, Tam Đới, Tuyên Quang và Qui Hóa, phải dời vợ con của quân dân đi nơi khác, để lánh viện binh của địch tới, rồi hợp các Tướng thảo luận, Hoàng đế bàn rằng:

"Quân giặc (Trung Hoa) sẵn lòng khing rẻ ta, cho là quốc dân ta nhát, vốn sợ oai chúng, nay nghe tin mấy chục vạn quân chúng kéo đến, tất là phải kinh sợ. Và cái sự khòe lẫn yếu, nhiều thắng ít, là sự thông thường. Nhưng chúng không tính đến hình thế được thua của mình và của người, lại không biết tới cơ trời đi lại của thời vận. Còn như sự dẫn quân đi cứu nguy, thường cần mau lẹ. Vậy tất nhiên chúng đang đi một cách vội vàng. Binh pháp có câu: "Dẫn quân đi gấp khoảng đường 500 dặm để tới đích, sẽ quệ viên thượng tướng". Nay Liễu Thăng dẫn viện binh đi gấp, binh sĩ tất mệt mệt **[tờ 40a]** ta đem đạo quân được thành thời đánh quân mệt nhọc, còn lẽ già là không thắng".

Ngài liền ra lệnh cho Trần Hãn và Lê Sát, dẫn quân đi đóng giữ nơi hiểm yếu, hể viện binh đến, lập tức đón đánh ngay tại nơi biên cảnh, đừng để cho chúng vào được Bình Dương.

Ngày 18, đạo quân của Liễu Thăng tới cửa Quan Pha Lũy, viên Tướng giữ Quan là Lê Lưu kéo quân lui, về đóng tại Ai Lưu, rồi lui về giữ Chi Lăng.

Ngày 20, Liễu Thăng thân tự đốc đạo quân tiền phong tiến tới, Trần Hãn và Lê Sát liền đem quân phục binh ra đánh, phá tan, chém đầu Liễu Thăng tại núi Mã Yên!

Ngày 25, Hoàng đế sai Lê Lý và Lê Văn An dẫn thêm quân đến, hiệp cùng với bọn Lê Sát đánh phá quân Minh, chém đầu tước Bảo Định Bá là Lương Minh.

Ngày 28, viên Tham tán quân vụ nhà Minh, chức binh bộ Thượng thư Là Lý Khánh chết bệnh tại trong quân, Phó Tướng là Thôi Tụ và Công bộ Thượng thư là Hoàng Phúc, thu thập tàn quân, miễn cưỡng tiến vào, bọn Lê Sát mở đường **[tờ 40b]** cho tiến, cho đến chỗ phục binh, mới tung quân đón đánh, chúng bị thua. Bọn Lê Sát liền chia quân ngăn chặn các đường hẻm nơi Mã Yên, Chi Lăng và Pha Lũy.

Thôi Tụ xin hòa, Hoàng đế không cho, ngài bèn sai Trần Hãn dẫn quân đánh úp vào quân vận lương thực của địch; Lê Văn và Lê Khôi đem thêm quân tiến đánh, đánh trong 15 ngày, phá tan quân Minh, chém chết 5 vạn quân, bắt sống Tướng Thôi Tụ và Hoàng Phúc cùng hơn 5 vạn quân, thu chiến lợi phẩm rất nhiều vô kể.

Khi đạo quân của Mộc Thạnh đến cửa quan Lê Hoa, Hoàng đế tính: Mộc Thạnh là viên tướng nhiều tuổi, từng trải, tất không dám tiến bừa. Ngài bèn mật báo cho Phạm Văn Sảo và Trịnh Khả phải cố thủ, chớ có giao chiến.

Sau khi Liễu Thăng thua trận, Hoàng đế sai đem 4 tên Chỉ huy Thiên hộ đã bắt được, và bằng sắc ấn tính của Liễu Thăng, đưa đến cho Mộc Thạnh, quân sĩ của Thạnh quá kinh hãi, tự tan rã, **[tờ 41a]** bọn Văn Sảo liền tung quân đánh vào, phá tan đạo quân đó ở nơi Lãnh Thủy Đan Xá, chém đầu hơn vạn tên, thu rất nhiều chiến lợi phẩm.

Hoàng đế sai Thông sự là Đặng Hiểu Lộc, dẫn Tướng Thôi Tụ và Hoàng Phúc do ta bắt, cùng với ấn tính cờ trống của chúng, đến thành Đông Đô hiểu thị. Bọn Vương Thông trong thành trông thấy, xiết đổi kinh hoàng! Ngài bèn sai các Tướng sắm các chiến cụ phá thành, dẫn quân tiến sát thành Đông Đô, Vương Thông mấy lần giao chiến đều thất lợi, lại bị ta vây hết đường hái củi và cỏ ngựa.

Tháng 11, Hoàng đế ra lệnh cho các Tướng Tá dâng kế sách về thời sự, kế nào có thể dùng sẽ được thưởng hậu.

Hoàng đế sai Đại Tướng Nguyễn Lôi, đem thư đến thành Cổ Lộng và thành Tây Đô dụ hàng, binh tướng hai thành này đều nghe theo ra hàng.

Vương Thông và Sơn Thọ sai viên Thiên hộ đem thư giảng hòa tới, xin mở con đường cho chúng về nước. Hoàng đế ứng cho.

Vương Thông lại dẫn quân trong thành ra đánh ta, các quân Tướng đặt phục binh rồi vờ thua chạy, quân Minh đuổi theo, tới ở phục binh **[tờ 41b]** quân ta vùng lên đánh cho tới bờ! Vương Thông ngã ngựa, suýt nữa bị bắt, may sao chạy vào thành được thoát, quan quân liền tiến thẳng đến cửa Nam Thành, rồi đắp bờ lũy để chống cự. Hoàng đế thì thân đốc các Tướng, đem quân đắp bờ lũy tự phường An Hoa thẳng tới cửa Bắc thành, chỉ trong một buổi chiều đã đắp xong. Tự đây quân Minh chỉ ở trong thành, không dám ra nữa.

Ghi chiến công của Tướng Tá vây cửa Nam Thành Đông Đô, ban thưởng tùy theo từng hạng.

Vương Thông và Sơn Thọ bị bao vây khốn đốn, lại xin giảng hòa. Quốc dân ta đã bị cực khổ về chính sách tàn bạo của người Minh lâu năm, nên phần nhiều kéo nhau đến xin Hoàng đế đánh gấp và giết cho bằng hết để hả giận. Ngài phán rằng:

"Việc dụng binh, lấy sự toàn quân<sup>1</sup> (không chết một mạng nào) là hơn cả. nay hãy để cho lũ Vương Thông về nói với vua nhà Minh, trả lại đất nước ta, không còn xâm lấn, thì ta còn cần gì hơn nữa, hà tất phải giết hết, để kết mối thù với nước lớn".

Ngài bèn ưng cho hòa và ra lệnh cho Lộ Bắc Giang và Lạng Giang, tu sửa lại cầu cống đường xá, sắm đủ ghe thuyền, để chờ đưa quân Minh về nước. **[tờ 42a]** Lại sai Hành khiển là Nguyễn Trãi soạn tờ biểu, viết lời Trần Cao dòm dõi họ Trần xin được dựng làm vua, đưa tờ biểu này nhờ Tướng ở Vân Nam là Mộc Thạnh và Tướng ở Quảng Tây là Cổ Hưng Tổ chuyển tâu với triều Minh.

Trước ta đã bắt được hai Tướng nhà Minh là Thôi Tụ và Hoàng Phúc, nhưng Thôi Tụ đã chết bệnh, bèn sai lính hộ tống Hoàng Phúc về tỉnh Quảng Tây.

Ta đưa thư trả lời Vương Thông dùng Lê Quốc Trinh và Lê Như Trì làm con tin.

Thái Giám nhà Minh là Sơn Thọ và Mã Kỳ đến dinh Bồ Đề làm con tin. Hoàng đế cũng sai con là Tư Tề và cháu họ là Nhân Chú vào thành Đông Đô làm con tin, để định hòa ước.

Hoàng đế ra lệnh ban lời dụ 6 điều cho Tướng Tá và quân sĩ:

1. Phàm những bề tôi phải hết lòng trung, không được làm những việc khi trá.
2. Những dân chúng nên chuộng sự ngay thẳng, chớ làm những sự gian tà trái phép.
3. Những người ra trận đánh giặc, khi chém giết hay bắt được quân địch, không được nhận hão để tranh công.
4. Trong quân dân có kẻ nào gian ngược trái phép, thì quân dân khác **[tờ 42b]** nên báo bắt trị tội, và các người cũng nên lấy kẻ ấy làm gương, đừng để chính mình cũng sẽ bị phạt như vậy.
5. Những cần thần thị vệ, chớ nên cậy quyền quý mà ngược ngạo mọi người.
6. Những bầy tôi có bốn phạm xông pha công việc, nên tự mình làm trước, để cho kẻ dưới bắt chước.

Ngày 22, Hoàng đế cùng với các Tướng nhà Minh: Tổng binh thành sơn hầu là Vương Thông, Tham tướng Mã Anh, Thái giám Sơn Thọ và Mã Kỳ, Vinh xương hầu Trần Trí, An binh hầu Lý An, Đô tư Phương Chánh, Chương đô tư sự Trần Tuyên, và Trần Tá, Giám sát ngự sử Chu Kỳ Hậu, Cấp sự trung Quách Vĩnh Thanh, Hữu bố chánh sứ Đặc Kiêm, Tả hữu tham chánh Hồng Bình Lương, Lục Trinh và Lục Quảng Bình, Án sát sứ Dương Thời Tập, và Thiêm sự Quách Đoan, hội ở cửa Nam thành Đông Đô. **[tờ 43a]** Ngài ra lệnh cho các Tướng giải vây thành này, kéo quân lui về, lại sai giải vây cho 3 thành: Tây đô, Cổ lộng và Chí linh, truyền cho quân ta hộ tống các Tướng trong 3 thành trên dẫn quân về cả thành Đông Đô, để sẽ cùng trở về Trung Hoa.

Ngày 29, Hoàng đế sai Lê Thiếu Dĩnh và Lê Cảnh Quang, đem tờ biểu cầu phong của Trần Cao, cùng các phẩm vật cống hiến, theo viên chỉ huy do Vương Thông sai, đi sang triều Minh.

Tháng 12, Hoàng đế ra lệnh cho các Tướng coi đường thủy, cấp 500 cái thuyền cho người Minh, giao cho Phương Chánh và Mã Kỳ Lĩnh; các Tướng coi đường bộ thì cấp lương thảo, giao cho Sơn Thọ và Hoàng Phúc nhận lãnh; đưa về hơn 2 vạn quân cả đều đầu hàng và bị bắt, cùng hai vạn con ngựa, giao Mã Kỳ nhận lãnh; Chinh Man Tướng quân là Trần Tuyên thì dẫn quân Trấn thủ đi hộ tống.

<sup>1</sup> Câu này chỉnh bản chép toàn quốc, có lẽ chép lầm. Xin dịch theo nghĩa chữ toàn quân.

Ngày 12, Phương Chánh và Mã Kỳ tới dinh Bồ Đề cáo biệt Hoàng đế, tại đây suốt một buổi chiều, hai Tướng mới ra về. Hoàng đế sai sắm **[tờ 43b]** trâu dê mìn màng và lễ phẩm hậu tặng. Lúc ấy, các Tướng sĩ và nhân dân ta, đều thâm thù sự tàn bạo của người Minh, nên đều mật khuyên Hoàng đế nhân dịp giết chết cả đi. nhưng ngài dụ rằng:

"Việc phục thù trả oán, là tình thường của mọi người, nhưng không ưa giết người, là bản tâm của người nhân. Huống chi người ta đã hàng, mà mình lại giết chết, thì còn gì bất tường hơn nữa. Ví bằng giết đi cho hả giận một lúc, để gánh lấy tiếng xấu giết kẻ hàng mãi tới đời sau, chi bằng hãy cho sống ỨC VẠN MẠNG người, để dứt mối chiến tranh tới muôn thuở, công việc sẽ chép vào sử sách, tiếng thơm sẽ truyền tới ngàn thu, há chẳng đẹp lắm ru?".

Các bầy tôi đều bái phục độ lượng khoan hồng của Hoàng đế.

Khi Mộc Thạnh dâng tờ biểu cầu phong của Trần Cao lên vua Minh, thì lúc ấy vua Minh vẫn chưa biết việc Vương Thông đã ký hòa ước với ta, ngài bèn ban lời dụ cho quần thần rằng:

**[tờ 44a]** "Những kẻ bàn tán, không hiểu ý muốn dứt việc can qua, tất cho là nghe theo thỉnh cầu của An Nam là không oai hùng. Nhưng nếu được nhân dân yên lành, thì trẫm không e ngại những lời đó".

Ngài bèn sai Công bộ Thượng thư là La Nhữ Kinh và Từ Vĩnh Viễn đem tờ sắc sang nước ta, phong Trần Cao làm "An nam quốc vương", liền bãi đạo binh chinh nam; triệu bọn Vương Thông về nước. Tự đẩy dứt nạn binh đao, thiên hạ thái bình.

# Đại Việt Thông Sử

## QUYỂN II

### Đế Kỷ Đế Nhị

#### THÁI TỔ (HẠ)

Năm Mậu Thân niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1428), nhằm niên hiệu Thiên Đức thứ 3 nhà Minh, ngày mồng 10, tháng giêng, mùa xuân, vua Trần Cao ngự tại thành Cổ Lộng, tự cho mình không có công gì với thiên hạ, mà giữ ngôi vua, thường ái nấy không yên, bèn cỡi thuyền ra biển, lén vào châu Ngọc Ma. Khi Trần Cao đến bến Ma Càng, quan quân đuổi kịp dẫn trở về, cho uống thuốc độc chết. Hoàng đế sai làm lễ táng tế rất hậu.

Hoàng đế sai các quan: Tư Đồ, Tư Mã, Thiếu úy và Hành khiển, cùng hợp bàn định phép cai trị muôn dân, để cho người làm Tướng **[tờ 45b]** biết phép trị quân, người làm quan các Lộ biết phép trị dân, và sự răn dạy quân dân, cũng nên cho biết có phép, để những người giữ việc gì, biết phép của việc ấy mà làm.

Hoàng đế ra lệnh cho Tướng Tá và quần thần rằng:

"Tự xưa đến nay, việc cai trị trong nước, tất phải có phép, nếu không sẽ loạn. Bởi thế nên bắt chức đời xưa mà dựng phép, để dạy Tướng Tá quân dân, khiến cho đều biết điều thiện ác. Vậy đều thiện thì làm, điều bất thiện thì lánh, chớ có phạm pháp".

Tháng 2, định phong chức tước cho các công thần: Gồm 121 quân nhân có công cao về sự xông pha vất vả ngoài mặt trận nơi núi đồi, đều được thưởng; hạng công đệ nhất được cho đổi sang họ vua, là bọn Lê Qui, Lê Nhuận gồm 52 người, phong chức "Vinh lộc đại phu **[tờ 46a]** tả kim ngô vệ đại tướng quân" tước "Thượng trí tự"; hạng công thứ 2 được cho đổi sang họ vua, là bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khảo gồm 72 người, phong chức "Trung lương tả phụng thần vệ quân" tước "Đại trí tự"; hạng công thứ 3 được cho đổi sang họ vua, là bọn Lê Lễ, Lê Hiến gồm 94 người, phong chức "Trung vũ đại phu câu linh vệ tướng quân" tước "trí tự"; bổ Đào công soạn chức Hoàng Môn thị Lang.

Ngày 8 tháng 3, Chánh sứ nhà Minh là Lý Kỳ, La Nhữ Kính, cùng phó sứ là Hoàng Ký Từ Vĩnh Đạt mang tờ sắc tới Đông kinh, sách phong Trần Cao làm vua, Hoàng đế sai bọn Ông Khí mang tờ biểu đi theo Lý Kỳ sang triều Minh tạ ơn.

Phong con trai thứ là Nguyên Long tước Lương quận công.

Hoàng đế họp tất cả các tướng văn võ và quần thần **[tờ 46b]** để định công ban thưởng, tùy theo người có công cao công thấp, để phong cấp bậc trên dưới: Phong thừa chỉ Nguyễn Trãi tước quan phục hầu; Tư đồ Trần Hãn chức Tả tướng quân; cơ mật đại sứ Phạm Văn Sào chức Thái bảo, đều được cho đổi ra họ vua.

Chia trong nước làm 5 đạo, mỗi đạo đặt một vệ quân, mỗi Vệ đặt một viên tổng quản, để cho cấp lớn cấp nhỏ, cấp trên cấp dưới, đều có sự liên hệ ràng buộc nhau. Lại đặt chức hành khiển vào các Đạo, để giữ sổ sách, ghi tên quân dân. Sai quan tế thần sông núi miếu xã các nơi, và tế lăng phả các vị vua triều trước. Truy tôn tên thụy cụ Tổ Khảo đời thứ hai.

Tháng 4, Hoàng thượng tới thành Đông Kinh, bèn đóng kinh đô tại đây. Quần thần dâng tờ biểu tôn ngài lên ngôi Hoàng đế, ngài khiêm nhường không nhận, ban lời dụ rằng:

"Những vị vua có công đức lớn, như các vua Vũ Thang, [tờ 47a] Văn và Võ thời Tam đại, mà cũng chỉ tước Vương thôi. Huống chi đức lượng mỏng manh như Trầm, đâu dám nói đến hiệu Hoàng đế, Nay chỉ xưng tước Vương cũng đã quá vậy".

Ngày 15, Hoàng thượng lên ngôi vua tại điện Kinh Thiên, xưng là "Thuận Thiên thừa vận, Duệ Văn Anh Vũ Đại Vương", đặt tên nước là Đại Việt, đổi niên hiệu đại xá thiên hạ, ban lời cáo rằng:

"Việc làm nhân nghĩa, cốt yếu nhân dân, đạo quân điều phạt, trước trừ kẻ bạo. Nước Đại Việt ta, là một nước văn hiến, đối với Trung Hoa, non sông bờ cõi đã khác nhau, phong tục Bắc Nam cũng không giống. Tự họ triệu họ Đinh họ Lý họ Trần, dựng nền độc lập nước ta, cùng triều Hán triều Đường triều Tống triều Nguyên, đều xưng Hoàng đế một nước. Tuy nước mạnh nước yếu không đồng đều, nhưng hào kiệt nước nhà vẫn chẳng thiếu. Thế cho nên [tờ 47b] Lưu Cung Triệu Tiết đánh nước ta, đều phải gánh lấy họa thảm bại; Toa Đô thì bị bắt tại quan Hàm Tử; Ô Mã thì bị giết ở sông Bạch Đằng. Xét vào việc trước, đủ có chứng minh.

"Hồi trước đây, vì chánh sự họ Hồ hà khắc, khiến lòng nhân dân oán thù, người Minh<sup>1</sup> nhân giày xéo dân ta, bọn ác lại mưu toan bán nước. Khắc nghiệt tự đốt dân đen, thảm họa như chôn con đỏ. Kế lừa lương dân, kể có hàng ngàn vạn, đem binh gây chiến, đã hơn 20 năm, thương nhân bại nghĩa, trời đất tối om, thuế nặng sưu cao, non sông vét sạch. Bắt dân kiếm vàng, dầm lam chướng mà phá non dải cát; bắt dân kiếm ngọc [tờ 48a] đục thông luồng mà lặn biển lội sông. Lại sai đặt bẫy như hươu đen, chằng lưới bắt chim biển. Sâu bọ cỏ cây, cũng hết đường sống, diên liên quan, quả<sup>2</sup>, thấy đều không yên. Hút máu sinh linh, cho béo mồm quan lại; hao công hồ mộc, để xây cất thự dinh. Phục dịch nhân công khổ nhọc, làng xóm canh cửi bỏ hoang. những tội ác đó, dù gánh cạn nước biển, rửa chẳng hết nhơ; hoặc chẻ hết trúc rừng, chép không hết lỗi. Thần dân đều giận, trời đất không tha.

"Ta đây khởi nghĩa tự núi Lam Sơn, nương mình nơi nội vắng. Tự Nghi: Kẻ thế thù đâu thể đội trời chung, phường nghịch tặc quyết thù [tờ 48b] không cùng sống. Đau lòng nhức óc, chốc đã mười mấy năm thừa; nếm mật nằm gai, đâu chỉ một ngày nào nọ. Nổi giận quên ăn, đem sách lược thao nghiên cứu; suy chiêm ngắm cổ, thấy đời hưng phế đổi thay. Quyết tâm phục quốc, chẳng lúc nào quên. Khi ta mới khởi nghĩa binh, đúng lúc quân thù đang mạnh".

"Ngặt vì, nhân tài như lá mùa thu, tuần kiệt tựa sao buổi sớm, thiếu kẻ bôn tẩu trước sau, thiếu người mưu mô màn trướng. Chỉ vì, một niệm cứu dân, thường mong thành Đông thẳng tới: cỗ xe cầu Tướng, vẫn trơ bên tả bỏ không. Nhưng, hiền tài chưa thấy, mịt mù như trông cõi trùng dương; thành thực tự mình, gấp bách như vớt người chết đuối. [tờ 49a] Giận chưa giết được bạo tàn; ngán vận suy của nhà nước. Khi ở Linh Sơn, lương thiếu hàng tuần, khi ở Côi Huyện, lính chưa đủ đội. Ấng chừng trời bắt khốn cùng, để trao trách nhiệm, cho nên ta càng cố gắng, mong vượt gian lao. Dựng cờ khởi nghĩa, nhân dân đâu đẩy sum vầy; mở tiệc khao quân, binh sĩ cha con một dạ. Dùng kế sách "nhược chế cường" (nước yếu đánh nước mạnh), đánh vào chỗ hở; theo chiến lược "quả địch chúng" (ít quân đánh nhiều quân), phục đạo kỳ binh".

"Kết quả: Đại nghĩa đã thắng được hung tàn; chí nhân đã thay phường bạo ngược. Trận Bồ Đằng chớp nhoáng sấm vang; trận Trà Lân chẻ tre khói tỏa! Sĩ khí càng hăng, binh uy lừng lẫy! Trần Trí Sơn Thọ, nghe hơi đã tán phách kinh hồn; Phương Chánh Lý An, nín thở mà [tờ 49b] tìm đường thoát chết. Thừa thắng ruổi dài, Tây kinh ta đã thu được; chỉ gươm thẳng tiến. Đông Đô thấy lại về ta. Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm; Tuy động thân năm đây nội, lưu xá ngàn thu. Trần Hợp bị chém đầu, Lý Lượng lại phơi xác,, Vương Thông mưu tính không xong, Mã Anh cứu nguy không nổi. Chúng súc đã cùng, đành khoanh tay mà chết; ta mưu lòng phục, không cần đánh địch tự hàng, Tướng chúng tắt thay lòng mà lui tới, nào ngờ lại gây nghiệt để mua oan: chỉ cố chấp ý kiến của mình, để gây tai vạ cho người khác; tham công trong một thời, mua cười khắp thiên hạ [tờ 50a] Đến nỗi vua Tuyên Đức hiểu chiến không ngừng, lại sai Thạnh Thăng đem đầu chữa lửa. Tháng 9, năm Đinh ty, Liễu Thăng

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép cường Hồ. Có lẽ chép lộn. Xin dịch theo nghĩa chữ "cuồng Minh".

<sup>2</sup> Diên liên: Những người cùng quần, không có thân thích, không biết trông cậy vào đâu được. Quan: Người đàn ông góa vợ. Quả: Người đàn bà góa chồng.

dẫn quân do Khâu Ôn tiến, cũng tháng này Mộc Thạnh chia đường tự Vân Nam sang. Ta điều binh giữ hiểm, bẻ gãy nhuệ phong; lại sai lính chặn đánh ngang, tuyệt đường lương thảo. Ngày 18, trận Chi Lăng Liễu Thăng bị thua, ngày 20, trận Mã Yên Liễu Thăng bị giết, ngày 25, Đinh Bá Lương Minh tử trận, ngày 28, thượng thư Lý Khánh quyền sinh. **[tờ 50b]** Ta thừa thế lia đao chẻ trúc, chúng vội vàng ngã giáo vào thành. Liên thêm lính vây thành bốn mặt, hẹn giết giặc vào giữa tháng mười. Bèn tuyển quân tùy hổ, ra lệnh Tướng trao nha, gươm mài mòn đá núi, voi uống cạn nước sông, đánh một trận quét quân kinh ngạc, trận thứ hai tan lũ chim muông. Tổ kiến hồng phá toang đê lớn, qua cơn dông rụng hết lá khô. Đô đốc Thôi Tự quì chân xin lỗi, Thượng thư Hoàng Phúc tự trói ra hàng. Thân chất đầy đường hai tỉnh Lạng, máu trôi nhuộm đỏ nước Xương Bình! Khiến cho gió mây thay đổi sắc, nhật nguyệt kém hào quang! Quân Vân Nam bị ta ách ở Lê Hoa, **[tờ 51a]** quá sợ hãi mà vỡ toang mật; quân Mộc Thạnh nghe tin Thăng thua ở Căn Trạm, dẫm lên nhau để chạy thoát thân! Lãnh câu máu chảy trôi cây, nước sông rền rĩ; Đan xá thân chông như núi, cỏ nội đượm hồng! Hai đạo viện binh, thua trận chưa hề trở gót; các thành cùng khốn, ra hàng đều phải bó gươm. Bắt tên đầu đảng, chúng van lơn như hổ đói múa đuôi; không giết là oai, ta thể tất tẩm lòng nhân Thượng đế. Cấp năm trăm thuyền cho Mã Kỳ Phương Chánh, ra ngoài biển mà còn phách lạc hồn bay; cấp mấy nghìn ngựa cho Vương Thông Mã Anh **[tờ 51b]** về tới Tàu mà vẫn tim rung gân giật! Chúng đã sợ chết mà cầu hòa, tỏ lòng thành thực; ta muốn toàn quân là Thượng Sách, dân được nghỉ ngơi. Đó là mưu kế rất sâu xa, việc này xưa nay chưa từng có".

"Xã tắc tự đây vững bền, non sông tự đây đổi sắc, kiến khôn đang bĩ lại thành hanh, nhật nguyệt đã mờ bừng sáng chói. Dựng nền thái bình muôn thuở, rửa sách ô nhục ngàn thu. Đó là nhờ trời đất tổ tiên phù hộ độ trì, mới được như vậy".

"Than ôi! Một mảnh áo nhung, dựng nên huy hoàng công nghiệp, bốn phương phẳng lặng, ban bố tờ cáo duy tân. Truyền khắp gần xa, thấy đều nghe biết".

Ban tờ chiếu khắp thiên hạ: Các **[tờ 52a]** thứ thuế ruộng đất, đầm trì, bãi dâu, và trưng thu vàng bạc, đều được miễn thuế trong 2 năm; trong các Lộ, ai tự 70b tuổi trở lên, được miễn sai dịch; có người con hiếu, hoặc người vợ thủ tiết; thì quan đầu Lộ tâu lên triều đình để ban khen thưởng; nhà nào có 3 người tòng quân, thì cho được miễn 1 người; Huyện nào có lăng mộ hoặc miếu thờ các vị Đế Vương hoặc Công Thần thời trước, thì quan đầu huyện tâu lên triều đình, để cấp lương cho người phu trồng coi nơi đó.

Ngày 20, ban tên húy hiệu cho các Thần thờ tại các Miếu.

Tháng này sông Nhĩ Hà bỗng sản xuất vàng, quần thần bèn dâng tờ biểu tâu mừng về việc này.

Tặng hiệu Trung Vũ Đại Thần cho Bình Chương Sự là Lê Thạch; dùng Lê Tri Vận vào Ban tri tả hữu; phong chức Tổng tri vệ Xa Kỳ cho Liệt hầu Nguyễn Lỗ.

Hoàng đế ra lệnh sai trị tội các ngục quan đã theo giặc Tàu.

Sứ thần Lê Thiếu Dĩnh sang sứ triều Minh trở về.

Tháng 4 nhuận, **[tờ 52b]** Hoàng đế sai các đại thần, lại bàn định thể thức bổ các quan Lộ quan Huyện và quan giữ các nơi cửa biển quan trọng, chọn những hạng tinh thông và có đức thanh liêm chính trực, thì các quan tiến cử, để sung bổ các chức trên.

Đúc quả ấn "Thuận thiên bảo tử".

Ngày 12, tháng 5, Hoàng đế triệu các đại thần vào triều, bàn định luật lệnh về các chức quan Lộ quan Trấn và đồng ban, cùng điều lệ về tước trật.

Tháng 6, Hoàng đế sai khảo hạch các quan trong triều ngoài quận, chia làm ba bậc. Lại ra mệnh cho các quan văn quan võ đại thần, tiến cử người hiền tài, sẽ được thưởng, nếu vì tiền của hoặc vì thân thích, mà tiến cử người không xứng, sẽ bị tội.

Ngày 26, Hoàng đế ban chỉ hỏi các đại thần văn võ rằng:

"Trẫm là người thế nào, mà mệnh trời trao cho chức Đế Vương ? Và trẫm nhờ ở điểm nào mà dựng nên được công nghiệp lớn này ? Hiện nay, **[tờ 53a]** công việc nơi triều đình rất phức tạp, việc gì



nên làm trước, việc già nên làm sau ? Hiện các Tướng trong triều, ai là người đảm nhiệm được nhiệm vụ trọng đại, có thể ủy thác được mệnh lệnh ngoài nghìn dặm ? Và ai có thể phụ đạo cho Thái tử ?".

Tháng 8, dùng ngày sinh nhật của Hoàng đế làm tiết "Vạn thọ" hàng năm.

Tháng 10, định số ngạch cho mỗi đạo quân bao nhiêu cờ quạt, nghi trượng khí giới và thuyền ghe; đổi chức Hỏa đầu ra Chánh đội trưởng và Phó đội trưởng.

Tháng 9, ban chiếu định phẩm trật chức tước các quan văn võ; cho các vị công thần được đổi sang họ nhà vua (họ Lê).

Ngày 19, sứ thần nhà Minh là La Nhữ Kính sang nước ta, đòi ta tìm dòng dõi họ vua Trần, để dựng làm vua; và xét số quan lại quân nhân Tàu còn lại nước ta bao nhiêu, đưa trả hết thảy về Tàu. Hoàng đế sai Hà Lật dẫn sứ bộ sang triều Minh.

Tháng 10, Hoàng đế ban mệnh cho Hà Công Soạn được tham bàn việc chánh trị.

Ngày 1, tháng 11, Hoàng đế sai Đỗ Như Hùng sang sứ triều Minh.

Ngày 24, giết hết đảng phản nghịch là bọn: Trần Phong, **[tờ 53b]**, Lương Nhữ Hốt, An Vinh, Đỗ Duy Trung, tên Tôn, tên Sĩ Văn, tên Sùng Lễ và tên Xác. Ban tờ chiếu khắp nơi, cho biết tội của bọn này là: Trước đã làm quan với giặc Minh, khi đã hàng triều ta, lại âm mưu định phản nghịch.

ngày 25, lập sổ điền và sổ đinh.

ngày 28, ban mệnh cho quan viên và quân nhân khắp thiên hạ, cho biết đến tháng 5 sang năm, tới Đông kinh dự thi: Ban văn thì thi về Kinh sử, ban võ thì thi về Võ kinh và Pháp lệnh kỳ thư.

Tháng 12, xây cất điện Vạn Thọ; dựng hai điện Tả và Hữu; dựng điện Cần Chánh và điện Kính Thiên. Tạo binh khí và ghe thuyền. Đúc tiền "Thuận thiên thông bảo".

Năm Kỷ Dậu niên hiệu Thuận Thiên thứ 2 (1429), mùa xuân, tháng giêng, cấm không được đánh cờ bạc, **[tờ 54a]** sẽ bị phạt tội chặt tay, những kẻ tụ tập uống rượu, sẽ bị phạt tội đánh 100 roi. Nhưng trong đám rượu trà đó, có kẻ nào còn giữ được thái độ đứng đắn, sẽ giảm tội cho một bậc.

Ngày 7, Hoàng đế sai Nội kiểm hiệu Bình chương sự là Lê Văn, Đại tư mã Lê Ngân và Thiếu phó Lê Văn Linh truyền tờ kim sách dựng con trưởng Hữu tướng Khai quốc quận công là Tư Tề làm Quốc vương, được tạm coi việc trong nước; lại sai Tư khấu Lê Sát, Tư không Lê Nhân Chú, Tư mã Lê Lý, và Thiếu úy Lê Quốc Hưng truyền tờ kim sách lập con thứ Lương quận công là Nguyên Long làm Hoàng Thái Tử.

Tháng 9, Hoàng đế ban mệnh cho các quan: Ban võ tự chức Tổng quản trở lên, ban văn tự chức hành khiển trở lên, vị nào có con trai tự 9 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, được vào hầu Thái tử; ban võ tự chức Đồng tri trở xuống; ban văn tự chức Thượng thư trở xuống, vị nào có con trai tự 9 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống, được vào trường Quốc giám học tập.

**[tờ 54b]** Ngày 22, Hoàng đế họp các đại thần văn võ bàn việc quốc gia:

Có những con em của các chiến sĩ, đã từng chiến đấu ngoài trận, hiện không có một thước đất để ở. Thế mà những phường du thủ du thực, không làm một việc gì ích lợi cho nước, lại có rất nhiều ruộng đất; cả đến bọn trộm cướp cũng vậy. Bởi thế ai cũng ham chuộng làm giàu, mà không có người tận tâm với nước. Vậy ban sắc chỉ cho các đại thần, bàn định số ruộng cấp phát cho quân dân; Từ hạng đại thần trở xuống, cho tới hạng già yếu, mồ côi, góa chồng, góa vợ, hạng nào đáng được cấp bao nhiêu ruộng đất, kê rõ tâu trẫm xét.

Ngày 21, tháng 2, ban mệnh lệnh cho các Tướng Tá quân sĩ các Vệ trong 5 Đạo, đến ngày 27 tập trận cả thủy binh và bộ binh. Sau khi tập trận, chia số quân sĩ làm 5 Phần, lưu lại 4 Phần, còn cho về theo nghiệp nông.

**[tờ 55a]** ngày 26, Hoàng đế ban chỉ dụ cho các đại thần và các quan hành khiển rằng:

"Các khanh như thấy mệnh lệnh của trẫm, hoặc có điều nào bất tiện trong việc quân việc nước; hoặc vô cơ bắt dân phục dịch; hoặc đánh thuế nặng, hoặc tà dâm; hoặc bạo ngược, lập tức phải tâu xin sửa chữa, không được theo xuôi.

"Các Ngôn quan (các chức Ngự sử), như trẫm có chính sách hà khắc, đánh thuế nặng, bạo ngược dân lành; hoặc thưởng công phạt tội không công minh, không theo phép cổ, phải tâu ngay; thấy các đại thần, các Tướng Tá, các công chức, có ai không tôn trọng pháp luật; nhận hối lộ, nhiễu hại dân lành, hoặc thiên vị kẻ trái, phải đàn hạch ngay. Nếu thấy ai phạm những điều trên, mà dung túng không nói, lại còn khen những việc nhỏ mọn, và nói những câu không căn cứ, sẽ bị phạt theo luật pháp. Còn lỗi của các quan khi vào sân điện, như có ai vận áo mũ giày dép không đúng phép, hoặc đi đứng ngang dọc không đúng lễ độ, những lỗi này đã có các Tổng quản đạo quân Thiết độ **[tờ 55b]** chỉ huy viện Nội mật xét hỏi. Các ngôn quan không được đàn hạch".

Ban tờ chiếu bắt giam Thái úy Hữu Tướng quốc là Trần Nguyên Hãn, Hãn liền tự sát.

Định lệ thổ trạch cho các quan và dân.

Tháng 5, phong chức công thần cho 93 viên; thứ đến phong tước Huyện thượng hầu, Á hầu, Khanh hầu, và Đình hầu, tùy theo từng hạng.

Hoàng đế ban mệnh rằng:

"Những bậc hào kiệt có tài văn võ, mà còn bỏ sót chưa người tiến cử, hoặc bị kẻ thù kiềm hãm, hãy tới ngay sở Thiếu phó Lê Văn Linh, tại đây xét thực về tài đức, sẽ tâu trình bổ dụng. Chỉ cốt được người có tài có đức, chứ không câu nệ về sự đã ra làm quan với Minh, hoặc kẻ sĩ thường".

Ngày 26, Hoàng đế ban mệnh cho quân nhân các Phủ các Lộ, và những kẻ sĩ ẩn dật nơi sơn lâm, **[tờ 56a]** có kẻ nào thông kinh sử văn nghệ, thấy đều tới Sảnh đường dự thi vào ngày 28 tháng này. Kẻ nào trúng tuyển sẽ được bổ dụng.

Ngày 28, Hoàng đế ban mệnh cho các quan văn võ trong triều ngoài quận, có ai tinh thông Kinh sử, thấy đều tới Sảnh đường dự thi vào ngày 29 tháng này.

Ngày 20 tháng 6 khảo thi các vị tăng đạo tại sảnh đường.

Tháng 7, Hoàng đế họp các vị đại thần và các quan trong triều ngoài quận, bàn về tiền tệ, ngài ban chiếu rằng:

"Tiền là một thứ rất cần thiết, như huyết mạch của nhân dân, không thể thiếu được. Nước ta đút tiền ít ỏi, lại vì số tiền đồng cũ của ta, đã bị người Minh<sup>1</sup> tiêu hủy rất nhiều, chỉ còn chừng một phần trăm thôi. Hiện nay sự tiêu dùng về việc quân việc nước thiếu thốn. Muốn cho sự lưu thông tiền tệ dồi dào, lại được thuận lòng dân, há chẳng khó lắm ru?. **[tờ 56b]** Ngày nọ, có kẻ dâng thư, xin tiêu dùng bằng phép "sao"<sup>2</sup>, để thay cương vị đồng tiền. Nhưng trẫm nghĩ kỹ, như vậy chưa thỏa đáng. Nghĩa là "sao" là một thứ vô dụng, mà đem thi hành vào những sự hữu dụng trong dân gian, thực không phải là cách dùng tiền có ý thương yêu dân, như thời xưa coi vàng bạc tiền và "sao" không quan hệ, không đẳng nào hơn. Nay các đại thần, các quan, và các kẻ sĩ thông hiểu thời vụ, hãy đều bàn về lệ đồng tiền, thế nào cho thuận dân tình, ngõ hầu khỏi tiếng: đem ý muốn của một người, cưỡng ép ý muốn muôn nghìn người. Cần được một qui chế tiền tệ rất đúng, không thể không sớm bàn định tâu lên, trẫm sẽ lựa chọn thi hành".

Ngày 16, tháng 9 Hoàng đế chỉ huy đại thần và các quan rằng:

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép "Hồ Nhân" (người họ Hồ). Nhưng xét nếu là họ Hồ thì chép "Hồ thị" chứ không phải "Hồ nhân". Như vậy đủ rõ là chép lầm. hoặc do chữ "Minh nhân" (người nhà Minh) chép lộn ra chăng? Vậy xin dịch theo nghĩa chữ "Minh nhân".

<sup>2</sup> Sao: là tiền giấy. Thời kim (Trung Hoa) có đặt ra thứ tiền giấy để tiêu dùng, cùng với tiền thực: Có 5 hạng tự một quan tiền đến 5 quan tiền gọi là "đại sao" và 5 hạng tự 100 đồng tiền đến 700 đồng tiền, gọi là "tiểu sao".

**[tờ 57a]** "Tự nay trở đi quan nào nói công việc, nên lấy việc quân việc dân làm cần thiết, không được vị tư tình, cần phải hợp lý. Trẫm thường nghiệm về tình lý các việc, như việc tiến cử, hoặc xử kiện, cùng các việc công tư, thấy đều có sự ẩn giấu thay đổi, đủ biết các quan chức ít người trong sạch, phiền nhiễu như đục. Nay trẫm xét thấy 2 việc xử tù phạm Mông Vân và tù phạm Lương Châm, mới biết tình trạng thực hay giả của các quan, cho nên nói lời này. Vậy các bầy tôi nên tận thành để thờ vua, chớ có vị tư hại công, sẽ hối không kịp! Nay ban chiếu thị, cho thấy đều nghe biết".

Ngày 27, Hoàng đế chỉ huy ban huấn thị cho đại thần và các quan: Phải lưu ý về nghề nông của dân; về quân sự, cần chỉnh đốn hàng ngũ, tu sửa khí giới ghe thuyền.

**[tờ 57b]** Ngày 1, tháng 10, Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm nghĩ: Trị nước cần ở được người hiền, mà sự được người hiền tất do người tiến cử. Thế cho nên các vị Đế Vương đều lấy việc đó làm cần thiết ưu tiên. Thời thịnh đời xưa các quan tại triều, thường có ý nhường người hiền tài lên cấp trên mình, cho nên dưới dân gian không có người hiền nào bỏ sót, công việc quốc gia không việc nào bỏ bê, trở nên một nền thái bình thịnh trị. Đến như các bầy tôi nhà Hán nhà Đường, thấy đều biết suy nhường kẻ hiền tài, người nọ dẫn tiến người kia, như Tiêu Hà tiến cử Tào Tham, Ngụy Vô Tri tiến cử Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến cử Trương Cửu Linh, và Tiêu Tung tiến cử Hàn Hưu. Tuy tài của các người này, có cao thấp không đều, nhưng thấy đều là được hiền tài và xứng chức.

**[tờ 58a]** nay trẫm đảm nhiệm trọng trách này, lúc nào cũng lo sợ, như người tới đằm sâu, chỉ vì một nỗi chưa được hiền tài phụ tá. Vậy các khanh văn võ đại thần, công hầu đại phu tự tam phẩm trở lên, mỗi vị phải tiến cử một người, bất luận người đã làm quan tại triều, người chưa làm quan còn ở thôn dã, hễ có tài văn võ trí thức, có thể cai trị nhân dân, trẫm sẽ tùy tài bổ dụng.

Sự tiến cử hiền tài được trọng thưởng, đó là đạo thông thường tự thời xưa. Vậy vị nào tiến cử người hiền trung bình, sẽ được thăng tước hai cấp. Nếu cử được người tài đức tuyệt đối, sẽ được thưởng rất hậu.

Đã đành rằng vậy. Nhân tài trên đời vốn không phải hiếm, nhưng cách cầu tài đâu phải chỉ một lối nào. Hoặc có người có tài kinh luân thao lược, **[tờ 58b]** mà vẫn phải làm quan cấp dưới, không người tiến cử, và những bậc hào kiệt, vẫn còn ẩn phục ở nơi thảo dã, hoặc lẫn trong hàng ngũ quân nhân. Những hạng này nếu không tự tiến, làm sao trẫm biết được. Vậy tự nay các bậc hiền tài, như muốn theo giúp ta, hãy cứ tự tiến. Thời xưa Mao Toại tự tiến theo Bình Nguyên Quân, Ninh Thích tự tiến giúp Tề Hoàn Công, mà đều không cậu nệ về điểm vụn vặt đó.

Từ ngày ban tờ chiếu này, các quan chức đều nên lưu tâm thành thực tiến cử hiền tài; các bậc hiền tài hãy còn hàn vi ở nơi thôn xóm, hãy nên tự tiến, đừng lấy sự đem ngọc bán rau làm hổ thẹn, khiến trẫm phải than thở về nỗi thiếu nhân tài.

Ngày 13, nhà Minh sai Lý Kỳ và Từ Vĩnh Đạt cùng đi với Hà Lật sang nước ta, lại đòi tìm dòng dõi vua Trần để dựng làm vua, và đòi binh sĩ cùng khí giới do ta đã bắt mà chưa trả về hết.

Ngày 18, Hoàng đế chỉ huy **[tờ 59a]** các đại thần và các cấp tổng quản hành khiển trở xuống rằng:

"Cổ nhân có câu: "Quân bất trạch tướng, dĩ kỳ quốc dữ địch dã" (nếu vua không tuyển được tướng giỏi, tất sẽ đem toàn quốc dâng cho bên địch). Trẫm thường nghĩ vào câu này, không lúc nào quên, cho nên đem quân sự chánh trị trọng đại, giao phó các khanh, thế mà các khanh cứ nghiêm nhiên không hề để ý. Như vậy, đối với trên, phụ ý triều đình đã phó thác; đối với dưới không hề thương xót quân dân! Sao mà trễ nãi bốn phận quá như vậy ?.

Nay ban tờ chiếu này răn bảo, nếu các khanh không đổi lỗi, vẫn cứ lơ đãng như thế, thì nước ta đã có pháp luật đầy. Lúc ấy đừng bảo trẫm phụ những bầy tôi đã từng có công lao.

Ngày 29, Hoàng đế sai bọn Đào Công Soạn, theo bọn Lý Kỳ đi sang nhà Minh (Trung Hoa).

Tháng 11, Hoàng đế đi thăm Tây Kinh, ngài lễ yết lăng tiên tổ ở trên núi, và ban thưởng cho các Tướng sĩ hộ tòng, mỗi viên được thăng tước một cấp; các tước "thượng trí tự", **[tờ 59b]** "đại trí tự" đều

được thăng tước một tự. Những vị con cháu đã được phong tước Hầu, và những vị không có công lao, đều không được dự lễ này.

ngày 19, tháng 12, Hoàng đế ra mệnh cho các quan Phủ Lộ Châu Huyện Xã:

"Xã nào có nhiều ruộng ít người, có ruộng bỏ hoang, thì quan bản hạt cấp số ruộng ấy, cho những người xã khác hiện không có ruộng, đến cày cấy, những chủ điền xã ấy không được chiếm giữ. Nếu kẻ nào trái mệnh này, sẽ phạt về tội "cưỡng chiếm".

Năm Canh Tuất, niên hiệu Thuận Thiên thứ 3 (1430), ngày 10, tháng 6, định ngạch các thứ thuế; ban các luật lệ; đổi Đông Đô gọi là Đông Kinh; Tây Đô gọi là Tây Kinh.

Ngày 24, Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Chuộng nhà cửa cung đài cao đẹp, tất gây nên thói kêu sa; theo ý mình mà trái lòng người, sẽ vờ mọi người oán ghét. Trẫm rất lo về điểm này, [tờ 60a] cho nên tự nghĩ, những cung điện huy hoàng tráng lệ đây, đều là sức lao động của quân dân, trẫm được ngự yên, vẫn còn lo không xứng. Thế mà các quan văn võ, còn thường sắm lễ dâng mừng, thực là trái ý trẫm. Vậy từ nay, dù gặp ngày khánh tiết, các quan không được dâng biểu xưng tụng công đức, và không được bày ra tiệc mừng yến ẩm xa hoa".

Sai Hành quân Tổng quản là Lê Khôi đóng quân tại Hoá Châu, để trấn nước Chiêm Thành.

Ngày 17, tháng 11, Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm nghe có câu: "Chánh sách nước nào theo đạo trị, thì nước ấy rất hưng thịnh, nếu theo đạo loạn, sẽ diệt vong". Thế cho nên những bậc biết làm chánh trị, thường chọn điều thiện để theo, điều bất thiện thì đổi. Truyện có câu rằng: "Điều thiện là thầy của người ta, điều bất thiện là thù của người ta"; Kinh thi có câu: "Cái gương để nhà Ân soi, phải tìm đâu xa, ở ngay đời vua nhà Hạ". Vua tôi chúng ta, [tờ 60b] nên lấy câu này làm qui thức. Họ Trình<sup>1</sup> xưa, cậy sự giàu có của mình, không nghĩ đến sự khốn cùng của dân, chuộng vẽ trang hoàng, ham bề tửu sắc, lúc nào cũng bày những trò chơi vô ích: Đánh bạc đánh cờ, chơi gà thả cá, bôn nuôi cá vàng, chuồng nuôi bách thú, khoe khoang mẹo khôn, để tranh thua được; quên cả thiên hạ, chẳng hề để tâm. Những tội oan uổng, bị quan lại câu lưu, hàng 2,3 năm chưa hỏi đến; những bậc thân sơ, bị kẻ hầu ngăn trở, hoặc 2,3 tháng không tâu trình. Các Tướng lập thành bè đảng, triều đình không kẻ can ngăn. Đến nỗi, con cháu chí thân, hãm hại bởi kẻ bày tôi gian xảo; toàn quyền trong nước, chuyển dời xuống tay [tờ 61a] trá nịnh nhân gian. Lòng dân oán than mà không biết, đạo trời khiển trách cũng không hay, chánh giáo suy đồi, kẻ cường rồi loạn. Tuy rằng họ Hồ làm việc bất trung, nhưng cũng bởi lòng trời ghét những đức xấu đó, cho nên mượn tay người khác vậy.

Sau khi họ Hồ đã dùng trí gian để cướp nước, lại đem trí gian ức hiếp dân. Đặt ra lệnh bảo sao<sup>2</sup>, thì dân đều oán là thiệt thòi nguồn sống; ban ra lệnh di dân, thì dân đều oán vì phải bỏ quê hương. Thêm vào đấy sưu cao thuế nặng, luật ngặt hình nghiêm, chỉ chăm ích mình, không lo hại nước Hời họ mạc, đều phong cho chức quan cao; nịnh nọt tiểu nhân, thấy đều ơn vinh trọng dụng. Hễ mừng thì thưởng, nhân giận bắt tù, trung trực ngậm tằm, ngay lành oan uổng, [tờ 61b] Thế mà vẫn kêu ngạo tự tôn, không sợ mệnh trời ra tai nạn. Tuy rằng giặc Ngô tham tàn, nhưng cũng do lòng trời ghét kẻ nghịch đó, cho nên mượn tay người Ngô vậy.

Sau khi người Ngô đã lấy được nước ta, không dùng khoan thay ngược, lại càng tàn bạo hơn. Ham giết người để thị oai, coi mệnh người như cỏ rác, bắt vợ con dân nước ta, đào lăng tẩm vua nước ta. Cấm nấu muối khiến dân khốn vì ăn, đòi vải vóc để dân khổ vì dệt, bắt dân tìm vàng ngọc, bắt dân cống voi tê, hình chánh phiến hà dân hết đường sống. Kẻ mắc tội oan chỉ vạch trời kêu mới thấu; những người trung nghĩa, thấy đều nghiêng lợi cảm hờn! Ai ai cũng nguyện liều chết giết giặc thù. Thế cho nên ta vừa dựng cờ khởi nghĩa, tức thì hào kiệt bốn phương nổi dậy như ong, cùng đánh cho người Ngô tan rã. [tờ 62a] Đó là người Ngô chỉ biết dùng bạo lực để lấy nước, mà không biết đem ân huệ để an dân.

<sup>1</sup> Chữ "họ Trình" hoặc chép lộn chẳng ?

<sup>2</sup> Bảo sao: là loại tiền giấy, xem số 2 trang 91.

Tuy vì trẫm có đại nghĩa mới được lòng dân, nhưng cũng do trời ghét sự tàn bạo đó, nên mượn tay trẫm vậy.

Những sự kể trên, đều bởi các quan chức không biết thể lòng vua, thi hành chánh trị tốt. Trong thì che giấu nhằm lừa dối với vua, ngoài thì lập thành đảng phái đối với chúng, không có lòng trung tuấn quốc, chỉ chăm lo kế vinh thân. Đến nỗi nước mất nhà tan, vua tôi đều nhục! Chúng ta há chẳng lấy đó làm gương ru ?

Buổi sớm ban tối, trẫm chưa hề giây phút nào quên những nỗi niềm đó, là vì rất sợ như cái xe trước, đã bị lọt hố đổ kèn, mà cái xe sau lại hăm luôn vào vết ấy. Cho nên luôn luôn nói đi nói lại, răn dạy các khanh, đã nói hàng nghìn vạn lời, [tờ 62b] đã ban hàng chín mươi dụ, thế mà các khanh vẫn coi như mớ văn suông, không hề tuân theo lời dạy, không hề thay đổi lỗi xưa, vẫn cứ làm điều trái phép, ngược dưới nhờn trên.

Những bầy tôi cũ, đã từng dự phần khó nhọc, cật công mà kêu hoạnh, có phạm vào những sự nhằm lỗi, còn có thể tùy theo việc nặng nhẹ mà châm chước, hoặc tha hoặc không tha<sup>1</sup>. Còn như hạng tân tiến, bởi thấy thể quân đã mạnh, việc nước đã xong mới di tuyên mưu đồ công danh, đó là hạng theo việc đã thành. Thế mà phạm việc nhằm lỗi, há có thể trái luật pháp mà tha được ru ?

Nay đã ban lời ngăn cấm răn dạy này, mà kẻ nào vẫn không nghe không đổi, thì chính kẻ ấy tự mang lấy tai vạ, chứ không phải là lỗi không khuyên răn của trẫm.

**[tờ 63a]** Tự nay, từ các đại thần Tổng quản, cho tới các cấp đội trưởng, cùng các quan Tỉnh Viện cục, có chức trách quản quân trị dân, thấy đều nên dụng tâm công bằng, làm việc cần mẫn thờ vua thì tận trung, với bạn thì hòa nhã, bỏ thói tham ô, trừ nết ngạo mạn, dứt lối riêng tư bằng đảng, đừng theo thói cũ lỗi lầm. Coi công việc của quốc gia là công việc của mình; mỗi lo của dân chúng tức mỗi lo của mình, tận trung hết sức phò trợ nhà vua. Khiến cho xã tắc yên như núi Thái Sơn; cơ đồ vững như bàn đá! Sẽ cùng hưởng tước lộc với trẫm đời nay; sẽ cùng truyền thanh danh về hậu thế. Đại nghĩa vua tôi, trước sau trọn vẹn. Như vậy há chẳng đẹp ru ?

**[tờ 63a]** Ôi nếu đàn gậy không êm, thì đổi dây tơ cho đúng điệu; hoặc xe trước đã đổ, thì đi lối khác kiếm đường bằng. Các quan chức ta hãy soi vào đấy.

Nay bố cáo quần thần trong triều ngoài quận, đều nên biết rõ.

Mồng 1, tháng 8, vì có tai dị, nên Hoàng đế ban tờ chiếu tự nhận lỗi.

Ra lệnh quần thần dâng thư đưng trong phong bì kín.

Tháng 10, bổ Đào Công Soạn kiêm chức Thượng thư bộ Hộ, và chức Tham tri đồng đạo quân dân bạ tịch.

Tháng 11, vì Thổ tù ở châu Thạch Lâm tỉnh Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái ở châu Thượng Lãng, liên kết với Trần Hãn làm phản, Hoàng đế bèn hạ chiếu thân chinh, và tuyển bộ binh ở bãi Bồ Đề.

**[tờ 64a]** Năm Tân Hợi, niên hiệu Thuận Thiên thứ 4 (1431), mồng 1, tháng giêng, Hoàng đế sai Lê Như Lãm và Hà Lật sang sứ nhà Minh cầu phong Vương.

Hoàng đế ban tờ chiếu rằng:

"Đạo kinh luân thiên hạ, phải tính ban đầu để yên lúc cuối, phải lập pháp luật để lưu về sau. Thế cho nên, cha làm con nối, đạo nhà tất hanh thông; anh truyền em tiếp, nền nước sẽ bền vững. Các bậc Đế Vương thời xưa, lo tính công việc rất sâu và xa.

Trẫm thân mặc áo giáp, đầu dải tuyết sương đã 13 năm nay, kể cũng khó nhọc, nay trí nhớ hơi kém, tuổi cũng đã cao mà việc nước rất nhiều, khó lòng một mình liệu lý.

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép: "hoặc khả nộ, hoặc bất khả nộ" (hoặc đáng giận, hoặc không đáng giận). Xét không hợp văn lý. Hoặc 2 chữ "nộ" (giận) trong câu, đều do hai chữ " thứ " ( tha) chép lộn ra chẳng ? Xin dịch theo nghĩa chữ " thứ ".

Xét thấy thời xưa, cũng có khi dùng quyền thay kinh, mà hợp với đạo thánh hiền, dựng anh truyền em, mà ngôi vua dài vững. Vậy châm chước tùy thời, dựng làm phép tắc.vvv

**[tờ 64b]** Như Tư Tề (con trưởng) hiện đã lớn tuổi, vào hạng thành nhân. Tuy liệu việc chưa được kín đáo tinh vi cho lắm, nhưng mắt thấy tai nghe, cũng đã từng trải qua nhiều việc. Hãy cho tạm coi việc nước, để giúp đỡ trăm. Nguyên Long (con thứ), tính tuy minh mẫn nhưng tuổi còn non, hãy nên nuôi dưỡng dự trữ trong Thanh Cung, chờ ngày đức tính đầy đủ. Khi nào Tư Tề lên ngôi chấp chánh, thì lúc ấy Nguyên Long lại coi việc nước việc quân. Đó là theo việc đã làm của thời Triệu tống xưa. Con cháu đời sau, cũng nên theo nghĩa truyền ngôi như vậy mãi mãi. Sau đây hoặc có kẻ nào không theo lời trăm, bàn luận trái lại, viện dẫn lời chê Triệu Phổ nhằm lẫn<sup>1</sup>, để thay đổi phép nhất định trong tờ chiếu này, thì kẻ ấy chỉ là phường siểm nịnh, chực đem mưu gian để tính kế **[tờ 65a]** sẽ được như Vương Mãng và Tào Tháo<sup>2</sup>, chứ không phải tận trung với nước, pháp luật tất không tha.

Nay ban tờ chiếu này cho quần thần văn võ, để được biết ý nghĩa truyền ngôi đã định, và giải điểm nghi hoặc về bàn luận bất nhất, Các người đều nên hiểu rõ.

Hoàng đế soạn bài "Hậu tự huấn", để răn Quốc Vương (Tư Tề) và Thái tử (Nguyên Long) rằng:

"Ta thường nghe: Đế Vương nhường ngôi, tất truyền lại cả phép hay và phép trị; đời vua truyền nối, thường lưu lại cả lời dạy và lời răn. Tuy cảnh ngộ mỗi thời một khác, nhưng việc làm thấy đều giống nhau.

Ta đích thân phát hết gai góc, bừa phẳng bạo tàn, thường lấy áo giáp làm đồ mặc, nội cỏ làm cửa nhà, trải bao nơi nguy hiểm, xông pha trước giáo gươm, mới quét sạch phong trần (giặc), **[tờ 65b]** dựng nên cơ nghiệp, công cuộc kinh doanh, đã từng vất vả.

Nay chúng mày không có công lao như ta, mà được hưởng cơ nghiệp của ta. Vậy những yếu điểm về việc nước, việc quân, đều phải để tâm say nghĩ, cố gắng mà làm đừng nên trễ nải. Đối với họ Thân, nên hết tấm lòng thân ái; đối với nhân chúng nên ban chánh sách khoan nhân. Đừng vì ơn riêng mà lạm thưởng; đừng vì cơn giận mà ra hình; đừng mưu sinh lợi để xa hoa; đừng gần con hát sinh dâm đặng. Đối với quần thần cần nghe can gián. Một chánh lệnh một việc làm, đều noi lẽ chính, để làm phép thường. Như vậy mới có thể hợp lòng trời và đủ tin cho dân chúng **[tờ 66a]** Quốc gia sẽ được bình yên lâu dài. Nếu tự cậy thông minh, dùng kẻ thân cận. Truất bầy tôi của ta, đổi chính sách của ta, biến cải gia pháp, sơ khoáng họ thân, xa người thẳng ngay, gần kẻ nịnh nọt. Chỉ làm những việc vui đùa; chỉ ham những vật đẹp mắt. Không theo thói cần kiệm; không nghĩ công gian lao. Có khác gì cổ nhân đã nói: "Cha dựng ngôi nhà mà con không biết sửa sang; cha đã gieo mạ mà con không biết cấy gặt ". Như vậy sao có thể nối được chí ta, hưởng được nghiệp ta, để truyền ngôi lâu dài được.

Và lại, người dân thường mến phục vua nhân đạo, mà chính người dân cũng có thể lật đổ vua. Ví như nước thường chở thuyền, mà thuyền đắm cũng vì nước; trời thường giúp người có đức, mà thay đổi bất thường cũng chính là trời vậy.

Tuy thánh như 4 vua Thuấn Vũ Thang Văn, mà vẫn nơm nớp lo sợ, kính trời chăm dân, không phút nào ngừng, huống chi hạng tài đức kém các vua trên ru ?

Phàm những vua nối ngôi, chỉ sinh dưỡng trong cung điện, thường được yên vui, không biết lập chí. Nếu không răn dạy ngay lúc ban đầu, cho biết sợ hãi cảm kích, thì đâu có biết hết đạo nối ngôi, mà ban phúc cho thiên hạ. Bởi thế, không thể dùng được mà ban lời răn dạy này.

Ôi! vua Khải vua Vũ thời xưa, đều làm trọn đạo nối ngôi, cho nên vua Khải tại vị lâu dài, **[tờ 67a]** vua Vũ lừng danh con hiếu.

Chúng mày nên ghi nhớ lời nói ta đây, và theo đời thánh hiền thời trước.

<sup>1</sup> Khi Đỗ Thái hậu nhà Tống bệnh nặng, vời Triệu Phổ vào nhận di mệnh, dặn vua Tống Thái Tổ sẽ truyền ngôi cho em trai là Quang Nghĩa, bảo Triệu Phổ ghi nhớ lời đó. Triệu Phổ xin tuân mệnh, bèn lập tờ ước thệ, rồi ký tên vào. Việc này Trịnh Bá Kiên chê Triệu Phổ không biết giáng giải can ngăn, đến nỗi về sau sinh loạn. Như vậy không phải là bậc đại thần có tài kinh quốc.

<sup>2</sup> Vương Mãng là gian thần, cướp ngôi nhà Tiễn Hán. Tào Tháo là gian thần nhà Hậu Hán.

Nay ban lời dạy.

Giết Thái úy Phạm Văn Sảo.

Hoàng thượng thân chinh đạo Thái Nguyên, tháng 2 đánh được Lâm Châu. Bế Khắc Thiệu thua chạy, rồi chết; bắt được Nông An Thái, bèn kéo quân trở về.

Ngày 12, tháng này, ban tờ chiếu kể tội trạng của Bế Khắc Thiệu cho trong triều ngoài quân đều biết.

Tháng 3, Hoàng thượng trở về kinh đô.

Đặt Ty xá nhân trong Nội giám và Ngoại giám, do theo đề nghị của Ngô Văn Thông.

Ngày 4, tháng 8, ban tờ chiếu kể tội trạng Nông An Thái khắp trong triều ngoài quận.

Mồng 1, tháng 11, nhà Minh sai Chương Kính và Từ Kỳ mang tờ sắc sang ban mệnh cho Hoàng đế tạm quyền coi việc nước. Hoàng đế bèn sai Nguyễn Văn Huyền và Nguyễn Văn Chí, làm sứ thần theo bọn tên Sưởng sang nhà Minh tạ ơn, tặng 5 vạn lạng bạc.

Tháng 12, Hoàng đế sai các vị nho thần **[tờ 67b]** soạn bài tựa quyển "Lam sơn thực lục" do ngài chế.

Vì Đào Cát Hãn ở Triệu Lễ, thông đồng với Phạm Văn Sảo làm loạn, lại liên kết với nghịch thần nước Ai Lao là Kha Đốn, xâm lấn đất Mang Mỗi, Hoàng đế bèn sai Tư Đồ Lê Sát và Quốc Vương Tư Tề dẫn quân đánh Triệu Lễ, rồi ngài lại thân chinh.

Năm Nhâm Tý niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1452), mùa xuân, tháng giêng, quan quân đánh được Mang Lễ Kha Đốn bị giết, Đào Cát Hãn chạy trốn, quan quân bắt hết dư đảng, bèn đổi Mang Lễ làm châu Phục Lễ.

Ngày 3, tháng 3, Hoàng đế kéo quân trở về, bèn ban tờ chiếu rằng:

"Thời xưa, rợ miêu trái mệnh, vua Vũ nhà Hạ phát binh, nước Mật không kính, vua Thái Vương nổi giận".

Triệu Lễ vốn là một xứ lệ thuộc của nước ta tự xưa. Chỉ vì thời vua vừa đây, triều đình suy bại chính trị tồi tàn, nhà vua mất kỷ cương, **[tờ 68a]** biên thù bỏ sơ khoáng. Bởi thế xứ ấy mới dám cậy hiểm cậy xa, không nộp thuế nữa, lại cướp lấn biên thù, tàn hại dân ta. Những nơi bị chúng tàn hại nhất, là các trấn: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Qui Hóa và Gia Hưng.

Trẫm tự khi lên ngôi tới giờ, vẫn muốn tu đức để nước xa tự phục, không hề kỳ thị. Tuy Từ Trường xứ ấy là Đào Cát Hãn vẫn quen thói cũ, không lại triều cống, trẫm đã nhiều lần đem lời tín nghĩa, giảng dụ ân cần, lại hứa sẽ phong cho tước cao, được hưởng lộc hậu. Nhưng y vốn lòng lang dạ thú, vẫn giữ chí xưa quên ân bội nghĩa, trở mặt thành thù, hiệp cùng tên phản nghịch Thượng Hối Khanh và lũ Thượng Đình Quế, dụ dỗ dân biên thù, mưu làm việc trái phép, tụ tập phường vong mạng, kể đã khá đông, lại kết đảng với nghịch thần nước Ai Lao là bọn Thượng Kha Đốn, **[tờ 68b]** cùng nhau đánh vào đất nước Chiêm và nước Ai Lao cho tới các xứ Mang Mỗi, nhân dân các sách đó đều bị chúng nhiễu hại. Bàn Nhự nước Ai Lao bèn sai sứ thần đến nước ta, cầu xin cứu viện.

Trẫm là cha mẹ dân, thay trời nuôi dân, nhân dân nơi nào thấy đều coi như con cả, đâu nỡ để cho dân một phương nào bị tai hại. Bèn sai Tướng dẫn quân đánh giặc cứu dân, Cát Hãn liền xuất toàn quân chống lại quân ta, giao chiến một trận ở Mang Kiệt, Kha Đốn bị thua, đầu mục của Cát Hãn là bọn Lãm Cương kinh hãi chạy trốn. Thế mà Cát Hãn còn sai bọn đầu mục khác hô hào Từ Trường Mang Bồ là bọn Đình Quế, hiệp cùng bọn phản nghịch Thượng Hối Khanh, kéo quân thẳng vào xứ Gia Hưng và Đà Giang nước ta, hiệp dụ dân ngu, dám gây nổi loạn.

**[tờ 69a]** Trẫm xét, kẻ loạn thần tặc tử, thì ai ai cũng có thể giết chết. Năm ngoái, Thượng Khắc Thiệu, ở Thái Nguyên mưu làm phản, đích là do tên Thượng Hãn xui nên, năm nay Cát Hãn nổi loạn, lại do âm mưu của Thượng Sảo. Vì cần tiêu diệt hết mầm mống họa loạn, Trẫm bèn sai Tư Đồ Lê Sát, dẫn quân do đường Đà Lãng tiến đánh trước, lại sai Quốc Vương thống binh, do đường Bắc Quan tiến chặn

phía sau, trẫm thì đích thân đốc 6 quân, do đường Gia Hưng kế tiến, bọn phản nghịch Thượng Đình Quế liền hoảng sợ tan rã, quân ta đuổi thẳng tới dinh tướng Mang Bô, Man Xá, bắt giết bọn phản nghịch Thượng Hối Khanh, đem thủ cấp hiến trước cửa viên, quan quân bắt sống Đình Quế cùng vợ con, lại bắt và giết rất nhiều đảng chúng. **[tờ 69b]** Ta bèn chia quân tiến cả đường thủy đường bộ, ngày 20 tháng giêng năm nay, tiến thẳng vào sào huyệt Cát Hãn.

Trước đây, nghịch thần nước Ai Lao là Kha Đốn, vẫn nương thân ở Mang Lự nghe tin quân ta đến, liền giết Kha Đốn, đem thủ cấp ra đón hàng, Cát Hãn cũng bỏ vợ con lại, chỉ chạy trốn thoát thân. Trẫm bèn sai Tư Đồ dẫn quân tiến vào Mang Cô, Quốc vương thì đóng tại Mang tô, cho quân vào rừng lùng bắt, lại sai các Tướng cho quân vào các nơi mang hiểm lược soát, bắt được vợ con Cát Hãn cùng đồ đảng của y, tất cả trai gái hơn 3 vạn người; hơn 100 con voi; khí giới thuyền bè đồ vật rất nhiều vô kể. Bèn đặt đất đó thành từng Châu từng Huyện, ghi vào đồ bản nước nhà.

**[tờ 70a]** Nay dẫn quân khai hoàn, làm lễ hiến phù nhà Thái Miếu. Vậy ban cáo thị cho thần dân thiên hạ:

Phàm bầy tôi, nên lấy tên Hãn, tên Sảo làm răn; người giữ chức nơi Phiên Trấn, nên lấy Khắc Thiệu, Cát Hãn làm răn. Như vậy thì thần dân ta đều được hưởng phúc thái bình, và có tiếng tới đời sau.

Tháng 11, Cát Hãn và con là Mạnh Vượng xin hàng, Hoàng đế tha tội cho. Khi Cát Hãn tới Kinh tạ tội, được phong chức Tư Mã.

Phong Trịnh Lỗi Nhập nội hành khiển tả bộc xạ; Lê Liệt và Lê Bôi đều chức Nhập nội tư mã, được tham dự triều chánh.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Thuận Thiên thứ 6 (1433) (nhằm niên hiệu Tuyên Đức thứ 9 nhà Minh), mùa xuân, tháng giêng tuyển con em các quan, và học sinh tuần tú trong 3 Lộ Quốc Oai; **[tờ 70b]** 2 Lộ Bắc Giang vào học trường Quốc Tử Giám.

Tháng 4, sai Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Chi và Bùi Cầm Hổ sang cống nhà Minh theo lệ thường niên.

Hoàng đế đi Lam Kinh, làm lễ bái yết Lăng trên núi.

Tháng 8, Hoàng đế trở về Đông Kinh.

Tháng 10, ban tờ sắc cho thiên hạ, đại thần, bá quan, văn võ và quân dân:

"Làm tôi phải trung, làm con phải hiếu, thế mà con trẫm là Tư Tề không trung hiếu với cha mẹ, ngược đãi quần thần, khinh nhờn trời đất, không theo đạo của các đấng tiên vương. Nay giáng Tư Tề xuống chức Quận Vương. Vậy bố cáo thiên hạ".

Ngày 26 ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm tư chất bạc nhược, vâng giữ mệnh trời đã 6 năm nay, già nua mỗi mệ. Thiên hạ rất rộng công việc rất nhiều, bởi thế lo âu tích thành bệnh tật **[tờ 71a]** cố gắng sớm hôm sợ không đương nổi.

Hoàng Thái tử, tuy hãy còn trẻ tuổi, nhưng nổi tiếng hiếu nhân, ai ai đều tin cậy, ngôi báu đáng về tay. Vậy trao cho ấn kiếm, để trông coi việc nước thay trẫm".

Hoàng đế lại ban tờ sắc cho Thái tử rằng:

"Việc truyền ngôi báu là đại sự của quốc gia, lời cha dạy con, là chí tình trong thiên hạ. Bởi đại sự quốc gia, cho nên khi trao nhận không thể không nói; bởi chí tình phụ tử, cho nên lời răn dạy không thể không tường.

Trẫm gặp thời tao loạn, dựng nghiệp gian nan hơn 20 năm, mới nên nghiệp lớn. Những đau khổ của nhân dân, thấy đều hiểu biết; những đấng khổ nạn trong thế sự, thấy đều trải qua. Thế mà đến khi lên ngôi, những người thực giả, cũng chưa dễ gì biết tường; những việc nghi ngờ, **[tờ 71b]** cũng chưa dễ gì phán đoán. Như vậy, đạo làm vua há không là không khó ru ?



Huống chi mà, đương thời tuổi trẻ, nổi nghiệp gian nan nghe biết còn nông tư lưỡng chưa thấu. Vậy nên dốc lòng kính cẩn, như qua ván mỏng vực sâu, thờ trời đất nên hết lòng cung phụng tôn miếu nên trọn đạo hiếu, thân ái anh em, hòa mục tôn tộc, cho tới đối với trăm quan và muôn dân, thấy đều nghĩ sao cho phải đạo. Chớ đổi phép cũ của Tiên Vương; chớ bỏ cách ngôn của tiên triết; chớ gần thanh sắc mà chuộng tiền tài; chớ thích đi săn mà sinh dân đảng; chớ nghe lời gièm mà xa can thẳng; chớ dùng tân tiến mà bỏ cựu thần. Trời khó tin, mệnh không thường, phải nghĩ phép **[tờ 72a]** trị khi chưa loạn; công khó thành, việc dễ hỏng, phải nghĩ giữ nước lúc chưa nguy. Khi mà được vui thú, phải nghĩ tới cơ nghiệp khó nhọc của ta; khi mà hưởng cao sang, phải nghĩ tới công đức tích lũy của Tổ. Phải cẩn thận trước để toan sau, phải làm sự lớn trước sự nhỏ, phải theo chí trước mới có thể giữ được nghiệp trước, phải thuận lòng trời mới có thể hợp được lòng người. Một giây một phút, chớ trễ chớ quên.

Trao cho mà ngọc tỷ, coi việc nước thay ta, để bền vững Quốc gia, để yên lòng dân chúng.

Ôi! Truyền ngôi giữa vua Nghiêu vua Thuấn, ở giữ được phép trung, đạo lớn của vua Vũ vua Văn, cần nổi chí không bỏ".

Tháng 8 nhuận, có sao tuế tinh xuất hiện ở phương Tây.

Ngày 22, Hoàng đế băng hà **[tờ 72b]** ở nơi Tẩm Điện, ngài hưởng thọ 49 tuổi.

Ngày 24, Hoàng Thái tử ban lệnh chỉ cho các quan trong ngoài, đều vận áo để tang xô gấu, sau khi làm lễ tốt khốc (100 ngày), đều vận áo trắng làm việc; quân dân khắp thiên hạ, đều vận áo trắng 3 ngày; cấm chỉ âm nhạc và yến ẩm trong 3 năm.

Ngày 8 tháng 9 Thái tử lên ngôi.

Ngày 21, làm lễ đặt tên Thụy Hoàng đế, rồi an táng ngài tại Vĩnh Lăng núi Lam.

Ban lời dụ rằng:

"Thời xưa, Trọng Hủy xưng vua Thang rằng: "Trời ban cho vua đức trí dũng, để làm tiêu biểu cho muôn nước". Đó là nói các bậc Đế Vương đều có mệnh trời vậy.

Vua Thái Tổ ta, có tài dùng binh, khi ngày mới dựng cờ khởi nghĩa, chỉ vòn vẹn có 200 quân thiết đột; 200 dũng sĩ, và 300 nghĩa binh. Thế mà phía Tây Ai Lao phải thần phục, phía Bắc dẹp hết giặc Ngô. Xét về Kế bí mưu kỳ, phần nhiều là do tài thao lược. Ngài lại tinh tường việc chính trị: **[tờ 73a]** Khi mới đến hành doanh Bồ Đề, ngài đã tuyển dụng hiền tài, đặt quan chia chức, trừ tàn cấm bạo, thương yêu quân dân, thu hút các bộ lạc, phòng bị nơi biên cương. Thực đã có ngay một qui mô đại định thiên hạ.

Đến khi thống nhất non sông, ngài phong công thần, phong nho giáo, chế lễ nhạc, định luật lệnh, đặt quân kỳ, lập hộ tịch, chỉnh đốn các ngành thuế, bỏ phép tiêu tiền giấy. Thi hành chánh sự rất là rộng lớn chu đáo. Cứ xem ngay những bài Chiếu bài Sắc ban ra thời ấy, đủ thấy lời răn dạy và phép trị bình rất là tường tận.

Ngài khôi phục non sông, đem lại thái bình, công đức ban khắp đương thời, cơ nghiệp truyền cho hậu thế. Rực rỡ lắm thay".

# Đại Việt Thông sử

QUYỂN \_\_\_\_\_

**LIỆT TRUYỆN**  
Thần Đôn soạn

**NGHỊCH THẦN TRUYỆN**

## MẠC ĐĂNG DUNG

**[tờ 1a]** Mạc Đăng Dung quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương. Cụ Tổ 7 đời tên là Đĩnh Chi, ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà, tức làng Long Động, huyện Chí Linh bây giờ, đậu trạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) thời vua Anh Tông nhà Trần, làm quan đến chức Nhập nội hành khiển Thượng thư môn hạ Tả bộc xạ, kiêm Trung thư lệnh, tri quân dân trọng sự. Rất thanh liêm thận trọng, tiếng tăm lừng lẫy cả 2 nước (nước ta và nước Trung Hoa).

Đĩnh Chi sinh ông Dao **[tờ 1b]** quan Ty hình viên đại phu. Ông Dao sinh 4 con trai là: Địch, Thuấn, Thúy và Viễn, người nào cũng có tài năng sức lực, cuối thời Nhuận Hồ, vì bất đắc chí, đều đem con em đón hàng nhà Minh. Lúc ấy quân họ Hồ đóng giữ phía Bắc sông Phù Lương, tướng nhà Minh là Trương Phụ không biết hư thực thế nào, nên không dám qua sông. Thúy bèn tự phủ Nam Sách cùng với Tri Châu châu Tam Đới Đặng Nguyên vẽ bản địa hình, xin làm hướng đạo dẫn quân Trương Phụ qua sông đánh úp phá thành Đông Kinh; Thúy lại sai thủ hạ bọm đầu mục Nguyễn Như Khanh bắt Hán Thương ở núi Cao Vọng. Người Minh thưởng công, phong cho Thúy chức Giao chỉ bố chánh ty tham chánh, Địch chức chỉ huy sứ, Viễn chức Diêm thiết sứ. Sau Thúy dẫn quân vào tỉnh Lạng Sơn đánh Nùng Phản Lịch, **[tờ 2a]** bị trúng tên độc chết.

Thúy sinh ra Tung, di cư đến làng Lang Khê, huyện Thanh Hà. Khi ấy vua Thái Tổ Cao Hoàng Đế đã bình định thiên hạ, nghiêm trị bọn ngục quan, cho nên Tung không dám ra làm quan, chỉ ẩn nấu nơi thôn xóm.

Tung sinh ra Bình, lại di cư đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương.

Bình sinh ra Hịch, 3 đời này không hiển đạt.

Hịch lấy con gái Đặng Xuân, người cùng làng, tên là Đặng Thị Hiếu, sinh 3 con trai con trưởng tức là Đăng Dung, con thứ là Đốc, tức Trào quận công, sau Đăng Dung tiếm ngôi, ngục phong cho tước Từ Vương, con thứ 3 là Quyết, tức Đông quận công, ngục phong tước Tín Vương, sau khi chết Ngụy truy phong Uy tín đại vương.

Đăng Dung sinh giờ Ngọ, ngày 23 (Nhâm Tý) tháng 11, năm Quý Mão, **nhằm niên hiệu Hồng Đức thứ 14 (1483)**. Ít tuổi đã dững hẵn, nhà nghèo, làm nghề đánh cá. **[tờ 2b]**.

Thời vua Uy Mục, cầu dững sĩ, Dung dự thi nghề Giao chật (đánh vật), trúng Đô lực sĩ xuất thân, được sung vào Túc vệ, giữ việc cầm dù theo xe vua. Khoảng thời Thụy Khánh, thăng bổ chức Đô chỉ huy sứ vệ Thiên vũ. **Năm Hồng Thuận thứ 3 (1511)**, tiến phong tước Vũ xuyên bá, năm này Dung 29 tuổi. **Năm Hồng Đức thứ 7 (1476)**, cha là Hịch chết. Thời Quang Thiệu, triều đình sai trấn thủ Sơn Nam, gia phong chức phó Tướng Tả đô đốc.

Đặng Dung là người rất gian trá, nhưng bề ngoài làm ra vẻ thật thà ngay thẳng, để mua danh dự. Thời ấy có Cù Khắc Xương và Trần Công Vụ, mượn đạo Thiên vũ, Thiên bồng, để mê hoặc ngu dân. Đặng Dung dâng sớ xin trị tội, lại hạch luôn cả quan Thừa Hiến Lê Tích và Đổ Thao về tội mê tín tà thuyết. tờ sớ lược rằng:

**[tờ 3a]** "Hạ thần thiết nghĩ: Nhân, nghĩa, trung, tín, làm bốn điều thánh nhân thường làm luôn; quái, lực, loạn, thần, là bốn điều thánh nhân không nói tới. Xét việc đời xưa, đủ có chứng minh. Vua Hoàng đế định thời khắc để phân ngày đêm, vua Cao Dương dựng Thái Cực để thông trời đất. Đã dựng cái nêu cho thời bấy giờ, và để đời sau làm gương soi vào đấy.

Hoàng thượng là bậc thánh nhân, mở nền trung hưng rực rỡ! Vừa là vua vừa là thầy, đủ trách nhiệm chăn nuôi, dạy bảo; hoá bằng đạo, hoá bằng đức, mong được tới hòa mục thái bình. Cả trong thiên hạ điều được ấm no.

Nay quân nhân Thiên thí nhân vũ là Cù Khắc Xương và quân nhân Gia phúc Phạm tùng là Trần Công Vụ, vốn là lính thường, cũng như dân vậy. Đáng lẽ phải noi Vương đạo Vương Lộ, **[tờ 3b]** và tuân theo gia huấn, lại đi mượn Thiên vũ, Thiên bồng, để dụ dỗ ngu dân. Mượn chùa thờ Phật làm chợ khí trá; mượn đền thờ Thần làm ổ chứa gian. Thuật nghiền than làm thuốc, khiến già trẻ bôn ba, phép phun nước phi bùa, làm ngã nghiêng làng xóm.

Bọn yêu quái đã làm như vậy, các quan trên đáng phải bài trừ. Các quan Thừa hiến, đã từng đọc sách thánh hiền, đều là chức trách sứ tướng. Đáng lẽ phải như Địch Nhân Kiệt phá đền dâm ở tỉnh Hà Nam, để trừ mê hoặc; như Hồ Dĩnh đánh nhà sư ở tỉnh Quảng Đông, để bài dị đoan. Thế mà các quan này lại như bọn phàm phu, không hiểu lẽ phải, Lê Tích Văn Vận mê tín đều xằng bậy **[tờ 4a]**; Tử Kỳ Đổ Thao phụ họa vào thuyết tà. Cùng nhau theo tả đạo, mê đắm thói cốt đồng. Đã mê hoặc thần quái, huống còn làm thói hung cuồng. Xin thi hành hình pháp, nghiêm trị để tỏ điều trừng giới".

Hoàng đế nghe theo lời sớ trên, ra lệnh giết Khắc Xương và Công Vụ.

Thiên Quốc công Lê Quảng Độ hàng giặc Cao, Trấn tướng quân bắt được, điệu về Kinh Sư. Đặng Dung lại dâng biểu đàn hạch, xin giết Quảng Độ về tội bất trung. Bài biểu lược rằng:

"Ba cương<sup>1</sup> năm thường<sup>2</sup>, là rường cột chống đỡ trời đất, là bàn đá<sup>3</sup> yên vững nhân dân. Nếu nước mà không có điều, thì tuy là nước trung hạ, nhưng chính là nước man di; người mà không có những điều đó, thì tuy thường vận áo xiêm, nhưng chính là loài cầm thú. **[tờ 4b]** Tự xưa tới nay, chưa từng có ai bỏ các điều đó mà có thể đứng trong khoảng trời đất.

Nay Lê Quảng Độ, nhờ phúc Tổ phụ, đội ơn triều đình thờ qua bốn triều, ngôi tới nhất phẩm, mà vẫn đận đờ, chỉ toan nhòm ngó. chiều vua thì trăm kế phùng nghinh; chuyên chánh thì múa may nhiều quẻ. tội ác chứa chấp đã lâu, đâu có phải một sớm một chiều, mà gây nên họa Thụy Khánh Hồng Thuận.

Mấy năm nay giặc Cao khởi binh, tiếm xưng bảo hiệu. Thế mà Quảng Độ tham sống sợ chết, nhẫn nhục thờ kẻ thù, mượn danh vị đi cổ động dân ngu cho giặc Cao, làm đầu mục đi nước ngoài cầu phong cho giặc Cao, hạnh kiểm như chó lợn, lòng dạ tựa cừu cánh<sup>4</sup>. **[tờ 5a]** Người người đều mắng nhiếc, Quảng Độ vẫn trơ trơ! Y không nghĩ đến hậu ân của quân phụ, đại nghĩa về cương thường. Y mang tội với trời đất, mang tội với tổ tông và thiên hạ, tội y không thể tha thứ được".

Hoàng đế bèn ra lệnh giết Quảng Độ. Tự đây ngài tin Đặng Dung là trung trực, càng thêm ân sủng.

<sup>1</sup> Ba cương - là 3 đạo: Vua tôi, cha con và vợ chồng.

<sup>2</sup> Năm thường - là 5 điều: Nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.

<sup>3</sup> Câu này, chính bản chép chữ: "trụ thạch" (cột đá), có lẽ do chữ: "bàn thạch" (bàn đá) chép lộn ra chăng? Xin dịch theo nghĩa chữ "bàn thạch".

<sup>4</sup> Cừu là tên con ác điểu. Loài chim này thường ăn thịt cha nó. Cánh là tên con ác thú. Giống thú này thường ăn thịt mẹ nó.

Lúc bấy giờ Vĩnh Hưng Bá Trịnh Tuy là cháu họ Duy sản, tranh quyền với An Hòa Hầu Nguyễn Hoảng Dụ, kéo quân đánh nhau.

Họ Thủy chú (Trịnh) và họ Tống sơn (Nguyễn) đều là họ Công thần hạng nhất, danh vọng trên đời, thế mà bỗng gây hiềm khích, Hoàng đế hòa giải cũng không yên. Hoảng Dụ cử binh đánh Trịnh Tuy, Tuy chạy về Lô Dương. Trần Chân là con nuôi Duy Sản, nên bên Trịnh Tuy, bên cử binh đánh Hoảng Dụ, Hoảng Dụ chạy **[tờ 5b]** về Tống Sơn. Thế là chỉ còn một mình Trần Chân lưu lại triều đình phụ chánh.

Hoàng đế thấy hai họ đánh nhau, chưa phân đảng nào phải trái, lại nghe theo lời Trần Chân, sai Đặng Dung dẫn thủy quân đuổi đánh Hoảng Dụ ở Thanh Hoa. Hoảng Dụ đưa tờ thư và bài thơ cho Đặng Dung, Đặng Dung bèn án binh bất động, nên Hoảng Dụ được chạy thoát.

**Năm Quang Thiệu thứ 3 (1518)**, Đặng Dung thăng tước Vũ Xuyên Hầu, ra trấn thủ Hải Dương. Tại đây Đặng Dung thu thập dân quân, chỉnh đốn đội ngũ, binh số ngày thêm nhiều.

Lúc này, chỉ có một mình Thiết Sơn Bá Trần Chân nắm quyền binh trong Kinh Sư, Đặng Dung sợ Chân, bèn cưới con gái Chân cho con trai mình là Đặng Doanh, để làm vây cánh.

Vua Chiêu Tông nghe lời gièm pha, giết Trần Chân. Đồ đệ Trần Chân là bọn Nguyễn Kính, đều thuộc hạng tướng mạnh vùng Sơn Tây, liền cử binh đánh vào Kinh Đô, Hoàng thượng chạy sang nhà Xúc ý huyện Gia Lâm, **[tờ 6a]** Trịnh Tuy đóng đồn ở Sơn Nam, có chừng hơn vạn quân, được tin trên dẫn binh về cứu. Hoàng thượng triệu Hoảng Dụ để dẹp giặc cứu nhà vua, nhưng Dụ không chịu đến; các tôn thất và đại thần chạy theo vua cũng không có bao người; lính cấm vệ quá ít, không biết cậy vào Tướng nào, vua bèn sai Hà Văn Chính và Lê Đại Đồ đi triệu Đặng Dung. ý ngài muốn cậy binh lực của Đặng Dung để khôi phục lại Kinh Sư. Nhưng Đặng Dung thấy triều đình rối loạn, bèn nảy ra mưu đồ khác.

Sau khi vào yết kiến Hoàng đế, Đặng Dung đóng thủy quân ở sông Nhị Hà, và cho là Xúc ý đường hơi xa, bèn tâu xin Hoàng thượng dời về Thuần Mỹ Đường Bồ Đề, để tiện theo hầu.

Đặng Dung muốn mượn thế giặc để giết hại đại thần, cho hết vây cánh nhà vua, bèn lập ra kế: Vờ cho người đi dụ bọn Kính, Áng hàng rồi mạo lời chúng yêu sách, liền ức hiếp triều đình **[tờ 6b]** giết Đoàn quận công Ngô Bính, Thọ quận công Trịnh Hựu, và bọn Trử Khải để vừa lòng giặc.

Đặng Dung cho là Hoàng đế ở điện Thuần Mỹ, hơi gần với nơi thủy quân của bọn con em Trần Chân, định xin Hoàng thượng dời đến Bảo Châu, nhưng Đô ngự sử Đỗ Nhạc, và Phó đô ngự sử Nguyễn Dự tranh luận, không đồng ý. Đặng Dung bèn sai người trong đảng là Đinh Mông bắt Đỗ Nhạc<sup>1</sup> và Nguyễn Dự, đem giết tại vườn dâu phía cửa Bắc hành doanh Xuân Xã. Quần thần đều rung sợ! Bèn rước Hoàng đế tới Bảo Châu. Tự đây, đại quyền trong triều ngoài quận đều thuộc về tay Đặng Dung.

Sau đây một thời gian ngắn, Nguyễn Hoảng Dụ đem quân về cứu nạn giặc, Hoàng đế bèn sai Đặng Dung và Hoảng Dụ, đều dẫn quân đánh bọn Kính và Áng ở Sơn Tây. Hoảng Dụ dẫn quân bản bộ tiến đánh trước, bị thua trận. Đặng Dung thì án binh không tiến, **[tờ 7a]** nên vẫn được toàn quân, rồi Hoảng Dụ dẫn quân về, Đặng Dung bèn giữ hết binh quyền một mình. Ít lâu, Hoảng Dụ chết ở Thanh Hoa, Đặng Dung lại càng tung hoành, không còn phải sợ một ai. Mùa đông năm này, Hoàng thượng cho Đặng Dung chức Đề thống các doanh thủy quân và bộ binh.

**Năm Quang Thiệu thứ 4 (1519)**, Hoàng thượng sai Đặng Dung thống lĩnh các quân đánh phá giặc Lê Tiếu ở Từ Liêm, bắt được Lê Tiếu, lại chiêu dụ đảng giặc Nguyễn Kính và Hoàng Duy Nhạc đầu hàng. Bộ đội ngày càng nhiều, công danh ngày càng thịnh, triều đình ai cũng phục.

Sau khi Hoàng thượng trở về Kinh Đô, tiến phong Đặng Dung tước Minh Quận Công.

**Niên hiệu Quang Thiệu thứ 5 (1520)**, Đặng Dung bàn với nhân gia Lễ bộ Thượng thư Phạm Gia Mô, tính kế được nắm trọn binh quyền, để đánh dẹp cướp giặc. Bọn Gia Mô cũng nghĩ: Tự xưa, quyền tại 5 phủ, các văn thần kỳ cựu cũng không được dự. Chi bằng bây giờ để cho **[tờ 7b]** Đặng Dung làm quan

<sup>1</sup> Chữ này chính bản chép chữ "binh", có lẽ do chữ "nhạc" viết lộn ra chăng ? xin dịch theo chữ "nhạc".

Tiết chế, thì việc gì chúng mình cũng có thể làm được. Bèn cùng nhau ký tên vào tờ bảo cử. Hoàng đế ưng theo, cho Đấng Dung chức Tiết chế 13 Đạo thủy lục quân; Gia Mô chức Tán lý quân vụ. Thế là tất cả binh mã trong thiên hạ, đều thuộc quyền Đấng Dung.

**Niên Hiệu Quang Thiệu thứ 6 (1521)**, Đấng Dung tự phong lên tước Nhân quốc công, Tiết chế 13 Đạo thủy lục quân.

Đấng Dung giữ binh quyền đã lâu, Tướng Tá đều quy phục. Hoàng đế cũng biết y chuyên quyền, nhưng còn mong lòng trung nghĩa của y, hy vọng thu công sau này, ngài thân đến phủ Đấng Dung và phong thêm cho chức Thái phó. Mùa đông năm này, Hoàng đế đến viện Quỳnh Vân úy lạo Đấng Dung, và sai dẫn quân đi Bắc Giang đánh giặc Trần Thăng, sau khi Đấng Dung đã đi, ngài lại ban cho tờ sắc rằng:

"Trẫm thường nghe: **[tờ 8a]** Vì nước trừ bạo tàn, xông pha nơi nguy hiểm. Đó là chức trách của người làm Tướng. Cho nên Điền Đan nước Tề, xông pha nơi tên đạn mà nước địch hàng; Lý Tổ nước Đường, xông pha gió sương, mà bình Quán Sái, các Tướng ấy đều bảo vệ xã tắc, và có công lớn với thiên hạ.

Khanh là người trầm ngâm. Nay giặc Thăng tụ tập chúng đảng, đóng vùng Thái Nguyên Lạng Sơn, triều đình phong cho khanh làm Đô Tướng, dẫn thủy lục quân trong thiên hạ đi đánh dẹp, vượt sông núi, gội gió mưa, phá quân giặc ở huyện phượng nhơn và Bảo Lộc, những nơi khanh dẫn quân đi qua, binh sĩ không hề xâm phạm của dân một mảy may, các dân xã đó đều mến phục. Đã mấy lần nhận được thư tâu thẳng trận, trẫm rất khen ngợi.

Nay sai Thiếu bảo Binh bộ Thượng thư Cẩm sơn hầu Lê thúc Hựu, **[tờ 8b]** Tư lễ giám Tổng thái giám kiêm Tài dụng khố sự Lê Khoái, và Tả thị lang Đông các Đại học sĩ Nguyễn Quýnh, đem tờ sắc chỉ này úy lạo khanh cùng tướng sĩ các doanh, và 100 lạng bạc để khanh thưởng kẻ có công.

Khi nhận tờ sắc này, khanh nên thể theo ý trẫm; Lấy điều trung nghĩa khích lệ tướng sĩ, đồng tâm hiệp lực, lập kế bắt giặc. Chỉ cốt bắt cho bằng được chính tên giặc Thăng, còn những kẻ a tòng, đều tha hết thảy. Quét sạch vào sào huyết của giặc ẩn núp đã lâu năm; cứu vớt dân một phương khỏi làm than, được an cư lạc nghiệp, để thông đường sứ sự, để trọn vẹn chiến công. Như vậy thì công danh của khanh vang lừng vũ trụ, tước lộc của khanh sẽ lưu truyền mãi mãi tới con cháu đời sau".

**[tờ 9a]** Đấng Dung tiến quân đến Lạng Nguyên, Trần Thăng thua chạy, quan quân đuổi bắt được, bèn kéo quân trở về.

**Niên hiệu Quang Thiệu thứ 7 (1522)**, Lê Bá Hiếu nổi loạn ở Đông Ngàn, Đấng Dung dẫn các tướng đánh dẹp, nhưng không được. Đợt sau lại dẫn quân đánh phá, bắt được Bá Hiếu.

Sau khi Đấng Dung một mình giữ binh quyền, từng bình được nhiều giặc lớn, uy quyền ngày càng thịnh, mà đạo quân nhà vua thì yếu ớt, lòng người ai cũng hướng về Đấng Dung, nên y càng lưu tâm mưu việc phản nghịch.

Nhân Gia với Đấng Dung và Phạm Gia Mô, chức Lễ bộ Thượng thư, giữ chánh quyền trong triều; em rể là Vũ Hộ, chức Tả đô đốc trấn Sơn Tây, đều là bè đảng thông đồng. Thượng thư Trịnh Chí Lâm, Nguyễn Thời Ung đều phụ họa thêm. Y lại tiến vua một mỹ nhân, giả danh là con gái của y, vào làm cung tần để dò la tin tức Hoàng đế; sai em là Đông quận công Mạc Quyết giữ đạo binh túc vệ; sai con trai là Đấng Doanh Dục mỹ hầu **[tờ 9b]** giữ điện Kim Quang.

Khi Đấng Dung đi đường bộ, thì dùng lọng phượng bông vàng; khi đi đường thủy thì dùng thuyền rồng dây lụa<sup>1</sup>. Tự do ra vào nơi cung cấm, không hề nể sợ. Lại giết hết những người tâm phúc của vua là bọn: Thị vệ Nguyễn Cấu, Đô lực sĩ Minh sơn bá Nguyễn Thọ và Đàm Cử.

<sup>1</sup> Lọng phượng và thuyền rồng, đều là nghi trượng của vua Thiên tử. Đây chép Đấng Dung tiếm dụng.

Hoàng đế thấy tình thế ngày một bức bách, bèn ngầm bàn với Nguyễn Hiến và Phạm Thứ, định dời Kinh đô đi ra ngoài, để hiệu triệu các Tướng 4 phương hồi tội Đặng Dung. Bàn xong, sai người đi trước, mang tờ mật chiếu tới Tây kinh, dụ viên cựu thần Trịnh Tuy đem binh đến đón Hoàng đế.

Mùa thu năm này, hồi trống canh hai đêm 27 tháng 7, Nguyễn Hiến và Phạm Thứ vào cung dự hầu yến, rồi đón Hoàng đế ra đi tới Ốc sơn huyện Minh Nghĩa. Trong lúc vội vàng, không kịp báo Thái hậu và Hoàng đế.

Ngày hôm sau, Đặng Dung mới biết, **[tờ 10a]** bèn sai quân ngăn chặn các nẻo đường cốt yếu, rồi dựng cờ điểm binh; ra lệnh các phố phường không được náo động; sai người trong đảng là Hoàng Duy Nhạc dẫn quân đuổi kịp Hoàng đế ở huyện Thạch Thất, Hoàng thượng dùng quân Thạch Thất chống đánh, bắt chém Duy Nhạc.

Ngày này, Đặng Dung vào Kinh đô, thả ngay Thượng thư Trình Chí Lâm và Nguyễn Thời Ung do vua bắt giam, rồi mưu với đại thần Lê Phụ, Lê Điều, lập Hoàng đế Xuân lên ngôi vua.

Hoàng thượng triệu Vũ Hộ dẫn quân đến Cấn Vương. Nhưng Hộ lại phản, dẫn 3.000 quân qui phụ Đặng Dung, Đặng Dung rất hả, sai Hộ đóng quân ở Giang Bắc, rồi sai Lê Điều và Nguyễn Như Quế phụng nghinh Xuân tới Hồng Thị, làm nơi hành điện; sai quân dân đắp gập lũy Cấn Giang để phòng thủ.

Lúc này, Hà Phi Hồ chống nhau với Đặng Dung, **[tờ 10b]** dụ Phạm Tại làm hướng đạo, còn bọn Bá Ký đều chạy về Bắc.

Tháng 8, Đặng Dung suy tôn Hoàng đế xưng đế hiệu, nhưng vì sợ vua Chiêu Tông ở ngoài hiệu triệu binh thiên hạ, nên không dám đóng tại Kinh thành, đón Xuân về Gia Phúc, và vận tải hết bảo vật trong thành về, rồi phong quan tiến tước cho các quan, văn thần là bọn Vũ Cán, Nguyễn Văn Thái, đều được phong làm Chánh doanh đề sát thủy bộ quân vụ.

Sau đây không lâu vua Chiêu Tông trưng tập được khá nhiều binh, dẫn quân tự Mông Sơn về, ngự tại hành điện Thụy Quang, trăm quan tới triều, bốn phương hưởng ứng, ngài sai bọn Nguyễn Kính cả thấy 4 viên Tướng, chia làm 4 đạo quân tiến đánh Đặng Dung, đóng quân tại các huyện: Gia Lâm, Văn Giang, Đường Hào, Cấn Giang, Lương Tài, và Gia Định, hai bên chống nhau đã một tháng, chưa phân được thua.

**[tờ 11a]** Lúc này, các xứ về 3 mặt Tây, Nam và Bắc, đều đã thuộc về vua Chiêu Tông, còn Đặng Dung, tuy mượn tiếng dựng Hoàng đế, nhưng chỉ giữ được một góc về xứ Hải Dương thôi.

Sau đây, Đặng Dung chia quân hai đường thủy bộ, tiến đánh các xứ Đông Hà, Hoàng đế sai các Tướng: Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định và Đàm Khắc Nhượng, chia đóng các doanh trấn giữ. Hai bên đang cầm cự, thì Đặng Dung dùng thủy quân đánh úp vào ban đêm, phá được các doanh liền dẫn quân qua sông, Thúc Mậu và Dư Hoan<sup>1</sup> thua chạy. Có 4 tên lính giặc vào khiêng mác, tự phường Phục Cổ xông vào điện Thụy Quang, nhưng lính hộ vệ cự được, Hoàng đế hoảng hốt chạy lánh đến đình cũ làng Nhân mục Tây hà! Trăm quan tan rã, mấy ngày mới tụ tập lại.

Tháng 9, Hoàng đế lại đốc quân về Kinh đô, Đặng Dung vì còn vướng với các Tướng ở miền Bắc giang **[tờ 11b]** cho nên không dám ngó tới Đô thành.

Mùa đông năm này, Trịnh Tuy đem toàn bộ quân Tam phủ, tự Thanh Hoá về cứu giá. Nhưng vì nghe lời ly gián, đem lòng nghi ngờ thành ra ngăn trở, rồi ép Hoàng đế bỏ Đông Kinh về Thanh Hoa, giải tán hết các đạo binh. Tự đây, không còn chiếu lệnh nhà vua nữa, thiên hạ thất vọng, các Tướng khởi nghĩa đều giải tán. Việc nước hết nói vậy.

Sau khi Hoàng đế bỏn ba, kinh thành trống không, quân Đặng Dung ngày càng mạnh, bình định Kinh Bắc, rồi sai tỳ tướng đánh phá Giang Văn Dụ ở Thanh Oai, đuổi tận đến chân núi. Bèn đón vua Cung đế về ngự tại Bồ Đề, để hiệu lệnh 4 phương, quan lại quân dân đều qui phụ theo.

<sup>1</sup> Chữ "Hoan" này do viết sai, cho nên khác mặt chữ nhưng chính là "Nguyễn Dư Hoan" ngay dòng trên. Không phải là tên một người khác.

**Niên hiệu Thống Nguyên thứ 2 (1523)**, Đấng Dung sai em là Đông Sơn Hầu Mạc Quyết, **[tờ 12a]** cùng Vũ Hộ, Vũ Như Quế, phát quân đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa.

Tháng 7, Đấng Dung mạo tờ chiếu của vua Cung đế, bỏ Hoàng đế Chiêu Tông, xuống tước Đà dương vương.

**Niên hiệu Thống Nguyên thứ 3 (1524)**, Đấng Dung tự thăng lên tước Bình chương quân quốc trọng sự thái phó Nhân Quốc công. Sai em là Mạc quyết dẫn quân đánh Trịnh Tuy ở Nguyên Đầu, chiếm hết các Quận Huyện ở Tây đô. Trịnh Tuy chết bệnh.

**Niên hiệu Thống Nguyên thứ 4 (1525)**, tháng 10 Đấng Dung tự làm Đô Tướng, dẫn tất cả thủy quân và bộ binh các doanh trong thiên hạ vào Thanh Hoa, Hoàng đế bức bách, chạy vào động An Nhân núi Cao Trí châu Lương Chánh, Đấng Dung đến ép vua đưa về Kinh Sư. Tướng đóng ở Bắc Giang là bọn Hà Phi Ổ đều tan rã và bị giết cả. Đấng Dung lại giết hết thầy các quan văn võ nào theo vua Chiêu Tông mà không theo mình. Tiến quận **[tờ 12b]** công Nguyễn Lĩnh lấy em gái Đấng Dung tên là Huệ, lại lấy thêm 10 thiếp, Thị Huệ ghen, tố cáo là Lĩnh lập đảng phái, Đấng Dung cũng giết luôn Nguyễn Lĩnh. Đấng Dung giữ hết quyền thưởng phạt hoặc thăng giáng, các quan lại cùng Tướng sĩ, vua chỉ là hư vị mà thôi. Đấng Dung lại giả bộ làm lánh quyền hành, lui về ở Cổ Trai, nhưng thực vẫn chế ngự chánh trị trong triều.

**Tháng 12, niên hiệu Thống Nguyên thứ 5 (1526)**, Đấng Dung sai Bái Khê bá Phạm kim Bảng mật giết vua Chiêu Tông ở Hàng sở.

**Niên hiệu Thống Nguyên thứ 6 (1527)**, Đấng Dung tự thăng lên tước Thái sư An quốc vương, gia cửu tích.

Hoàng đế sai Tùng dương hầu Vũ Hữu, Lan xuyên hầu Phan đình Tá, và Trung xứ Đỗ hiếu Để cầm cờ tiết đem kim sách; áo mạo thiêu rỗng đen, đai dát ngọc; kiệu tía, quạt vẽ; và lọng tía. đến Cổ Trai tuyên mệnh vua ban cho Đấng Dung, Đấng Dung đón tiếp tại bến đò An sáp hạt Tiên minh.

**[tờ 13a]** Tháng 5, ngày mồng 5, Đấng Dung tự Cổ Trai tới Kinh bá yết Hoàng thượng, rồi tự cửa Đông Hoa ra cửa Đại Hưng trở về Cổ Trai.

Tháng 6, Đấng Dung về Kinh sư ép vua nhường ngôi cho y. Lúc này thần dân phần nhiều xu hướng về Đấng Dung. Mạc Đấng Dung đón cả vào cung.

Ngày 15, thuộc ngày canh thân, sau khi các quan yên vị trong triều, bèn tuyên tờ chiếu của Hoàng đế rằng:

"Vua Thái Tổ ta thừa thời cách mệnh, bèn có bốn phương, các thánh truyền ngôi, đã nhiều lịch số. Đó là lòng người hợp với ý trời xui nên vậy.

Tự cuối thời Hồng Thuận, gặp lúc quốc gia nhiều nạn, Trần Cao bắt đầu gây loạn; Trịnh Tuy lập kẻ nghịch lên ngôi, lòng người lìa tan, trời cũng không giúp. Lúc ấy thiên hạ đã không phải của nhà ta vậy.

Ta bạc đức nối ngôi, không thể gánh nổi mệnh trời và lòng người, **[tờ 13b]** hướng về người có đức. Vậy nay Thái sư An quốc vương Mạc Đấng Dung, là người tư chất thông minh, đủ tài văn võ bên ngoài đánh dẹp, bốn phương đều phục, bên trong trị nước, trăm họ yên vui, công đức rất lớn lao, trời người đều qui phụ.

Nay nhường ngôi báu cho người có đức, để hợp mệnh trời, để yên nhân dân. Kính vậy thay".

Bài chiếu này là lời của Nguyễn Văn Thái.

Sau khi tuyên chiếu, Đấng Dung bèn xưng Hoàng đế, ban lệnh đại xá thiên hạ, dùng ngay năm này làm niên hiệu Minh Đức thứ nhất, bỏ Hoàng đế xuống tước Cung vương, rồi giam cùng với Thái hậu ở cung Tây nội. Sau giết chết.

Tháng này Đấng Dung vào Kinh thành, ngự nơi chính điện, tế yết Nam giao, đặt tỉnh Hải Dương là Dương Kinh, **[tờ 14a]** lập cung điện ở Cổ Trai, truy tôn Tổ 7 đời Đĩnh Chi làm "Kiến thủy Khâm minh Văn Hoàng đế".

(Đấng Dung lại dựng ngôi điện gọi là Sùng Đức vào nền nhà cũ của Đĩnh Chi ở xã Lũng Động. Phần mộ thân phụ ở Tây Lăng, cho nên nay trong làng gọi nơi ấy là xứ Ổ Lăng. Lại đắp một gò lớn tại bờ sông phía Bắc mặt tiền điện Sùng Đức, để làm nơi lễ bái, các quan nhà ngự Mạc ai đi qua nơi đây, đều lễ vọng vào điện Sùng Đức. Nay nền điện và gò này hãy còn, điện thì ở xã Lũng Động nơi gần sông, gò thì ở bờ sông xã Đông đôi, gọi là gò Mã thảo. Nhà giảng học cũ của Đĩnh Chi: một ở nền Huyện trị cũ xã Cao Đôi; một ở chùa Quất lâm xã Tống xá. Những di tích này vẫn hãy còn rành rành, có thể khảo sát); Tổ 6 đời Giao làm "Hoảng cơ đốc thiện Tuyên hựu Hoàng đế"; Cao Tổ thủy làm "Dụ tổ thiệu phúc hoảng đạo tích đức Hoàng đế"; Tằng Tổ Cao làm "Ý tổ hồng khánh uyên triết anh duệ Hoàng đế"; Tổ Bình làm "Hoảng tổ thuần hiền tuy hựu đốc cung Hoàng đế"; các bà Tổ trên đều là Hoàng hậu; thân phụ Hịch làm "Chiêu tổ quang liệt cơ mệnh Hoàng đế" **[tờ 14b]** thân mẫu Đấng Thị làm Hoàng Thái Hậu.

Dựng thêm một ngôi điện để ở, gọi là điện Phúc Ý, tại phía Tây điện Hưng Quốc Dương Kinh.

Lập con trai Đấng Doanh làm Thái tử, phong em tri Quyết làm Tín vương, truy phong em trai Đốc làm Từ Vương, 3 am gái đều phong Công chúa: em gái trưởng Ngọc phong làm "Trang hoà Trưởng Công chúa" em gái thứ Ngọc Huệ phong làm "Khánh diệm Công chúa", em gái út Ngọc Anh phong làm "Tú hoa Công chúa". Phong Vũ Hộ làm Tĩnh Quốc Công, cho đổi sang họ Mạc; phong Trung quan Nguyễn Thế Ân người làng Ngọc Lâm huyện Tứ Kỳ làm Lý Quốc Công.

Dùng ngày sinh nhật của Đấng Dung làm ngày "càn ninh thánh tiết".

Lúc này, thần dân thất vọng, thiên hạ nô nao, Đấng Dung sợ lòng người còn nhớ vua cũ, có thể sẽ sinh biến, bèn phải tuân theo **[tờ 15a]** pháp độ triều Lê, phủ dụ quần thần trấn áp nhân dân. Để che mắt thế gian, trưng cầu con cháu các vị công thần thế gia, giả danh là trưng dụng, nhưng kỳ thực cốt để kiểm chế như là quản thúc vậy. Bởi thế nhiều người trốn vào rừng núi, hoặc ẩn giấu tên tuổi không chịu ra, hoặc tụ họp nhau làm đảng cướp, hoặc bỏ đi ra ngoại quốc để cầu yên. Đấng Dung lại muốn thu nhân tâm, bèn phong tất cả các vị tiết nghĩa cựu thần như bọn Vũ Duệ; Đàm Thận Huy; sai quân tu sửa lâu điện ở Lam Kinh, mỗi năm hai lần tế lễ vào mùa xuân và mùa thu; lại bốn kỳ tế lễ nơi lăng Mỹ Xá. Đó là giả nhân nghĩa để thuận lòng dân vậy.

Năm Mậu Tý (1525), mùa xuân, tháng giêng. Đấng Dung muốn thay cũ lập chánh mới, bèn sai đúc loại tiền Thông bảo **[tờ 15b]** hình tròn ngày trước, nhưng phần nhiều không thành, cho nên lại phải đúc loại tiền "gián" mới bằng kẽm, để ban bố cho các xứ tiêu dùng.

Tháng 2, Đấng Dung phong cho bầy tôi Nguyễn Quốc Hiến làm Phò mã đô úy Thái bảo Lâm quốc công, và cho đổi là họ Mạc; Mạc Quốc Trinh làm Thái sư Lâm quốc công; Mạc Đình Khoa làm Tả đô đốc Khiêm quốc công; Mạc Bang Hộ làm Thái bảo Tĩnh Quốc công; Nguyễn Thời Ung làm Thiếu bảo Thông quốc công; Khuất Quỳnh Cử tước Thuần Khê hầu; Nguyễn Bình Đức tước Khánh Khê hầu; Phạm Gia Mô tước Hoảng lễ hầu; Phan Đình Tá tước Lan xuyên bá; Nguyễn Văn Thái tước Đạo xuyên hầu; Nguyễn Mậu tước Văn đại bá; Hà Cảnh Đạo tước Sùng lễ bá; Mạc Ích Trưng tước Tổ xuyên bá; **[tờ 16a]** Nguyễn Tuệ tước Hưng giáo bá; Nguyễn Địch tước Lộc hiền hầu; Phạm Chánh nghị tước Văn tràng bá; Nguyễn Chuyên Mỹ tước Văn đầu hầu; Nguyễn Độ tước Hà ngưng bá; Lê Quang Bí tước Tô xuyên hầu; Nguyễn Điển Kính tước Văn minh hầu; và bọn Nguyễn Hậu Liêm chức Trung quan trưởng giám. Tất cả có 56 người được thăng trật và phong tước tùy từng hạng.

Đấng Dung do sự cướp ngôi mà được nước, cho nên sợ nhà Minh hỏi tội, bèn sai Sứ thần sang Yên Kinh dâng biểu nói: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự. cho nên chúc thác đại thần họ Mạc tạm quản việc nước, để yên nhân dân. người Minh biết đó là giả dối, không tin, bèn mật sai người sang thăm dò tin tức, gạn hỏi căn do. Đấng Dung cùng bọn bầy tôi thường bày đặt lời lẽ để đối đáp, lại dùng vàng bạc đút lót những viên Tướng nhà Minh giữ biên thủy, để nhờ che chở.

**[tờ 16b]** Tháng 2, Bích Khê hầu Lê Công Uyên người huyện Lô Dương, là cháu viên công thần cũ Lê Văn Linh, cùng với Nguyễn Ngã, Nguyễn Thọ Trường, cùng khởi nghĩa binh đánh vào cửa Chu Tước, bị thua, chạy vào Thanh Hoa, rồi chiêu tập dân chúng, dựng cờ chiêu an, nhưng binh không có



niên hiệu. Đấng Dung sai quân đến đánh. Dực nghĩa hầu Lê Thiệu người châu Thúy thuần, sai thủ hạ ngầm giết Công Uyên, các Tướng Văn Thông Bá và Thái Sơn Bá đều tan vỡ. Xứ Thanh Hoa và xứ Nghệ An bị nạn binh hỏa liên liền mấy năm, nhân dân lưu tán, ruộng vườn bỏ hoang.

Mùa đông, tháng 10 sau khi đã được bình định, Đấng Dung cho là pháp luật lỏng lẻo, bèn sai bọn Quốc Hiến họp bàn đổi định phép binh, phép điền, phép lộc; **[tờ 17a]** đặt 4 vệ: Quốc Hưng, Chiêu Vũ, Cẩm Y, Kim Ngô; các vệ nội ngoại trong 5 phủ; tên các Ty; tên quan chức công chức trong các nha môn, theo như quan chế triều trước, y lệ biên phép đủ. Lấy trấn binh xứ Hải Dương thuộc vào vệ Cẩm Y, trấn binh xứ Kinh Bắc thuộc vào vệ Kim Ngô. Mỗi Ty đặt 1 viên Chỉ huy sứ, 1 viên Chỉ huy đồng tri, một viên Chỉ huy thiêm sự, 10 viên Trung hiệu, 1100 binh sĩ Trung sĩ. Số lính này chia làm 22 phiên, thay phiên túc trực. Như Trung sĩ nào có công lao thì được thăng bổ các chức: Thiên hộ, Thống chế, Quản lĩnh và Trung úy. Mỗi vệ đặt 1 viên Thư ký, dùng hạng kí lục xuất thân, sẽ được bổ các chức thủ lĩnh. **[tờ 17b]** Lính Trung sĩ chiếu theo lệ chia thành phiên, mỗi phiên chia làm 5 giáp, mỗi giáp đặt một viên giáp trưởng, quan đầu Ty chọn trong hàng Trung hiệu, lấy người xứng đáng bổ vào chức này.

**Năm Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529)**, hai anh em Trịnh Ngung và Trịnh Ngang, là cựu thần nhà Lê, chạy sang triều Minh báo cáo Đấng Dung cướp nước, và xin binh để dẹp. Vì Đấng Dung hối lộ bầy tôi nhà Minh ở nơi biên thù để cầu ngăn trở, nên việc không thành công, 2 ông đều chết già ở đất Trung Hoa.

Hữu vệ Điện tiền Tướng quân An thanh hầu Nguyễn Cam ở Thanh Hoa, là em Nguyễn Hoảng Dụ, một vị vốn có danh vọng, đem con em chạy sang nước Ai Lao, có chí mưu đồ khôi phục.

Tháng 3, Đấng Dung mở khoa thi Cử nhân, **[tờ 18a]** lấy bọn Đỗ Tông, cộng 27 tên trúng tuyển.

Tháng 12, Đấng Dung thấy nhân tâm trong nước chưa yên, bèn truyền ngôi cho con là Đấng Doanh, rồi tự xưng là Thái thượng hoàng, ra điện Tường Quan ở.

Năm Canh Dần (1530), tháng giêng, ngày Đinh Hợi, mồng 1, Đấng Doanh tiếm hiệu Hoàng đế, ban lệnh đại xá thiên hạ, đổi năm ấy là niên hiệu Đại Chánh thứ nhất, ngự tôn Đấng Dung làm Thái thượng hoàng, dựng điện nguy nga để Đấng Dung ở, mỗi tháng vào ngày mồng 8 và ngày 22, Đấng Doanh dẫn quần thần đến điện triều yến.

Đấng Dung về Cổ Trai ở, là để trấn vững nơi căn bản, và làm ngoại viện cho Đấng Doanh, nhưng vẫn định đoạt các việc trọng đại quốc gia.

Soạn 59 điều cáo ban hành.

Chưa bao lâu, Lê Ý là con Công chúa An Thái, khởi binh ở châu Gia, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, nhân dân đều hưởng ứng.

**[tờ 18b]** Tháng 4, Đấng Dung đích thân đốc mấy vạn thủy lục quân đánh Lê Ý ở Mã Giang, mấy trận đều bị thua, bèn lui quân về Đông Kinh.

Đấng Doanh lại dẫn binh vào Thanh Hoa, đánh Lê Ý ở Động hàng, bị thua to, bèn kéo quân về, lưu Mạc Quốc Trinh ở lại chống cự với Lê Ý. Quốc Trinh biết Lê Ý cậy thắng trận luôn, không có phòng bị, bèn tuyển quân đánh úp, phá tan doanh trại, bắt được Lê Ý, đem về Đông Kinh giết chết.

Mùa xuân năm Tân Mão (1531), An Thanh Hầu Nguyễn Cam dẫn quân tự nước Ai Lao về Thanh Hoa, Đấng Dung sai binh đánh, bị thua to.

Mùa xuân, năm Quý Tỵ (1533), các vị cựu thần nhà Lê: Lý Quốc Công; Trịnh Duy Noãn, Phúc Hưng Hầu; Trịnh Duy Duyệt, và Tả đô đốc Trịnh Duy Liệu, dựng vua Trang Tông lên ngôi vua tại nước Ai Lao, **[tờ 19a]** đặt niên hiệu là Nguyên Hòa. Quốc thống phân minh, danh nghĩa chính đáng. Sau khi phong các Tướng, vua sai Duy Liệu vượt biển sang nhà Minh, tâu cáo tội trạng của Đấng Dung, và xin nhà Minh đánh dẹp. Duy Liệu là người có tiết tháo, giỏi văn chương, soạn tờ tâu kể hết tội tiếm nghịch

của Đấng Dưng. Ông lại tự ví như Thân Tư, Dự Nhượng và Trương Lương<sup>1</sup>, lời lẽ rất lâm ly bi đát! Vua nhà Minh nhận tờ tấu, giao xuống đình nghị, định cất quân sang hỏi tội Đấng Dưng.

Đấng Dưng được tin trên, liền sai người trong đảng là Phạm Chánh Nghị mang tờ thư đến tỉnh Vân Nam trình quan đầu tỉnh. Trong thư đại ý nói:

Trước kia, Quốc vương tôi Lê Điều bị tên nghịch thần Trần Cao giết, không có con trai, Đấng Dưng cùng người trong nước dựng em Điều là Huệ lên ngôi vua, Huệ lại bị gian thần Đỗ Ôn và Thịnh Tuy dụ dỗ đưa vào Thanh Hoa, **[tờ 19b]** Đấng Dưng bèn dựng em Huệ là Khoáng lên ngôi, rồi vào Thanh Hoa đón Huệ về. Sau Huệ và Khoáng đều chết bệnh, họ Lê không có con nối. Khi Khoáng sắp chết, có bàn với quần thần rằng: "Đấng Dưng và con trai, đều có công với nước, vậy giao ấn tín cho y để giữ nước". Bởi thế cả nước suy tôn Đấng Dưng lên ngôi vua. Sở dĩ không dâng biểu xưng thần và nộp cống hiến, là vì: Buổi trước thì bị Trần Thăng chiếm cứ tỉnh Lạng Sơn, nghẽn đường không qua được; Về sau lại bị các quan giữ cửa ải của thượng quốc, đóng cửa quan không cho qua. Còn như Lê Ninh, là con của tên loạn thần Nguyễn Cam, chứ không phải là con trai của Huệ.

Viên Thủ Tướng nhà Minh chuyển đạt lời trên lên vua, triều đình đều cho lời đó là hoang vu, không đúng sự thực. Còn đạo quân của Tướng Cừ Loan, tuy đã kéo đến lãnh thổ nước ta, nhưng vẫn do dự chưa tiến.

**[tờ 20a]** Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 7 (1539), tháng 5 ngày Canh Ngọ, thân mẫu Đấng Dưng Đặng Thị chết, thọ 82 tuổi. Sùng An Vương Trí Nhân giữ việc hộ lễ, Đấng Dưng để tang 3 năm, Đặng Doanh và quần thần để tang 1 năm, người trong Kinh thành và trong ấp Thang mộc đều để tang 100 ngày, toàn dân thiên hạ để tang 27 ngày. Đó là theo phép đời xưa vậy. Ngụy tôn tên Thụy bà là "Chiêu từ sùng hựu hiến Hoàng thái hậu", ngày Bính Ngọ tháng 9 làm lễ an táng, phần mộ gọi là Thụy Lăng.

Năm Canh Tý, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (1540), nhằm niên hiệu Đại Chánh thứ 11 ngụy Mạc, ngày Mậu Ngọ tháng giêng. Đấng Doanh chết, Đấng Dưng lại trở về Đông Kinh, dựng cháu nội là Phúc Hải lên nối ngôi vua.

Sợ nhà Minh đem quân đánh. Đấng Dưng mật sai người hối lộ viên tướng giữ châu Liêm là Trương Nhạc, yêu cầu xin cắt đất nộp nhà Minh và tự bỏ Đế hiệu.

Viên Tham chánh nhà Minh Ông Vạn Đạt **[tờ 20b]** sai Lương Ngọc Phụ đem tờ đem tờ sức Đấng Dưng phải đích thân đến cửa quân, nộp đất dựng mốc; bỏ Đế hiệu đã tiếm xưng, và vâng lĩnh lệnh theo ngày tháng của Trung Quốc.

Tháng 11, Đấng Dưng vận áo trắng, tự quấn dây sợi vào cổ, dẫn cháu họ là Văn Minh cùng bảy tôi là: Nguyễn Như Quế, Đỗ Thế Khánh, Đặng Văn Trị, Lê Thuyên, Nguyễn Tông, Tô Văn Tốc, Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, và Bùi Trí Vĩnh (các người này cũng đều quấn tua sợi vào cổ), đến chực ở cửa Nam Quan. Vạn Đạt đã dựng sẵn một mạc phủ ở gần đấy, truyền lệnh mở cửa quan, Đấng Dưng do cửa quan bên Tả bước ra, quì gối hướng mặt về phía Bắc, dâng tờ hàng biểu, và bạ ghi chép thổ địa

<sup>1</sup> Thân bao tư bày tội nước Sở thời Chiến quốc. Khi nước Sở bị Tử Tư dẫn quân nước Ngô đánh phá thành đô, vua Sở phải chạy nạn phần nguy ngập, có thể mất nước đến nơi. Bao Tư bèn sang Tần cầu cứu, vua Ai Công nước Tần do dự không muốn xuất quân, Bao Tư bèn quì tại sân triều, gào khóc thảm thiết, ròng rã 7 ngày không hề ăn uống. Vua Tần cảm động sai Tướng dẫn quân cứu nước Sở, nước Ngô phải lui quân.

Dự Nhượng, gia thần Trí Dao, tước Bá nước Tấn thời chiến quốc. Sau khi Trí Dao bị Triệu Vô Tuất giết chết luôn cả 3 họ Dự Nhượng bèn thay đổi họ tên, thủ một con mũi nhọn, trà trộn vào đám quân hầu trong dinh họ Triệu, ẩn trong phòng vệ sinh, định giết Vô Tuất. Vô Tuất bắt được vặn hỏi, Dự Nhượng nói thật là định trả thù cho Trí Dao. Vô Tuất cho là nghĩa sĩ, tha cho về. Nhưng Dự Nhượng vẫn chưa thoái chí, lại cạo đầu, bôi sơn vào mình, làm hình dạng người cùi; nhai nuốt than cho khỏi nhận ra tiếng quen thuộc, rồi đến phục trong cầu Xích Kiều. Khi Vô Tuất đến khánh thành cầu, lại bắt được hình dạng tuy biến đổi, Vô Tuất vẫn nhận ra được, sai lính chém đầu.

Trương Lương, Tổ phụ 5 đời làm Tướng nước Hàn. Sau khi nước Hàn bị nước Tần diệt, Trương Lương bán hết gia tài để mộ lực sĩ, đón giết vua Tần Thủy Hoàng trong khi đi qua đất Bát Lăng. Nhưng lực sĩ chỉ đập tan cái xe giả dạng, vua Tần thoát nạn. Trương Lương lại theo Hán Cao Tổ, bày mưu đánh phá nước Tần, báo thù cho vua nước Hàn.

quân dân trong nước, tình nguyện nộp các động: Tư Lãm, Kim Lạc, Cổ Sâm và Liễu Cát trong châu Yên Quảng và châu Vĩnh yên, **[tờ 21a]** để lệ thuộc vào Khâm châu; xin ban cho niên lịch và ấn tín.

Sau khi Tướng nhà Minh nhận hàng, bèn sai Văn Minh, Nguyễn Giản Thanh, và Hứa Tam Tinh đem tờ hàng biểu tới Yên Kinh dâng vua Minh.

Năm Tân Sửu (1541) tháng 8 ngày Nhâm Tuất, Đấng Dung bị bệnh, Phúc Hải sai Thái Bảo Bàn quốc công Đặng Văn Trị, Thái Bảo Dương quốc công Đặng Đôn, và Thiếu Bảo Liêm quốc công Mạc ninh Bang tới Cổ Trai hầu bệnh, rồi Phúc Hải cũng đích thân vào thăm.

Khi Đấng Dung bệnh nặng, truyền mệnh Phúc Hải phải kíp về Kinh sư, để trấn an nhân tâm, và coi xã tắc là trọng. Phúc Hải bèn trở về Kinh sư. Ngày 27 thuộc ngày Ất Hợi, Đấng Dung chết, tiếm ngôi vua 3 năm, truyền ngôi rồi ra ở ngoài 12 năm, thọ 59 tuổi. Có di chúc: Dựng đàn chay cúng phật.

Ngày Mậu Dần, Kinh Sư nhận được báo tang **[tờ 21b]** Phúc Hải dẫn quần thần đến điện Quảng Đức, sai Sùng An Vương Mạc nhân trí làm Tổng đốc sứ, Tả đô đốc Kỳ quận công Mạc ninh Ngộ làm phó, Lương quận công Phạm kim Bảng làm Sơn lãng sứ, Tổng thái giám Vũ cảnh hành làm Phó.

Tháng 9, ngày Mậu Thân, Phúc Hải sai Thái úy Trung quốc công Mạc Như Quế, Thái bảo Dương quốc công Đặng Đôn Tín vào phụ chánh. Đông các Đại học sĩ Thiếu bảo Liêm quận công Mạc ninh bang dâng tờ sách đặt ngụy thụy Đấng Dung là "Nhân minh Cao Hoàng đế ", miếu hiệu Thái tổ. Tháng 10 ngày Canh Thân an táng tại Long Sơn, mộ hiệu là An Lăng.

Mạc Ninh Ngộ và Mạc Như Quế đều là Tướng của vua Chiêu Tông, vì thờ Đấng Dung nên đều đổi ra họ Mạc. Còn Mạc Ninh Bang tức là nguyên Bình Đức, đỗ khoa Giáp Tuất thời Hồng Thuận. Khi thiếu thời, Bình Đức chơi với Đấng Dung rất thân, đến khi làm chính trị, ngầm giúp nhiều mưu kế về việc thoán nghịch cho Đấng Dung, nên Đấng Dung rất sủng ái tín dụng. Sau bị quyền thần giết.

Bọn Miễn Thiệu soạn văn bia, nhiều câu xưng tụng quá đáng.

Sau Bình An Vương giúp vua Thế Tông Nghị Hoàng đế khôi phục Kinh sư, giết hết bọn ngụy đảng; đem quân phá hết cung điện ở Cổ Trai; hủy bia đá mộ; chặt hết cây trồng trong lăng. Đó là tỏ sự truy khiển vậy.

Đấng Dung có 10 con trai, con trưởng tức là Đấng Doanh, con thứ 2 là Trung Chánh, ngụy phong Hoảng vương, thứ 3 Phục Sơn **[tờ 22b]**, ngụy phong Định vương, thứ 4 Nhân Phủ phong Khang vương, thứ 5 Quang Khải phong Quảng Vương, thứ 6 Nhân Quảng, thứ 7 Đại Khánh, mấy người này đều còn nhỏ tuổi, chưa được phong tước. Con gái Ngọc Thọ tiếm phong Thụy ninh Công chúa, Ngọc Châu tiếm phong Thái an Công chúa, còn Ngọc Quang và Ngọc Tư đều còn nhỏ tuổi chưa được phong tước. Còn con trai là Gia Vương, Đại Dung, cùng con gái là Hồng Ngọc, Đoan Túc, và Ngọc Lan thấy đều chết non.

# Đại Việt Thông Sử

## LIỆT TRUYỆN

Thần Đôn soạn

### NGHỊCH THẦN TRUYỆN

## MẠC ĐĂNG DOANH

**[tờ 23a]** Đăng Doanh là con trưởng Đăng Dung, buổi đầu thời Quang Thiệu, được phong tước Dục mỹ hầu, giữ điện Kim Quang, khi Đăng Dung cướp ngôi vua, được dựng làm Thái tử. Sau khi Đăng Dung tiếm ngôi được 3 năm, vì sợ nhân tâm chưa ổn định, bèn truyền ngôi cho. năm Canh Dần (1580) mừng một tháng giêng thuộc ngày Đinh Hợi, Đăng Doanh tiếm ngôi vua, đổi niên hiệu là Đại Chánh, tôn bà nội Đặng Thị làm Thái hoàng Thái; Đăng Dung làm Thái Thượng hoàng.

Lúc này, Lê Ý **[tờ 23b]** con trai An Thái Công chúa, khởi binh ở Na Châu, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, hiệu triệu Tướng sĩ trong các xứ Thanh Hoa Nghệ An, hợp binh đánh giặc (Đăng Doanh). Đăng Dung đích thân cầm quân đánh Lê Ý ở Mã Giang, mấy trận đều thua, phải kéo quân trở về.

Ngày 23, tháng 8 Đăng Doanh vào Thanh Hoa, hội binh ở sông Hoảng Hóa, rồi chia làm hai đạo, sai Mạc Quốc Trinh lãnh đạo chiến thuyền tiến trước, bị Lê Ý đánh phá, Đăng Doanh lại đốc thúc Tôn Thất Kỳ tiến binh tới Động Hàng, Lê Ý đón đánh phá tan, bắt được rất nhiều. Đăng Doanh bèn lui binh cố thủ.

Mùa đông, tháng 11, Đăng Doanh để Quốc Trinh ở lại cầm cự với Lê Ý, rồi trở về Kinh Sư. Lê Ý cậy thắng trận luôn, không đặt phòng bị, lui về Na Châu **[tờ 24a]** bị Quốc Trinh bắt được, giải về Kinh Sư giết chết.

Tháng 12, cựu thần của Hoàng triều An Thanh Hầu Nguyễn Cam, nhân lánh loạn sang ở châu Sầm Thượng, Sầm Hạ bên nước Ai Lao, chiêu tập các người trung nghĩa, có số binh Tướng hơn nghìn người, 30 con voi và 300 con ngựa. Đến đây theo thỉnh cầu của các Tướng, bèn dẫn quân về Kinh Lược xứ Thanh Hoa, đóng ở Lô Dương, gặp phục binh của Ngọc Trục Hầu tướng Đăng Doanh đón đánh phá tan.

Thời ấy, cha con Đăng Doanh do toán nghịch cướp nước, cho nên hào kiệt phần nhiều không phục, rất nhiều thổ tù các nơi khởi binh, Nguyễn Cam đóng ở nước Ai Lao; Trịnh Ngung, Trịnh Nghê chiếm cứ xứ Thái Nguyên; Vũ Văn Uyên chiếm cứ xứ Tuyên Quang, các Tướng này đều nêu danh nghĩa phục quốc **[tờ 24b]** Suốt các xứ Thanh Hoa, Nghệ An và Tuyên Hưng, đều không theo hiệu lệnh của họ Mạc.

Mùa xuân năm Tân Mão (1531), Đăng Doanh sai Tướng Đặng Quốc Công Nguyễn Kính vào đánh Nguyễn Cam ở xứ Thanh Hoa, Nguyễn Cam đón đánh phá tan quân Nguyễn Kính, rồi chia Tướng sĩ đóng các Huyện. Nguyễn Kính lại đánh vào Đông Sơn, Nguyễn Cam lại đánh phá được, vừa chém giết vừa bắt sống được mấy trăm tên, rồi dẫn quân ra Gia Viễn, chiêu dụ và chiếm đất.

Mùa thu, tháng 7 năm này, trời đổ mưa nhiều, nước sông đầy dẫy; họ Mạc dùng chiến thuyền tiến đánh, quân dân tán loạn, thế không thể cố thủ, Nguyễn Cam lại phải trở về Ai Lao, để dưỡng sức đợi thời, Đăng Doanh cũng không dám tiến sâu vào nữa. Lúc này xứ Thanh Hoa bị nạn đói kém, một đấu gạo phải mua với giá một tiền (60 đồng tiền kẽm).

Có người ở Sơn Đông là Hùng Sơn hậu, lại đem mấy trăm con em vào xứ Thanh Hoa, **[tờ 25a]** dựng doanh trại chiếm đóng, được mấy tháng thì Đãng Doanh sai Tướng vào đánh, nhà ở núi Ngọc Huân. Hùng Sơn Hậu chết bệnh, quân đều tan rã.

Mùa xuân năm Nhâm Thìn (1532), Đãng Doanh mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Nguyễn Thiến, gồm 27 người trúng tuyển.

Đãng Doanh thấy trong nước còn nhiều trộm cướp, bèn ra lệnh cấm nhân dân các xứ, không được mang gươm giáo đao nhọn, và các đồ binh khí hoành hành ngoài đường. Nếu kẻ nào trái lệnh, cho pháp ty bắt trị. Tự đấy, những người đi buôn bán chỉ đi tay không, không phải đem khí giới tự vệ, trong khoảng mấy năm, trộm cướp biệt tăm, súc vật chăn nuôi, tối đến không phải đồn vào chuồng, cứ mỗi ngày một lần kiểm điểm thôi. Lại trúng mùa luân luân, nhân dân bốn trấn đều được yên ổn.

Mùa đông, tháng 10, Đãng Doanh dùng Trung quan Trung hậu hầu làm Đại tướng quân, lãnh binh thống quản tất cả binh **[tờ 25b]** dân 3 Phủ và quan 3 Ty trong xứ Thanh Hoa, toàn quyền tổng trấn một phương. Tây An Bá Lê Phi Thừa gièm rằng:

"Châu Ái (Thanh Hoa) là một nơi núi sông hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương đầy đủ. Quyền hành không nên để một người nắm giữ. Nếu người bầy tôi được chuyên quyền, tất sẽ tới sự họa loạn. Nay đem nơi trọng địa đó trao phó cho một người tổng quản, nếu xảy ra biến cố, sợ khó bề chế ngự, mà nơi đó sẽ không còn là của triều đình nữa. Xin xét kỹ lại, đừng để hối hận về sau".

Đãng Doanh bèn chia xứ Thanh Hoa làm đôi, giao 7 Huyện: Thụy Nguyên, An Định, Vĩnh Phúc, Đông Sơn, Thạch Thành, Cẩm Thủy và Quang Bình cho Thừa Phi quản thống, cùng với Trung hậu hầu cùng khống chế lẫn nhau. Sai khi Thừa Phi được binh quyền, lại càng kêu căng phóng túng.

Tháng này có tuế tinh hiện ở Phương Đông.

**[tờ 26a]** Đãng Doanh dùng An Bang Thừa chánh sứ Trần Phi làm Lại bộ Tả thị lang.

Tháng 12, An Thanh hầu Nguyễn Cam, và cựu thần triều Lê là Lý quốc công Trịnh Duy Thoan, Phúc hưng hầu Trịnh duy liệu, dựng con trưởng vua Chiêu Tông lên ngôi vua ở nước Ai Lao.

Mùa xuân, năm Quý Tỵ (1533), vua Trang Tông lên ngôi Hoàng đế ở Sách Thúy thuần, đặt niên hiệu Kiến Hòa năm thứ nhất, phong tước cho các Tướng, luyện binh để mưu đồ khôi phục. Sai Trịnh Duy Liệu sang xin quân nhà Minh.

Năm này hiệu úy Nguyễn Nhân Tỵ khởi binh ở Thuận Hóa, Đãng Doanh sai Tướng đánh, nhưng không được.

Năm Giáp Ngọ, **niên hiệu Nguyên hòa thứ 2 (1534)**, nhà Minh sai Hàm Ninh Hầu Bí Loan, và Bình Bộ Thượng thư Mao Bá Ôn, dẫn quân đến cảnh thổ nước ta, tuyên bố là đến đánh họ Mạc. **[tờ 26b]** Đãng Doanh xiết đãi sợ hãi! Liên tu sửa trại sách, luyện tập thủy quân; trưng cầu hết thấy các cựu thần lão tướng để cùng bàn việc nước; phục chức cho Thái Bảo Vũ Hộ làm Tây quân Tả đô đốc chưởng phủ sự, để tới triều đình bàn luận chánh sự. Tháng 9 năm này, Vũ Hộ bị bệnh chết.

Mùa xuân năm Kỷ Tỵ, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 3 (1535)**, Đãng Doanh mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Nguyễn Bình Khiêm cộng 32 người trúng tuyển.

Mùa xuân năm Bính Thân, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 5 (1536)** Đãng Doanh sai Đông quân Tả đô đốc Khiêm quận công Mạc Đình Khoa tu sửa lại trường Quốc tử giám.

Tháng giêng, mùa xuân năm Đinh Dậu **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 5 (1537)** Đãng Doanh đến trường Thái học làm lễ Thích điện (tế tiên thánh tiên sư).

Mùa hạ, tháng 4 có trận gió bão, làm đổ gãy cây, tốc mái nhà, nước bể dâng lên giàn giụa, rất nhiều người và súc vật chết đuối.

Trấn thủ Thanh Hoa Tây An Hầu **[tờ 27a]** Lê Phi thừa đánh phá Tam Ty, rồi sang Ai Lao qui thuận Hoàng đế, được thăng tước Quận công.

Mùa xuân, năm Mậu Tuất, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 6 (1538)** Đăng Doanh mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Giáp Hải cộng 36 người trúng tuyển. Bỗ Trần Phi chức Thượng thư, làm Thừa tuyên sứ đạo Hưng Hóa. Tuyển trai tráng sung vào ngạch quân.

Lúc bây giờ, triều Minh tuy có hạ chiếu sai Tướng sang hỏi tội họ Mạc, nhưng vẫn còn di duyên chưa phát binh, chỉ hư trương thanh thế để hống hách thôi. Cha con Đăng Doanh xiết đối kinh hoàng! Sai Nguyễn Văn Thái đem tờ biểu đến tỉnh Quảng Tây xin hàng, tình nguyện tuân theo lệnh triều Minh phân xứ, lời lẽ rất thảm thiết! Lại hối lộ rất hậu các quan 3 Ty tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và các Tướng Tá châu Khâm, châu Liêm. Các quan này nhận hối lộ **[tờ 27b]** hứa sẽ chuyển tâu về triều đình xin tha cho. Bởi thế thời kỳ tiền quân được tạm hoãn.

Mùa xuân, năm Kỷ Hợi, **niên hiệu Nguyên Hòa thứ 7 (1539)**, vua Trang Tông phong Đại Tướng quân Dực nghĩa hầu Trịnh Kiểm tước Dực quận công. Dực nghĩa hầu người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, theo Thái sư Nguyễn Cam đi đánh dẹp, lập được nhiều chiến công. Nguyễn Cam thấy ông có tài, bèn gả con gái cho. Đến đây Hoàng đế phong cho tước Công, coi là một Đại Tướng tâm phúc. Công nghiệp trung hưng bắt đầu tại đây.

Hoàng đế lại phong tước cho các Tướng: Phong Tuyên quận công cho Trịnh Công Năng, Hòa quận công cho Lại Thế Vinh, Thụy sơn hầu cho Hà Nhân Chánh. Ngoài ra như; Hiệp quận công, Tường quận công, Từ quận công, Trấn quận công, Tây quận công, Dương quận công, và Bảo quận công, đều được ban cho mỗi vị một quả ấn Tướng quân **[tờ 28a]**, để dẫn binh bản bộ chia đường tiến quân, thanh thế rất lừng lẫy! Đánh vào vùng Lôi Dương, nơi nào quân Đăng Doanh cũng bị thua.

Vua Thế Tông nhà Minh tiếp tờ biểu xin hàng của Đăng Doanh, bèn ban sắc cho Mao Bá Ôn rằng:

"Trước đây, cháu vua nước An Nam có tâu rằng: "Vì tặc thần Mạc Đăng Dung làm loạn, cướp chiếm thành đô, đường xá nghẽn lối, cho nên thiếu sự cố gắng ". Trẫm đã sai quan tra xét, biết đúng sự thực, đang định sai đem quân hỏi tội, thì lại tiếp tờ tấu của các quan Trấn thủ tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam tâu rằng: "Cha con Mạc Đăng Dung nghe tin thiên triều định hỏi tội, rất là sợ hãi, và đã hối tình, dâng biểu xin hàng, tình nguyện dâng tất cả thổ địa nhân dân nước ấy, để thuộc quyền thiên triều thẩm định ". Lời cầu xin cũng đáng thương, bèn giao xuống đình thần hội nghị, nhưng thấy đều cho là: Di tình khó lường, **[tờ 28b]** lời kêu vang tuy khẩn thiết, nhưng ý rất có thể quỷ quyệt. Bởi thế cần phải chính pháp tỏ nghĩa. Nay mệnh người hãy cùng Tổng đốc quân vụ Hàm minh hầu Cừ Loan, đến tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam, hội đồng với các Đề đốc và các quan Tướng Phó tham tam ty, điều động thổ binh thổ quan trong 3 tỉnh ấy đi hỏi tội Đăng Dung. Các cơ nghi chiến lược, cho người được tiện nghi định đoạt. Như cha con tên tặc thần quả đã hối tội, tự đem mình lại xin hàng, thì người xét đích thực tình trạng, rồi tâu gấp ngay về triều đình. Nếu nó vẫn ngoan cố không đổi lỗi, thì phải giết chết không tha **[tờ 29a]** Trong việc chiến trận, các người nên tùy nghi châm chước, cần dùng kế vạn toàn, cốt là dẹp sự tiếm loạn, bắt được tội nhân, để tỏ nghĩa chinh phạt của thiên triều, để yên nhân dân nước phiên thuộc.

Nay ủy trọng nhiệm này cho nhà ngươi ".

Bá Ôn bèn đi Quảng Tây, phái viên Tri phủ Thái bình Giang Nhất Quế, và chỉ huy Vương Lương Phụ đến đặt dinh tại Bằng Tường, thẩm nghiệm xem cha con Đăng Doanh có quả thực dốc lòng qui hàng, thì nhận cho hàng. Như tình còn tráo trở không lường<sup>1</sup>, thì được tùy nghi định đoạt. Nhất Quế bèn truyền tờ lệnh cho Đăng Dung, phải khai đích thực nguyên do về sự xin hàng, và sẽ phát nguyện để quyền thiên triều xử trí thế nào ? phải khai rõ ràng hết thấy. Đăng Dung lại trình tờ phúc đáp đầy đủ. Giang Nhất Quế lại truyền tờ hịch cho các kỳ lão nhân sĩ nước ta rằng:

**[tờ 29b]** "Hoàng thượng ta, trung hưng giữ vận, thống nhất hoa di, các phương xa vời, không đâu là không thần phục. Duy nước các người, đã lâu không tới triều đình, bèn sai Quân môn vắng mệnh khám hỏi. Được biết nước người có cha con Mạc Đăng Dung, Đăng Doanh, thừa cơ rông dử, cướp đoạt

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép: "cự trặc " (lớn lên). Khó hiểu. Hoặc do chữ "phả trặc " (không thể lường ) chép lộn ra chăng ? Xin dịch theo nghĩa chữ "phả trặc ".

ngôi vua, gây nên mầm loạn, liên tiếp binh đao, khiến cho nước các người nhân dân lầm than, làng xóm ly tán. Tội trạng đã rõ pháp luật khôn tha. Thiên tử là chủ cả hao di, tất trọng điều nhân khôi phục cho nước bị tiết diệt; thánh nhân rất mực đạo cương thường, ắt tỏ cái nghĩa đánh dẹp để trừ kẻ phản nghịch. Nay con cháu nhà Lê chưa tiết, mà tội ác họ Mạc đã đầy, mệnh trời lòng người, rất là rõ ràng, **[tờ 30a]** không thể che giấu. Phàm những kẻ loạn thần tặc tử, thì ai ai cũng có quyền giết chết. Nước An Nam các người, tuy ở nơi hẻo lánh nhưng đã từng thấm nhuần thanh giáo của thiên triều, há không có kẻ sĩ tôn sùng trung nghĩa; những tài dẹp loạn an bang. Như có thể cùng dựng nghĩa binh, để giết tên đại ác, thì ta sẽ treo phần thưởng, để giúp cho chóng thành công. Các người nên kính lòng họa dâm phúc thiện của Hoàng thiên; thể ý vãn tội chánh danh của Thánh thượng. Nghĩ nghĩa họ Lê là vua cũ, họ Mạc là kẻ thù. Đều nên huy động lòng trung dũng, sắp đặt các kế mưu, một người xướng trăm người họa, chẳng hẹn mà cùng; người gần vui người xa lại, không ước mà nên. Nổi đoàn nghĩa sĩ, **[tờ 30b]** giết kẻ cừ khôi; tuyên bố nhân thanh, yên dân làng xóm. Kẻ nào chém được đầu cha con Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh, sẽ được thưởng 20.000 lạng bạc, và tâu triều đình thăng chức quan cao. Kẻ nào tình nguyện dâng một Phủ qui phụ, sẽ được cho làm quan cai trị Phủ ấy. Kẻ nào dâng một Châu hoặc một Huyện qui phụ, cũng được cho làm quan cai trị Châu hoặc Huyện ấy, và đều được thưởng 5.000 lạng bạc.

"Ta lại được biết Mạc Đăng Dung lấy Đô ấp làm nơi sinh sống; dùng Cửu công phủ làm Đô đốc hộ vệ. Ôi! các vị Cửu công đâu có phải không có lương tâm, chẳng qua chỉ sợ quy thể đó thôi. Nay các vị Cửu công nếu có thể bắt chém cha con Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh **[tờ 31a]** sẽ thưởng đồng đều, mỗi vị 20.000 lạng bạc, và tâu triều đình thăng tước trật cao; hoặc muốn dâng một Phủ, một Châu hoặc một Huyện qui phụ, sẽ cho được chức cai trị Phủ Châu Huyện đó, và cũng ban bạc thưởng như trên.

Như vậy thì, dân vô tội nước An Nam, sẽ khỏi cái nạn chém giết; kẻ chí sĩ nước An Nam, sẽ được tỏ cái danh trung nghĩa. Trên thuận đạo trời, dưới yên lòng người, há không phải là một sự đại hạnh cho nước An Nam ru ?

Nếu không thế, binh thiên triều sẽ tập nập đến ngay, lúc ấy ngọc cũng như đá, đều sẽ cháy tiêu, dù có những kẻ sĩ trung nghĩa, cũng không phân biệt, tất đều phải đưa đầu chịu giết! Hối còn sao kịp. Cũng như người muốn tự cắn vào rốn mình, có thể kịp đâu.

Vậy cấp phát 14.000 tờ điệp văn của bản phủ **[tờ 31b]** cho các Phủ: Trường Khánh, Lạng Sơn, và các châu Vĩnh An, Văn Uyên. Dân sĩ phụ lão các người, nên tính mau mau! "

Đăng Doanh và Trần Phi làm Thượng thư bộ lễ; phong cho Lê Bá Ly tước Khiêm quận công. Bá Ly nguyên quán xã Cổ phạm hạt Đông sơn, đến ở tại làng Thịnh Liệt, huyện Thanh trì, nổi tiếng là người tài dũng, khi làm quan thời vua Chiêu Tông, được phong tước Mai xuyên bá, bạn thân cũ của Đăng Dung, khi Đăng Dung tiếm ngôi, sai Bá Ly giữ vệ Kim Ngô, tiến phong tước Hầu, lại gả em gái là Lương thượng Công chúa cho. Đến đây Đăng Doanh càng thêm tín nhiệm Bá Ly, thăng cho chức Đông quân đô đốc, tước Quận công.

Mùa hạ, bị nạn đại hạn. Mùa đông, tháng 10 động đất.

Năm Canh Tý, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (1540), nhằm niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19 triều Minh, **[tờ 32a]** mùa xuân, tháng giêng, ngày 25 thuộc ngày Mậu Ngọ, Đăng Doanh chết, tiếm vị 11 năm, dựng con là Phúc Hải lên ngôi, ngự đặt tên thụy là "Thái tông Khâm triết Văn Hoàng đế ". Có 7 con trai, con trưởng là Phúc Hải, thứ 2 Phúc Tư, ngự phong Ninh Vương, thứ 3 Kính Điển, ngự phong Khiêm Vương, thứ 4 Lý Thiễn, thứ 5 Lý Hòa, thứ 6 Hiệp Thái, thứ 7 Đôn Nhượng, ngự phong Ứng Vương.

## PHÚC HẢI

Phúc Hải là con trưởng Đăng Doanh, trước tên là Đức Nguyên, ngụ lập làm Hoàng Thái tử, tiếm ngôi vào tháng 2 năm Nguyên Hòa thứ 8 (1540), đổi năm Tân Sửu làm năm Quảng Hòa thứ nhất (1541), phong Lê Bá Ly làm Phụng quốc công.

Trung Quốc có sự cảnh cấp, nên triệu Tổng binh Cừ Loan về, để trấn thủ 2 tỉnh Quảng, **[tờ 32b]** mà cho An viễn hầu Liễu Tuân thay Cừ Loan. Mao Bá Ôn dẫn binh thẳng tới tỉnh Nam Ninh. Đăng Dung trước đã có lời hứa với Bá Ôn, nên vội vàng xin ra biên cảnh hàng phục, lời lẽ và lễ nghi rất là cung kính.

Ngày 28, tháng 10, Đăng Dung sai Thượng thư Trần Phi tới doanh Niệm nhai bày tỏ các khoảng. Bá Ôn ra lệnh chuẩn định ngày tới hàng vào ngày 3 tháng 11. Bọn Giang Nhất Quế nhà Minh dựng sẵn Tướng đài tại nơi Mạc phủ trấn Nam quan. Đúng kỳ hẹn trên, Đăng Dung lưu Phúc Hải ở lại giữ nước, rồi tự dẫn tiểu mục và kỳ nhân là bọn Nguyễn Như Quế, đến cửa Nam Quan ứng chức, thả đều dùng thước vải tự quấn vào cổ. Trên Tướng đài đã đặt sẵn cái long đình, các quan Phó giám Tam ty trong hai tỉnh Quảng nhà Minh, đều ngồi đợi trên đài. **[tờ 33a]** Đến khi truyền lệnh mở cửa quan, Đăng Dung do cửa bên Tả bước ra, bỏ giày đi chân không, quỳ gối quay mặt về phương Bắc, quan nhà Minh sai sinh viên Tạ Thiên Túng cởi những vải quấn ở cổ cho bọn Đăng Dung, và nhận tờ hàng biểu. Đăng Dung phủ phục lễ 5 lễ, và cúi đầu 3 vái, cháu họ Đăng Dung là bọn Mạc Văn Minh cũng lần lượt lễ theo. Quan nhà Minh truyền rằng: "Hãy dong cho đớitội về nước, chờ đây chuyển tâu lên triều đình, xin cho được khỏi tội chết". Sau khi Đăng Dung lay tạ rạp đầu xuống đất, tướng nhà Minh truyền lệnh đóng cửa quan, rồi thu binh về. Đăng Dung cũng về nước, sai cháu họ là Mạc Văn Minh cùng với tiểu mục tòng nhân là bọn Hứa Tam Tĩnh cả thảy 28 người, theo tùy viên của Tướng nhà Minh tới Yên Kinh, Văn Minh đem một tờ hàng biểu. Bài biểu rằng:

**[tờ 33b]** "Hạ thần là kẻ mọn nơi biên cương, hiểu biết thấp kém, thế mà mỗi khi xa trông phương Bắc, thấy sáng rực tới nước Nam, lại trời đất thanh bình, bể sông yên lặng, hạ thần biết ngay là Trung Quốc có bậc Thánh nhân. Huống chi thiên huy chấn động, mà vẫn có lòng nhân như khi mùa xuân, hạ thần vừa sợ vừa cảm, kể sao cho xiết.

Cuối thời họ Lê chủ nước hạ thần, gặp vận truân chuyên, kế tiếp qua đời, truyền đến Lê Khoáng, chưa được bao lâu, lại lâm bệnh nặng, trong khi thảng thốt, theo tục nước mọn, tạm giao phó việc nước cho hạ thần, rồi hạ thần lại giao phó cho con trai Đăng Doanh, nhưng đều chưa kịp tâu trình, như vậy là thiện quyền. Tuy thiên triều xa cách, khó tới trình tâu, nhưng tội lỗi tày trời, đâu dám tự dấu.

**[tờ 34a]** **Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 17**, hạ thần đã kính cẩn sai Nguyễn Văn Thái dâng biểu xin hàng, và tình nguyện tuân theo thiên triều định đoạt. Đó là do tự lòng thành, không hề vờ dối. Chỉ vì chí thành đó chưa được thấu tới thánh hoàng, cho nên hạ thần sớm tối lo sợ không yên.

**Niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19**, ngày 25, tháng giêng, Đăng Doanh không may bị bệnh chết, người trong nước chức nơi theo tục cũ, định dựng con trưởng Đăng Doanh là Phúc Hải thay ngôi. Nhưng hạ thần tự nghĩ: Mấy lần trước truyền ngôi, chưa kịp tâu xin, đã là lầm lỗi, thường á náy không yên, nếu giờ lại theo ý người trong nước, sẽ nặng thêm tội, hết đường kêu van. Cho nên hạ thần và Phúc Hải vẫn kính cẩn chờ mệnh thiên triều.

Vừa đây, đại tướng chuyên chinh, dẫn quân tới cõi, hạ thần ví như con heo trong chuồng, đâu dám kháng cự.**[tờ 34b]** May được Tướng quân truyền hịch đòi hạ thần đến cửa quan gạn hỏi, được nghe truyền những lời nhân từ của thánh thượng, hạ thần cảm động đến giàn giụa nước mắt! Bao nhiêu tội lỗi, thần xin nhận hết, còn lũ dân đen, đều là vô tội. Bệ hạ khoan hồng, tha cho kẻ tội thần này còn chút hơi tàn, hạ thần xiết đỗi cảm kích, đã hướng về phương Bắc mà tung hô.

Ngày 3 tháng 11, **niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19**, hạ thần đã cùng bọn tiểu mục Nguyễn Như Quế, Đỗ Thế Khanh, Đăng Văn Trị, Kỳ Nhân Lê Thuyên, Nguyễn Tổng, Tô Văn Tốc, sĩ nhân Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi Tri Vinh, tự quấn tua vào cổ, thân tới biên thủy, cúi đầu trước Mạc Phủ Tướng quân, dâng các khoản đầu hàng.

Đăng Dung thần, vẫn muốn đích thân tới kinh đô, chiêm bái long nhan, xin nhận tội chết. Chỉ vì tuổi già mình yếu, đi lại khó khăn; **[tờ 35a]** cháu trưởng Phúc Hải thì đang cư tang. Bởi thế đã kính cẩn sai cháu họ Mạc Văn Minh thay hạ thần tới cửa khuyết, phủ phục đờitội. Như vậy đủ tỏ cha con hạ thần



sai bọn Nguyễn Văn Thái dâng hàng biểu hồi trước, chính là do sự sợ uy mệnh đức, chứ không có lòng trang sức dối trá gì.

Cúi mong thánh thượng nhân từ, nhủ lòng tha thứ cho hạ thần được đổi lỗi cũ. Còn như thổ địa nhân dân hạ quốc, đều thuộc quyền sở hữu của thiên triều, xin bệ hạ đoái tình nước mọn, tùy nghi định đoạt, cho hạ thần được nội thuộc, đời đời xưng là phiên quốc; mỗi năm lĩnh những quyền lịch "Đại Minh nhất thống", đem ban phát khắp nước, để phụng theo ngày tháng. Đó là một đại hạnh cho hạ thần vậy.

Tuy tiên triều hạ quốc, họ Đinh họ Trần và họ Lê, đều kế tiếp xưng tôn hiệu và đặt niên hiệu riêng. Đến hạ thần sau khi cải hồi, tự biết việc đó là không đáng [tờ 35b], cho nên đã nghiêm cấm trong nước, cải cách lỗi đó, chỉ khuyên chờ theo mệnh mới, đâu dám lại theo lỗi xưa, để đắc tội với thiên triều.

Thủ thần Khâm châu tỉnh Quảng đông tâu xưng: 2 đô Như tích, Chiêm Lăng, và 4 động Tư Phiêu, La Phù, Cổ Lâm, Liễu Cát, là đất cũ của Khâm Châu tỉnh Quảng Đông. Nếu quả như vậy thì những đất ấy do triều nước họ Lê mạo nhận. Nay hạ thần xin tình nguyện dâng các xứ ấy lệ thuộc vào Khâm châu.

Còn như Lê Ninh mà Duy Liệu xưng là con cháu họ Lê, thì người trong nước đều tương truyền là con của Nguyễn Cam. Dòng dõi họ Lê đích thật không còn ai, cho nên hạ thần đã lập hương hỏa trong quốc đô để thờ phụng họ Lê.

Nay ở Vân Nam, lại có người cho Lê Ninh là dòng dõi họ Lê, [tờ 36a] hiện ở nước Lão Qua, và đã tâu lên thánh thượng, hạ thần đâu dám biện bạch. Duy tình nguyện cắt trại Thất châu, trại Hồng Y ở Quảng Lăng, và mấy xứ phụ thuộc gần đó, để cho y quản hạt. Những xứ này thuộc tỉnh Vân Nam. Cúi xin thánh hoàng sai người một vài viên sứ thần thẳng tới hạ quốc, dò hỏi khắp các người cổ lão, như có biết ai là con cháu họ Lê, thì hạ thần xin dẫn quần thần đón hàng, và trao trả hết thấy đất đai toàn quốc, há chi cắt mấy xứ kể trên thôi đâu. Nếu quốc nhân đều công nhận họ Lê đích thực không còn ai, thì xin bệ hạ đoái thương đến nhân dân, cho hạ thần tạm coi việc nước.

Về việc hạ quốc còn thiếu cống hiến trong mấy năm trước đây, tất nhiên sẽ xin nộp bù, và từ nay mỗi năm xin theo lệ cống hiến đầy đủ, cái đó hạ thần không dám kêu này, [tờ 36b] là vì hạ thần hiện là kẻ có tội, đang cầu xin khỏi chết còn sợ chưa được.

Hạ thần lại muốn chiếu theo lệ cũ triều trước của hạ quốc, định mỗi năm cống hiến một người bằng vàng để thế mạng, nhưng còn sợ đường đột nên chưa dám. Nay nhân tâu số đầu hàng, xin bệ hạ định đoạt, và xin cho hạ thần được tạm dùng quả ăn, lọng vàng, do thiên triều đã cho hạ quốc từ trước. Vì những thứ ấy hạ thần vẫn cẩn thận giữ đầy, mà không dám tự ý đem dùng. Nhưng không có, thì không lấy gì làm chứng nghiệm. Cúi mong thánh triều soi xét".

Lại bọn tiểu mục Nguyễn Như Quế, kỳ nhân Lê Thuyên, và sĩ nhân Nguyễn Kinh Tế dâng tờ biểu tâu vua Minh rằng:

"Bọn quốc nhân chúng tôi, tuy ở nơi hoang vắng, song vẫn được nhờ ơn thiên triều, mới được sinh sống. Duy cách thiên triều quá xa, mà nước chúng tôi luôn luôn gặp nạn; [tờ 37a] Khoảng năm Chánh Đức Gia Tĩnh, bọn nghịch thần Trần Cao, Trần Thăng, Trịnh Tuy và Đổ Ôn Nhuận, nối tiếp nhau làm loạn, bức hiếp giết quốc chủ Lê Diêu, Lê Huệ phải bỏ thành đô chạy, hoàng tộc gần hết người, chỉ còn mỗi một Lê Khoáng giữ việc nước, nhưng chưa được bao lâu lại bị bệnh chết! khiến các nơi nhiễu loạn, nhân dân lầm than đến cực độ! Lúc ấy, Đấng Dung dẹp hết bọn tiếm nghịch, quả là một người có công. Tuy nhiên, thổ địa nhân dân đều do thiên triều ban cho, thế mà Lê Khoáng đem trao cho Đấng Dung, Đấng Dung nhận rồi lại tự trao cho con, mà chưa thỉnh mệnh, tội đó không thể chối được.

Bọn quốc nhân chúng tôi, cũng nhân sau cuộc loạn lạc, sợ tội ngông cuồng lại nổi dậy như Trần Cao hồi trước, [tờ 37b] thì tai vạ biết bao giờ hết. Trong lúc thành thất, kiếm kế cầu xin, tự chọn người chủ, suy đời Đấng Dung. Đó là do sự ngu muội, tội cũng như Đấng Dung vậy. Sau đây, vì đường sá xa xôi, cửa quan đóng kín, tuy mấy lần dâng sớ khẩn cầu, nhưng không sao tới đến thiên nhan. Bởi vậy tội càng thêm nặng, đến nỗi oai trời nổi giận, sai Tướng xuất quân, năm trước, quần môn truyền hịch tới bản quốc, cha con Đấng Doanh sợ hãi không yên, đã kính cẩn dâng biểu xin hàng, chưa được chấp nhận.

Nay đại Tướng lại động binh, oai như sấm sét, vang động núi sông! Chúng tôi cầm chắc phen này sẽ thành mẫn cảm hết trơn, không còn một mống nào sống sót! Nào ngờ lại được ơn trời tha thứ, dong cho đầu hàng. **[tờ 38a]** Khi viên Giám thống tới tuyên dụ, thì nhân dân toàn quốc trông nhau mà giàn giữa nước mắt, cùng nhau dặt già cống trẻ, đều đến cửa quân, tình nguyện cùng Đăng Dung bó thân hàng phục. Được khỏi sự chết, là nhờ ơn cha mẹ trời đất ban cho, cảm kích hân hoan, không biết đâu là cùng cực!

Quốc nhân chúng tôi lại trộm nghĩ: Dân không thể tự trị, việc tất phải chánh danh. Nếu danh không chánh thì việc không có ai thống quản; việc không người thống quản thì dân sẽ tự tranh giành nhau, rồi tan rã mà không ai cấm. Như vậy muốn khỏi loạn vong, có thể được chăng ?

Nay bệ hạ đã cho Đăng Dung và quốc nhân được sống lại, thế mà lại bị chết vì cuộc rối loạn, thì chắc bệ hạ cũng không nở lòng. **[tờ 38b]** Bởi vậy chúng tôi kính tỏ nỗi niềm riêng, cúi mong bệ hạ ban bố ân đức, cho chúng tôi trước sau đều được hưởng cảnh sinh sống.

Muôn tâu bệ hạ, Đăng Dung tự khi giữ việc nước tới nay, chưa làm điều gì bạo ngược, chỉ chăm lo sự ích lợi cho dân, cho nên dân đều cảm đức. Nay đã sợ uy hồi tội, cùng với cháu trưởng Phúc Hải đều đợi mệnh thiên triều, không dám tự tiện nhận giữ việc nước như trước, và cũng đã sức toàn quốc, không dám theo triều trước mà xưng tôn hiệu.

Chúng tôi trộm nghĩ, ông cháu Đăng Dung tự ý làm Di mục, quả là có tội, đâu còn dám mong đến thịnh điển. nhưng nghĩ cho cùng, họ Mạc tuy có tội thực, song đều bởi quốc dân đều qui phục, cho nên mới thành tội trạng đó. bây giờ nếu không nhờ ơn thánh thượng ban cấp cho một danh sắc, thì lấy gì cai trị người trong nước, để cho khỏi làm loạn. **[tờ 39a]** Bởi vậy cúi mong bệ hạ thương dân phương xa, thuận tình nước mọn, ban cho họ Mạc một mệnh mới, tra theo việc cũ các triều trước, hoặc cho làm Tổng quản, hoặc cho làm Đô hộ, để cai quản việc nước, đời đời xưng là phiên thần, lũ chúng tôi cũng được giữ chút sống thừa, đời đời xưng làm phiên dân, thì ơn tái tạo của bệ hạ sáng ngang với trời đất, không bao giờ cùng vậy ".

Bá Ôn sai người đưa bọn Văn Minh đi Bắc Kinh, và dâng tờ sớ bàn về việc này:

"Tuân theo thánh chỉ y cho bàn xử về việc Đăng Dung xin nội thuộc xưng phiên; mỗi năm lĩnh nhật lịch Đại thống; và xin nộp bù cống phẩm còn thiếu các năm trước. Vậy xin kính tâu:

Hạ thần xét về nước An Nam, tự thời Hán thời Tống đến nay, **[tờ 39b]** tuy xưng là nội phụ, nhưng vì thói tục di lưu, khí độc lam chướng, vốn không thích nghi với Trung Quốc. Và chẳng nước ấy cứ vài năm lại một lần loạn, mà đã loạn thì, kéo bè kết đảng, đánh giết lẫn nhau. thế tất lại qua mấy năm mới yên. Thời xưa, Trương Phụ dùng hơn mười vạn người đánh dẹp nước ấy, mà cũng chỉ Quận Huyện được mấy năm, chúng lại liên tiếp phản bạn, rồi cuộc quyền cai trị lại thuộc về người Di. Đó là một chứng nghiệm rất rõ vậy.

Nay châm chước sự lợi hại về thời trước, không gì bằng cứ để nước ấy là nước ngoài, mà không sáp nhập Trung Quốc, chỉ dùng người Di trị người Di, mới được ổn tiện.

Như cho là Đăng Dung có tội, đầu hàng, nên chưa vội trao cho tước phẩm đất đai. Còn cháu y là Mạc Phúc Hải đương chờ mệnh. Nếu được bệ hạ lượng thương tha thứ, ban cho danh sắc, hoặc làm Đô hộ, hoặc Tổng quản, chiếu theo lệ thời Hán thời Đường. **[tờ 40a]** Mỗi năm đến Ty Bộ chánh tỉnh Quảng Tây nhận ban cấp lịch Đại Thống. Nay thì tới lĩnh tại trấn Nam Quan; tra sổ cống hiến còn thiếu về mấy năm trước, nay phải nộp đủ; tự đây về sau, cứ hàng năm theo lệ nộp cống một lần.

Các chức hành lệnh ở 4 động: Tự Lãm, Cổ Sâm, Liễu Cát và La Phù thuộc Khâm Châu, nguyên là tước hầu tước An Nam, lại có chú thêm là chức quan Tham chánh phó sứ. Vậy xin chiếu nguyên ngạch biên vào hạ tịch Khâm Châu, và ưu đãi như hiện nay, chờ 3 năm<sup>1</sup> sau, sẽ cấp lương theo cấp bậc hết thấy.

<sup>1</sup> Chữ này bản chính chép chữ "thiên" (nghìn) hoặc do chữ "niên" (năm) chép lộn ra chăng ? Xin dịch theo chữ "niên ".

Các Sứ sự của nước ấy đã sai tới, tự trước tới nay, sau khi xong công việc, xin cho về nước hết thảy.

Đó chính là phép dùng người Di trị người Di vậy.

Còn như Lê Ninh, tuy tự xưng là con cháu họ Lê, nhưng hạ thần căn cứ vào lời đã tra xét của các Ty trước, thì tung tích y đích thực không rõ. Duy liệu một mặt ẩn náu **[tờ 40b]** ở trại trong động Lăng Thạch Lâm Châu. Nơi phụ cận với địa phương Thổ quan tỉnh Quảng Tây, cũng không biết diện mạo Lê Ninh ra thế nào, cho nên hoặc xưng là Lê Ninh, hoặc xưng là Lê Hiến, hoặc xưng là Quang Chiêu, hoặc xưng là Nguyên Hòa, hoặc lại cho là con trai Nguyễn Cam, hoặc lại cho là do họ Trịnh bịa đặt ra. Gần đây, Ty Bố chánh tỉnh Vân Nam có mở cuộc hội thẩm, người Di là Trịnh Viên khai rằng: Động Tất mã giang tuy có tên Lê Ninh, nhưng lai lịch về tông phái không tường, diện mạo và tuổi của y, so với nguyên báo của Trịnh Duy Liệu lại khác xa. Như vậy đều không gì làm bằng cứ. Nay nên giao các quan Trấn thủ tỉnh Vân Nam khám tra, như quả đủ bằng cứ, mà không gì mâu thuẫn, thì cho y cứ ở ngay nơi Tất mã giang đó **[tờ 41a]** và những địa phương chung quanh nơi ấy, đều cho y quản lĩnh, hoặc cho y một chức vị gì thuộc tỉnh Vân Nam. Nếu không phải là con cháu họ Lê, thì xin bỏ qua khỏi bàn tới.

Còn Trịnh Duy Liệu, xin an sấp trong tỉnh Quảng Đông, tùy theo nơi thuận tiện, và lượng cấp ruộng đất cho y khỏi phải lưu ly thất sở.

Phân xử như vậy mới chu đáo mọi lẽ. Kính xin bệ hạ sắc cho Bộ này họp bàn, rồi tâu lên thánh thượng tài định, dứt quyết mỗi ngày, định đoạt việc lớn. Tự đấy, Hoa Di nội ngoại, thấy được yên vui vô sự".

Sau đây, quân Tàu kéo về hết. Trần Phi tự Bắc Quan trở về Kinh Sư, Phúc Hải phong cho chức Thượng thư bộ lễ, coi việc Thừa tuyên sứ tỉnh Hải Dương.

Năm này, vua Trang Tông sai Nguyễn Cam, xuất quân đánh vào các huyện trong tỉnh Nghệ An, rất nhiều hào kiệt hưởng ứng qui phụ, **[tờ 41b]** quân của Phúc Hải bị thua trận luôn luôn.

Năm Tân Sửu, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 9 (1541), mùa xuân, Phúc Hải mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Nguyễn Kỳ gồm 30 người trúng tuyển.

Mùa thu, tháng 8, ngày Ất Hợi, Đăng Dung chết ở Cổ Trai. Phúc Hải đưa linh cữu an táng tại Long Sơn, ngụ xưng là An Lăng.

Cùng ngày này, vua Thế Tông nhà Minh ban tờ chiếu:

Xá tội cho cha con Đăng Dung; đổi "An nam quốc" làm "An nam Đô thống sứ"; trao cho Đăng Dung chức Đô thống sứ, cho hàm nhị phẩm và quả ấn bằng bạc, và được đời truyền nối; 13 Lộ thì cứ theo nguyên tên cũ, mỗi Lộ đặt một viên Tuyên phủ, một viên Đồng tri, một viên Phó sứ, và một viên Thiêm sự, dưới quyền Đô thống sứ quản hạt và sai khiến triều cống; ngoài ra, các chức quan lớn nhỏ trong toàn cõi, đều thuộc quyền Đô thống sứ tùy nghi cất đặt; **[tờ 42a]** nhân dân địa phương trong bốn động do y dâng trả, nguyên là dân biên thù nước ta, vậy cho thu cả vào bản đồ; sức nha môn Tuần phủ 2 tỉnh Quảng phải đối đãi các người đầu hàng một cách hậu tình thương xót. Sau khi đã xá tội, chuẩn thưởng cho Mạc Văn Minh 1 áo đơn bằng nhiều trắng, và 2 áo kép bằng đoạn màu, thưởng cho Nguyễn Văn Thái 1 áo kép đoạn màu, thưởng cho Hứa Tam Tĩnh 1 áo nhiều, và cho trở về nước ngay ngày hôm ấy; các lễ phẩm cống hiến, đều chiếu theo lệ cũ; các hộ khẩu tiền lương của nước ấy, không cần phải biến chép tâu về.

Bộ Lễ sai chủ sự Ngô Ứng Khuê đi Lương Quảng cấp phát bạc thưởng và áo, còn một đạo sắc phong Mạc Đăng Dung làm An Nam Đô thống sứ, và 1 quả ấn An Nam Đô thống sứ ty, thì quan tỉnh ấy phụng đem chuyển giao cho Đăng Dung thủ lĩnh. Nhưng lúc ấy Đăng Dung đã chết, phao truyền là bị bầy tôi là Nguyễn kính giết. Phúc Hải sai người đến cửa quân lương Quảng báo cáo an tín, và xin tập phong.

Vua Thế Tông nhà Minh thấy Đăng Dung chưa được nhận chức mà đã chết, cũng tỏ ý thương xót, bèn sai Thái Kinh hội đồng với các quan Tổng đốc, tra khám xem Đăng Dung chết bệnh hay có vì cố gì khác không, và Phúc Hải có đích thực là cháu đích tôn của Đăng Dung không? Kỳ mục bọn Như Quế

xin bảo đảm là không có gì dối trá. Bọn Mao Bá Ôn xin cho Phúc Hải lĩnh chế mệnh. Vua Thế Tông ưng cho.

Năm Nguyên Hòa thứ 10 (1542), nhằm niên hiệu thứ 21 nhà Minh, mùa xuân, tháng 2, vua Trang Tông tự cầm quân đi kinh lược tỉnh Thanh Hoa, [tờ 43a] sai Nguyễn Cam dẫn quân đánh vào tỉnh Nghệ An, Phúc Hải sai quân chống cự.

Phúc Hải ngự phong tước vương cho các em là bọn Kính Điển; đổi Trần Phi sang chức Thượng thư bộ hình.

Hàn lâm viện Thị độc Nguyễn Đức Lượng soạn dâng bài châm "bảo nghiệp ", có ngụ ý khuyên răn, Phúc Hải rất tán thưởng.

Tháng 3, Phúc Hải thân dẫn bày tôi là bọn Nguyễn Kính, Nguyễn Ninh Ngũ đến cửa quan Trấn An, lĩnh tờ sắc, quả ấn, vá 1.000 quyển lịch.

Vua nhà Minh ban tờ sắc dụ cho Phúc Hải rằng:

"Trẫm là Đế vương coi thiên hạ như một nhà, muốn cho muôn dân đều được yên ổn. Nơi nào cũng coi như vậy, không kỳ thị gần xa.

Nước An Nam này, ở phương Nam xa, đời đời giữ chức cống hiến. Mấy năm trước đây không đến triều cống, xét về duyên cớ, chính là tội của Đãng Dung ông Tổ của mày, [tờ 43b], trẫm đã sai quan dẫn quân hỏi tội, ông tổ mày biết hối cải, dâng biểu xin hàng, kể hết duyên cớ về tội tự tiện trao ngôi nhận ngôi, tình nguyện hiến thổ địa nhân dân, theo quyền triều đình xử định. Mao Bá Ôn dâng tờ tâu đó, triều đình giao bộ binh họp bàn, rồi đề nghị xin rằng: "Ông tổ mày Đãng Dung sợ oai đầu hàng, là rất thành thực đợi tội ". Trẫm vì thể đức "hiếu sinh " của Thượng đế, muốn thuận tình "an lạc " của hạ dân, cho nên tha cho hết thấy tội lỗi, rồi đổi quốc hiệu bỏ phong vương, trao cho chức Đô thống sứ, hàm tòng nhị phẩm nha môn, dùng quả ấn bằng bạc, được theo ngày tháng và triều cống, cho con cháu được nối ngôi, đời đời giữ đất nước. Đó là một sự lợi ích rất lâu dài của dòng họ mày vậy.

Nay quan Trấn thủ tâu rằng: [tờ 44a] "Đãng Dung ông tổ mày đã chết bệnh, mày là cháu đích tôn. Và mày đã bày tỏ hết nỗi chí thành về sự đầu hàng của tổ mày, lại thuật hết những lời di chúc của tổ mày ". Như vậy cũng có thể gọi là noi được chí ông tổ vậy.

Vậy ban sắc dụ này, cho tổ mày chức Đô thống sứ. mày nên tuân theo hết lòng trung thành, kính giữ chức cống; cai trị dân chúng, yên tĩnh địa phương, để xứng với ý thương mến của triều đình, và hợp với lòng thành kính của ông tổ, sẽ hưởng nhiều phúc, há chẳng đẹp ru ?

Phàm các công việc, đều phải chiếu theo các lễ trong tờ sắc dụ đã ban cho Tổ mày mà làm. Kính đấy! "

Phúc Hải nhận lĩnh các khoản, rồi trở về kinh đô.

Mùa thu, ngày 3 tháng 8, Phúc Hải sai Giao bắc Tuyên phủ [tờ 44b] Đồng tri Nguyễn Kính Điển, Thiêm sự Nguyễn Công Nghi và Lương Giản sang nhà Minh tạ ơn về sự được sắc phong, tiến dâng lễ phẩm bản xứ: 4 lô hương và bình cắm hoa bằng vàng (nặng 190 lạng ); 1 rùa bằng vàng (nặng 19 lạng ); 2 lô hương và bình cắm hoa bằng bạc (nặng 151 lạng ); 12 mâm bằng bạc (nặng 641 lạng ); 60 cân trầm hương; 148 cân thương; cỗ 30 cây giáng chân hương; 20 tòa tê giác; 30 cái ngà voi, cùng các thứ hương thơm tơ lụa khác.

Lại sai Nguyễn Chiêu Huấn, Vũ Tuân, và Tạ Đình Quang. dâng các phương vật về lễ cống hiến hàng năm, cũng như các thứ kể trên. Sau bèn thành lệ.

Tờ biểu tạ ân rằng:

"Phủ phục kính thưa: Trung Quốc có Thánh nhân, trưng diêm sông trong biển lặng; ngoại di lại triều cận [tờ 45a] thăm nhuần phúc lớn ân sâu. Giờ Ngọ khí dương hồi, bắc thần mọi sao chiếu.

Hạ thần Phúc Hải trộm nghĩ: Lòng trời đất thể theo muôn vật, ý sinh ban bố đồng đều, không vì tươi khô mà phân biệt; đức Đế vương thường chỉ yêu người, kẻ nào cũng đều thương xót, không vì còn mất mà sai thù. Đó là bởi lẽ công bằng, cho nên ban ra rất rộng.

Hạ thần Phúc Hải trộm nghĩ: Tổ hạ thần Mạc Đăng Dung, sớm do đời loạn, gặp phải thời gian. Nhân dân lưu ly tán loạn, giữ được bình an; quen thói cha truyền con nối, tự chuyên vẫn sợ. Mấy năm thiếu cống Bắc triều, một sớm bỗng nghe nổi giận. Đợi tội Nam Quan, những sợ nường thân không đất; tới hàng Bắc Quyết, **[tờ 45b]** may sao bọc bạch có trời. Bền đẹp cơn lôi đình, mà ban ân vũ lộ. Ôn sâu thăm gội, mong được toại nguyện trung thành; di chúc đình ninh, không dám quên lòng sự thượng.

Hạ thần Phúc Hải. đương tuổi trẻ thơ, lạm nổi ngành trưởng. Theo lời kính trung tổ phụ, việc nước chăm lo; nhờ nhân thương rộng triều đình, những mong tới dưới, đợi ơn thể tuất, bền được vinh quang. Cho được vâng lĩnh ấn tín, nêu cao danh khí. Ân sâu thăm khắp, quá đổi trời cao. Tổ hạ thần đợi mệnh lúc hơi tàn, tuy chết mà vinh dự; chính hạ thần đang ở kỳ tang thứ. **[tờ 46a]** nước mắt theo lại giàn. Tất cả nhân dân toàn cõi, đều biết thánh thượng vô tư.

Kính duy Hoàng đế bệ hạ, ngài gồm các đức: cương kiện tụy tinh, thông minh duệ trí. Kính nhường sáng khắp bốn phương. Nghêu vẫn rực rỡ; tài đức ban yên mọi nước. Vũ liệt nguy nga. Hòa thuận thái bình, hoàng gia ban bố. Coi ấp hạ thần ngàn dặm xa xăm, muốn đồng thanh giáo; thương Tổ hạ thần một lòng kính thuận, ơn khắp thủy chung. Sắc dụ đã ban, khúc thành tỏ đạo. Hạ thần kính cẩn thay tiên tổ bái lĩnh, để biểu dương cùng dân chúng.

Chánh lệnh đức trạch dồi dào, **[tờ 46b]** đều nung đức do nơi thánh hóa; thổ địa thuế sưu cống hiến, thường thành thực ở mức chính cung ".

Bài biểu này, do Thượng thư Nghĩa Trang Bá Nguyễn Bạt Tụy soạn.

Tháng 9, Lại bộ Tả thị lang Trình Xuyên Hầu Nguyễn Bình Khiêm xin trí sĩ, đi về làng hưu dưỡng điều viên. Phúc Hải ứng cho.

**Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 11 (1543)**, mùa xuân, vua Trang Tông thân chinh đánh Phúc Hải, lấy được Tây Đô, phá tan quân Chánh Trung của Ngụy Hoảng Vương, Tổng trấn tỉnh Thanh Hoa Đại Tướng quân Trung hậu hầu dẫn quân đầu hàng.

Mùa hạ, tháng 5, Phúc Hải bổ nhiệm Trần Phi chức Thượng thư Bộ Lễ.

Thiếu sư Mạc Ninh Bang xin bàn định phép cấp lộc điền cho Hiệu sĩ:

"**Niên hiệu Quảng Hòa thứ 3**, ra lệnh; Xã nào ngoài số ruộng đất tư, mà có ruộng quan và ruộng chùa, **[tờ 47a]** thì tùy theo số ruộng đó, chiếu cấp cho: Nhất hạng trung hiệu mỗi người 2 phần rưỡi; nhất hạng trung sĩ mỗi người 2 phần rưỡi. Xã nào không có ruộng thì mỗi người một phần. Như xã nào tuy số ruộng nhiều đáng được 2 phần, thì 2 phần ấy cũng không được quá số 2 mẫu, rồi tùy theo cấp bậc giảm dần, còn bao nhiêu ruộng sẽ theo nhân số trong xã mà chia đồng đều.

Như vậy đủ thấy triều đình ưu đãi Trung hiệu, Trung sĩ rất hậu. Nhưng hạ thần thiết nghĩ: Trong bọn Trung hiệu, Trung sĩ, tất nhiên có kẻ khỏe mạnh, có kẻ lười biếng, đâu có nhất luật như nhau, thế mà cấp phát ruộng đất một cách đồng đều không phân biệt, thì sao có thể khuyến khích lòng người được.

Vậy xin cho các quan Tướng bản doanh, ra lệnh cho các quan bản huyện, lựa chọn bảo cử người nào tinh tráng khỏe mạnh và thiện chiến, làm nhất hạng, **[tờ 47b]** rồi biên cả vào sổ cấp điền, các quan Phủ Huyện Xã Trưởng chiếu theo sổ cấp điền trước, đem ruộng nhất đẳng cấp cho hạng này trước, để khuyến khích chiến sĩ ". Phúc Hải nghe theo.

**Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 12 (1544)**, mùa xuân, Phúc Hải mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Vũ Kính 17 người trúng tuyển.

**Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 13 (1545)**, thường công đi sứ nhà Minh, phong Trần Phi tước Vinh dự tử, các người khác trong phái Bộ sứ thần này, cũng đều được phong.

Lúc này, vua Trang Tông tự làm Tướng cầm quân đánh Phúc Hải, đóng quân tại hạt Yên Mô. Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Cam bị hàng tướng trung hậu hầu bỏ thuốc độc chết. Trung hậu hầu liền trốn đi, rồi lại trở về với Phúc Hải.

Tháng 8, Phúc Hải sai tướng là Thái tử Ninh quốc công, xuất quân ngũ phủ vào các trấn, thừa cơ vào đánh cướp doanh trại Hoàng đế. Khi chúng đến bến sông Phù Chấn. Hoàng đế bèn thân chinh. Đề thống ngự doanh **[tờ 48a]** Dực quận công Trịnh Kiểm đốc quân tiên phong ra đánh phá tan, Ninh quốc công trốn về, quân Mạc chết vô kể.

Hoàng thượng bổ nhiệm Dực quận công Trịnh Kiểm làm chức "Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh", phong tước Lương quận công<sup>1</sup>, được độc quyền giữ việc binh, và tổng tài chánh sự; trị dân dạy người, tuyên bố uy đức. Quốc thể ngày thêm thịnh vượng, châu Á tạm yên, các vị hào trưởng trong 4 châu: Hoan, Diễn, Ô và Quảng đều đua nhau đến cửa quân xin hiệu lực. Cơ nghiệp Hoàng gia, bắt đầu tiến tự đây. Còn thế của Phúc Hải thì càng ngày càng xuống.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Nguyên Hòa thứ 14 (1546), ngày 8, thuộc ngày Quý Hợi, Phúc Hải chết, tiếm ngôi được 6 năm, ngụy đặt thụy là "Hiển tôn Hiển Hoàng đế", con là Phúc Nguyên nối ngôi.

---

<sup>1</sup> Chữ "quận công" có lẽ lầm, vì Trịnh Kiểm hiện đã tước quận công, đâu có phong thêm tước quận công nữa. Hoặc do chữ "quốc công" chép lộn ra chăng ?

# Đại Việt Thông Sử

## LIỆT TRUYỆN

Thần Đôn soạn

### NGHỊCH THẦN TRUYỆN

## PHÚC NGUYỄN

**[tờ 49a]** Phúc Nguyễn là con trai trưởng Phúc Hải, tiếm ngôi vào tháng 5 niên hiệu Nguyên hòa thứ 14 (1546), đổi năm Đinh Tỵ sau (1547) làm niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất.

Lúc này Phúc Nguyễn còn nhỏ tuổi, chưa biết quyết đoán việc gì, bao nhiêu công việc lớn nhỏ, đều ủy cả vào thúc phụ là Khiêm Vương Kính Điển phân xử.

Ngụy tôn tổ mẫu họ Phạm làm "Thái hoàng Thái hậu".

Khi Phúc Hải chết, Tướng là Tứ Dương Hầu Phạm Tử Nghi bàn rằng:

"Hiện trong nước đương lúc nhiều nạn, nên lập **[tờ 49b]** vua lớn tuổi. Con Đăng Dung ngụy Hăng Vương Chánh Trung đã nhiều phen cầm quân, và thường thắng trận. Vậy xin dựng lên nối ngôi".

Nhưng các tôn vương họ Mạc, và đại thần là bọn Kính Điển, Nguyễn Kính đều không theo, bàn định dựng Phúc Nguyễn lên ngôi. Bởi thế Tử Nghi không toại nguyện, bèn ngầm sinh lòng khác, bí mật tụ hợp các Tướng Bộ khúc, rồi cùng với Thành quốc công khởi loạn. Phúc Nguyễn phải qua sông chạy về Đông vào ban đêm, bọn Kính Điển, Nguyễn Kính và Trần Phi xuất quân đón cứu Phúc Nguyễn.

Tử Nghi bèn đem Chánh Trung chiếm cứ Ngự Thiên ở Hoa Dương, rồi tiếm xưng tôn hiệu, ngụy lập triều đình. Các bầy tôi văn võ nhiều người theo.

Phúc Nguyễn sai Kính Điển và Nguyễn Kính phát binh đánh Tử Nghi, nhưng Tử Nghi vốn là một kiện tướng, lại thêm quân sĩ đều gắng sức, bởi thế Kính Điển đánh mấy trận đều bị thua.

**[tờ 50a]** Tử Nghi đưa tờ bố cáo cho các Trấn, kể tội phản nghịch của Nguyễn Kính, lại kể cả chiến công nơi sông<sup>1</sup>... và bến Lục. Tuyên ngôn là sẽ đánh thẳng vào Đông Kinh. Làm cho phương Đông Nam rung động! tờ bố cáo rằng:

"Thuận đức thì thịnh, đó là lẽ của trời; vì nghĩa động binh, để dương oai vô địch. Tội kẻ nghịch tặc không thể dong tha, người trong thiên hạ ai cũng được hỏi. Giết Hàn Trác để thờ tôn miếu họ Hạ. Tướng binh nhờ kế Thần mỹ<sup>2</sup>, diệt giặc Hồ để phục kinh đô nhà Đường, xuất Tướng nhờ sức Phần dương<sup>3</sup>. Hội đồng không sai, xưa nay cùng hợp.

Vua Thái Tổ mở nền, thực trời cao sinh đức, được danh, được vị và được lộc, lịch số ứng truyền; cùng văn cùng lối lại cùng hàng, xuân thu tổng quát. Kẻ nào không phục, **[tờ 50b]** liền đánh dẹp ngay;

<sup>1</sup> Chữ này là tên con sông, nhưng chính bản bỏ trắng khoảng một chữ, vậy không biết là sông gì? Xét văn dưới, chép đến khi tiến quân tới con sông này, cũng bỏ trắng khoảng một chữ như đây.

<sup>2</sup> Hàn Trác bày tội vua Hậu Nghệ, giết Nghệ tự lập làm vua. Thiếu Khang giết Hàn Trác khôi phục nhà Hạ.

<sup>3</sup> Quách Tử Nghi Tướng nhà Đường, phong tước Phần dương vương, dẹp giặc Hồ khôi phục nhà Đường.

Giặc Như Bích dong ruổi phương Nam, quan quân kéo đến, thế như sét đánh; giặc Văn Uyên xưng hùng phương Bắc, thần vũ dương oai, mạnh tựa sấm vang. Các châu Khâm Liêm, sợ hãi không dám liên can; các nước Đồ Bàn, xưng thần mà tới cống hiến. Việc định công thành sự, được nước tựa ba đời trước; thánh truyền thần nối, hưởng ngôi tôn hơn hai mươi năm. Muô mô không thiếu, quốc gia thái bình. Triều đình tôn thể chẳng can liên, bầy tôi sợ hãi đều tuân mệnh.

Tên nghịch Kính kia, vốn là Tướng giặc. Nhờ vua Thái Tổ, lòng nhân trời che đất chở, coi như đứa con; được các vua sau, tỏ đức bể渤 xuân nuôi, **[tờ 51a]** ân thêm cố kết. Nào là cho đổi họ lại cho ruộng vườn; phong tước cho con trai lại phong con gái.

Đáng lẽ y phải ghi dạ khắc xương, tỏ tình khuyến mã; thế mà y lại tạo ra hung ác, như hổ vào nhà. Lật lọng trái nghĩa bầy tôi, ngấm ngấm rất lòng phản nghịch. Hấn khích rõ ràng, khi vua quá đáng. Đánh vào Kinh Quyết, ngấm mạnh dạ Lộc Sơn<sup>1</sup>; hộ giá tuyên ngôn, vờ theo thói Châu Ty<sup>2</sup>. Chúng khoe công lại hung hãn, đương báo oán trả thù riêng. Triều đình đáng tôn, mà y chuyên quyền như bỡn; lão thần đáng trọng, mà y lại dám khinh nhờn. Mũ giày đảo lộn, **[tờ 51b]** phép tắc đổi thay. Những việc y làm, không lòng sợ hãi. Giặc Khải Khang chưa ráo máu đầu, y tựa làm tay tả hữu; giặc Hữu mệnh mồm có hơi sữa, y dùng làm binh cha con. Hữu Trảo một tên thất phụ, y đồng đảng cho giữ nơi xung yếu; Tử Nha như kẻ thất phụ, y viện binh để làm thế phô trương. Thậm chí hành quân vô kỷ luật, chỉ tàn bạo để dương oai; coi người như cỏ rác, quân kéo qua dân chết hết trơn; bạo ngược hơn nước lửa, quân đến đâu nhà đốt hết sạch. Những việc đó y nở lòng làm, thì ai cũng có quyền đánh.

Hiện nay Thánh thượng lòng hưng, chính ngôi nam diện, **[tờ 52a]** muô mô hùng đoán, quyết kế tây chinh.

Tôi, tự thẹn tài ngu, nhờ ơn vua mến. Vì nước bỏ nhà, tỏ chút lòng trung Tướng Hán; tập binh nhiều trí. thẹn với tài giỏi tôiTê. Kế muô đều theo thành toán, hiên ngang xin nhận tiên phong. Thủy bộ tiếp liên, bày ra trận đường chính; can qua thẳng chỉ, dương oai vũ huy hoàng. Ba quân như tự trời xuống thẳng trận tựa cuốn chiếu đi. Thuyền binh tới bến Lục, quân giặc vỡ tan; binh sĩ tới sông... quân giặc hãi sợ. Chúng tuy nhiều quân và dũng mãnh, thấy đều nghiêng giáo xin đầu hàng. Đã bắt Kinh (giặc) dựng quán, **[tờ 52b]** dân trở lại vui tươi. Đó là, trời giúp thì nên, đúng với kỳ thịnh trị; binh hòa thì thẳng, đã định kế vạn toàn. Sẽ thấy nhật nguyệt sáng choang, giáp binh rửa sạch, nước nhà thịnh vượng, cơ nghiệp vững bền".

Mạc Kính Điển hợp binh đánh Tử Nghi, hẹn với Phụng quốc công Lê Bá Ly giúp sức. Bá Ly bèn sai con trai giữ việc trong Phủ, sai Phổ quận công Khắc Thận truyền hịch cho Quảng quận công Nguyễn Khải Khang, và Phú quận công Mạc hữu mệnh ở phương Tây; Khổng toàn hầu và Khang phụ hầu ở phương Bắc, hợp các đạo quân, cả thủy bộ đều tiến, đánh phá tàn quân của Chính Trung ở Ngự thiên.

Hữu Mệnh là con trai Nguyễn Kính. **[tờ 53a]** và là anh Ngọc Liễn.

Tử Nghi đem Văn Minh, Chánh Trung, và Ngụy Định vương Phúc Sơn chạy, chiếm cứ An Quảng.

Phúc Nguyên lại trở về Đông Kinh.

Lúc này, xứ Hải Dương bị nạn binh hỏa luôn luôn, rất nhiều người phải lưu vong.

Mùa xuân, **năm Nguyên Hòa thứ 15 (1547)** mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Dương Phúc Tư cộng 30 người trúng tuyển.

Phúc Nguyên thưởng văn thần có công trong việc Cần vương, thăng cho Trần Phi lên tước Đông lai hầu.

Mùa hạ, tháp Báo Thiên không vì cơ gì tự nhiên đổ lở.

Mùa thu, tháng 7, Trần Phi xin về trí sĩ, Phúc Nguyên không ưng, bèn thăng cho chức Thiếu phó.

<sup>1</sup> Lộc Sơn bầy tôi vua Huyền Tông nhà Đường, cướp ngôi, tự xưng Đại yễn Hoàng đế.

<sup>2</sup> Châu Ty bầy tôi vua Đức Tông nhà Đường, nhân gặp loạn, loạn quân suy tôn làm chủ, rồi xưng Đế.



Sau khi Mạc Chánh Trung thất thế, bèn cùng Văn Minh và Phúc Sơn đem các gia quyến chừng hơn trăm người chạy sang Khâm châu, vào cửa quân lương Quảng tổ cáo; Kể hết tội trạng Nguyễn Kính chuyên quyền và ruồng bỏ các vị cựu thần quốc thích. Đề đốc quân vụ Trương Nhạc, [tờ 53b] bèn tâu về triều Minh, xin cứu trợ cho bọn Chánh Trung, vua nhà Minh bèn ra lệnh quan phủ Thiều châu và Thiệu Khánh thu xếp cho bọn Chánh Trung an cư vào xứ Thanh Viễn, và hàng năm phát gạo cho, chiếu theo cấp bậc.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 16 (1548), vua Trang Tông dụ Hoàng đế thẳng hà, vua Trung Tông lên nối ngôi ở xứ Thanh Hoa, đổi năm sau<sup>1</sup>.

Sau khi Tử Nghi đã chạy, giữ xứ Yên Quảng, y lại vào đại phận nước Tàu, khua dụ các dân Man ở ven biển nổi loạn cướp phá, làm tao nhiễu Khâm châu và tỉnh Quảng Đông, nhà Minh không chịu nổi, bèn truyền thư cho Phúc Nguyên rằng:

"Nhà ngươi vô lễ! Dong túng cho đảng nghịch cướp phá nơi biên thùy thượng quốc, ngươi phải đem quân dẹp ngay. Nếu không thì đại quân sẽ đến hỏi tội ngươi".

Phúc Nguyên nhận thư trên, xiết nỗi sợ hãi, bèn sai Kính Điển dẫn quân đến An Quảng đánh Tử Nghi. Kính Điển mật sai tên tiểu tốt dụ bắt được Tử Nghi, [tờ 54a] đem chém, rồi đưa thủ cấp tới tỉnh Quảng Đông.

Phúc Nguyên phong Trần Phi chức Binh bộ Thượng thư Đô ngự sử. Tháng 4, lại gia thêm cho Trần Phi Tri quán cục, tham dự triều chính. Sau thăng tước Lai quận công.

Phong Phạm Quỳnh tước Vinh quận công, phong con trai Quỳnh là Dao tước Phú xuyên hầu.

Phạm Quỳnh nguyên quán ở làng ở làng Đặng Xá, huyện Thanh Lâm, đến ngụ cư tại Thôn Bùi Tây xã Thịnh Liệt, nhà nghèo làm nghề bán trà. Khi Kính Điển lên 2 tuổi, thường đau ốm quặt quẹo luôn, muốn tìm người vú nuôi, Lê Bá Ly bèn sai vợ Phạm Quỳnh vào cung làm vú sữa nuôi Kính Điển. Đến đây, Kính Điển giữ chính quyền, nghĩ tới nghĩa bảo dưỡng của vợ Quỳnh, cho nên trọng dụng cả hai cha con Phạm Quỳnh: Sai Phạm Quỳnh giữ quyền tiết chế đông đạo; cho Phạm Dao trấn thủ xứ Sơn Nam, rồi thăng đến tước Văn quận công.

Mùa thu, Phúc Nguyên sai bày tội, bọn Lê Quang Bí [tờ 54b] sang nhà Minh dâng cống hiến thường niên.

Thời vua Trung Tông, niên hiệu Thuận Bình thứ nhất (1549), nhằm niên hiệu Gia Tĩnh thứ 28 triều Minh, Mạc Chính Trung đã chạy vào nước Tàu, bèn đến viện Đốc phủ nhà Minh, tố cáo tội trạng Nguyễn Kính chuyên quyền, bức hiếp đuổi bọn Chính Trung. Người nhà Minh ngờ Phúc Nguyên không phải là dòng dõi Đăng Dung, bèn truyền văn thư tra khám. Lúc này là thời kỳ Kính Điển vừa dẹp dư đảng của Tử Nghi xong, nên xứ Hải Dương và xứ Sơn Nam được tạm yên. Kính Điển bèn hộ vệ Phúc Nguyên đến cửa quan Trấn nam, bảo Phúc Nguyên giả tên Hoảng Dực làm tờ trạng cam kết không có giả dối, xin được tập phong chức Đô thống sứ. Lại sai kỳ mục bọn Lê Bá Ly đi theo cùng, và cùng làm tờ văn biện bạch rõ rệt, xin chiếu theo lệ trước, tâu đạt lên triều đình, cho Phúc Nguyên được tập phong. Quan quân môn Lương Quảng [tờ 55a] bằng lòng nhận.

Mùa hạ, ngày 11, tháng 4, giờ ty, các Phủ: Nam Sách, Thượng hạ tăng, Lý Nhân, Khoái Châu và Trường An, đương lúc ban ngày, trời bỗng tối sầm, không gian liền nổi tiếng ầm ầm, rồi mưa đá đổ xuống sầm sập! Có hạt mưa to bằng hòn đạn, có hạt to bằng cái hột gà, cũng có hạt to bằng cái đầu hoặc hột đá, làm hư hại lúa ngoài đồng; cây dâu trong vườn; phá hoại nhà ở; chết chim ngoài đồng; người và súc vật bị thương rất nhiều.

Thượng thư Văn dương bá Tạ Đình Quang dâng tờ sớ rằng:

"Kính xét sách "Xuân thu khảo dị "và sách "Văn hiến thông khảo ", điều nói rằng: "Mưa đá là cái tượng khí âm hiếp khí dương ". Đó là ứng về sự bày tôi có thể lực chuyên quyền, và cũng bởi những sự;

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép "cải minh niên " (đổi năm sau ). Như vậy chưa đủ nghĩa. Hoặc chép sót mấy chữ "vi thuận bình nguyên niên " (làm niên hiệu Thuận bình thứ nhất ) chăng ?

Người hiền bị che kín; chỉ dùng người gian; nghe lời gièm, sùu cao thuế nặng; pháp lệnh đổi thay, cho nên mới có tai dị đó.

Nay bệ hạ tuy đã lớn tuổi, **[tờ 55b]** nhưng chưa đích thân điều khiển chánh sự, thì cái tai dị mưa đá kia, chưa có thể đổ cả vì lỗi của vua. Vị Hoàng thúc thân vương, không thể coi việc này làm thường được, và các vị đại thần cùng bá quan văn võ, há không tự nhận lỗi mà tìm phương cứu chữa ru ? Kính mong bệ hạ, ngày ngày chăm học thánh để tiến công thánh; lúc nào cũng tôn mệnh trời và sợ oai trời.

Về phần Khiêm Vương, nên tận thành tự xét mình...<sup>1</sup>. Đừng lấy thiên hạ tạm định tạm yên làm đáng mừng; nên lấy công việc khó thành dễ bại làm đáng sợ. Xử quyết công việc, thẳng giáng các quan liêu, đừng sợ mẽch lòng người mà không quyết đoán; chọn lọc cấm binh, nén hãm kẻ quyền quý, đừng cho là việc khó mà chỉ thờ ơ. **[tờ 56a]** Những kẻ gièm pha có hại đến người hiền tài, và những kẻ siểm nịnh, chỉ chực cầu ơn, đều nên ruồng bỏ hết thấy, để cho tà không can chính, âm khí xâm dương. Sẽ có thể chuyển tai họa thành điềm lành ".

Phúc Nguyên nhận tờ sớ này, nhưng không theo nổi.

Mùa thu, Phúc Nguyên phong tước Quốc công cho viên Tướng Đông đạo mỗ; đổi phong tước Khiên quốc công của Mạc Đình Khoa ra tước Gia Quốc Công; bổ chức Thái úy cho hai Tướng Tây đạo Tây quốc công Nguyễn Kính và Đoàn quốc công Nguyễn Khải Khang, đều cho đổi sang họ Mạc; thăng tước Nam đạo Phụng quốc công Lê Bá Ly lên chức Thái tử; ra lệnh duyệt tuyển quân 4 Vệ nội ngoại.

Bá Ly là một vị lão tướng trọng thần, chuyên giữ binh quyền, tham dự triều chính ai cũng tôn phục. Sau khi đánh phá Phạm Tử Nghi, uy danh càng thêm lừng lẫy! **[tờ 56b]** Con trai là Phổ quận công Khắc Thận, lấy trưởng công chúa Cẩm Hương, lại giữ quyền Tiết chế Lộ Sơn Nam, và giữ việc trong phủ; con rể là Văn phái hầu Nguyễn Quyện giữ vệ Cẩm y; con trai thứ là Thuần Lương Hầu cũng quản đốc đội cấm binh; nhân gia là, Thư quận công thiện, chức Thượng thư Bộ lại, Đồng giang hầu Bùi Trụ chức Tán lý quân vụ. Thân đảng kết liên, khí thế rực rỡ, bao nhiêu hùng binh các Trấn, đều nằm trong tay, bao nhiêu bầy tôi văn võ, đều ra bởi cửa. Phạm Quỳnh, và Phạm Dao, nguyên trước xuất thân trong hàng đầy tớ nhà Bá Ly, bây giờ chúng được hiển đạt, lại đem lòng oán ghen, muốn tính sự hãm hại Bá Ly.

Mùa xuân, **niên hiệu Thuận Bình thứ 2 (1550)**, Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, **[tờ 57a]** lấy bọn Trần Văn Bảo cộng 25 người trúng tuyển.

Tháng 10, Trần Phi xin trí sĩ, Phúc Nguyên phong cho hàm Thiếu sự, cho về làng.

Năm Tân Hợi, **niên hiệu Thuận Bình thứ 3 (1551)**, lúa này con trai Thái tử Bá Ly là Khắc Thận trấn thủ xứ Sơn Nam, đóng Đồn ở Văn Sàng, Thận đương tuổi thanh niên, chỉ ham chơi bởi ca hát, ít khi làm việc, lại cất nhà cửa lộng lẫy, sắm kiệu sơn, lộng vàng. Phạm Quỳnh và Phạm Dao bèn gièm với Kính Điển, bảo Khắc Thận có dị mưu (phản nghịch ). Kính Điển ngạc nhiên mà rằng:

"Quốc gia trông cậy vào Tướng phụ (Bá Ly ) như quả núi cao, các ông không nên nói những lời như vậy ".

Phạm Quỳnh, Phạm Dao lại đem ý trên gièm pha với Phúc Nguyên.

Ngày 12, tháng 2, Phạm Quỳnh, Phạm Dao tự ý sai quân vây Bá Ly ở trại Giang mai vào lúc nửa đêm, lại ngờ là nhân gia Đô ngự sử Nguyễn Thiến đồng mưu, bèn sai quân bắt úp. Nhưng lúc ấy Thiến đương đi dự họp, Bá Ly thì ở trong trại quân, cho nên đều không bắt được. **[tờ 57b]** Đến lúc gà gáy sáng, người đầy tớ nhà Bá Ly ra ngoài, thấy có quân vây, vội trở vào báo, Bá Ly bèn thu thập người nhà và các quân sĩ, đóng cửa cố thủ, để chờ con em đến cứu viện. Một lát, Vạn an hầu, Văn phái hầu, và Tả vệ hầu, mỗi người mang 3.000 cấm binh tới hộ vệ, giao chiến ác liệt với quân Quỳnh , Dao. Quỳnh, Dao thua chạy, Vạn an hầu bèn đem quân đón Bá Ly về đóng tại Thịnh Liệt, rồi Khắc Thận cũng tự đồng Văn Sàng tới hội.

<sup>1</sup> Câu chữ Hán này gồm 5 chữ, nhưng chép bỏ trắng, mỗi khoảng một chữ, chỉ có 3 chữ cách quãng nhau. Như vậy không đủ nghĩa dịch.

Bá Ly cùng các tộc thuộc bèn dẫn quân chiếm giữ cửa quan Châu tước, Kinh thành cự kỳ náo loạn! Phúc Nguyên thấy thế bức bách, hoảng sợ, bỏ thành chạy qua sông, di cư đến Bồ Đề, rồi sai sứ thần dụ Bá Ly bãi binh, Bá Ly không nghe, bảo phải bắt cha con Quỳnh, Dao, giải đến đây sẽ bãi binh.

**[tờ 58a]** Phúc Nguyên bèn sai Tướng Sơn Tây: Vạn đồn hầu, Anh duệ hầu, Phù long hầu, và Văn giáp hầu, hợp binh tiến đánh Bá Ly. Bá Ly chia quân chống cự, cố thủ, rồi sai tướng dưới trướng Văn tế bá đem thư cầu Thụy quốc công Nguyễn Khải Khang cứu viện. Thụy quốc công nhận lời, liền sai gia thần Đông Khang Hầu dẫn quân giúp Bá Ly, Bá Ly bèn đánh Phúc Nguyên, quân Phúc Nguyên thua chạy, Bá Ly bèn tiến quân đến Cầu Hà, rồi lạy vọng sang và tuyên ngôn rằng:

"Cha con hạ thần thực không dám mưu tính sự gì, chẳng qua chỉ vì kẻ gian thần bức bách, ghé hạ thần là phản nghịch, chúng định hãm hại, cho nên hạ thần phải dùng binh tự vệ. Xin bệ hạ bắt cha con Quỳnh, Dao, giải đến để úy dụ ba quân, hạ thần xin bãi binh ngay".

Phúc Nguyên không nghe lời yêu cầu của Bá Ly, liền dẫn quân đi về Phương Đông, Bá Ly nổi giận, mắng nhiếc Phúc Nguyên, **[tờ 58b]** rồi trở về kinh thành. Bảo các Tướng rằng:

"Ta chút tài mọn, nguyên thờ Quang thiệu Hoàng đế, nhân bất đắc dĩ bèn làm bầy tôi họ Mạc, chính tay dựng 4 đời vua, hao phí biết bao tâm lực. Nay gặp hôn quân, không biết minh đoán, chỉ nghe lời kẻ gièm pha, khiến cho bao nhiêu nghĩa biển tình non, đều thành băng tang ngói trút! sự thế đã như vậy, thôi lại còn nói gì.

Ta nghe vua Lê, chính vị ở xứ Thanh Hoa, có Thái sư họ Trịnh là một vị anh hùng tài lược, chuyên y tá phò, ra quân có danh, 4 phương quy phục. Đó thực là vị chúa trung hưng vậy.

Nay ta muốn dẫn quân quy thuận, tiểu trừ giặc nghịch tán trợ triều Lê, dựng nên nghiệp lớn, để rửa tội lỗi trước, mà cũng không mất sự giàu sang. Các ông nghĩ thế nào?"

Tất cả các Tướng đồng thanh thưa:

"Kính theo tôn mệnh!".

Bá Ly được các Tướng đồng ý, rất là mừng rỡ. **[tờ 59a]** Lúc ấy đang thời kỳ hiếm gạo, bèn mở kho thóc phát chẩn cho dân nghèo, rồi sai nội thần Văn ấp hầu cùng với Tán Lý Đông giang hầu Bùi Trụ, đem văn thư đến hành điện Ngạc Khê xin hàng, kèm theo bức họa địa hình tiến dâng. Vua Lê nhận rồi ban tờ sắc khen ngợi Bá Ly.

Tháng 2, Bá Ly xuất 14.000 quân các đạo Tây Nam cùng với Nguyễn Thiến, Nguyễn Quyện và con trai là Khắc Đôn, Khắc Thận tới bãi kiến nơi cửa quyết, rồi đón vua Lê tới đóng tại sách Vạn Lại.

Hoàng đế xiết đổi mừng rỡ! Úy lạo và nhận cho hàng, thăng Bá Ly chức Thái tử tước Diển quốc công.

Lúc này, Bá Ly đã 70 tuổi, một vị kỳ lão trọng thần, bày tôi trong triều, ai cũng tôn kính. Khi vào yết kiến Thái sư Lương quốc công Trịnh Kiểm, Bá Ly giữ hết lễ, rất cung kính, **[tờ 59b]** Thái sư tiếp đãi cũng rất là kính cẩn tận lễ.

Sau khi Bá Ly quy thuận, thì bao nhiêu mưu thần mãnh tướng đều ùa theo, kéo cả vào Phương Tây, cháu rể Bá Ly là Khổng Lý và Đặng Huấn, người xã Lương Xá huyện Chương Đức, cũng theo vào bãi yết Thái sư ở cửa quân, Thái sư đều hậu đãi; tướng Tây đạo Đại úy Đoàn quốc công Nguyễn Khải Khang, khi trước sai tướng đem quân giúp Bá Ly, đến đây cũng xuất 3.000 quân dưới trướng quy thuận, tới yết Hoàng đế ở hành điện Vạn Lại. Hoàng đế úy lạo ban thưởng, cho nhưng theo chức tước cũ.

Khi Khải Khang tới bãi yết Thái sư, Thái sư kính nể tước vị cao, nên tiếp đãi rất nồng hậu.

Con trai người cậu Khải Khang là Nguyễn Hữu Liêu, quán làng Tây đàm phủ Từ Liêm, là một người tài dũng siêu quần, Hoàng đế triệu kiến, và đem cho binh lệ vào doanh chánh, theo Thái sư đánh giặc.

**[tờ 60a]** Tự đây, thanh thế quân nhà vua rất là lừng lẫy! Phúc Nguyên thấy vậy, lấy làm lo sợ, bao nhiêu binh quyền ủy cả cho Kính Diển, để tính kế bảo thủ Trường An cho tới các xứ miền Đông.

Tháng 4, Hoàng đế cho là Phúc Nguyên hiện bị bày tôi lừa bỏ, ngoài phản bạn trong tan rã, bèn bàn nên thừa lúc địch suy, xuất quân tiến đánh liền ban tờ chiếu đốc các tướng đánh Phúc Nguyên: Sai Phụng quốc công Lê Bá Ly xuất đường Sơn Nam; Đoan quốc công Nguyễn Khải Khang xuất đường Sơn Tây; Gia quốc công Vũ Văn Mật tại Tuyên Quang xuống, hội đồng tại Đông Kinh. Bá Ly làm tờ quốc thư (bằng quốc âm) để chiêu dụ các tướng nhà Mạc rằng:

"Các chức văn võ ở Sơn Nam, Sơn Tây, kính đạt tới dưới cờ các Tướng quân Kinh Bắc:

Tùng mào rằng: Rất trị có loạn, xét cổ kim biết thừa phế hưng; trở nguy làm yên, hay thời thế **[tờ 60b]** bởi chưng tuần kiệt. Lý Thông chẳng mất, gương để khá soi. Vua nhà ta, tự Đinh Lê Lý Trần dựng có phong cương, cùng Hán Đường Tống Nguyên đều làm quân trưởng. Đến nhìn Nhuận Hồ mặt vận, 13 thu ngược chánh phiên hà; cho nên ngoại quốc cất binh, hơn 2 kỷ châu thành chiếm cứ. Nước Sa phải mỗi khi truân bĩ, trời đốc sinh có chúa thánh minh. Vua Thái Tổ dấy nghị dẹp loạn, dân được thoát cơn đồ thán; vua Liệt Tổ lấy nhân ra đức, người đều nhuận ở cơ phu. Số truyền ước quá lịch Chu, gặp biến phúc nhân ách Hán. Thác thiện nhường mà lấy thiên hạ, sự chẳng bình tai mặt khôn che; còn duy trì bởi đức tiên vương, dân đoái cảm ơn hào nữ phụ. **[tờ 61a]** Xem nhân tâm khá hay thiên ý, suy thiên ý thực ở nhân tâm.

Chúng ta nay, chịu vóc trượng phu, tắm ơn Đại Việt. Có kẻ tự tài tướng sủng, lâu lộc thao cầm; có người dựng nghiệp thi thư, ra đường khoa mục. Văn vũ tài dùng há mượn, kinh quyền đạo phải chẳng nề. Hoặc đẹp duyên gặp phải Lê Triều, có quan có lộc; hoặc đội nghĩa phò nhà Mạc thị, chịu tước chịu ơn. Hướng minh tuy nhẵn chẳng cùng, xử biến cho hay có khác. Như thuở trước, thầy tớ Tử Nghi làm dữ, ta đã cùng lòng cùng sức dẹp yên; đến khi giờ, cha con Phạm Quỳnh mọc gian, nó lại đổi sách đổi lều gây loạn. Làm uy phúc muốn **[tờ 61b]** về ở nghỉ, kết tội danh hòa hãm ép người. Sai ác đảng luôn thổi phù ngôn, vu chường phả mong lòng tự lập. Đồ dài làm quan nhĩ mục, ở doanh thành mà đón bắt làm sao; Thái tử bàn việc miếu đường, về kẻ chỢ nữ khoa vây mà dám. Phiêu vị sự làm nhẵn bề, đầy triều ai có tòng đầu. Chúa Cảnh Lịch luống giữ giống hừ, chức nào khả chế; vua Khiêm Vương để nghe lời siếm, trách ấy khôn từ. Phép quốc gia chưa sáng hình chương, loài gian ác càng đông bạo ngược. Kinh ấp hai phường phổ xá, đốt hết láng láng; quan cư mọi chốn nha môn, cướp không thầy thầy. Hàm đồ tịch đầy với hoại hết, cửa kho hàng **[tờ 62a]** nhiều ít chở đi. Nữ phù không dây quế buồng tiêu, nào kinh danh phận; tư đời hiệp xe rồng liền phượng, bỏ lễ thành trì. Thống tốt đồ dấy việc can qua, để sinh linh tới nản thủy hỏa. Những thói chuột quen nương xã, xã đã mất khôn nương; nào cốc nước đầy lấp thuyền, thuyền chẳng ngự dễ lấp. Ếch dưới giếng ngo ngoe xưng lớn, yển trên lương lợ lạch còn ăn...<sup>1</sup> nó lấy làm chơi, biến cả ai hầu chịu thác. Âu cây nát ắt là bỏ rễ, thương vay tệ Mạc mau đời; đến vận lạnh thực hệ ở trời, mừng lấy chúa Lê lại dấy. Vua Thuận Bình thực dòng Đế Trụ, dưỡng đức Lam Sơn. Nổi đầu Thiếu Khang, bởi Luân ấp Ngu ấp **[tờ 62b]** dựng đồ tái tạo; ắt nghe thần mỹ, có Lương quốc Gia quốc phò vận trung hưng. Được thời được chúa được tôi, có đất có người có của. Cối Hoan châu cối Ô Lý, trông đức giáo thuyền bề vượt thông; trấn Thuận Hóa, trấn Tuyên Quang, mang ngọc bạch qua non sum hợp. Binh ứng viện đã dẹp tan Ninh Sóc, thư qui phụ này ngày thấy Lạng Sơn, Quận Huyện đòi chốn khoa trừ, thủy bộ hện ngày thẳng tới. Ngựa làm cơ, voi làm trận, sáu quân đua khí mãnh hơn hơn; bầu đem nước, giỏ đem cơm, muôn họ dốc lòng về thổ thổ. Quan nghi cũ người đều mừng thấy, anh hùng nhiều ai chẳng phục đòi. Đây đã biết sở hướng minh, đây khá toan bề qui thuận. **[tờ 63a]** Chớ cậy trường giang, có phân nam bắc, mà lấy làm ràng; dù mất đông ngu, còn thu tang du, nào rằng đã muộn. Gặp cơ hội đã đành chẳng lỡ, luận công danh chín thực phải thâm. Nhược lo nghĩa cả tòng quân, bao chẳng tòng quân, noi thuở Quang Thiệu, thuở Thống Nguyên cho phải nghĩa; tu ắt học xưa trạch chúa, bao chẳng trạch chúa, bằng người Lý Thông người Mã Viện mới nên hiền. Khuyên chớ hồ nghi, kíp nên quyết đoán. Kia Trương Lương làm tôi Cao Tổ, bút lại thần tay chép còn khen; họ Phạm Chắt lại thờ Nghệ Tổ, nhân Cơ tử ai rằng có kém. Nhìn thư điển chẳng toan noi trước, dù việc nào ai trách chường sao. Oai sấm dậy bởi trời, binh khỏe nữ hùng bi ai địch; ngọn lửa lan **[tờ 63b]** khắp núi, thể cháy âu ngọc thạch đầu phân. Nhớ nghĩa xưa cũng muốn về lành, ngỏ lòng thực xá tin nhẵn bảo"<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Khoảng này chính bản bỏ trắng chừng 3 chữ.

<sup>2</sup> Bài văn này, bắt đầu tự câu "tùng mào rằng", đến câu "ngỏ lòng thực xá tin nhẵn bảo", chính bản chép bằng chữ Nôm. Đây là phiên âm, chứ không phải dịch văn chữ Hán.

Tháng 5, Thái sư xuất quân tự Hưng Hóa qua đò sông Thao đến An Lạc, cùng với Văn Mật tiến đóng tại núi...<sup>1</sup>, rồi đánh phá quân Kính Điển, bèn thẳng tới Xuân canh Lâm hạ, thẳng luôn mấy trận nữa. Bá Ly, Khải Khang<sup>2</sup> và Văn Mật chia làm ba đường tiến đánh, cũng đều phá được các Tướng họ Mạc khác. Thế quân rất mạnh, Phúc Nguyên sợ hãi, đang đêm bỏ Kinh chạy tới Kim Thành, gọi nơi trụ sở là Biện Đăng Long, chỉ Lưu Kính Điển ở lại làm Tướng Đô đốc, chống giữ bờ Bắc sông Bồ Đề. Quân vua Lê bèn khôi phục Đông Kinh, sĩ dân hào kiệt nổi tiếp qui phụ. Thái sư cùng các Tướng hội cả ở Kinh Sư, **[tờ 64a]** mở đại yến khao thưởng Tướng Tá, tùy theo cấp bậc.

Lúc này vương sư thẳng trận luôn luôn, một dãy núi phía Tây Nam, và các Phủ: Thường úng, Lý quốc và Quảng Oai, đều đã thuộc về bên ta. Về bên giặc Mạc chỉ có 2 đạo Đông Bắc, chúng bắt dân các làng lệ thuộc vào các doanh trại, tự sông Bồ Đề trở lên phía Bắc, chúng đắp lũy đất, đặt thuyền chiến, quân thủy quân bộ đóng xen kẽ nhau, phòng thủ rất nghiêm ngặt!

Bọn Bá Ly và Nguyễn Khải Khang tính rằng: Hiện Phúc Nguyên đã chạy lên Kim Thành, thì khí thế đã xuống lắm, dù có lưu quân phòng thủ, cũng không đáng làm lo ngại cho ta. Nền bây giờ đón Hoàng thượng tiến ngự tại Kinh thành, thì nhân tâm rất hướng ứng, hào kiệt sẽ đều qui phụ, nhân giữ trung châu mà hiệu lệnh bốn phương, để quét hết bọn giặc tàn, **[tờ 64b]** thì công khôi phục, sẽ có thể tính từng ngày. Bèn sai người tâu báo thẳng trận, và dâng tờ biểu đón Hoàng đế ra ngự Đông Kinh.

Thái sư thì tính rằng: Hiện đảng giặc hầy còn khá nhiều, chúng có thể kêu viện binh các nơi đến đông đảo. nếu quân ta vào sâu nơi trọng địa, ngộ chúng đón đánh chặn ngang, thì dù có lấy được Đông Kinh, cũng khó lòng giữ nổi. Và chẳng lúc này nhân tâm cũng chưa hết thấy hướng về mình. Chi bằng hầy giữ vững nơi căn bản đã, chưa nên khinh động. Bởi thế Thái sư không ký tên vào tờ biểu trên.

Khi Hoàng thượng xem tờ biểu của các Tướng, không thấy tên ký của Thái sư, ngài biết ngay Thái sư tất có ý kiến khác, bèn hạ tờ chiếu cho các Tướng kéo quân về.

Trước khi ta lui binh, Phúc Nguyên đã sai tướng Khánh quốc công, dẫn thủy quân tự Đông Nam ngược dòng tiến lên, đóng sẵn tại núi Công, định đánh ngang vào hậu quân ta. Nhưng Thái sư hồi binh tiến đánh, phá tan rồi cùng bọn Bá Ly trở về Thanh Hoa, Văn Mật công thì trở về Tuyên Quang.

**[tờ 65a]** Sau khi ta đã lui binh, Phúc Nguyên lại chiếm thành Đông Kinh, nhưng còn ở Bồ Lộc. Kính Điển sai bộ binh đóng đồn tại Yên Mô, thủy binh đóng đồn ở Thần Phù. Các xứ Sơn Nam Sơn Tây lại thuộc về họ Mạc.

Mùa xuân, năm Thuận Bình thứ 5 (1553), Thái sư lập hành tại ở An Trường.

Phúc Nguyên mở khoa thu Cử nhân, lấy bọn Nguyễn Lượng Thái cộng 20 người trúng tuyển.

Tháng 6 năm này, bày tâu Phúc Nguyên: Trấn thảo doanh Tổng đốc Hưng quận công Nguyễn Quý Liêm, và Hùng tiếp doanh Hiệu Lý Nguyễn Ngạn Hoảng dâng tờ sớ rằng:

"Quốc gia phải có kỷ cương, kỷ cương có nghiêm thì thiên hạ mới định. Thời xưa, vua nhà Chu chấn chỉnh kỷ cương mà nên danh trung hưng, vua nhà Đường chấn cử kỷ cương mà nên nghiệp trung thiên. Đó là do trên vua giữ kỷ luật, cho nên bày tâu không dám chuyên quyền vậy.

**[tờ 65b]** "Gần đây, gặp lúc quốc gia có biến, Tướng ngạo binh kêu, không tuân hiệu lệnh, triều đình hờ hững, chẳng chịu hỏi tra. Nay kỷ cương đã phẫn chấn, như việc binh việc ngục tụng, là việc lớn đều có thống giữ, nếu người không phải phận sự, thì không được thiện tiện. Thế mà hạ thần thấy: Các Phủ Huyện lấy lính, tuy đã chiếu đủ số, mà mỗi khi sai làm việc gì, thì người nọ lừa cho người kia, cố ý lánh việc, Tướng quân không cấm nổi, để cho cái tệ quấy nhiễu càng ngày càng nhiều. Đến như việc ngục tụng, là trách nhiệm của quan Hữu Ty, thế mà các Nha Phủ, các quan trong doanh trại, và các quan Đô Ty vệ sở, đều lập sở hỏi kiện trong nhà, có người kiện về việc hộ, việc giá thú, điền sản và các việc khác, **[tờ 66a]** các nơi trên đều tự tiện nhận đơn, rồi bắt tới tra khảo, hạch sách tiền của, tự ý phân xử,

<sup>1</sup> Chữ này là tên quả núi. Nhưng chính bản bỏ trắng. Vậy không biết là núi gì ?

<sup>2</sup> Chữ này chính bản chép "khải hoàn" (dẫn quân thẳng trận trở về). Xét không hợp nghĩa câu văn. Hoặc do chữ "khải khang" chép lộn ra chăng? Khải Khang là tên người, tức Đoàn quốc công Nguyễn Khải Khang. Xin dịch theo chữ "khải khang".

mà các quan Hữu Ty cũng không can thiệp. Thậm chí có viên đích thân đem thuyền đi bắt con gái lương dân! Những tề đoan như vậy, mà bỏ qua không hỏi tới, thì còn lấy gì để đè nén người quyền quý, chấn chỉnh kỷ cương triều đình.

Hạ thần Quý Liêm, lạm giữ việc binh, tuy không phải chức ngôn quan. Nhưng nếu biết mà không nói, sợ thiếu nghĩa kẻ bầy tôi.

Vậy xin giao triều thần họp bàn, rồi thông sức cho các quan Phủ Doãn và Đô Tư, không được nhiều dân như trước, để cho trên dưới được yên, kỷ cương lại chỉnh".

Phúc Nguyên cho sở này là phải.

Bọn Thái bảo Hồng quốc công Nguyễn Phú Xuân, và Chung mỹ hầu Đoàn duy hữu xin sao tờ sớ của Quý Liêm trên, gửi cho các Doãn, truyền lệnh: Nếu kẻ nào vẫn dám **[tờ 66b]** làm bậy như trước thì; cho các viên Tán lý, Ký lục và bản đạo Thừa hiến doanh ấy, được xét tâu để trị tội. Lại truyền lệnh cho toàn dân thiên hạ; Như có ai đến Doanh môn, nộp đơn kiện, mà nhân viên không phải là người có trách nhiệm về ngục tụng của nha môn, lại thiện tiện đòi hỏi tra xét thì, nên xét tâu để trị tội.

**Niên hiệu Thuận Bình thứ 6 (1554)** Phúc Nguyên đổi **niên hiệu Cảnh Lịch thứ 7** làm **niên hiệu Quang Bảo thứ nhất**.

Thái sư Trịnh Kiểm lập hành danh tại Biện thượng. Lúc này khí thế quân sĩ đang lên, bèn sai các Tướng kinh lược Hóa châu, Đàm Bá và Hoàng Bôi, chiếm cứ đầu nguồn nước, chống cự cố thủ. Quan quân bình định các Huyện, các thổ hào và các quan tự Đông Kinh bổ nhiệm, tới đâu đều hàng phục, cả Hương dương bá Nguyễn Đức Trung cũng qui thuận, liền thêm binh đánh gấp, phá tan quân chống cự, **[tờ 67a]** giết chết Phạm Bôi, bình định cả hai xứ Thuận, Quảng. Tham Tướng Phạm Khắc Khoan lại xuất quân chống cự quân ta, nhưng cũng bị thua và chết trận. Sau khi bình định hai xứ này, Thái sư thu nhập các hào mục và sinh viên trong xứ, bổ nhiệm vào các công chức. Phương này được yên.

Hoàng đế bắt đầu mở khoa thi, cho Đinh Bạt Tụy trúng tuyển hạng "xuất thân". Tự đẩy nhân tài các phương, không ngại đường xa ngàn dặm, đều đua nhau vào Thanh Hoa ứng thi, mong để hiệu dụng Hoàng đế bèn tùy tài từng người, bổ nhiệm các chức. Quốc gia càng trở nên thịnh vượng.

Tháng 6, Thiếu sư trí sĩ Trần Phi chết, thọ 76 tuổi. Vì lúc này quốc gia đang nhiều biến cố, cho nên Phúc Nguyên không sắm lễ nghi đầy đủ, chỉ cấp tiền phúng điếu 20 quan, và 57 mẫu ruộng "thế nghiệp".

**Niên hiệu Thuận Bình thứ 7 (1555)**, Lúc này Phúc Nguyên đã dàn đủ Tướng sĩ **[tờ 67b]** chống cự quân ta, phòng thủ các nơi yếu hại, trong nước tạm yên, bèn khiến thúc phụ Kính Điển đem quân vào đánh cướp Thanh Hoa, sai Thọ quận công tiết chế quân Nam Đạo dẫn 300 chiến thuyền làm quân tiền phong, thẳng tới cửa biển Thần Phú. Ngày hôm sau, Kính Điển hội quân ở sông Đại Nại, sai Thọ quận công tiến quân đóng tại Kim Sơn.

Bên ta, Thái sư đã đặt phục binh trước ở núi Bạch Thạch phía Bắc sông, lại tuyển binh tượng hùng mạnh mai phục dưới Kim Sơn; sai Trung quan Thái úy Đinh Công, Thượng tể Lê Bá Ly, và Thái úy Nguyễn Khải Khang, phục binh ở phía Nam sông; còn tự núi An Định cho tới núi Quân An, thì sai Phạm Đốc và Nguyễn Quyện, dẫn thủy quân chiếm cứ thượng lưu sông Hữu Chấp đến sông Kim Bôi, để làm thế "ỷ giác" **[tờ 68a]** Khi binh thuyền họ Mạc đi qua Kim Sơn, đến chợ Ông Tập, tự thị hùng mạnh, không để phòng, trong quân nổi tiếng đàn sáo ca hát, như vào chỗ không có người.

Đinh Công và Bá Ly đem quân và voi ngựa tự hạ lưu qua sông, đánh chặn ngang vào hậu quân bên địch; quân ở thượng lưu thì đánh vào mặt tiền; rồi 4 mặt quân dồn đánh ập cả vào, phá tan quân Mạc, Thọ quận công phải nhảy xuống sông, bị quân ta bắt được, còn Vạn đồn hầu và hơn mười Tướng Tá khác, đều bị chết đuối. Kính Điển thu thập tàn binh chạy về Kinh Sư.

Mùa xuân, **niên hiệu Thuận Bình thứ 8 (1556)** Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Trấn cộng 14 người trúng tuyển.

Năm này, vua Trung Tông Hoàng đế thẳng hà, Thái sư đón cháu huyền tôn của Giám quốc công là Thự nhân sự Mai Sơn Hầu Duy Bang, ở làng Bồ vệ xứ Đông Sơn vào lên ngôi vua. Đó là vua Anh Tông.

**[tờ 68b]** Năm Đinh Tỵ, niên hiệu Thiên Hựu thứ nhất (1557), nhằm niên hiệu Quang Bảo thứ 4 triều Phúc Nguyên, mùa xuân, Phúc Nguyên dùng Kính Điển kiêm chức Tông nhân lệnh.

Lê Bá Ly sau khi đem con em họ hàng về Thanh Hoa qui thuận, lần thăng tới chức "Khai phủ bình chương quân quốc trọng sự, chưởng triều đường chánh ", đến ngày 1, tháng 4 năm này chết, hưởng thọ 82 tuổi, triều đình ban tờ chiếu tặng tước Nghĩa huân công, và ban tên thụy là Trung Hựu.

Mùa thu, tháng 7, Phúc Nguyên sai Kính Điển vào đánh cướp Thanh Hoa; Phạm Quỳnh và Phạm Dao đánh cướp Nghệ An. Kính Điển đến địa phương Tống Sơn, Nga Sơn nơi sông Thần Phù, đốt phá hết cầu nổi của ta. Thái sư sai thuộc tướng Thanh quận công đóng đồn quân tại Nga Sơn; Thụy quân công Hà Thọ Tường đóng đồn quân tại Tống Sơn để chống cự, nên quân giặc không dám tiến. Thái sư đích thân đốc xuất binh tượng, **[tờ 69a]** đi ngầm theo chân núi Yên Mô thẳng tới cửa biển, phóng quân đánh vào sau lưng quân địch, lại sai thuộc tướng Vũ lăng hầu Phạm Đức Kỳ người ở Hoằng Hóa, vượt thuyền xung kích trước, Đức Kỳ gặp thuyền Kính Điển, liền nhảy vọt sang, tuốt gươm chém tên vác dù đứt làm hai đoạn, rơi xuống sông! Kính Điển không kịp trở tay, liền nhảy xuống sông trốn. Quân đều tan rã chạy vào rừng núi, quan quân ta bắt được rất nhiều thuyền và khí giới.

Sau khi Kính Điển nhảy xuống sông, trốn vào ẩn núp tại hang núi Dân sơn xã Trị nội, trong 3 tháng rất đói khát. Một đêm, nhân thấy cây chuối trôi qua cửa lạch, bèn ôm vào cây chuối tìm lối bơi về, mấy tháng mới tới bến Trinh nữ hạt Yên Mô, gặp người đánh cá ở xã Trần Tu, dùng thuyền chở cho được thoát nạn. **[tờ 69b]** Khi Kính Điển về tới Kinh, bảo cử người đánh cá lên tước Phù nghĩa hầu.

Sau khi Thái sư đã đánh phá quân Kính Điển, liền dùng ngay chiến thuyền của Kính Điển chở tinh binh, cắm cờ hiệu của bên địch trên thuyền, rồi sai Phạm Đốc dẫn chiến thuyền tới cửa biển Đan Giai. Phạm Quỳnh và Phạm Dao đang đóng đồn ở Tả Ao hạt Nghi Xuân, trông thấy chiến thuyền, tưởng là quân tiếp ứng của mình, nên không đề phòng, Phạm Đốc thẳng tới đánh úp, phá tan quân địch! Bọn Phạm Quỳnh bỏ thuyền chạy về.

Tháng 8, Thượng thư bộ Lại Thư quận công Nguyễn Thiến chết ở Thanh Hoa, con trai là Quyện và Miễn đều trốn đi, trở về hàng Phúc Nguyên, Phúc Nguyên úy lạo, phục tước Văn phái hầu cũ cho Nguyễn Quyện; tước Phù hưng hầu cho Nguyễn Miễn và gả con gái tôn thất cho. Sai hai anh em xuất binh chống cự quân vua ta.

Tháng 9, Thái sư đem 50.000 thủy lục quân đánh họ Mạc, **[tờ 70a]** ra trung lộ xứ Sơn Tây, đến sông Phượng Sí, tạo cầu nổi để quân qua sông, rồi tiến đánh phá tan quân giặc, bắt được Tướng là Khánh Quốc Công, quân giặc tan vỡ, ta thu được khá nhiều chiến thuyền.

Sau khi Khánh Quốc Công bị bắt, Thái sư cho ngồi lên lưng voi để theo quân hiến kế. Nhưng y lại mưu phản, bị tiết lộ, bèn đem giết chết.

Quan quân lược định hạ lộ xứ Sơn Nam, đến hạt Cao Thủy, thì họ Mạc sai Nguyễn Quyện xuất quân chống cự ở sông Hồ Trì.

Nguyễn Quyện nguyên là hàng tướng, ở Thanh Hoa đã lâu, nên biết rõ tình hình binh tướng, và sự thực hư về sức mạnh yếu của ta, và chẳng y lại mới hàng họ Mạc, muốn lập công để chuộc tội, cho nên đánh rất hăng. Thái sư nghe biết tên Quyện ở trong trận này, thì giận lắm! Liền đích thân cầm quân, sai bọn Phạm Đốc quản đốc thủy binh; sai Vũ Lăng Hầu **[tờ 70b]** tiến đánh Nguyễn Quyện. Đang khi Nguyễn Quyện và Đức Kỳ ác chiến kịch liệt, Đức Kỳ vươn mình nhảy sang thuyền Nguyễn Quyện<sup>1</sup>, chém người vác dù hầu, rồi quát lớn rằng:

"Có Vũ lăng hầu ta đây! Chúng mày đâu có địch nổi ta ".

Quân giặc nghe đều tan vỡ, bỏ thuyền chạy cả lên bờ.

<sup>1</sup> Chữ này chính bản chép "Đức kỳ thuyền " (thuyền Đức Kỳ ). Có lẽ lầm, vì Đức Kỳ đang ở trong thuyền của mình, sao lại còn nhảy sang thuyền Đức Kỳ để giết giặc. Hoặc do chữ "Nguyễn Quyện thuyền " (thuyền Nguyễn Quyện ) chép lộn ra chăng ? Xin dịch theo chữ "Nguyễn Quyện ".

Thái sư vội ra lệnh thu quân trở về, sai Hoàng Đình Ái cầm đạo quân "điển hậu ". Nhưng bị quân giặc đánh chặn lối đường về, quan quân phải hết sức chiến đấu, mới qua được, bị chết mất hơn chục Tướng Tá, bao nhiêu thuyền mảng khí giới phải bỏ hết! Tự đây, các huyện xứ Sơn Nam lại thuộc về họ Mạc. Phúc Nguyên bèn phong tước Thạch quận công cho Nguyễn Quyện.

Năm Mậu Ngọ **niên hiệu Chánh trị thứ nhất (1558)**, Thái sư dẫn quân ra trung lộ xứ Sơn Nam, đánh bất thành linh khi quân địch không để ý, bắt được Tướng bên địch Anh nhuệ hầu, giết chết.

Tháng 9, Thái sư lại xuất quân đánh thượng lộ xứ Sơn Nam **[tờ 71a]** lược định vài Huyện, rồi về, Lưu Thái úy Nguyễn Khải Khang trấn thủ các Huyện, để chiêu tập dân địa phương.

Ngụy Đà quận công Mạc Ngọc Liễn là con trai Nguyễn Kính, và là cháu gọi Khải Khang bằng cậu, sai thổ dân Mỹ Lương trá hàng Khải Khang, rồi lừa bắt Khải Khang giải về triều Mạc, Phúc Nguyên bèn xử tử Khải Khang bằng cực hình: dùng xe kéo xé xác. Triều đình ta nghe được tin này, Thái sư thương Khải Khang là người có nhiều công lao, bèn tâu xin truy tặng cho tước Hiên trung công, và bổ dùng cháu nội họ ông là bọn Hữu Liêu.

Tháng 10, Thái sư triều Hoàng đế ở nơi hành tại, bàn về kế sách đánh giặc Mạc, phát biểu ý kiến rằng:

"Xứ Thuận Hóa là một kho tinh binh trong thiên hạ, thời xưa, quốc triều ta bắt đầu gây dựng cơ nghiệp, cũng đã dùng dân xứ ấy để dẹp giặc Ngô. Xứ ấy, địa hình hiểm trở, dân khí cương cường, lại có rất nhiều nguồn lợi trên rừng núi và dưới bể sông. Về phương diện trọng yếu **[tờ 71b]** không có xứ nào có thể hơn. Gần đây, quan quân kinh lược hàng mấy chục năm mới lấy được. Vậy nên hết sức bảo thủ, để làm như một bức bình phong vững chắc.

"Còn như lối đường tự xứ Nghệ An vào, thì vì đường thủy đường bộ xa cách, có thể khỏi phải để ý lo ngại.

Duy tự Hải Dương và xứ Quảng Yên, khi nhân thuận chiều gió Nam, giặc phóng thuyền ra biển, thì chỉ vài ngày có thể đến địa phận ta, sợ binh giặc dễ thừa cơ xâm lược ta bằng nẻo đường này.

Hạ thần xét thấy con trai thứ của Chiêu huân Tĩnh công là Nguyễn Hoàng, một người trầm tĩnh cương nghị, lại có mưu lược, đối với quân sĩ có độ lượng, khoan dung giản dị. Vậy xin bổ ông làm Trấn thủ, để trị an nơi biên thùy và chống giặc phương Đông; và lại cùng với Trấn quận công ở xứ Quảng Nam, cùng làm binh cứu viện lẫn nhau. Hết thấy các việc to nhỏ ở địa phương ấy, xin đều để cho ông được tùy nghi định đoạt; lại xin ủy ông thu các sắc thuế, nộp về triều đình đúng kỳ hạn, để thêm vào sự chi tiêu trong nước. **[tờ 72a]** Như vậy, thì một khoảng xứ Ó Châu, khỏi phải để ý lo tới, hạ thần sẽ khỏi phải phân tâm, mà chỉ dốc hết ý chí về việc đông chinh; Bắt đầu kinh lý xứ Sơn Nam và xứ Sơn Tây, rồi thứ đến khôi phục Kinh đô cũ, tiêu trừ thoán nghịch. Nghiệp trung hưng sẽ có thể sớm thành công".

Vua Anh Tông thi hành theo ý kiến này, tự đẩy Phúc Nguyên không dám nhòm ngó tới 2 xứ Thuận, Quảng.

Mùa xuân, **niên hiệu Chánh Trị thứ 2 (1559)**, Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Đặng Thời Thổ cộng 19 người trúng tuyển.

Lúc này, quân vua ta ra đánh liên miên, năm này qua năm khác, quân họ Mạc bị thua luôn, bởi thế Phúc Nguyên sợ, không dám ở trong kinh thành, bèn tự Bồ đề di cư vào phía ngoài cửa Nam kinh thành, dựng điện lợp tranh để triều quần thần.

Cũng thời kỳ này, Thái sư đã trị an nhân dân, luyện tập quân sĩ, thu dụng nhân tài, tích trữ đầy đủ khí giới lương thực, muốn mở một trận tấn công đại qui mô ra Đông, để khôi phục cơ đồ, bèn mật bàn với các Tướng rằng:

**[tờ 72b]** "Con đường xứ Sơn Nam, mỗi khi quan quân ta đông chinh, đều đi lối này, cho nên Phúc Nguyên đem nhiều tinh binh, cả thủy lục quân bố trí các chỗ hiểm yếu. Ta khó bề tung hoành.

Chỉ có thượng lộ xứ Sơn Tây, và các xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, vùng này phần nhiều rừng rậm bao la, đường hẻm quanh quất, chúng không để ý phòng bị. Và nơi đó có Tướng doanh



An bắc Gia quận công Trấn thủ Đại Đồng, vẫn hết lòng trung thành với vua ta. Một khi ta tới đây hội hợp với Quận công, thì khi tiến quân có thể đánh phá, khi lui quân sẽ có lối về.

Vậy nay nên xuất quân lối Thiên Quan, đi qua xứ Hưng Hóa; qua đò sông Thao, hội hợp với Gia quốc công<sup>1</sup>, thu dụng các Phiên mục Thổ tù nơi đó, để tăng cường tế quân, rồi đi theo đường chân núi, lược định 2 xứ Thái Nguyên và Lạng Sơn, phủ dụ dân biên thù, chiêu tập các hào kiệt, để cắt vây cánh quân giặc, **[tờ 73a]**, rồi sau mới dẫn quân xuống xứ Kinh Bắc, chia quân đánh vào Hải Dương, Sơn Nam, làm cho rung cành lá vá lay cối rẽ quân địch, thì thiên hạ sẽ dao động, thế giặc sẽ xuống ngay. Lúc ấy Phúc Nguyên chỉ còn giữ 4 bức tường kinh thành mà thôi, ta sẽ đem đại quân đánh vào 3 mặt, còn lo gì không thắng ".

Trong Tướng Tá có vị thưa rằng:

"Xuất quân con đường ấy, thì sự vận tải lương thực sẽ chậm trễ, vả lại cách với nội địa quá xa, nếu bị chúng đánh chặn, thì sự lui quân cũng rất khó khăn ".

Thái sư rằng:

"Đâu phải thế! Nơi đó 4 xứ: Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên và Lạng Sơn, nhân dân giàu có, tiền thóc dư thừa, ta đến đâu sẽ có lương thực ngay nơi đó, còn lo gì về sự thiếu ăn. Vả đây có dãy núi quanh co dài hàng ngàn dặm, ta đem tinh binh và voi ngựa hùng mạnh, rải vào những khoảng rừng rậm đó, thì còn ai có thể lường được là nhiều ít hư thực thế nào. Một khi ta đánh chiếm được một xứ nào, thì ta lưu một viên mãnh tướng lại, rồi dùng thêm phiên thần cùng trấn thủ các nơi yếu hại. Như vậy thì đầu đuôi liên lạc, cứu viện tiếp liên, tức là cái thế "Thương sơn xà " (con rắn núi Thương sơn ) đó. Nếu chúng đánh chặn, chỉ tổ cho ta bắt hết.

Ta chỉ lo về xứ Thanh Hoa, các cửa biển đều là cái then khóa cốt yếu của nội kỳ, cần phải canh phòng rất cẩn mật, để quân giặc khỏi nhòm ngó. Chỉ cốt giữ cho nội kỳ vô sự, thì đại sự sẽ thành ".

Bàn định xong, bèn dâng biểu lên Hoàng đế, xin xuất quân đông chinh. Bảo cử viên Tướng trong họ Phong quận công Trịnh Quang làm Đề thống ngự doanh, Phủ quận công Lê Chung làm Trấn thủ đạo Thanh Hoa, Trào quận công Vũ sư thước và An quận công Lại thể khanh, cùng lãnh tinh binh trấn thủ cửa biển. Dặn 2 viên Tướng này; Phải kiên cố đập lũy; cẩn thận dò thám, liên lạc mau chóng, để phòng quân giặc đến đánh.

**[tờ 74a]** Mùa đông, ngày Giáp Tuất tháng 10, Thái sư cùng Tướng sĩ thân xuất 60.000 đạo quân bắc phạt, trưng thanh thế là 120.000 quân, dùng Hoàng Đình Ái làm Tướng đạo quân tiên phong, do Thiên Quan tiến ra các huyện Sơn Tây, Mỹ Lương và Bất Bại, quân đi qua nơi nào đều không lấy của dân một mảy may, nhân dân các nơi ấy đều được yên ổn như thường. Khi quân tới Hưng Hóa, thì Tướng Tây đạo Định quận công dẫn binh lại hội, các đồn quân giặc đều bị phá và đều ra hàng. Khi lược địa đến địa giới Tuyên Quang, thì Vũ Văn Mật ra đón, Thái sư nhân bàn tiến binh qua sông, để lược định các đạo Thái Nguyên, Lạng Sơn và Kinh Bắc, bèn sai Văn Mật trấn thủ Đại Đồng như cũ, Định quận công thì trấn thủ An Tây, để giữ nơi xung yếu, rồi đem dân phu nơi dọc đường đi theo, để khai phá đường lối, tự Thiên Quan liền tới **[tờ 74b]** Kinh Bắc, để tiện vận tải lương thảo; sai các Tướng chia đi đánh các Phủ: Phú Bình, Trường Khánh. Châu Huyện nào cũng tan vỡ ra hàng. Thái sư bèn đích thân xuất đại binh tự Lạng Sơn xuống, đóng quân tại Doanh Thuận, cùng cầm cự với quân Phúc Nguyên. Sau lại đóng đồn quân trên núi Tiên Du.

Tháng 11, Thái sư đem quân đánh các Phủ: Siêu Loại, Văn Giang và Khoái Hồng, binh kéo đến đâu quân giặc đều tan chạy.

Tháng 12, Thái sư sai Tướng khác đánh phá các Phủ Huyện hạt Khoái Châu và Nam Sách, quân địch trông thấy bóng quân ta đều thua chạy.

<sup>1</sup> Cũng là một người và chỉ trong một thời gian ngắn, mà vẫn trên chép "Gia quận công ", đây chép "Gia quận công ". Vậy không biết văn trên hay văn dưới chép lộn.

**Niên hiệu Chánh Trị thứ 3 (1560)**, tháng giêng, Thái sư lại chia quân do Khoái hồng tiến về Nam, đánh phá hạt Tiên hưng, một đạo do Nam sách tiến về Đông, đánh phá hạt Kinh Môn, hạ hết các Huyện: Đông Triều, Giáp Sơn, Chí Linh, và An Dương. Phúc Nguyên kinh sợ, bèn khiến thúc phụ **[tờ 75a]** Kính Điển đóng đồn tại Kinh Bắc, để chống cự đại quân ta; sai các Tướng chia giữ Đông Kinh, đóng đồn binh khắp phía ngoài thành. Một dãy sông về phía Tây, trên tự Bạch hạc, dưới xuống đến Nam sang, đều đóng doanh trại liên liền, thuyền mỏng san sát, trại nọ liên lạc với trại kia, ban ngày thì bằng ngọn cờ tiếng trống, về ban đêm thì bằng bó đuốc cây đèn. Phúc Nguyên thì di cư về huyện Thanh Trì.

Tháng 3, Thái sư sai Hoàng Đình Ái trấn thủ Lạng Sơn, Lê Khắc Thận trấn thủ Thái Nguyên, Vũ Văn Mật trấn thủ Tuyên Quang, 3 trấn này liên lạc để đều làm binh cứu viện lẫn nhau, ngày đêm đánh phá các Châu Huyện chưa hạ được ở hạt Phú Bình và Văn lan; lại sai Định quận công trấn thủ Hưng Hóa, để chiêu tập nhân dân các châu Mai mịch và Hoa việt, cung cấp lương thực cho quân lính. Tự Thiên Quan tới Kinh Bắc, ta đóng rất nhiều đồn trại liên tiếp. Binh uy lừng lẫy!

**[tờ 75a]** Tháng 4, Thái sư đóng quân tại Phía Nam Lãm Sơn, sai các Tướng chia nhau tiến về phía Đông, đánh phá các Huyện: Đường an, Đường hào, Thanh miện và Gia cốc, các đồn binh ở các nơi đây đều tan vỡ.

Tháng 10, Kính Điển dẫn quân qua sông, tiến tới huyện Vũ Ninh, để chống đại quân ta. Có viên Tướng khác của Thái sư sai là Đặng Huấn, thừa tiện lên tiến đánh quân Kính Điển, bị Kính Điển đánh cho bại trận, dưới cờ chỉ còn lại chừng hơn hai trăm quân, Đặng Huấn thu thập tàn quân, dẫn lên đồi cao nghỉ ngơi, sai quân sĩ bỏ yên ngựa và tắm cho voi, tỏ ra vẻ nhàn hạ ung dung. Quân giặc kéo vây khắp cả đồi dày 3 vòng, Đặng Huấn truyền lệnh quân sĩ; không được huyên nao! Chờ đến khi thấy quân địch vó vẻ trễ nải, lúc ấy mới dồn quân ủa xuống, hết thấy đều hết sức chiến, chạy lọt ra ngoài mấy vòng vây, **[tờ 76a]** quân giặc đều tươi bời rạt cả ra, không tên nào dám gần, Đặng Huấn bèn dẫn quân về Lãm Sơn, hội với đại quân Thái sư.

Năm này, gặp vụ lúa trúng mùa, Thái sư sai thổ dân đã qui thuận ở các Huyện, cung cấp lúa mùa để thêm quân nhu.

Tháng 3, **niên hiệu Chánh Trị thứ 4 (1561)**, có người hiền kể với Phúc Nguyên rằng:

"Vương sư xâm lấn ta rất gắt! Ta sở dĩ kiên thành cố thủ, để cầm cự lâu dài, là có ý muốn chờ khi Vương sư thiếu lương sẽ bại. Nhưng hiện nay đường vận tải của Vương sư rất thuận tiện, tiếp tế lương thảo liên tiếp đầy đủ, bần cứ đã 2 năm nay, thanh thế rất mạnh. Thì còn chờ đến lúc nào để thừa cơ đánh phá. Chi bằng đánh xuất kỳ bất ý, ngầm dẫn quân đánh thẳng vào Thanh Hoa, đánh ngay vào nơi tâm phúc, thì đạo quân vây nơi Kinh Bắc và Hải Dương, ta không cần đánh cũng sẽ tự giải. Đó là cái kế "đánh nước Ngụy để cứu nước Hàn"<sup>1</sup> của Tôn Tử vậy".

Phúc Nguyên nghe theo lời trên, bèn sai viên Tướng khác thay Kính Điển trấn thủ Kinh Bắc, rồi ngầm vờ Kính Điển về Kinh Sư.

**[tờ 76b]** Tháng 7, Kính Điển dùng chiến thuyền vào cướp Thanh Hoa, đánh vào các cửa biển. Các Tướng trấn thủ cửa biển là Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh không có phòng bị, trong khi hoảng hốt, vội lui quân về giữ sách Vạn Lại. Thái sư được tin trên, bèn gấp truyền lệnh cho Hoàng Đình Ái ngầm dẫn quân về trấn thủ Thanh Hoa.

Tháng 9, Kính Điển đánh vào cửa quan An Tràng, tiến tới sách Vạn Lại, sách sắp bị hãm, thì phục binh của Sư Thước chổi dậy, cố sức chiến đấu, đánh bại đạo quân tiền phong của địch, chém đầu hơn trăm tên. Kính Điển lại được tin viện binh của Đình Ái sắp đến, bèn lui quân về Kinh ập.

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép "công Hàn cứu Hàn" (đánh nước Hàn để cứu nước Hàn). Đó là do chữ "công Ngụy cứu Hàn" chép lộn ra. Điển này như sau:

Thời chiến quốc, vua nước Ngụy sai Bàng Quyên dẫn quân đánh nước Hàn, Hàn bị nguy cấp, cầu nước Tề cứu, nước Tề sai Tôn Tấn làm quân sư dẫn quân cứu nước Hàn. Nhưng Tôn Tấn không đến nước Hàn để giải vây, hạ lệnh quân sĩ tiến thẳng vào đường tới nước Ngụy, tuyên ngôn sẽ đánh vào kinh đô nước Ngụy. Bàng Quyên được tin cấp báo, vội vàng kéo quân về cứu bản quốc. Thế là nước Hàn được thoát nạn

Thái sư cũng triệt hết quân ở các doanh, lui về Thanh Hoa, dâng công chiến thắng lên Hoàng đế ở nơi hành tại, rồi dừng quân tại phía Nam thành Tây đô, thăng thưởng cho các Tướng sĩ có công chiến thắng, lại dùng mưu thần là Phùng Khắc Khoan **[tờ 77a]** làm Ngự doanh ký lục tri tứ vệ.

Tháng 12, Phúc Nguyên sai Thái bảo Nguyễn Phú Xuân và Lại bộ Tả thị lang Giáp Trưng, dẫn quân đánh xứ Lạng Sơn. Lúc này, Tướng giữ thành Lạng Sơn Hoàng Đình Ái, đã theo đường núi trở về Thanh Hoa trước rồi, viên Tướng do Đình Ái lưu lại giữ thành bị thua trận, tan vỡ. Phú Xuân bèn chiếm cứ thành, rồi đưa thư sang nhà Minh, tiếp lĩnh người qua Bắc về. Nhà Minh hỏi: Quân chiếm thành Lạng Sơn vừa rồi, là quân họ Mạc hay quân họ Lê ? Giáp Trưng phúc đáp: quân chiếm thành Lạng Sơn vừa rồi là quân giặc.

Năm Nhâm Tuất<sup>1</sup>, niên hiệu Chánh Trị thứ 5 (1562), Phúc Nguyên mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Duy Quyết cộng 18 người trúng tuyển.

Tháng 2, vua Anh Tông sai Lộc quận công, Nhân khê hầu đem quân lược định 10 châu xứ Hưng Hóa.

Tháng 3, Phúc Nguyên bổ Giáp Trưng chức Thượng thư bộ lại **[tờ 77b]** phong tước Tô khê hầu.

Tháng 9, Thái sư xuất binh ra Sơn Nam, đi tuần các địa phương hạt Thanh Trì và Thượng Phúc, lập đại doanh tại Sơn Minh.

Tháng 11, Vương sư trở về.

Tháng 2, niên hiệu Chánh Trị thứ 6 (1563), vợ Phúc Nguyên là Bùi Thị sinh hạ Mậu Hợp.

Ngày mồng... tháng 2 niên hiệu Chánh Trị thứ 7 (1564)<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Chữ "Nhâm tuất " chính bản chép lộn ra chữ "Nhâm mậu ".

<sup>2</sup> Đoạn văn này chính bản chép tới đây là hết, như vậy chưa đủ nghĩa. Xét văn dưới chép: "Mậu Hợp tiếm ngôi tháng 2 năm Giáp Tý niên hiệu Chánh Trị thứ 7 ". Vậy có thể phỏng đoán là chính bản chép sót mấy chữ "Phúc Nguyên tử " (Phúc Nguyên chết ) chăng ?

# Đại Việt Thông Sử

## LIỆT TRUYỆN

Thần Đôn soạn

### NGHỊCH THẦN TRUYỆN

#### Mạc Mậu Hợp

Mạc Mậu Hợp, con trai trưởng Phúc Nguyên, tiếm ngôi tháng 2 năm Giáp Tý, niên hiệu Chánh Trị thứ 7 (1564), lúc này Mậu Hợp mới lên 2 tuổi, các việc đều do ông chú bọn Kính Điển và Đôn Nhượng phụ tá, đổi năm sau làm niên hiệu Thuần Phúc thứ nhất.

Thái sư sai biệt Tướng Đặng Huấn ra núi Hoài An, năm sau<sup>1</sup> sai Đặng Huấn thôi đốc các dân đã hàng trong hạt Trường An và Thiên Quan, tu sửa con đường tự Phố Cát tới Bình Lương, để tiện sự vận tải lương thảo. [tờ 79b] Tự đây, các huyện về phía Tây hạ lưu sông Xương Giang trong xứ Sơn Nam đều bình.

Tháng 9, Thái sư xuất quân ra trung lộ xứ Sơn Nam, đánh các Huyện thuộc Phủ Trường An, đến tháng 11 mới dẫn quân về.

Niên hiệu Chánh Trị thứ 8 (1565), Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Quang Tiến, cộng 16 người trúng tuyển.

Tháng 4, Thái sư xuất quân đánh phủ Trường An, phá hết các Huyện trong Phủ.

Mùa thu, tháng 9, Thái sư lại đốc đại binh đánh thượng lộ xứ Sơn Nam, đánh nơi nào thấy đều thắng trận.

Kính Điển bảo các Tướng dưới quyền rằng:

"Lúc này binh sĩ của chúng (chỉ Thái sư Kiểm ) rất tinh nhuệ, khó lòng đối địch, nếu đánh nhau với chúng, sợ không thắng nổi. Hiện chúng đang thân đốc đại binh đến đây đánh phá vùng Sơn Nam, nhưng chưa để gì đã qua được sông mà thẳng tiến đâu. Thanh Hoa là nơi căn bản của chúng, dù có lưu binh ở lại chia giữ các nơi, chẳng qua cũng chỉ một vài Tướng Tá thôi. [tờ 80b] Vậy ta nên sai một vài đại Tướng, đem binh cầm cự với chúng ở đây, để cầm chân chúng, rồi sai đem vài vạn quân, do đường thủy ngày đêm tiến gấp tới địa phận Thanh Hoa, xuất kỳ binh bắt lấy những Tướng phòng thủ nơi đây. Đó là kế "xã kiên công hà, xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị " (bỏ nơi kiên cố đánh vào nơi sơ hở; đánh bất thành linh vào nơi đối phương không phòng bị ), mà là yếu điểm tất thắng đấy ".

Tháng 11, Kính Điển bèn xuất chiến thuyền vượt biển vào cửa biển Linh Tràng, đánh phá các Huyện Thuần Hựu và Hoảng Hóa. Tướng phòng thủ nơi đây là bọn Vũ Sư Thước cấp báo với Thái sư, Thái sư bèn sai Lộc quận công đem binh về cứu, hợp sức với binh Tướng phòng thủ, đánh nhau với quân Kính Điển ở Du Tràng. Kính Điển đặt phục binh vào nơi hiểm yếu, rồi xuất đạo kỳ binh khiêu chiến, vờ

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép "minh linh thôi đốc " người chấm sách cho nghĩa là "nhà Minh sai thôi đốc ". Có lẽ lầm, vì đây không phải là việc của triều đình nhà Minh. Hoặc chép sót một chữ "niên " (năm ) chẳng ? Xin dịch theo nghĩa "minh niên linh thôi đốc ".

thua chạy, quan quân đuổi theo, gặp ổ phục binh chổi dẫy, bị thua tới bờ! bọn Sĩ Thước chạy thoát, Lộc quận công **[tờ 80b]** thì tử trận.

Thái sư được tin báo bại trận, bèn dẫn quân về, khi đến Thạch thành, Kính Điển nghe tin, cũng dẫn quân lui về Đông Kinh.

Mùa xuân, **niên hiệu Chánh Trị thứ 9 (1556)**<sup>1</sup>, vua Thế Tông nhà Minh thăng hà, vua Mục Tông lên ngôi Hoàng đế.

**Mậu Hợp đổi năm Thuận Phúc thứ 2 (1566) làm năm Sùng Khang thứ nhất.** Năm này, Mậu Hợp di cư vào quán Bồ Đề, sai Giáp Hải cùng Đông Cát Hiệu thư Phạm Duy Quyết đi đến biên giới tỉnh Lạng Sơn, đón tiếp sứ thần Lê Quang Bí về.

Quang Bí đi sứ sang nhà Minh về việc cống hiến thường niên, tự năm Mậu Thân, **niên hiệu Gia Tĩnh thứ 27 (1548)**, khi đến Nam Ninh, triều Minh ngờ là quan giả mạo, bắt phải chờ để tra xét mình bạch đã, mới cho dâng lễ phẩm. Thế rồi gửi văn thư đi tra xét, nhưng chẳng có hồi âm, Quang Bí cứ phải lưu tại sứ quán chờ mệnh lệnh Phúc Nguyên thì, vì lúc ấy trong nước nhiều nạn, bỏ khiếm khuyết việc cống hiến đã mấy năm liền, nên cũng không dám tâu xin. **[tờ 81a]** Đến năm Quý Hợi, **niên hiệu Gia Tĩnh thứ 42 (1563)**, quan quân Lương Quảng nhà Minh mới sai người đưa Quang Bí tới Bắc Kinh. Nhân dịp Phúc Nguyên cũng sai hầu mệnh gửi cho Quang Bí 25 lạng bạc để thưởng lạo. Khi Quang Bí tới Kinh Đô, lại bị lưu ở sứ quán. Đến lúc này, viên Đại học sĩ triều Minh Lý Xuân Phương thương hại Quang Bí ở trong nước nhà Minh đã 18 năm<sup>2</sup>. Quang Bí lúc ra đi tóc mây xanh mướt, khi trở về râu tuyết bạc phơ! Người Tàu ví ông như ông Tô Vũ đi sứ đến lúc bạc đầu mới được trở về<sup>3</sup>.

Khi Quang Bí trở về tới Đông Kinh, Phúc Nguyên tỏ lời an ủi, thấy sứ sự của ông giống hệt Tô Vũ, bèn phong cho tước Tô quận công.

Tháng 9, Thái sư lại ra đánh xứ Sơn Nam, đánh đến hạt Gia Viễn và Phụng Hóa, thì dẫn quân về.

**năm Đinh Mão, niên hiệu Chánh Trị thứ 10 (1567) [tờ 81b] nhằm niên hiệu Long Khánh thứ nhất triều vua Mục Tông nhà Minh,** lúc này Thái sư xuất quân bình định phương Tây Nam, quân Mậu Hợp bị thua luôn luôn.

Mùa xuân, **niên hiệu Chánh Trị thứ 11 (1568)**, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Vũ Hữu Chánh cộng 17 người trúng tuyển.

Tháng 3, Quận công trấn thủ xứ Quảng Nam chết, Hoàng đế bổ nhiệm Nguyên Sứ Công Nguyễn Bá Quýnh thay.

Tháng 4, Thái sư gấp rút xuất quân ra đánh xứ Sơn Nam, phá các Huyện: An Mô, An Khang, Gia Viễn và Phụng Hóa, thu lúa thóc các nơi này, rồi dẫn quân về.

Tháng 2, **niên hiệu Chánh Trị thứ 12 (1569)**, Hoàng đế gia phong Thái sư lên tước "Thượng phụ Thượng tướng Thái quốc công".

Tháng 10, ngày Giáp Tý, ban đêm có động đất, làm cho núi lở.

Lúc này, Thượng tướng Thái quốc công Trịnh Kiểm đau bệnh đã lâu, bèn xin trao lại binh quyền, Hoàng đế ưng cho, ngài bèn hạ chiếu mệnh con trai Thượng tướng là Tuấn đức hầu **[tờ 82a]** Trịnh Cối đốc lĩnh quân thủy bộ các doanh; Phúc lương hầu Trịnh Tùng chức Bình đông Đại tướng quân, nối trọng nhiệm Thái quốc công, để đánh dẹp Mậu Hợp.

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép "cửu nguyệt xuân" (chín tháng xuân). Hoặc do chữ "cửu niên xuân" chép lộn ra chăng? Xin dịch theo chữ "cửu niên xuân".

<sup>2</sup> Đoạn văn này chép như vậy chưa đủ nghĩa, hoặc chép sót câu gì, đại khái nói: bèn tâu xin v.v... chăng?

<sup>3</sup> Tô Vũ tên tự Tử Khanh, chức Trung Lang Tướng thời vua Hán Vũ Đế, phụng mệnh đi sứ sang nước Hung Nô, bị lưu lại phải đi chăn dê, 19 năm mới được về nước.

**Năm Chánh Trị thứ 13 (1570)**, Hoàng đế triệu Nguyễn Bá Quỳnh về giữ chức Trấn thủ xứ Nghệ An, và sai Nguyễn Hoàng kiêm chức Trấn thủ cả 2 xứ Thuận và Quảng.

Tháng 2, Thượng tướng Thái quốc công chết. Con trai trưởng của Quốc công là Tuấn đức hầu Trịnh Kiểm<sup>1</sup>, làm nhiều sự thất nhân tâm, Phúc Lương hầu cùng các Tướng bèn tới cửa quyết tội trên của Trịnh Cối. Khi Hoàng đế dời tới quan ải Vạn Lại, thì Trịnh Cối đem binh đánh vào cửa Quyết, Phúc lương hầu dẫn quân chống cự, vài ngày sau, Trịnh Cối lui quân về Biện Thượng, và đóng doanh tại Bồ Chính.

Tướng lập quận công thấy tình thế bên ta Tướng sĩ không hòa, bèn dẫn con em đầu hàng họ Mạc, và đem hết tình hình quân sự bên ta báo cáo cho họ Mạc biết. Kính Điển rất lấy làm mừng, bèn phong tước Tiên quận công cho Tướng lập quận công, **[tờ 82b]** và sai lĩnh quân đi trước, làm đạo quân hướng đạo, rồi Kính Điển khởi 100.000 binh trong 4 trấn và 700 chiến thuyền. Ngày 16 tháng 8, Kính Điển đốc các vị tôn thân, và Tướng Tá sĩ tốt các Đạo, vượt biển vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, khi tới cảnh thổ Thanh Hoa, Kính Điển chia quân: Sai Mạc đôn Nhuận cùng với Tướng đạo bắc là Thái bảo Gia quốc công Mạc Đình Khoa, và Phó tướng Mậu quận công lĩnh quân giữ các bể Thần Phù, còn các đạo quân khác tiến theo thứ tự: Tướng Bắc đạo Hoảng quận công làm đội quân thứ nhất; Tướng Nam đạo Thạch quận công Nguyễn Quyên làm đội quân thứ nhì; Tướng Tây đạo Sầm quận công Mạc Ngọc Liên làm đội quân thứ ba; Tướng Đông đạo Hoa quận công làm đội quân thứ bốn; Kính Điển thân tự đốc quân Trung doanh **[tờ 83a]** làm đội quân thứ năm; các vị Tôn vương thống lĩnh quân vệ Triều đông và quân các đội Nội vệ làm đội thứ sáu, chia ra các ngả, vào các cửa bể Linh Tràng, Chi Long và Hội Triều, cùng hội đồng ở nơi Bút cương, rồi đóng doanh trại tại 2 bên bờ sông Hà Trung, khói lửa trong các trại bốc lên nghi ngút khắp mười dặm hơn. Trịnh Kiểm<sup>2</sup> tự liệu không thể đương nổi, bèn dẫn hơn vạn quân cùng các bộ Tướng: Lại Thế Mỹ, Nguyễn Sư Doãn, Trương Quốc Hoa, Vương Trân và Vũ Sư Thước cùng gia quyến ra hàng họ Mạc, Kính Điển thu nạp, phong tước Trung lương hầu cho Trịnh Cối, phong tước Hương quận công cho Thế Mỹ, phong tước Lý quận công cho Sư Doãn, phong tước Sơn quận công cho Vương Trân, Phong tước Thủy quận công cho Sư Thước, và sai các ông đều dẫn quân thuộc bộ của mình tiến đánh.

Ngày 25, Kính Điển tổng động binh, các Đạo đều tiến **[tờ 83b]** con sông Mã Giang tự bến Úng trở xuống; sông Lam Giang tự bến Bồng trở xuống, khói bốc ngất trời, bóng cờ rợp đất! Nhân dân xứ Thanh Hoa cũng già dặt trẻ, chạy trốn lưu ly, ngoài đường vang tiếng kêu khóc! Kính Điển đánh vào lũy An Tràng rất gấp, ngày đêm không ngừng.

Lúc này vua Anh Tông đã phong tước Trưởng quận công cho Phúc lương hầu, trọn quyền điều khiển tất cả các doanh. Trưởng quận công đặt yển thiết đãi các Tướng, và úy lạo quân dân. Võ thần thì có Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô, Nghĩa quận công Trịnh Huấn và Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, tất cả 30 viên. Văn thần thì có bọn Thượng thư bộ Lại Hưng lễ hầu Nguyễn Đĩnh gồm 12 viên. Các quan văn võ dung hòa sum họp, ngày đêm bàn định kế sách, chia quân giữ các đồn trại, đào hào đắp lũy, làm kế cố thủ. **[tờ 84a]** Bọn ông Lê Cập Đệ dùng kế sách, sai quân lính đắp thêm một bức thành giả, tại vòng đai ngoài bức thành chính, vào lúc ban đêm, bao quanh hơn mười dặm: Dùng thanh tre kê thành hình bức thành, rồi tô bùn đất bên ngoài, trên mặt thành thì cắm chông bằng tre vót nhọn, chỉ trong một đêm mà hoàn thành một cái thành giả. Ngày hôm sau, Kính Điển trông thấy, ngỡ là bức thành thực, xiết đổi kinh ngạc! Không dám tới gần. Bào các Tướng rằng:

"Không ngờ binh sĩ nhà Lê, ngày nay vẫn còn có kỷ luật, pháp lệnh rất nghiêm minh! Chỉ đắp trong một đêm, mà hoàn tất một bức thành đồ sộ! Tất là còn có nhiều binh sĩ thủ tử hiệu lực, cho nên công tác mới mau chóng như vậy, khiến lòng ta không yên. Chuyển này mà không thành công, thì sau đây chưa dễ gì bình định được. Nếu không đánh gấp, quyết kế tiểu trừ, tất sẽ lưu lại một mối lo về sau".

<sup>1</sup> Chữ "Trịnh Kiểm " "Trịnh Cối " mới phải, nguyên bản đã chép lộn ? Thái quốc công Trịnh Kiểm đã chết, đây Tuấn đức hầu Trịnh Cối là con trai trưởng của Trịnh Kiểm.

<sup>2</sup> Chữ "Trịnh kiểm " này hoặc do chữ "Trịnh cối " chép lộn ra chăng ?

Kính Điển bèn thân tự đốc Tướng sĩ ngày đêm tiến đánh. Miền Giang tả tự **[tờ 84b]** châu Gia, châu Tàm trở xuống; miền Giang hữu tự đầu nguồn huyện Lô Dương huyện Nông Cống, đều thành chiến trường. Nhân dân các huyện trong xứ Thanh Hoa đều chạy trốn, rất nhiều người chết đói.

Tháng 10, Kính Điển xuất quân tiếp chiến với quân nhà vua ta, hai bên chống nhau ở sông Long Sùng hạt Bảo Lạc. Các Tướng bên ta dùng kỳ binh: Ban ngày thì cố thủ trong thành, ban đêm thì dẫn quân cướp trại, làm cho quân giặc không được yên nghỉ. Phủ Tiết chế ra lệnh: Người nào chém đầu một tên giặc, sẽ được thưởng một hốt bạc. Bởi thế binh sĩ phần nhiều xả thân chiến đấu! Quân giặc nôn nao sợ hãi, bỏ trốn rất nhiều.

Kính Điển thấy đánh mãi mà không thắng lợi, bèn lui quân đóng doanh tại Hà Trung, và cấm các người buôn muối, không được chở muối lên mạn đầu sông để bán. Đó là có ý định chống cự cầm chừng, dằng dai lâu ngày, để cho quân ta phải mỏi mệt.

Lúc này nhân có viên Tướng cũ của ta là Vũ Sư Thước, nguyên đã hàng họ Mạc, ngấm sai người tâu xin trở về triều đình qui chính, **[tờ 85a]** vua Anh Tông bèn đại hội các Tướng, quyết kế tiến binh, chia quân làm 3 đạo: Lại Thế Khanh xuất quân ra đường bên tả, tiến về huyện An Định, đánh vào huyện Tống Sơn; Hoàng Đình Ai xuất quân ra đường bên hữu, tiến về huyện Lô Dương, đánh vào huyện Quảng Xương; phong Trưởng quận công Trịnh Tùng chức Tả Tướng, có quyền điều khiển tất cả các Tướng sĩ thủy quân và lục quân các xứ; Hoàng đế tự làm chức Đô tướng, thống lĩnh đại quân ra trung lộ, tiến về huyện Thụy Nguyên, huyện An Định.

Khi Hoàng đế tiến quân đến đóng tại huyện Đông Sơn, thì Vũ Sư Thước dẫn 500 quân bản bộ tới hàng, quân ta lại trở nên hùng mạnh. Kính Điển bèn lui quân về giữ sông Bút Cương. Hoàng đế bèn sai tạo cầu nổi, rồi cùng với Tả Tướng vượt qua sông An Lưu, đến huyện Kim Tử, qua huyện Thuần Hựu, đánh vào các đồn họ Mạc. Ngài sai Vũ Sư Thước dẫn hơn nghìn quân bản bộ<sup>1</sup> làm đạo quân tiên phong, **[tờ 85b]** giao chiến với binh họ Mạc ở huyện Lô Trạch, thu được chút ít thắng lợi. Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ, đánh lấy được huyện Tống Sơn và huyện Nga Sơn. Quan quân kéo đến đâu, quân giặc đều bỏ chạy tán loạn.

Tháng 12, Kính Điển thấy đánh mãi không được, bèn bảo các Tướng rằng:

"Chúng ta đánh dẹp bọn giặc mạnh, đã trải qua 9 tháng trời, mà không thu được thành công. Hiện nay là mùa đông, khí trời rét lạnh, nước sông cạn nông, lại thêm những khí độc lam chướng sắp bốc lên, mà lương thực cho binh sĩ của ta không được đầy đủ, lòng người mất tin tưởng, thì còn ai đồng tâm hết sức cùng ta đánh giặc. Binh sĩ ta đã trễ nải rời rạc. Chi bằng hãy tạm lui quân, để sẽ tính chuyển sau".

Kính Điển bèn bỏ các trại sách, dẫn quân về. Trịnh Cối nghiệp dĩ đã đầu hàng họ Mạc, nên cùng với Lại Thế Mỹ, Trương Quốc Hoa, dẫn hơn nghìn quân bản bộ cùng các gia quyến, theo Kính Điển tới Đông Kinh. Nguyễn Sư Doãn cũng đầu hàng với Mậu Hợp.

**[tờ 86a]** Niên hiệu Chánh Trị thứ 14 (1571), Hoàng đế thăng Tả Tướng Trưởng quận công Trịnh Tùng lên chức Thái úy, hàm Trưởng quốc công, các Tướng khác cũng đều được thăng thưởng theo thứ tự, để cùng đốc lòng đánh giặc.

Hoàng đế sai Phùng Khắc Khoan đi các nơi chiêu tập những nhân dân lưu tán.

Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Nguyễn Miễn gồm 17 người trúng tuyển.

Tháng 10, Mậu Hợp sai Kính Điển dẫn quân đánh cướp xứ Nghệ An, quan quân bên ta vì xa cách nên không cứu được, bởi thế những khu từ sông Đại hà trở về phương Nam, đều thuộc về quân giặc chiếm cứ. Viên Thổ tướng là Nguyên Quận công Nguyễn Bá Quỳnh, vừa nghe tin quân giặc kéo đến, đã vội vàng chạy trốn trước. Xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam cũng dao động. Nhưng viên tướng trấn thủ 2 xứ này là Nguyễn Hoàng, sẵn có danh vọng uy tín, lại nhiều mưu lược quyền biến, không chế trong hạt,

<sup>1</sup> Chữ này chính bản chép "bản huyện quân" hoặc do chữ "bản bộ quân" chép lộn ra chăng? Xin dịch theo chữ "bản bộ quân".

quân luật rất nghiêm ngặt, có viên Bộ tướng nào định hàng giặc, ông đều bắt giết hết. **[tờ 86b]** Bởi thế quân họ Mạc không thể phạm tới 2 xứ này.

Tháng 9, Tấn quận công Trịnh Mô và Lại quận công Phan Công Tích, dẫn quân đến cứu viện xứ Nghệ An. Kính Điển phải lui quân, xứ Nghệ An lại bình định.

**Niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất (1572)**, mùa thu, tháng 7 Kính Điển lại xuất quân đánh cướp xứ Thanh Hoa và xứ Nghệ An, cướp phá các Huyện ven sông, nhân dân các nơi này phải lưu tán, làng xóm trống không.

Tướng xứ Hải Dương là nguy Lập quận công, xuất thủy quân hơn 7 nghìn chiến thuyền, dùng nguy Cửu quận công làm hướng đạo, do đường biển vào đánh cướp xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam, thổ dân nhiều người ra hàng. Viên trấn thủ là Nguyễn Hoàng, lập kế dụ Lập quận công tới, ông liền chêm đầu y ngay giữa sông, quân họ Mạc liền tan vỡ, theo đường biển chạy trở về, đều bị chết đuối. Tiên quận công thì trốn chạy về châu Bồ Chánh, rồi lại trở về với Mậu Hợp.

**[tờ 87a]** Tự đây, quân họ Mạc không dám nhòm ngó tới 2 xứ Thuận và Quảng.

Thái phó Vị quận công Lê Khắc Thận, lại vượt lũy ra đầu hàng Mậu Hợp.

Tháng 9, Lại Thế Khanh, Lê Mô, và Phan Công Tích, dẫn binh ra giữ xứ nghệ An, binh họ Mạc bèn rút về.

Vua Anh Tông thăng hà, vua Thế Tông lên ngôi Thiên tử.

Năm Quý Dậu, **niên hiệu Gia Thái thứ nhất (1573)**, Hoàng đế phong Tả Tướng Trưởng Quốc công chức "Đô tướng tiết chế các xứ thủy lục chư doanh, kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự", phong Nhân quốc công Vũ Văn Kỳ là con trai Gia quận công Vũ Văn Mật chức Hữu tướng; các vị công thần và các Tướng khác đều được thăng cấp theo thứ tự, trên dưới đồng tâm hiệp lực, để vẫn tội quân tiếm nghịch, và tu sửa thành quách hào lũy, để phòng quân Mậu Hợp nhòm ngó.

Tháng 7, Kính Điển lại dẫn quân đánh cướp xứ Thanh Hoa, khi chúng đánh vào doanh An Tràng, **[tờ 87b]** thì quan quân ta rút cả vào bên trong lũy, để tỏ cho chúng tưởng là binh lực ta kém yếu. Chúng lại tiến vào lũy Phúc Bồi, đang sắp qua sông Đoạn Trạch, thì quan Tiết chế đốc suất thủy quân cỡi chiến thuyền chia đánh các ngả, phá tan quân giặc. Kính Điển bèn dẫn quân rút lui.

Mùa đông năm này, Hoàng đế bàn với quan Tiết chế, sai Vũ Văn Kỳ về trấn thủ đồn Đại Đồng ở xứ Tuyên Quang, để vững phen giậu phương Tây và đề phòng quân của Mậu Hợp.

Tháng 10, lúc này Mậu Hợp 12 tuổi, bèn tự bến Bồ Đề qua sông về Đông Kinh, đắp bức thành ở phía bên ngoài cửa Nam, rồi dựng ngôi điện lợp tranh để ở.

**Niên hiệu Gia Thái thứ 2 (1574)**, Mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thu Cử nhân, lấy bọn Vũ Khắc Khuê gồm 24 người trúng tuyển.

Tháng 6, Mậu Hợp sai Nguyễn Quyện dẫn quân vào đánh cướp xứ Nghệ An, các thành bên ta từ sông Đại Hà trở về Bắc, đều bị chúng hạ. Chúng bắt được viên Tướng trấn thủ là Hoảng quận công.

Tháng 7, Phan Công Tích và Trịnh Mô, dẫn quân cứu viện xứ Nghệ An, Nguyễn Quyện chống cự với các Tướng này vài tháng, rồi thu quân trở về.

**[tờ 88a]** Mậu Hợp phong tước Hưng lễ vương cho Mạc Kỳ là con trai Lý vương Mạc Lý Tồn.

Niên hiệu Gia Thái thứ 3 (1575), ngày 6 tháng giêng, Kính Điển đem quân đánh cướp xứ Thanh Hoa; Nguyễn Quyện đem quân đánh cướp xứ Nghệ An. Lúc này, họ Mạc quân nhiều thế mạnh, cho nên chúng kéo đến đâu, nhân dân ta đều như cỏ lướt.

Khi Kính Điển đánh đồn Thụy Nguyên huyện An Đình, chia quân cho Mạc Ngọc Liễn đánh núi Đông Sơn huyện Lô Dương.

Tháng 8, phủ Tiết chế sai Hoàng Đình Ái dẫn quân cứu đồn Lô Dương, núi Mộc Sơn, quan Tiết chế thì đích thân thống lĩnh đại quân, đóng tại núi Chiêu Sơn, chống cự với quân Kính Điển.



Kinh Điển giao chiến với quan quân ta ở Đông Lý hạt An Định, thì bọn Vũ Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu, xuất các đạo kỳ binh đánh cho Kinh Điển phải bỏ chạy.

Bọn Lại Thế Khanh, Trịnh Mô và Phan Công Tích, dẫn quân cứu các xứ Nghệ An, cùng với quân Nguyễn Quyện cầm cự chừng vài tháng **[tờ 88b]** Nguyễn Quyện đặt phục binh trước, rồi dẫn quân ra đánh, thẳng luôn mấy trận, bắt được Phan Công Tích giải về Kinh Sư, bị giết chết.

Mùa đông, Kinh Điển kéo quân trở về.

**Niên hiệu Gia Thái thứ 4 (1576)**, tháng 7, Kinh Điển lại dẫn quân vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, đánh vào núi Lam Sơn thuộc huyện Thụy Nguyên, sai Ngọc Liễu đánh vào sông Đồng Cổ thuộc huyện An Định, lại chia quân cho Nguyễn Quyện đi đánh cướp xứ Nghệ An. Nguyễn Quyện đánh nhau với quân Trịnh Mô ở đây chừng vài tháng, Trịnh Mô thua luôn mấy trận, trốn về xứ Thanh Hoa, trong khi ấy, Nguyễn Quyện tự nghĩ rằng:

"Trịnh Mô thua trận, phải kéo quân trở về, thì đang khi "quân hồi vô lệnh ", ta quyết bắt cho bằng được ".

Bèn dẫn quân đuổi theo, đuổi theo tới núi Ngọc Sơn, bắt được Trịnh Mô giải về Kinh Sư.

Tự đây, uy danh của Nguyễn Quyện càng thêm lừng lẫy! Thời xưng là một vị danh Tướng.

**Niên hiệu Gia Thái thứ 5 (1577)**, mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Vũ Giới gồm 18 người trúng tuyển.

Tháng 4, Mậu Hợp sai thu binh các Huyện, tất cả hạng nhất hạng nhì và hạng ba, người nào cũng phải dự đủ lương thực đủ ăn trong 3 tháng, để dự bị vào xâm lược xứ Thanh Hoa.

**[tờ 89a]** Về phần phủ Tiết chế ta, cũng tính rằng: Mậu Hợp thường cậy sở trường về thủy quân, mà nay là mùa thu, nước sông dâng cao đầy dẫy, tất nhiên chúng sẽ tới xâm lược. Cho nên cũng dự tản cư các nhân dân ở nơi ven sông, bắt đem theo hết cả tài vật đã tích trữ vào các nơi rừng núi, để chờ nghinh chiến quân Mậu Hợp.

Tháng 7, Kinh Điển dẫn quân vào cướp.

Tháng 8, Kinh Điển đánh vào hạt Đông Cổ, quan Tiết chế đích thân xuất đại quân ra cửa lũy Khoái Lạc chống cự.

Kinh Điển đánh phá doanh Thượng hội, Hoàng Đình Ái xuất đạo kỳ binh khiêu chiến; Nguyễn Hữu Liêu dẫn quân đánh chặn ngang, quân Kinh Điển phải chạy lui.

Kinh Điển lại tiến quân đến sông Hà Đô, sai Nguyễn Quyện phục binh ở bên ngoài đê bờ sông, rồi sai Hoảng quận công, cùng với viên hàng tướng Lại Thế Mỹ làm đội quân tiên phong ra khiêu chiến, đánh sát tới cửa lũy Khoái Lạc. Quan quân bên ta dùng súng bắn chết Lại Thế Mỹ trước mặt trận, các quân ta trong trận đều lấy làm hả, tiếng hoan hô vang lừng dậy đất! **[tờ 89b]** quân họ Mạc bèn tan vỡ.

Tháng 9, Kinh Điển dẫn quân trở về.

Tháng này có tuệ tinh hiện ở tọa độ sao Cơ, sao Ngưu và sao Nữ, xuất hiện trong 10 ngày mới tắt.

Viên Thượng thư Bộ hộ giữ việc Đô ngự sử là Giáp Trưng, bèn dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Hạ thần xét trong truyện có chép rằng:

Tuệ tinh là một loại sao yêu quái! Khi nó xuất hiện vừa to vừa dài, thì trong nước sẽ có tai biến nặng nề mà thời kỳ ứng nghiệm còn xa ngày, trái lại, nếu hình nó nhỏ và ngắn, thì trong nước sẽ có sự tai biến xoàng thôi, mà thời kỳ ứng nghiệm rất gần ".

"Hiện nay chánh sự càng ngày càng suy đồi, mà suy đồi không phải một điểm mà thôi. Kinh thư có câu rằng: "Di thừa Thượng đế thần kỳ, võng bất chí túc " (Lễ vật dùng dâng tế Thượng đế, các Thần nơi Xã Tắc, Tổ Tông nhà Tôn Miếu, không nơi nào là không thành kính rất mực ). Thế mà những lễ phẩm

dùng để tế lễ ngày nay, thì con lợn cổ xôi quá đơn giản, đồ lễ cầu thả không kính. Đó là điểm đáng sợ thứ nhất vậy.

Sách Mạch Tử có câu: "Quân nhân mạc bất nhân " (nếu vua có lòng nhân, thì bề dưới không kẻ nào không nhân ). Nay những kẻ cận thần ở bên nhà vua, chỉ toàn nịnh nọt, dẫn sự chơi bời, **[tờ 90a]** mong thỏa chí vua. Trong cung là nơi rất nghiêm nhặt, thế mà chúng thường ra vào tự do không cấm; tuyên nạp là việc thận trọng, thế mà chúng làm bẽ tắc trên dưới không thông. Đó là điểm đáng sợ thứ 2 vậy.

Sách Mạnh Tử lại có câu: "Thượng hạ giao chinh lợi, tắc quốc nguy hĩ " (nước nào, tất cả vua tôi trên dưới, đều xu hướng về mỗi lợi, thì nước ấy sẽ nguy vong ). Nay các quan cấp trên cũng như cấp dưới, những người không ham lợi, chỉ chừng 2, 3 phần 10, ngoài ra hết thấy đều dăm dăm về lợi, quan tước những lạm, Phiên Trấn trưng cầu, những sự đặt quan bán tước, không việc gì là không làm. Đó là điểm đáng sợ thứ 3 vậy.

Tả truyện có câu: "Quốc gia chi bại do quan tà dã " (Quốc gia mà đến suy bại, là do các quan chức đều quắt quéo vậy ). Nay các bầy tôi trong triều đình cùng ngoài Quận Huyện, những người ngay thẳng chỉ độ 1, 2 phần 10 mà thôi, ngoài ra đều là hạng tà tâm quắt quéo. Sắc chỉ tống đạt cho các Ty quan; quan lại trưng tiến cấp lớn nhỏ. Việc từ tụng sách nhiễu hối lộ, không cách nào là không dùng. Đó là điểm đáng sợ thứ 4 vậy.

**[tờ 90b]** "Đường sử có câu: "Quốc y ư dân " (nước nương tựa vào dân ). Nay việc công việc tư, sách nhiễu dân phụ, làm cho nhân dân vất vả khổ khổ về sự sống, thì nước còn nương tựa vào đâu ? Đó là điểm đáng sợ thứ 5 vậy.

Truyện có câu rằng: "Sư khắc tại hòa " (Việc quân mà được thẳng trận là bởi có điềm hòa ). Nay Tướng Sứ ngang trái với nhau, cùng nhau tranh giành, thì quân sự còn lấy gì để thẳng. Đó là điểm đáng sợ thứ 6 vậy.

Ngoài ra còn rất nhiều điều trái lẽ và phương hại đến nền đạo đức, không thể kể xiết. Bởi thế cho nên trời ra tai biến, có tuệ tinh hiện, không phải là sự ngẫu nhiên.

Vậy kính mong bệ hạ, tự răn mình lo sợ, thay đổi hết thấy chánh sự thối nát. Một khi lòng người đã hòa, thì ý trời sẽ hợp. Nếu cứ vui thỏa theo ý muốn, mà không hối cải, thì thời kỳ nguy vong chưa dễ gì lánh được ".

Mậu Hợp không thể làm theo ý tờ số này.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ nhất (1578) triều ta, nhằm niên hiệu Sùng Khang thứ 13 triều Mậu Hợp.** Lúc này, quan Tiết chế Trường quốc công **[tờ 91a]** giúp chính thống giữ binh quyền, chăm lo tiến thủ, Vua tôi hòa thuận, chánh sự chỉnh đốn, quân sĩ tinh nhuệ, khí thế đang lên, mà Mậu Hợp thì chỉ ham chơi bời, say đắm tửu sắc, không để ý tới việc nước.

Ngày 21 tháng 2, Mậu Hợp ở trong cung, bị sét đánh vào cung, thành chứng "bán thân bất toại ", sau chữa thuốc lại khỏi, bèn đổi **niên hiệu năm này làm niên hiệu Duyên Thánh thứ nhất**, và phong thêm hàm Thiếu bảo cho Thượng thư bộ Lại Luân quận công Giáp Trưng, Giáp Trưng cố từ không nhận, nhưng Mậu Hợp không cho từ.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Kính Điển lĩnh quân vào đánh cướp các Huyện men sông trong xứ Thanh Hoa. Khi giao chiến với quan quân ta ở cầu Phụng Công, gặp ổ phục binh, bị thua trận, bèn kéo quân trở về Kinh ấp.

Tháng 10, Tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liễn dẫn quân đánh vào châu Thu Vật trong tỉnh Tuyên Quang **[tờ 91b]** cũng bị viên trấn thủ châu này là Nhân quốc công Vũ Công Kỳ đánh bại.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ 2 (1579)**, tháng 3 Mậu Hợp tiến Giáp Trưng lên chức Binh bộ Thượng thư, có quyền giữ tất cả các việc trong 6 Bộ.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Kính Điển dẫn quân vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, phá nhiều các Huyện ở men sông, khi chúng đến sông Tống Sơn, đánh vào cửa Chương Quyết, thì Phủ Tiết chế sai Đặng Huấn

dẫn quân chống cự. Đặng Huấn sai Diễn quận công Trịnh Văn Hải xuất quân giao chiến với chúng tại núi Kim Âu, Đặng Huấn thì dẫn quân tự Tổng Sơn đi tới Hòa Bình Mục Sơn, đánh tập hậu, phá tan quân Kính Điển. Kính Điển bèn dẫn quân trở về.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ 3 (1580)**, mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Đỗ Cung gồm 24 người trúng tuyển.

Tháng 7, Mậu Hợp lại sai Nguyễn Quyện Mạc Ngọc Liễn và hàng tướng là Hoành quận công dẫn quân vào đánh xứ Thanh Hoa, chúng cướp bóc tài sản của nhân dân các miền ven sông, rồi kéo quân trở về.

**[tờ 92a]** tháng 10 Kính Điển chết.

Kính Điển là ông chú Mậu Hợp, tước vị gồm cả chức Tướng văn và Tướng võ, giữ binh quyền trong hơn 20 năm. Ông tiếp đãi quan liêu có lễ độ, đối với quân sĩ có ân nghĩa, từng trải qua biết bao sự gian hiểm, mà vẫn cần lao trung thành, thời bấy giờ tựa vào ông làm trọng. khi ông chết, lòng người trong nước đều dao động!

Mậu Hợp bèn dùng ông chú là Ứng vương Đôn Nhượng thay Kính Điển làm chức "Trung doanh đốc súy".

Tháng 12, ngày mồng 3, Mậu Hợp sai Lương Phùng Thời, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn khắc Tuy, Trần Đạo Vịnh, Nguyễn Kính, Đỗ Ưông, Vũ Hoàng, Nhữ Tống, Lê Đĩnh Tú, Vũ Cẩn và Vũ Tính, chia làm 4 Bộ đi sang sứ triều Minh, để nộp bổ túc cống phẩm còn thiếu trong mấy năm qua.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ 4 (1581)**, ngày 27 tháng 6, Đô cấp sự trung trong 6 khoa bên ngự là: **[tờ 92b]** Nguyễn Phong, Nguyễn Tự Cường, Phạm Như Giao, Nguyễn Ích Trạch, Lê Viết Thăng và Nguyễn Quang Lượng, cùng ký tên vào tờ sớ dâng lên Mậu Hợp rằng:

"Hiện nay thời sự gian nguy, có nhiều điểm đáng lo: Kỷ cương rối loạn, chánh sự hững hờ; hình ngục oan uổng; pháp lệnh sai lầm; Tướng chưa hòa thuận; binh chưa chỉnh nghiêm, khi quân địch hùng mạnh kéo đến đánh phá phương Tây Nam, nhân dân địa phương bị khốn khổ, tao nhiều cả đến Kinh thành. Thế mà lúc ấy, triều đình không đặt một phương lược hoặc một kế hoạch gì để chống địch, mặc cho chúng tự do tiến tự do lui, tha hồ thi thố hết các cách tính hại ta, khiến cho nhân dân ta ở miền chân núi rất là khốn đốn, không được yên ổn. Lại thêm trời ra tai biến luôn luôn. Ôi! Thời sự như vậy, thiên ý như vậy, thật là quá đỗi nguy ngập! **[tờ 93a]** Nếu ngay bây giờ biết nghĩ phương để cải cách tệ chánh, biết sợ cơn giận của trời, chỉnh đốn binh bị để chinh phạt giặc thù, cũng chưa muộn, vẫn có thể kịp. Khốn nỗi vua tôi trên dưới, cứ vui chơi ngạo nghễ, vẫn hơn hớn tự cho là thái bình vô sự. Về phần bề hạ, hiện nay chưa thân xét đến các chánh sự, các bản tấu chương của đình thần, hết thấy đều ủy cho Phụ chánh Ứng vương quyết đoán, mà Ứng vương lại thường về Dương kinh luôn. Bởi thế các chánh sự trong triều đều bỏ bê bối, quân sự cũng theo đà đó mà trễ nải; quan bản doanh có việc đến yết kiến thường không được gặp, vị tướng các doanh không biết bẩm lệnh vào đâu. Bậc công bảo đại thần như Lễ quận công Trần Thời Thâm thì e sợ hiểm nghi, thường né lánh không chịu quyết đoán; Luân quận công Giáp Trưng, thì lấy sự quá thịnh làm răn, **[tờ 93b]** thường luôn luôn xin giải chức; Đốc phủ trưởng quan Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn, và Thạch quận công Nguyễn Quyện, thì hoặc thoái thác không tới công đường, hoặc từ tốn không chịu bàn việc, cho nên các quan tả hữu không dám bàn nói; văn thần trọng trách như Nghĩa sơn bá Trần Văn Tuyên, Vịnh kiều bá Hoàng Sĩ Khải, An Khê bá Mai Công Đàm và Xuyên bá Nguyễn Triệt, thì đều giữ vẻ trọng hầu, không cần nghĩ tới việc sâu xa. Bởi thế các liêu thuộc nhân đó mà trễ nải, hoặc có viên về thăm quê hương đến hàng tuần, hoặc có cuộc bàn luận mà chỉ có một viên họp, hoặc có viên hiện có mặt ở Kinh mà không tới họp, hoặc có viên dự họp mà không phát biểu ý kiến. Ngày nay thảo luận, ngày mai bàn tán, chỉ toàn những việc lật vật ở các nha môn **[tờ 94a]** còn việc chánh trị trọng đại của triều đình, không hề nói tới. Như vậy, việc nước sẽ một ngày một suy đồi, đó là cái cơ nguy loạn không thể không cấp cứu. Những người giữ việc nước, biết mà không chịu nói, hoặc nói mà không hết lời, một khi triều đình đã thất kế, thì thiên hạ quốc gia sẽ như thế nào ? "

Mậu Hợp khen những lời này rất thiết đáng. Nhưng rốt cuộc vẫn không thay đổi được những tệ chánh.

ngày mồng 9 tháng 7, Đô ngự sử Đặng Vô Cảnh xin từ chức, Mậu Hợp không cho.

Đêm hôm 21, có trận mưa bão rất dữ! mà tại kinh đô càng mạnh hơn, tự cung điện trong triều, đến giao đàn, thái miếu và đàn Xã Tắc, cả đến nhà cửa cùng dinh thự, thấy đều đổ nát gần hết! Về hương thôn các xứ thì, cây bốc rễ, lúa ngã rạp, nhà đổ thuyền đắm, người chết rất nhiều!

**[tờ 94b]** Ngày 27 Mậu Hợp triệu Trần Văn Tuyên làm Thượng thư bộ Lại vào hầu kinh diên. Lúc này Giáp Trưng vào triều yết kiến xin hoàn sư.

Thêm đô Ngự sử Lại Mẫn dâng tờ sớ lên Mậu Hợp, cực lực nói về thời sự tệ hại, lược rằng:

"Sự thể hiện nay, chính là thời tiết cực bĩ! Kỷ cương bỏ bê mà không chấn hưng, chánh sự thối nát mà không tu sửa; trộm cướp hoành hành, giặc ngoài xâm lấn; lòng người nao núng, thể nước lung lay. Như muốn chuyển bĩ làm thái, thì phải trên dưới hợp chí đồng tâm, mới có thể được. Thế mà nay chỉ trang sức hư văn, mà không vụ thực sự, trên dưới trong ngoài đều nhưng theo thói cũ, các sớ tấu của triều thần, hoặc chỉ phê như trước. như thế không có thể gọi là ngăn được con đường tư tình vậy **[tờ 95a]** Các Điện Phủ giám môn, Bộ Tự Khoa Đạo nội vệ tam ty, Đô Thừa Hiến tam ty, hết thấy các tể đoan chưa cải cách hết. ngoài ra còn nhiều việc trái lẽ hại đạo, khác thường loạn tục, không thể kể xiết.

Hạ thần thiết nghĩ: Lúc này bệ hạ chính nên thân cận người hiền, đồng tâm phụ tá, tu sửa cải cách các chính trị, ngỏ hầu có thể cứu vãn cơ nguy loạn trước khi phát xuất.

Tại sao Phụ chánh Ứng vương vẫn yên vui ngạo nghễ, nhân nhu trể nài, không cứu sửa chánh sự thiên tư, không chinh đốn quân sự phân tán, đến nỗi các vị đại thần đều muốn trốn lánh, không chịu quyết đoán lẽ phải, các vị trọng thần, nối tiếp xin từ chức, triều đình trể nài như vậy, việc nước nhân thế mà bề bộn, trăm việc rối ren, **[tờ 95b]** lòng dân tan rã, một khi họa loạn xảy tới còn có thể cứu được ru ?

Thời xưa Y Doãn dạy vua Thái Giáp có câu: "Vô an quyết vị duy nguy ": (Đừng ngồi yên ngôi vua, phải nên nghĩ tới sự nguy ). Ôi! Cổ nhân đang lúc thịnh trị, mà còn tha thiết lấy điều nghĩ tới sự nguy làm răn. Huống chi hiện nay là thời kỳ rất nguy, mà không biết nghĩ tới sự nguy, hạ thần sợ nguy vong sẽ tới ngay vậy.

Kinh Thi có câu: "Thiên chi giáng nạn, vô nhiên hiển hiển " (gặp khi trời giáng tai nạn, đừng nên hơn hớn yên vui ).

Kinh Thi lại có câu: "Đa tương cao cao, bất khả cứu dược " (Vui chơi nồng nhiệt như lửa, không còn phương thuốc cứu chữa ). Há không lấy đó làm răn ru ?

Kính mong bệ hạ, chăm lo chính trị, săn sóc thời cơ, ban sắc lệnh cho Ứng vương phải: Để ý về nền tôn xã, đảm nhiệm lấy việc thiên hạ, về việc tu chính trị bên trong, tất phải xử công bằng, các đạo tán chiếu như: Quyền ban tước lộc, truất phế hay bổ nhiệm, cho được sống hay giết chết, **[tờ 96a]** cần phải biết rõ người chánh kẻ tà, phân biệt người có công kẻ có lỗi, khiến cho thưởng phạt đúng mức, thì còn công việc gì mà không làm nổi. Về quân sự bên ngoài, tất phải có tiết chế, sai bản doanh và các doanh Đông Tây Nam Bắc, phải tuyển dụng những người dũng cảm, luyện tập chiến đấu đều đều, khiến cho binh sĩ hùng mạnh, thì còn lo gì về đánh dẹp không thẳng trận.

Trách cứ Thiếu bảo Lễ quận công Trần Thời Thâm phải: Kính theo đoán xét cũ, chủ trương về công luận trong nước, chặn cử kỷ cương, đừng có hiềm nghi mà lánh quyền sợ việc.

Lại ban chỉ dụ cho Thiếu bảo Luân quận công Giáp Trưng, phải tham bàn chánh sự trong triều, giúp quyết cơ mưu quân sự, cần để ý tới việc yêu nước quên nhà.

Lại ban sắc dụ cho Hộ bộ Thượng thư, Đô ngự sử Miện dương bá Đặng Vô Cảnh. **[tờ 96b]** phải tuân theo chức vụ, duy trì công luận, kính cẩn mọi việc, để cho phong thái triều đình được tôn nghiêm. Đó đều do vài ba vị chấp chánh đại thần cùng các quan công bảo, ngày đêm bàn tính ở trên triều đình, hiệp sức cùng mưu, để cải cách tể chánh, khiến cho các nha môn trong ngoài, có chỗ tuân theo làm qui thức, ai ai đều làm tròn chức vụ, thì mới có thể mong tới trị bình thiên hạ.

Nếu đang thời kỳ nguy ngập, mà vẫn cho là bình yên, đang lúc có tai biến, mà vẫn ung dung, chỉ thỏa thích những cuộc vui có thể đem đến sự bại vong. Hạ thần sợ một khi biến loạn xảy tới ngoài sự tưởng tượng, lúc ấy thì dù có bậc trí giả cũng không có thể vẫn hồi được".

Trong bài sớ có tới ngàn câu, Mậu Hợp xem xong phê rằng:

"Những lời này rất thiết đáng, đáng được thi hành".

Nhưng vẫn không làm theo.

**[tờ 97a]** Thiều bảo Giáp Trưng dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Trận mưa bão vừa rồi, là một tai biến lạ thường! Ôi! Tai biến xảy ra, đều do nhân sự xui nên. Hiện nay giặc giả chưa yên, quân dịch nặng nề, cả đến việc thu thuế và cho dân vay thóc cũng rất phiền phức, nay phóng mai đã thôi thúc, suốt năm không ngày nào yên, cứ điếm đầu người mà thu, rồi lại tính lời từng phân từng ly. Tự niên hiệu Sùng Khang tới nay, trong khoảng 9 năm đó, những nơi thu vét sâu thuế, chỉ đòi hỏi lũ dân nghèo; cả đến trong Điện cũng chỉ đòi hỏi đám dân ấy. Ngoài ra còn có khi tăng gắp đôi số thuế đã định, làm cho dân phải phá sản. Dân tình ngao ngán, không còn muốn sống!

Kinh Thi có câu: "Vô viết cao cao tại thượng, trắc giáng quyết thổ" (Đừng tưởng trời quá cao xa. Vẫn thường lên xuống soi xét dưới đất). Dưới đất tức là nhân sự vậy.

Kinh Thư có câu: "Thiên thông minh tự ngã dân thông minh, thiên minh uy tự ngã dân minh uy" (thông minh của trời cũng là thông minh của dân, uy sách của trời cũng là uy sách của dân). Đó là nói: Lòng dân xu hướng vào đâu, tức đấy là lẽ trời vậy.

**[tờ 97b]** Nay nhân sự đã suy đồi đến như thế, nhân dân đã khốn đốn đến như thế, cho nên trời ra tai biến trận bão để cảnh cáo vậy.

Kinh Dịch có câu: "Chấn lai kích kích, hậu tiểu ngôn ách ách. Cát" (Động tới ngầm ngập run sợ, rồi sau nói cười sảng sặc. Tốt). Lời tiểu tượng trong quẻ Chấn này giải rằng: Đó là lo sợ mà được phúc vậy.

Nay muốn dẹp tai biến, mà không lo sợ tu tỉnh, thì làm sao có thể được phúc.

Vậy kính mong bệ hạ, coi thiên tai là điềm tất phải sợ, coi nhân sự là điềm tất phải sửa. Kính cơn giận của trời, không nên vui vợ, kính cơn biển của trời, không nên dong ruổi; không nghe kẻ hầu nịnh, không mưu cầu tài lợi. Dạy bảo trăm quan, chấn hưng trăm việc, ban sắc cho triều thần nghị luận ban hành những điều luật thương dân, rộng ban ân đức, tha thứ kẻ vô tội oan uổng. Những dân bị nạn lụt, thì ra lệnh cho quan sở tại nâng đỡ vỗ về, **[tờ 98a]** ngõ hầu ân huệ nhà vua, thấm nhuần xuống dưới. Một khi lòng người đã vui thỏa, thì thiên tai tự dẹp hết.

Hạ thần lại nghe có câu: "Thiên hạ tuy an, vong chiến tảo nguy": (Mặc dù trong thiên hạ bình an mà quên lãng về quân sự chiến trận, tất sẽ nguy vong). Huống chi hiện nay là lúc nguy cấp, thế mà không có vũ bị, thì sao có thể giữ nước được.

Hiện nay, những lính mới tuyển vào doanh, phần nhiều khí giới chưa tinh nhuệ, kỹ nghệ chưa thuần thục, thuyền bè chưa chỉnh đốn, lại gặp thiên tai cảnh cáo, chính là lúc đáng lo sợ nhất. Cho nên những chánh sách trị an và tu chính, không thể không rất cẩn thận. Nên nghiêm minh pháp lệnh, thu vén kỷ cương, giữ vững nơi bờ cõi, tu sửa các thành quách, luyện tập binh mã, chỉnh bị khí giới, đóng thuyền dựng trại, định phiên canh gác, đúng mức kỳ hẹn, ban hiệu lệnh, hằng ngày tập luyện **[tờ 98b]** chờ thời sẽ phát động. Lại cần đôn sùng căn bản quốc gia, cố kết nhân tâm, hậu đãi dân mà không bắt dân khổ, giúp đỡ dân mà không bắt dân mệt, không nên dùng hết nhân dân, nên giảm bớt sức phục dịch của nhân dân. Đó là kế sách trị bình vậy".

Mậu Hợp xem xong tờ sớ này, liền ban lời ủy dụ Giáp Trưng, và triệu tới kinh sư để làm việc triều đường.

Ngày 3 tháng 8, Hộ bộ Thượng thư Miện dương bá Đặng Vô Cạnh dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Hạ thần là một kẻ hèn, mong ơn nhà nước, lạm dự cấp bậc quan cao, lại được bồi hầu kinh diên. Tự xét gì nông tài mọn, không đủ xứng chức, cho nên đã hai lần khẩn thiết xin được giải chức vụ nặng nề, mà vẫn chưa được bệ hạ ứng cho.

Hiện nay, đạo trời chưa thuận, gió bão ra tai, chính là lúc trên dưới hợp chí tu tỉnh, để đáp phúc trời, **[tờ 99a]** cho nên hạ thần không dám lánh né, kính xin vâng giữ chức cũ. Hạ thần thiết nghĩ; Nhân sự sai lầm ở bên dưới, thì trên trời thiên biến phát hiện. Năm ngoái có những thiên biến như: Núi tự nhiên lở, sắc nước hóa đỏ; tuệ tinh phát hiện; và thường mưa đá. Năm nay cũng núi tự nhiên lở, mưa xuống nước như tro than, và sấm động trái mùa. Bao nhiêu tai biến xảy ra luôn luôn, đó là nhân sự sai lầm, cho nên hoàng thiên đem lòng nhân ái mà ân cần cảnh cáo vậy. Bệ hạ thấy thế, lấy làm sợ hãi tu tỉnh, đốc thúc quần thần cùng bàn luận, để cải cách những kỷ cương không hợp lý. Hạ thần không biết lòng quả cảm đã thực thi chưa? Hay chỉ là mở văn suông thôi. Tại sao những tờ sớ tâu các điều trước đây, hoặc có điều bệ hạ cho là phải mà vẫn không làm theo, hoặc có điều bệ hạ nghe theo mà vẫn không cải cách, hoặc có sớ bệ hạ cứ không nạp. Các vị đại thần cùng các quan Công Khanh, đều chưa thể tắt ý bệ hạ, không tu chỉnh chức nghiệp, không cải cách tể chánh, không giữ đạo trung bình **[tờ 99b]** Bởi thế trời lại cảnh báo bằng trận gió bão vừa rồi. Cái đó không gì là lạ vậy.

Cúi mong bệ hạ, trên kính mệnh trời, trong sửa đức vua, quyền binh tất phải tự trên ban, chánh lệnh chớ để trong cung phát; quyết nghe lời can gián trung trực, ngăn lấp mọi đường tà vẹo, ban sắc lệnh cho Tổng sư phụ chánh Ứng vương, phải hăng ngày tới triều, để cùng các vị đại thần và công khanh đại phu cùng bàn chánh trị, tu chỉnh việc quân. Biết việc gì là trái, nên bỏ ngay đi, đừng bảo rằng cái đó cũng không hại gì<sup>1</sup>; biết việc gì là phải, nên làm tức khắc, đừng cho rằng điều đó rất là nhỏ mọn. Mỗi khi bàn luận tất phải sửa sai, đừng tự cho mình phải cả; mỗi khi can ngăn tất phải theo lẽ, đừng cam chịu là nịnh thần. Như vậy trên giữ đạo ngay, dưới giữ pháp luật, tự nhiên tai qua phúc lại, sẽ chuyển loạn thành trị, chuyển nguy làm yên. Nếu trên dưới vẫn cứ nhân tuần cấu thả **[100a]** tự cho việc thiên hạ là không thể làm gì được nữa; không thể cứu vãn được nữa, thì nguy vong sẽ tới ngay tức khắc.

Kinh Dịch có câu: "Kỳ vong kỳ vong, hệ vu bào tang " (Lời hào cửu ngũ quẻ "thiên địa bỉ " vừa đắc trung (vì ở chính giữa quẻ trên ) vừa đắc chính (hào dương ở ngôi dương ), cho nên bậc đại nhân quân tử, mặc dầu gặp vận bỉ vẫn được tốt lành (đại nhân cát ), duy vẫn giữ vững đức trung chính, như thể bám chặt lấy rễ cây dâu (hệ vu bào tang ), kéo thất bại đẩy (kỳ vong kỳ vong ).

"Hạ thần xin lấy câu kinh dịch này làm gương cho ngày nay ".

Mậu Hợp ngợi khen những lời trong sớ này, nhưng vẫn không thể dùng theo.

Ngày... Lại bộ Thượng thư Nghĩa sơn bá Trần Văn Tuyên, tới triều yết cáo xin về cố hương, cũng dâng tờ sớ lên Mậu Hợp để tự hạch mình và từ mệnh mới<sup>2</sup>, đại lược tờ sớ rằng:

"Trong khoảng trời với người giao cảm, đều ứng vào cùng loại với nhau, như nhân sự hay thì trời ứng điềm lành, nhân sự dở thì trời ứng điềm dữ.

Chánh sự thời nay, rất nhiều việc hại đạo trái lẽ, không thể kể xiết.

Những tờ sớ của các vị đình thần trước sau đã tâu bày, đều nói thẳng những sự sai lầm, có thể như những liều thuốc hay, rất đáng cứu xét để tu tỉnh. Bệ hạ tuy đã ban chỉ dụ khen ngợi, **[tờ 100b]** mà vẫn chưa thấy mở rộng lượng theo lời can gián, như bệ hạ dạy rằng: Lời này có thể làm theo, mà vẫn chưa thấy thi hành thực sự; như việc mổ, kinh luân rất nên chăm chú thi hành, mà vẫn không thi hành; như bản mổ lưu ở trong cung, rất nên truyền ra, mà vẫn chưa phát ra. Không biết có phải tự ý định của bệ hạ, hay là hoặc có kẻ làm ám tế thông minh của bệ hạ chăng?

Những việc như thế, rất trái với thể làm chánh trị. Cho nên thể thống triều đình, ngày càng rối loạn, những lời công luận, ngày càng bế tắc. Trong nước không có chánh trị hay, cho nên trời ứng điềm

<sup>1</sup> Câu này chính bản chép "vô nhật hồ hại " (không ngày sao hại ). Xét không hợp văn lý. Xin dịch theo nghĩa câu "vô viết hồ hại ".

<sup>2</sup> Ngày 23 tháng này, Mậu Hợp với Trần Văn Tuyên làm Lại bộ Thượng thư, và bồi hầu kinh diên. Mệnh mới tức là mệnh này.

dữ để cảnh tỉnh, như là tuệ tinh xuất hiện; núi tự nhiên lở, cùng là nhật thực nguyệt thực. Nay lại phạt bằng trận mưa bão dữ dội ngay tại Kinh sư, đó là tai dị rất lớn.

**[tờ 101a]** Thời xưa vua Cảnh Tông chỉ nói một lời thiện, mà tuệ tinh phải lui; nước Trịnh vì có chánh trị hay, mà khỏi tai họa về sau. Đó điều là điểm đã nghiệm về người thăng trời, đức khỏi tai, mà cũng đủ làm tấm gương soi tỏ cho ngày nay.

Kính mong bệ hạ, sợ oai trời, sửa đức mình, ban sắc lệnh cho phụ chánh Ứng vương phải hết sức tu tỉnh, giúp việc triều đình, để tâm vào việc giữ yên Hoàng gia, nằm gai nếm mật, lấy việc diệt quốc thù làm trách nhiệm của mình. Lại cần trách nhiệm các vị đại thần, tín dụng các người trung trực; cải cách các điều lỗi, sắp đặt hết mọi việc. Như vậy là nhân sự đã hoàn thiện, thì thiên ý tự khắc vẫn hồi, và thiên hạ quốc gia sẽ một ngày một thịnh vượng thái bình. Nếu không thì thời kỳ bại vong, chưa dễ gì lánh khỏi.

Hạ thần không xứng chức, tự hạch xin miễn chức, và tới trước cửa quyết để đợi tội, hoặc biếm hoặc truất, kính theo mệnh bệ hạ ".

**[tờ 101b]**Mậu Hợp xét xong tờ sớ này, liền ban sắc lệnh úy dụ Trần Văn Tuyên, và buộc phải nhận chức.

Ngày 16, Đông các học sĩ Đạo phái bá Nguyễn Năng Nhuận, dâng tờ sớ bày tỏ rằng:

"Hiện nay khí âm khí dương không hòa, cho nên phát sinh tai dị. Trận gió bão tháng trước, Kinh sư bị tai hại nhất, mà nơi triều điện lại càng hại hơn. Đó không phải là một tai dị tầm thường.

Ngôi điện lợp tranh dựng lên, là để hành lễ vào ngày rằm và ngày mồng một hàng tháng, nay bị trời mưa bão, làm cho trong triều ban ướt át, đó là cái triệu chứng khí âm cực thịnh đã phát hiện vậy. Vậy nên định ngay nơi Ngự sở, không nên cố chấp theo những ý kiến tầm thường, và theo những lời bàn nông cạn. Vua tôi trên dưới nên cùng nhau hết sức tu tỉnh, nghĩ phương pháp dẹp tai biến.

Hiện nay các việc bỏ bê, trăm tề phát sinh. Nói ngay như trách nhiệm bộ Lại của hạ thần, mỗi khi thăng chức cho quan lại, **[tờ 102a]** trừ những người được lệnh chỉ nhà vua truyền cho, ngoài ra chỉ toàn những người có thân tính và có thể lực, còn những kẻ hàn sĩ viễn thần, thì chỉ độ một hai phần trăm được dự mà thôi. Việc này cả thiên hạ ai ai cũng biết, không thể bùng được công luận. Chức nhiệm của hạ thần, biết là bậy đấy, mà vẫn cứ làm, đã cam chịu tội không xứng chức vụ. Xin trình bày mấy điểm rất quan hệ và chiêm vọng thiên hạ.

Thiếu bảo Phong quận công Trần Thời Thâm, là một vị Chương phủ đại thần, có bốn phận quyết đoán mệnh lệnh đã bao năm. Thế mà gần đây, những lời ông tấu đối bệ hạ, thường cứ dè dặt từ tốn hai ba lần. Như vậy không phải vị thể quốc đại thần được né lánh. Ôi! Chức phận vị đại thần, là cầm đầu các thuộc hạ, đem sự chinh trực can ngăn Vua. Nếu chính mình né lánh không chịu nhận việc, thì còn sau có thể đôn đốc các quan hạ cấp tới đức ngay thẳng ru ?

Luân quận công Giáp Trưng, là một vị văn thần trọng trách, tiên triều cũng đã trọng dụng. **[tờ 102b]** Thế mà gần đây, chỉ vì có sự trắc trở của con cái trong gia đình, mà mấy lần ông dâng sớ xin ở nhà. Như vậy là không phải là một vị đại thần lịch duyệt thế sự đáng làm. Ôi! Các vị lão thần thường chung vui chung lo với quốc gia, nước còn thì thân còn, nước nguy thì thân nguy. Đâu có thể cứ ở nhà mà không biết tới việc triều đình ru ?

Nghĩa sơn bá Trần Văn Tuyên, nguyên là chức Bộ trưởng, mới được mệnh triều vào Kinh diên. Thế mà khi nhận được mệnh lệnh, không chịu tới nhận chức, lại còn dâng sớ tự hạch.

Miền dương bá Đặng Vô Cảnh, được cất đặt lên đầu hàng đài các, đã từng tham dự phòng kinh sách. Thế mà thường từ tạ là không tài, hàng tháng không chịu đến giảng kinh sách hầu Vua.

Sự thể hiện nay như vậy. Các vị ấy đều có ngôi tước, mà không chịu làm tròn nhiệm vụ. Hay là bảo thời nay không thể làm gì được chăng ?

Hạ thần đại nghị: Việc thờ trời chỉ cần thực, chứ không dùng văn; **[tờ 103a]** việc can vua cũng cần thực không dùng văn; việc động người cũng cần thực không dùng văn. Nếu mọi việc, việc gì cũng

không có một sứ thực, mà chỉ chuộng hư văn, hạ thần sợ việc trong thiên hạ sẽ dồn cả tới số không hết thấy, mà không còn cứu vãn được nữa.

Cúi mong bệ hạ kính sợ mệnh trời, không nên yên vui, dong nạp lời can ngay thẳng, ngăn lấp mọi đường tà tất.

Về phần phụ chánh Ứng vương, nên đốc suất các vị công bảo đại thần, Đô đốc 5 Phủ, Thượng thư sáu Bộ, cùng các vị Ngự sử trọng thần, nhận lời can gián của mọi người để can gián Vua; ngay thẳng mình trước để làm gương cho kẻ khác, cùng nhau cứu giúp việc nước, cho hết chức phận bầy tôi. Như vậy nhân sự ở dưới đã hoàn hảo, sẽ vẫn hồi được tai biến tự trời ra.

Hạ thần lại nghĩ: Một đạo Thanh Hoa, thể bên địch rất mạnh, mà chúng rất giỏi về môn bộ binh. Hiện nay là thời gian tháng 7 tháng 8, quân ta vẫn im lặng, dưỡng uy sức **[tờ 103b]** để chờ thời sẽ động, cái đó cũng là phải. Nhưng hạ thần nghe tình báo cho biết; Bên địch trông cọc gỗ vào các lòng sông cửa sông, đã tập thủy chiến, lại luyện bộ binh. Đó là chúng phòng bị bên ta vậy. Không biết về phần bên ta phòng bị chúng, thì quân sĩ đã chinh tề chưa? Khí giới đã tinh nhuệ chưa? Hai đạo Tây Nam xung yếu, đã lập thêm giậu lũy để phòng thủ chưa?

Cúi mong bệ hạ trách nhiệm các Tướng Tổng soái, phải chú ý về việc binh, ban hiệu lệnh không tuyển nhiều những binh lính non yếu, các cấp quan không được dùng những người không xứng đáng. Bệ hạ lại ra lệnh cho 2 vị Đại tướng 2 Đạo Tây Nam, là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn và Thạch quận công Nguyễn Quyện, phải xét những phương pháp chiến thủ, để làm dụng cụ đánh phá, khiến cho quân địch không vượt tới được, mà bên ta đánh sẽ thắng. Lúc ấy mới đại cử hùng binh **[tờ 104a]** thẳng tiến thành lũy bên địch, xuất đạo kỳ binh tiến đánh, sẽ thu được thành công chiến thắng vạn toàn".

Mậu Hợp cho lời sớ này là phải.

Tháng 9, thự Cẩm y vệ Mạc Kính Trực thự Kim ngô vệ Đinh quận công Vũ Nhân Hậu cho là những lời trình bày về tể đoan trong tờ sớ của Lại Mẫn tâu hồi trước, có ý chỉ trích các ông, bèn cùng nhau làm tờ trạng tự biện bạch dâng lên Mậu Hợp.

Binh khoa Cấp sự trung Nguyễn Tự Cường, thấy Lại Mẫn tâu bày tể đoan về sự tuyển dụng quan lại, cũng làm tờ tâu lên Mậu Hợp để tự giải.

Lại Mẫn thấy các người nghị luận huyền đặng, nên cũng làm tờ sớ trình bày lý do tâu lên Mậu Hợp đại lược rằng:

"Hồi trước hạ thần có dâng lên bệ hạ một bản sớ "tự nguy", nói về đức nhà vua và chánh sự hiện thời, trình bày hết thấy mọi tể đoan của các nha môn trong triều cũng như ngoài quận, là có ý muốn các vị quan liêu đồng tâm hiệp lực, cùng làm việc nước, để cải cách hết sạch các tể đoan ngày trước. **[tờ 104b]** Không ngờ nghị luận đình thần quá nghiêm, phỉ báng sôi nổi! Nếu bây giờ hạ thần chỉ rõ tên các viên những lạm ở các Ty đã kê trình trước, và nói rõ viên nào ở Vệ nào, đã nhận của người nào bao nhiêu tiền, để làm bằng chứng cụ thể, sẽ lụy đến những viên đã nhận biếu, và các viên phụng mệnh tra xét, lại liên lụy cả đến người đã nói cho biết. Như vậy không phải là đạo trung hậu của người bầy tôi trong triều đình. Bởi vậy, hạ thần đành cam chịu cái lỗi nói không hết lời. Nay xin bày tỏ ý nghĩa về tờ sớ của hạ thần tâu bày tể đoan hồi trước".

Mậu Hợp trao tờ sớ này xuống các vị trong triều. Không khiển trách Lại Mẫn, cũng không cứu xét về việc của bọn Kính Trực có sự thực hay không. Ấy đại để hàm hồ không quyết đoán, đều như vậy cả.

Ngày 10, tháng 9, Mậu Hợp sai phụ chánh Ứng vương Mạc Đôn Nhượng, hợp quân các đạo vào đánh xứ Thanh Hoam **[tờ 105a]** dẫn quân vượt biển tiến tới núi Đường Nang, giao chiến với Hoàng Đình Ái, bị thua nặng, trốn về. Trận này Đôn Nhượng tổn thất rất nhiều Tướng sĩ.

Năm này, Mậu Hợp bị chứng "thanh mai", mắt mờ không trông rõ, cầu các thầy danh y thiên hạ, chữa thuốc, trong khoảng thời gian vài năm, con mắt lại được bình phục như thường.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ 5 (1582)**, ngày 29, tháng giêng, Mậu Hợp dựng một ngôi điện thường gọi là điện giảng học, nhưng kỳ thực là để làm nơi yến tiệc chơi bời. Vừa mới hoàn thành, thì tối hôm ấy bị hỏa hoạn cháy tiêu! Trần Văn Tuyên bèn dâng tờ sớ rằng:



"Kinh Thư có câu: "Duy cát hung bất tiềm tại nhân, duy thiên giáng tai tường tại đức " (Sự lành dữ xảy ra không lộn, tại người, trời giáng tai ương hay điềm lành, đều bởi đức ).

Nay bệ hạ mới ngự ngôi điện mới dựng, đáng lẽ là lúc bắt đầu ban bố chánh sự và giáo hóa, thế mà lại tới đây để thỏa vui yến tiệc, không có đề phòng, đến nỗi ngôi điện bị cháy, việc này không thể đổ cả cho trời được, đó chính là bởi nhân sự xui nên vậy. Nếu người không có sơ hở, thì tai biến đâu có xảy ra. **[tờ 105b]** Ý trời hẳn bảo đã rõ ràng như vậy, chính là lúc bệ hạ nên lo sợ cần cù. Kính mong bệ hạ kính cẩn oai trời, nghĩ tới vương đạo, đừng cho lời nói của hạ thần là viễn vọng .

Đến như sự sửa sang lại kinh thành, trừ hoạch qui cũ, dự định dựng ngôi điện, để bệ hạ tới ngự, cũng là một cơ hội trung hưng thứ nhất. Vậy nên mong bệ hạ quyết đoán; giữa mong Ứng vương tán trợ; dưới mong tất cả văn võ bá quan hòa mục, để cùng bàn tính kinh doanh, dựng lên một ngôi điện nguy nga giữa trời ".

Mậu Hợp khen lời này là thiết đáng, và phán rằng:

"Trẫm đang suy nghĩ ".

Tháng 2, Mậu Hợp thăng Giáp Trưng lên tước Sách quốc công. Giáp Trưng kháng sớ hết sức từ rằng:

"Hạ thần là một kẻ thư sinh, chưa từng có công lao đời này đời khác, thế mà lạm dự tước Quận công, cũng đã là quá vọng, **[tờ 106a]** trong lòng lúc nào cũng tự lấy làm bền lễn, hướng chi là tước Quận công to lớn, hạ thần đâu có thể kham nổi ".

Mậu Hợp cố khuyên dụ Giáp Trưng, không nghe lời thỉnh cầu từ chối.

Ngày 26, Mậu Hợp sai Hộ bộ Thượng thư, kiêm Quốc tử giám Tế Tửu, Vĩnh Kiều Bá, Hoàng Sĩ Khải, cùng với bọn Nguyễn Năng Nhuận, Nguyễn Phong và Vũ Văn Khuê, đi ra biên giới xứ Lạng Sơn để đón mệnh thiên triều, và nghinh tiếp Sứ thần là bọn Lương Phùng Thời tự Trung Hoa trở về nước.

Ngày 5 tháng 3, Trần Văn Tuyên xin từ chức Lại bộ Thượng thư, để nhường cho các vị Sứ thần vừa đi Sứ nước Trung Hoa trở về. Mậu Hợp không cho từ.

Tháng 4, Đặng Vô Cạnh viện lý do đau yếu, xin đình 2 nhiệm vụ Ngự sử và Kinh diên. Mậu Hợp cũng không cho.

Ngày 6 tháng 5, Đề điệu Quốc tử Thiếu bảo Thao quận công Trần Thời Thâm tâu rằng:

**[tờ 106b]** "Quốc gia lấy nhân tài làm trọng, mà cầu nhân tài lấy khoa mục làm vinh. Nước Việt Nam ta, tự khi dựng nước tới nay, thường yêu chuộng nhân tài, và long trọng khoa mục. Các triều đại trước đây, mỗi khi mở khoa thi xong, đem tên các vị trúng tuyển khắc vào bia đá, dựng tại Hãn cung, lại ghi chép vào Quế lục, để lưu truyền phương danh lâu dài về sau. Đó là một phép tốt của quốc gia vậy.

Đến bản triều ta, cũng theo cổ điển, phô diễn phép hay, **niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529)**, sau khoa thi tuyển, khắc tên các vị trúng tuyển vào bia đá, dựng ở cửa nhà Thái Học. Pháp hay chỉ thấy có một lần này thôi, mà cũng chưa có chép tên vào Quế lục.

Tự thời Đại chánh Quảng hòa, cho tới thời Vĩnh lịch Cảnh lịch, tuy là thời kỳ lảm việc, mà vẫn thường thường mở khoa thi tuyển nhân tài. Nhưng 2 thịnh điển kể trên, cũng đều chưa tính tới.

**[tờ 107a]** Hiện nay, chính là thời kỳ đáng nên khôi phục thịnh điển ấy, và sửa sang cho tốt đẹp thêm. Vậy xin bệ hạ, ra lệnh cho các vị triều thần bàn định, bắt đầu tự năm nay trở đi, mỗi khi mở khoa thi xong, liền sai bộ Công tạo bia đá, khắc tên các vị trúng tuyển; các vị văn thần thì soạn bài Ký ca tụng, khắc luôn vào bia đó. Lại chiếu xét những khoa thi trước, khoa nào chưa có bia thì lập bia, hoặc còn thiếu sót thì điền bổ cho đầy đủ. Lại sai các vị văn thần biên chép tất cả tên trúng tuyển các vị trúng tuyển vào quế tịch. Như vậy không những mỹ quan một thời, mà còn để đời sau xem xét, những tên các vị khoa mục, sẽ lưu thơm tới ức nghìn vạn năm! Không phải chỉ là thịnh sự của các vị tấn thân, mà thực là một sự hiển vinh của quốc gia vậy. Văn hóa thịnh vượng; thể đạo thịnh vượng; thiên hạ thịnh vượng. Hạ thần rất hân hạnh được đích thân trông thấy ".

Mậu Hợp cho là hiện lúc này trong nước đang thời kỳ lảm việc, nên chưa thi hành.

Triều nhà Minh đưa tờ công văn tới, nói về ranh giới nước ta và Trung Hoa tại địa phận xứ Lạng Sơn. **[tờ 107b]** Mậu hợp sai Đô ngự sử Đặng Vô Cảnh tới đó hội khám định đoạt.

Ngày 26, Mậu Hợp sai sứ tới nhà Giáp Trưng, triệu Giáp Trưng đi phúc định lại ranh giới. Giáp Trưng trước đây đã hết sức xin từ chức để về hưu, mà chưa được y cho. Nay lại dâng sớ xưng bệnh, cố từ không đi.

Tháng 6, Tướng của Mậu Hợp là Phù nghĩa hầu Nguyễn Đình Luân qui thuận triều ta, vua Thế Tông phong cho Tướng này tước Trù quận công.

Ngày 18, Đặng Vô Cảnh dâng sớ viện lý do tật bệnh, xin từ chức. Mậu Hợp khuyên dụ không cho từ.

Tháng 8, Giáp Trưng lại dâng sớ bày tỏ gia sự, xin vẫn giữ chức hàm như cũ, nhưng được ở nhà, khi nào có nghị luận về chánh sự trọng đại, sẽ phụng chỉ dụ tới triều đình, ngoài ra xin được tự do lúc tới lúc lui. Mậu Hợp không nghe, vời tới Kinh sư làm việc tại dinh thự.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ 6 (1583)**, mùa xuân, ngự triều Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, **[tờ 108a]** lấy bọn Nguyễn Tuấn Ngạn cộng 18 người trúng tuyển.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Tướng dẫn quân xâm lược các Huyện ven sông thuộc xứ Thanh Hoa. Phủ Tiết chế điều binh đánh phá ở nơi cửa biển, quân Mậu Hợp thua chạy. Tự đây Mậu Hợp mới dẹp ý Tây xâm, nhân dân các xứ Thanh Hoa, Nghệ An được thành thời yên ổn.

Tháng 10, Phủ Tiết chế xuất quân ra xứ Sơn Nam đánh vào các Huyện An mô và An khang, thu thóc lúa nơi đây, rồi kéo quân về.

Tướng Đông đạo của Mậu Hợp là Kỳ quận công Nguyễn Nhật Kính qui thuận triều ta, được Hoàng đế ban cho tước Đông quận công.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ 7 (1584)**, tháng giêng, Phủ Tiết chế lại xuất quân đánh vào Phủ Trường An, và các xứ Thiên Quan, Thuận Hóa rồi dẫn quân về.

Ngày 4, tháng 9 Trịnh Cối chết.

Trịnh Cối tự khi ra hàng họ Mạc, bắt đầu được trao tước Trung lương hầu, sau tiến lên chức Trung quận công, đến đây chết. Mậu Hợp sai người tới phúng tế, **[tờ 108b]** và sai quân hộ tống linh cữu, cho thân mẫu là Thái vương phu nhân và vợ con được đưa linh cữu về xứ Thanh Hoa an táng. Đó là muốn tỏ thiện ý để thông hảo. Về phần phủ Tiết chế, cũng dâng biểu lên xin Hoàng đế tha tội cho ông, và truy tặng tước Thái phó Trung quận công, rồi sai người tới núi Nga Sơn tiếp đón linh cữu, đưa về an táng tại núi Quân An.

Mậu Hợp thăng tước An quốc công cho Trung quan Hào quận công, thăng tước Thường quốc công cho Thạch quận công Nguyễn Quyện, thăng tước Hoảng quận công, và chức Tây quân Tả đô đốc cho Miện quận công Nguyễn thông.

Tháng 10, Tướng Nam đại của Mậu Hợp là Nam dương hầu Trần Mỗ qui thuận triều ta, Hoàng đế phong cho tước Bàn quận công.

Mậu Hợp sai bày tội là bọn Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vĩnh Thác, Đặng Hiến, Nguyễn Năng Nhuận, Vũ Sư Thước, Nguyễn Phong sang triều Minh cống hiến thường lệ hàng năm.

**[tờ 109a]** **Niên hiệu Quang Hưng thứ 8 (1585)**, tháng giêng, phủ Tiết chế xuất quân ra Thiên quan, đánh phá các Huyện Mỹ Lương, Thạch thất, và An Sơn, dẫn quân tới núi Sài Sơn rồi trở về, để viên Tỳ tướng là Chiêu quận công lưu lại, đóng quân ở chợ Hoàng xa. Quân Mậu Hợp đuổi kịp, bắt Chiêu quận công và một con voi.

Tháng 3, ngự triều Mậu Hợp dùng Vũ Đàng làm chức Tả thị lang bộ hình. Vũ Đàng từ không nhận.

Tự tháng 2 tới tháng 6, không có trận mưa nào, làm cho lúa đồng héo khô, nhân dân đói kém. Viên Đền hình Nguyễn Thọ Xuân, bèn dâng tờ sớ trình bày các việc hại tới nhân dân, và xin thi hành chánh trị thương dân.

Lại Mẫu cũng dâng sớ cực lực trình bày về hình ngục oan lạm, và sưu thuế nặng nề. Xin cải cách các tệ đoan cũ, và săn sóc tới sự đau khổ của dân.

Mậu Hợp đều khen những lời này là thiết đáng. Nhưng chánh sự hết thấy vẫn như cũ.

Lúc này, Mậu Hợp muốn vào ở tại kinh thành, **[tờ 109b]** bèn bàn việc tu sửa Kinh thành, kiến trúc công tác vĩ đại. Nung gạch ngói, sai hạt An Bang và hạt Ninh sóc vận tải tre gỗ về. Bắt đầu khởi công từ năm Quang Hưng thứ 7, đến đây mới hoàn thành.

Ngày 19, tháng 6, Tả đô đốc Đông quân là Đàm quận công Nguyễn Nghi Lộc xin về hưu trí, Mậu Hợp cố khuyên lưu lại.

Ngày 28, Mậu Hợp chỉnh đốn xe ngựa vào Đông Kinh, tiếm ngự nơi chánh điện, mở ban triều các ban văn võ, đổi năm sau làm **niên hiệu Thụy Thái thứ nhất**. Thăng Giáp Trưng, Mạc Ngọc Liễn, và Nguyễn Quyện lên chức Thái Bảo; thăng Nguyễn Thông lên chức Tả đô đốc Nam quân. Ngọc Liễn xin từ, không nhận chức.

Tả thị lang bộ Lại Tây Khê bá Vũ Tĩnh, và Thượng thư bộ Lễ Đạm châu hầu Nguyễn Triệt, đều dâng sớ xin từ chức. **[tờ 110a]** Mậu Hợp cho Vũ Tĩnh từ, không cho Nguyễn Triệt từ..

Tháng 12, Phủ Tiết chế xuất quân ra xứ Sơn Nam, đánh các huyện Gia Viễn và Phụng Hóa, rồi dẫn quân về.

**Niên hiệu Quang Hưng thứ 9 (1586)**, Mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bốn Nguyễn Giáo Phương cộng 27 người trúng tuyển.

Mùa thu, ngày 27 tháng 7, Thái bảo Thao quốc công Trần Thời Thâm viện lý do đã 70 tuổi, xin về hưu trí. Mậu Hợp khuyên dụ lưu lại.

Ứng vương Mạc Đôn Nhượng dâng sớ lên Mậu Hợp nói rằng:

"Hạ thần vâng mệnh phụ chánh đã lâu ngày, mà không có công hiệu gì. Vậy xin giải nhiệm chánh trị trong triều. Về chức phiến thần, giữ nguyên một việc binh, dốc toàn lực vào quân sự, để báo ơn nước".

Mậu Hợp úy dụ Ứng Vương, không theo lời thỉnh cầu.

Đôn Nhượng lại dâng tờ sớ rằng:

"Cầu công giúp đỡ của bầy tôi, đó là lòng mong trị bình tha thiết của đấng vương giả; giúp việc không thành công thì nghĩ, đó là lòng thờ vua chí thành của kẻ bầy tôi.

**[tờ 110b]** Hạ thần miễn cưỡng theo việc, tới nay cũng đã lâu năm. Thế mà chưa chấn chỉnh được kỷ cương trong nước, chưa dẹp hết được giặc thù bên ngoài. Đó là bởi tài của hạ thần không đủ làm chánh trở nên hay; vũ của hạ thần không đủ ra oai cho địch sợ. Nếu sức không đủ mà cứ miễn cưỡng làm mãi, sợ sẽ đắc tội thêm với thiên hạ nhiều lần.

Vậy kính xin bệ hạ, tha thứ điểm bất lực bất tài của hạ thần, cho hạ thần được giải nhiệm chánh trị, về chức phiến thần, ngỏ hầu khỏi tội lệt.

Mong bệ hạ giữ vững quyền trên, trị an trong cung, còn như về chánh sự thì giao phó cho các vị đại thần trong triều, cần cải cách gấp các tệ chánh, việc quân sự thì giao phó cho các vị Tướng soái, cùng hiệp lực về sự dẹp giặc làm cần. Hạ thần tuy không có tài năng, cũng xin tới chỗ hành doanh, đốc chiến cùng với các Tướng tiến quân đánh quân địch, để khôi phục lãnh thổ có hạn, **[tờ 111a]** giữ vững cơ nghiệp vô cùng".

Mậu Hợp đáp rằng:

"Xem tờ biển này, lời rất khẩn thiết! tiểu tử đem lòng kính phục.

Hiện nay, kỷ cương nhà nước chưa phấn chấn, cơ nghiệp tổ tông chưa vững bền, mà tiểu tử thì chưa có nhiều từng trải, chính là lúc cần nhờ đến sức cần lao của thúc phụ, sớm hôm cứu giúp, trong thì sửa sang kỷ cương nhà nước, ngoài thì đánh dẹp giặc thù, để sáng tỏ trị công đấng Tiên vương; khôi phục cảnh thổ tiên triều.

Thúc phụ đối với tiểu tử, nghĩa tuy là vua tôi, nhưng ân như cha con. Việc quốc gia trọng đại, rất cần ỷ lại vào thúc phụ, kính mong thúc phụ cố gắng giữ trách nhiệm, cho thỏa lòng chí thành của tiểu tử".

Đôn Nhượng lại tổng quát triều chánh.

Thái bảo Giáp Trưng dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Thời xưa nước An Nam ta, họ Triệu dựng nước **[tờ 111b]** triều Hán phong cho tước Vương, sau đó đến họ Đinh, họ Lê, họ Lý, họ Trần dựng nước, thì các triều Tống, triều Nguyên và triều Minh bên Tàu, cũng đều phong tước Vương cho cả.

Đến bản triều ta, cách mệnh thành công, thì nước Minh lại đặt nước ta là Ty đô thống sứ, mà phong cho vua ta chức Chuởng ty với quan hàm nhị phẩm.

Tự đấy tới đây, đã 44 năm qua, vẫn giữ hiệu ấy, nhân tuần việc cũ, xưng hô quá hèn, mà vẫn chưa xin phong phục quốc hiệu. Mỗi khi đến dưới cửa quân nước Minh, hoặc nha môn Ty Bỏ chánh Án sát và Thủ tuần nước MInh có văn thư tới nước ta, đều phê chữ "chuẩn thư". Như vậy là nhục quốc thể không gì bằng.

Kính mong bệ hạ, ra lệnh các triều thần hợp bàn, quan Đông các thì soạn tờ quốc thư xin phong, và tờ công văn xin phong của các kỳ lão quan thuộc trong nước, đệ sửa sang cửa quân lưỡng Quảng, **[tờ 112a]** chiếu xét rồi chuyển dâng lên vua Minh. Còn phẩm vật nghi lễ về cầu phong, thì tra xét đúng lệ, và chỉnh bị một vài Sứ thần, chờ khi có mệnh thiên triều, lập tức tiến hành.

Quốc thể sẽ long trọng; nhân dân và nhà nước sẽ vinh quang, đều là tự việc này vậy".

Mậu Hợp cho lời này là phải. Nhưng vì lúc này đang bối rối về quân sự, mà tài nguyên cũng còn thiếu kém, cho nên chưa thi hành.

Ngày 2, tháng 8, Giáp Trưng dâng tờ sớ rằng:

"Cổ nhân lấy câu: "tri túc bất nhục" (Biết đủ sẽ không nhục) làm răn; tiên hiền thường tự xử theo câu: "Niên chí tiện qui" (Đến tuổi già thì về hưu).

Nay hạ thần đã 70 tuổi, đáng nên về hưu, một niềm mong muốn, không nói gì khác, kính mong bệ hạ, xét lòng chí thành của hạ thần, cho hạ thần trí sĩ, để toàn tiết muện, và giữ hơi tàn của hạ thần. Đó là hạ thần rất mong vậy.

Hiện nay, các quan trong triều đình, thấy đều là các bậc hiền tài, thi thổ việc nước, đã có thành toán. **[tờ 112b]** Nhưng hạ thần lo ngại về điều; Đang lúc thịnh trị cũng nên nghĩ tới sự nguy vong. Đó là lòng chí thành của bầy tôi già này cần bày tỏ.

Kính mong bệ hạ, tính việc trị an, cung kính phép trước, chuyên về chính học, thân cận người ngay, thực ý ngay lòng, phòng sai ngăn dục, không gần sắc đẹp hát hay, không gây lợi về tiền của, không ham rượu, không mê nhạc, ngăn kẻ nịnh nọt, răn sự dong chơi. Khiến cho chánh trị giáo hóa trở nên hay, nhân dân nhà nước đều yên vui, để tiến tới một nền thịnh trị.

Hạ thần lại nghĩ. Việc dụng binh là một việc rất cần thiết hiện nay. Kính mong bệ hạ, sùng thượng kiệm ước, giảm sự tiêu bừa, tích của để dùng vào việc binh. Ủy cho phụ chánh Ứng vương phải nghiêm hiệu lệnh, đặt Tướng Tá trong các doanh, phải chọn bậc anh dũng; quân sĩ phải tuyển hạng tinh nhuệ; sắm thuyền bè, duyệt thủy quân, luyện voi ngựa, khí giới, súng ống, và cung nỏ, **[tờ 113a]** để làm kế sách đánh quân địch.

Về phương Tây Nam, những chỗ xung yếu giáp giới bên địch, thì nên đắp lũy cao, đào hào sâu, đặt bẫy nỏ, nghiêm phòng bị, và đặt thêm đồn trại, chia quân giữ nơi yếu hại.

Thành Đại La tự cửa Nam Ông Mạc đến Nhật Chiêu, những lũy đất nên đắp cao thêm, và khai sâu thêm những con hào ở đây.

Thành Thượng hoàng, tự cửa Nam đến cửa Bắc, nên tu sửa những bức tường "bể nghệ" trên mặt Thành cho thật cao, để bảo hiểm trong Thành.

Một khi chiến cụ đã đầy đủ, phòng vệ trong ngoài đã chu đáo, thì giữ sẽ vững, đánh sẽ thắng. Giặc ngoài đã dẹp, trong nước tự yên. Hạ thần tuy hưu dưỡng tại nơi điền viên, cũng được dự hưởng phúc thái bình".

Mậu Hợp đáp rằng:

"Ông lá bầy tôi kỳ cựu, đã từng khó nhọc, [tờ 113b] đối với lễ, đáng nên về hưu. Nhưng hiện nay đang cần hiền tài giúp việc nước, ông là bậc lão thành am luyện, đối với nghĩa chưa nên đi vội. Vậy phiền ông hãy ngồi lại làm việc tại dinh, giữ công luận, tán thành chánh trị, chính lại quốc phong. Đến lúc ấy sẽ về hưu cũng không muộn".

Ngày 9 tháng 9, Giáp Trưng lại dâng biểu xin về hưu trí. Mậu Hợp vẫn cố lưu, không cho hưu.

Viên Trung quân Tả đô đốc, chương phủ sự, tham dự triều chánh là Thái bảo Thao quận công Trần Thời Thâm lại xin trí sĩ. Mậu Hợp ưng cho.

Tháng 11, Giáp Trưng lại dâng sớ xin trí sĩ, lời lẽ rất là khẩn thiết. Mậu Hợp bất đắc dĩ nghe theo. Khi Giáp Trưng đã về quê nhà làng Kế hương, Mậu Hợp tưởng nhớ, lại triệu về kinh sư, nhưng Giáp Trưng tạm đến liền xin về ngay, rồi qua đời.

[tờ 114a] Lại bộ Thượng thư Nghĩa sơn hầu Trần Văn Tuyên xin tu sửa trường Quốc học, 2 giải vũ ở điện Đại Thành, và nghi môn, tiền nghi môn ở các giảng đường. Định lễ nhạc để tỏ sự tôn thầy trọng đạo, và rộng nền văn hóa thành nhân. Mậu Hợp không dùng.

Ngày 11, tháng 11, Mậu Hợp gia thêm chức Trung quân Tả đô đốc Chương phủ sự, hàm Thái bảo cho Thiếu bảo Đà quốc công Mạc Ngọc Liễn.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 10 (1587), tháng giêng, Mậu Hợp sai tu sửa ngoại thành Thăng Long, và chỉnh trang các đường phố.

Tháng 2, Mậu Hợp sai xứ Tây và xứ Nam đắp bức lũy bằng đất, trồng cây gai lên trên, tự sông Hát giang xuống tới sông Hoa đình thuộc xứ Sơn Minh, dài chừng vài trăm dặm, để phòng ngoại binh.

Tháng 9, ngày mồng một thuộc ngày Đinh Hợi có nhật thực.

[tờ 114b] Tháng 10, phủ Tiết chế xuất quân đánh phá các Phủ: Trường An, và Thiên Quan. Khi đi đến chợ Đẽ, sai quân tạo cầu nổi qua sông, đánh phá tan doanh của Tướng bên địch là Tân quận công.

Tháng 11, phủ Tiết chế xuất quân ra biên giới Tây Nam, khi đi đến hạt Mỹ lương, thì Mậu Hợp sai Mạc Ngọc Liễn dẫn quân ra hạt Ninh Sơn, để đánh vào cánh quân bên Tả của ta; Nguyễn Quyện dẫn quân ra hạt Chương đức, rồi qua sông Do lễ, để đánh vào cánh quân bên Hữu của ta.

Khi Nguyễn Quyện dẫn quân đến sông Xú Giang, chia một đạo binh mai phục ở dưới con đường nhỏ nơi chân núi, định để đánh chặn đạo quân vận tải lương thảo của ta. Quan Tiết chế biết được, dự phòng bị trước, bèn sai Hà Thọ Lộc và Ngô Cảnh Hựu, dẫn quân bảo vệ đạo quân lương; sai Hoàng Đình Ái dẫn quân về xứ Thanh hoa; sai bọn Nguyễn Hữu Liêu xuất quân cầm cự với Mạc Ngọc Liễn, để chia thể quân địch. Quan Tiết chế thì đích thân đốc xuất đạo binh, giao chiến với Nguyễn Quyện. Quan quân bên ta hăng hái xung đột, quân Nguyễn Quyện không đương nổi [tờ 115a] tan vỡ chạy trốn, đạo quân mai phục của chúng cũng phải bỏ chạy, thầy đều tranh nhau qua sông, bị chết đuối vô kể! Quan quân chém được mấy trăm đầu quân địch, rồi đánh đuổi theo đến nửa ngày mới dừng quân.

Tự đấy, Nguyễn Quyện rất sợ binh uy phủ Tiết chế, mỗi khi gặp trận, thường né lánh không dám xung phong.

Mạc Ngọc Liễn được tin Nguyễn Quyên bại trận, cũng dẫn quân trốn xa. Quan Tiết chế bèn tiến quân đóng doanh tại núi Hoàng Sơn, đánh phá các hạt; An Sơn và Thạch Thất, bắt sống rất nhiều quân địch. Đến tháng 12 mới dẫn quân về.

Năm này, Mậu Hợp đổi niên hiệu Minh Đức làm niên hiệu Hưng Trị thứ nhất.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 11 (1588), tháng 2, Mậu Hợp thấy quân bên ta ngày càng cường thịnh, mới nghĩ tới kế sách chiến thủ của Giáp Trưng tâu bày hồi trước, bèn sai dân quân các Huyện trong 4 Trấn, đắp thêm 3 bức lũy đất ở bên ngoài thành Đại La, tự Nhật Chiêu qua Tây Hồ, và Cầu Gia Cầu Giễn, đến thành Thanh Trì **[tờ 115b]** bề cao hơn thành Thăng Long cũ là 2 trượng, bề rộng 25 trượng, lại đào 3 lần hào, trồng chông gai, dài chừng vài chục dặm, bao la bên ngoài thành, rất là hiểm cố.

Tháng 5, phủ Tiết chế xuất quân đánh các Huyện: An Mô và An Khang, lược định nhân dân các nơi đây, rồi dẫn quân về.

Tháng 11, phủ Tiết chế lại xuất quân ra lối Phố Cát đánh các Huyện: Trường An và Thiên Quan, thu được rất nhiều tài vật, rồi dẫn quân qua sông Chánh Đại, đóng doanh trại ở Dương vũ. Đóng tại đây một tuần, giả bộ kéo quân về, nhưng mai phục đạo kỳ binh và voi ngựa ở đằng sau doanh, phóng lửa đốt nhà cửa ở đây để dụ quân địch.

Tướng của Mậu Hợp là bọn Tân quận công và Quỳnh quận công thấy vậy, tưởng là Tiết chế kéo quân về thật, liền tranh nhau đuổi đánh, gặp ổ phục binh nổi dậy, đánh cho thua trận tươi bời! Chém giết hàng mấy trăm tên, bọn Tân quận công chỉ chạy thoát thân lấy mình, không còn tưởng đến binh sĩ. Vương sư bèn trở về.

**[tờ 116a]** Niên hiệu Hưng thứ 12 (1589), ngày 16, tháng 7 có nguyệt thực.

Tháng 10, phủ Tiết chế lại xuất quân đánh Huyện An Khang. Mậu Hợp định cử đại binh để đánh một trận quyết liệt, bèn sai Ứng vương Đôn Nhượng, thống lĩnh quân 4 Vệ, và binh mã 4 Trấn đều tiến. Khi chúng tiến tới giới phận Huyện An Mô, thì phủ tiết chế bàn với các Tướng rằng:

"Hãy lui binh để dụ địch, mà ngầm đặt phục binh để đánh tập hậu".

Bèn sai Nguyễn Hữu Liêu phục đạo quân tinh nhuệ vào trong chân núi trước, rồi sai Ngô Cảnh Hựu lĩnh binh hộ vệ đạo quân vận lương lui vào núi Tam Điệp, quan Tiết chế thì đích thân thống dẫn đại binh từ từ kéo lui.

Đôn Nhượng sai quân lên trên núi xem xét, được báo tình hình như trên, bèn cười mà rằng:

"Chúng thấy quân ta tiến tới, tự biết là ít quân không thể địch nổi với nhiều quân, cho nên phải lui binh trước, mà tất là lưu Hoàng Đình Ái làm đội quân đoạn hậu.

**[tờ 116b]** "Hỡi các Tướng sĩ ta! Có kẻ nào vượt mình cố sức đuổi kịp quân địch, bắt được một Tướng Tá, hoặc một con voi, ta sẽ phong cho chức Thượng tướng, rồi khi trở về nước, sẽ tâu xin Hoàng thượng thăng trật và hậu thưởng".

Các Tướng Tá được lệnh trên, đều vui vẻ hớn hở tranh nhau đuổi đánh. Khi chúng đã lọt vào vùng hiểm địa, phục binh đều trỗi dậy, cả đại quân cũng thúc trống quay cờ trở lại, 4 mặt đều hăng say đánh ập cả vào, phá tan quân địch, chém đầu hơn nghìn tên, bắt sống hơn 600 người. Đôn Nhượng thu thập tàn quân, chạy về Đông kinh, quan quân cũng trở về Thanh Hoa.

Tháng này, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân, lấy bọn Phạm Y Toàn cộng 17 người trúng tuyển.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 13 (1590)<sup>1</sup>, vợ của ngự triều Đường an vương Mạc Kính Chỉ, tư thông với viên Tướng dưới trướng là Hoảng quận công, rồi ẩn trốn tại nhà Quận công, việc vỡ lở, đều bị giết chết.

Mồng một tháng 7 có nhật thực, và sao Thái bạch phạm vào mặt trăng.

**[tờ 117a]** Niên hiệu Quang Hưng thứ 14 (1591), mùa xuân, Mậu Hợp đổi năm này làm niên hiệu Hồng Ninh thứ nhất.

Tháng 3 có tuế tinh hiện ở phương Đông.

Ngày 13, tháng 3 nhuận, có cầu vòng đỏ bắc ngang trời; mặt trời quầng, có 2 vòng khí trắng vòng quanh bên ngoài vàng quầng.

Ngày 15, tháng 5 là ngày Bính Tuất, có nguyệt thực, mặt trăng bị đen gần hết.

Lúc này, chính trị của triều đình Mậu Hợp nát nát, binh lực thì suy yếu, lại tai dị luôn luôn, nhân tâm đều lấy làm nguy ngập.

Tháng 12, quan Tiết chế Trường quốc công cử đại binh đánh Mậu Hợp, điều động 60.000 quân. Nguyễn Hữu Liêu điều khiển đội quân thứ nhất, Hoàng Đình Ái điều khiển đội quân thứ nhì, Trịnh Đổ điều khiển đội quân thứ ba, Hà Thọ Lộc điều khiển đội quân thứ tư, phát xuất từ Tây Đô ra miền Quảng Bình, đi qua Thiên Quan, đến giới phận Tây núi Mã Yên, **[tờ 117b]** dừng quân đóng doanh trại tại đây, rồi tiến quân qua núi Mang Mộng thuộc hạt Thanh Châu lược định các Huyện: An Sơn, Thạch thất, Phúc Lộc và Tân Phong. Lại đóng quân tại đất Tốt lâm.

Mậu Hợp được tin quân nhà vua ta tiến đánh bức bách đến nơi, cũng muốn đại cử binh mã đánh một trận quyết liệt, để định được thua. Bèn đốc thúc điều động binh mã trong 4 Trấn 4 Vệ và 5 Phủ, cộng 10 vạn quân. Ra lệnh ngày 16 tháng này, tất cả binh sĩ kể trên, phải tề tựu tại Hiệp thượng, Hiệp hạ, để tiến đánh. Sai Mạc Ngọc Liễn đốc binh mã Tướng sĩ Tây đạo; Nguyễn Quyện đốc binh mã Tướng sĩ Nam đạo; Ngạn quận công và Thủy quận công lĩnh binh mã Tướng sĩ Đông đạo; Phú quận công và Xuyên quận công lĩnh binh mã Tướng sĩ Bắc đạo; Khuông quận công và Tân quận công lĩnh binh mã Tướng sĩ 4 Vệ. Mậu Hợp đích thân đốc binh mã Chánh doanh; **[tờ 118a]** các vị tôn vương và các tướng Túc vệ Đông đạo đốc quân hậu đội. Chia đường cùng tiến.

Ngày 27, quân Mậu Hợp đi đến Phấn thượng, dàn thành mặt trận, đối diện với mặt trận quan quân bên ta. Mậu Hợp sai Khuông quận công<sup>2</sup> và Tân quận công đốc binh 4 Vệ, làm đội quân tiên phong; Mạc Ngọc Liễn làm đội quân Hữu dục; Nguyễn Quyện làm đội quân Tả dục; binh mã 2 đạo Đông và Bắc kế tiếp theo sau, tất cả 4 Đội đều tiến. Mậu Hợp thì đích thân đốc chiến.

Phủ Tiết chế được tin trên, lập tức chia công; Sai các viên danh tướng hữu khu là bọn Nguyễn Hữu Liêu, đều dẫn quân bản bộ tiến lên trước để khiêu chiến; lại tuyển 400 tên lính kỵ mã vượt lên để trợ chiến. Ra lệnh: Các doanh các Cơ đều phải y theo Tiết chế mà chiến đấu. Các binh sĩ đều hăng hái xông đánh, chém đầu Khuông quận công và Tân quận công ngay trước mặt trận **[tờ 118b]** Tỳ Tướng là Hoàng Nghĩa Cước cũng chết tại mặt trận. Mậu Hợp thấy thế không địch nổi, bèn ra lệnh ngừng chiến, án binh bất động.

Đến lúc mặt trời đứng bóng, vào khoảng giữa trưa, phủ Tiết chế nhân thấy quân địch có vẻ uest oài, bèn đích thân đốc thúc ba quân thừa thế tiến đánh. Phát ba tiếng pháo lệnh, các Tướng sĩ đều xung đột vào trận địch, khiến cho quân Mậu Hợp hoảng sợ chạy lùi, cánh quân bên tả không kịp chiếu cố tới cánh quân bên hữu; đạo quân sau không kịp chiếu cố tới đạo quân trước, cờ trận sai lạc; hàng ngũ rối loạn, xô nhau mà chạy. Quân bên ta thừa thắng đuổi dài, đuổi đến đất Giang Cao, chém đầu hơn vạn

<sup>1</sup> Xét thứ tự, thì năm này là niên hiệu Quang Hưng thứ 13, vì trên năm này có chép niên hiệu Quang Hưng thứ 12, và dưới năm này có chép năm thứ 14. Thế mà chính bản chỉ chép hai chữ "tam niên" (năm thứ 3). Có lẽ chép sót một chữ "+ thập" (mười) chăng? Xin dịch theo nghĩa chữ "+ thập tam niên".

<sup>2</sup> Câu này chính bản chép "Khuông định công". Có lẽ chép lộn chữ "quận" ra chữ "định" chăng? Xét trang trên chép "khuông quận công".

quân địch, máu chảy khắp nội, thây chất thành non! Bắt được lừa ngựa và khí giới không kể xiết. Mậu Hợp chỉ một mình một ngựa chạy xuống thuyền, rồi chạy về Kinh ấp. Bọn tàn quân tranh nhau lên thuyền, người trong thuyền sợ quá đông người sẽ đắm thuyền, **[tờ 119a]** nên dùng gươm chém bừa vào cánh tay, làm cho bọn tàn quân rơi xuống nước mà chết đến quá nửa, ngoài ra đều tự chạy trốn thoát thân. Riêng có đạo quân của Nguyễn Quyện đã xa lánh, cho nên được toàn vẹn không mất tên nào.

Ngày này, phủ Tiết chế tiến quân đóng tại Hiến Sơn.

Ngày 30, phủ Tiết chế tiến quân đóng tại hoàng xá, rồi qua đò Sông cầu, phá hủy bức lũy bên giặc.

Đến đêm hôm ấy, phủ Tiết chế sai Nguyễn Hữu Liêu, dẫn 5.000 quân tinh nhuệ, và quân voi ngựa đánh thẳng vào đại phường cầu Giác cao phía Tây Bắc Kinh thành. Bắn 7 phát súng lửa, đốt cháy nhà cửa nơi đây, khói lửa bốc mù trời, trong thành hỗn loạn. Mậu Hợp sợ hãi, bỏ thành chạy trốn, qua đò sông Bồ Đề. Nhân dân trong thành, già trẻ gái trai, tranh nhau xuống thuyền để qua sông, bị chết đuối chừng hơn nghìn người. Đến khi trời đã sáng rõ, tức là sáng ngày hôm sau, Hữu Liêu lại dẫn quân về nơi hành doanh.

**[tờ 119b]** Năm Nhâm Thìn, **niên hiệu Quang Hưng thứ 15 (1592)**, mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 3 thuộc ngày Giáp tý, phủ Tiết chế tiến quân đóng tại Ninh Giang, ngày mồng 5, tiến tới chùa Thiên Xuân. Khi quân ta sắp tiến tới cầu Nhân mục, thì Mậu Hợp đã quá sợ! Bỏ kinh đô trốn về quán Thổ khối ở, lưu các đại Tướng ở lại giữ Kinh thành; Mạc Ngọc Liễn lĩnh quân bản bộ giữ tự cửa Bảo khánh trở về phía Tây cho tới cửa Nhật chiêu; Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên lĩnh quân 4 Vệ, giữ tự Cầu gia đến cầu mộng thẳng tới cầu Giễn. Chia quân đóng từng doanh, đóng cửa thành chống giữ; Nguyễn Quyện lĩnh quân giữ tự Mạc xá trở về phía Đông, và làm quân cứu viện cho các đạo binh khi nguy cấp. Binh sĩ 2 đạo Đông và Bắc đều thuộc quyền Nguyễn Quyện. Mậu Hợp thì giữ thủy quân ở sông Nhị hà, dàn hàng trăm chiến thuyền, để làm thanh thế cứu viện.

**[tờ 120a]** Khi Nguyễn Quyện đến doanh liền đặt phục binh ở bên ngoài cửa Cầu Giễn, để nhử quân ta, lại dàn hàng trăm cỗ súng lớn, để phòng quân bên ta.

Ngày mồng 6, phủ Tiết chế tiến quân tới sông Tô Lịch, rồi tới cầu Nhân mục, đóng quân tại Xạ đài, bày trận chia công, ra lệnh: Hạn trong một ngày hôm nay, phải đánh phá thành thẳng long cho bằng được! Sai Nguyễn Hữu Liêu đánh vào Cầu gia, thẳng tiến cửa Tây; Hoàng Đình Ái đánh vào Cầu Giễn thẳng tiến cửa Nam; Trịnh Đồ đánh vào cầu Mộng thẳng tiến cửa Mộc Kiều. Quan Tiết chế thì đích thân đốc đại quân kế tiếp đằng sau, đóng đồn tại làng Hồng Mai.

Các Tướng tiến đánh, tự giờ Tỵ (khoảng 11 giờ ) cho tới giờ Vị (khoảng 15 giờ chiều ), chưa phân được thua, quan Tiết chế bèn đích thân cầm cờ lệnh, phất cờ chỉ huy. Tự đây khí dũng cảm của Tướng sĩ trời lên gấp trăm lần, hăng say xung đột, tranh nhau vượt lên trước làn tên đạn, xuyên qua bức lũy, nhảy lên mặt thành, liền phá cửa lũy **[tờ 120b]** Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên, không đủ sức chống cự, quân sĩ tan vỡ bỏ chạy tán loạn, Ngọc Liễn cũng bỏ lũy chạy trốn. Quan quân thừa thắng đuổi dài, phóng lửa đốt các cung điện và nhà của dân gian, khói lửa mù trời. Quân phòng thủ 4 mặt đều tan vỡ. Quan Tiết chế dẫn binh tự Cầu Giễn tiến thẳng vào, phục binh của Nguyễn Quyện đã đặt trước không kịp trở dậy, đều bị loạn quân giết chết, Nguyễn Quyện kể cùng sức kiệt, trong ngoài đều vướng quan quân; cửa lũy bị lập; con trai y là Bảo Trung và Nghĩa Trạch cùng lính thủ hạ cũng đều tử trận. Quyện bèn chạy trở về bản doanh, liền bị quan quân bắt được, đem nộp vào cửa doanh. Trong kinh thành xác chất chồng lên nhau, Tướng Tá chết chừng vài chục viên, sĩ tốt chết đến hơn nghìn người, **[tờ 121a]** khí giới bỏ ngổn ngang cao như quả núi, lâu đài cung điện nhà cửa sạch không!

Mậu Hợp sợ hãi, bèn thu thập tàn quân, chiếm cứ dải sông dài để tự bảo vệ.

Quan Tiết chế dẫn quân tới bên sông, toan qua sông tiến đánh. Nhưng lại bảo các Tướng rằng:

"Căn bản của Mậu Hợp ở phương Đông Bắc. Nay tuy bại trận ở đây, nhưng viện binh tại các nơi hãy còn nhiều. Quân ta thì thuyền bè chưa đủ, âu là hãy để chuyển sau, Cổ nhân có câu rằng: "Thắng địch chi dư, nhuệ khí bách bội, bại quân chi khí, một thế bất chấn " (sau khi thắng trận, thì nhuệ khí tăng



gặp trăm lần, một khi bại trận, thì khí thế quân sĩ suốt đời không thể trở lại. Nay ta hãy kéo quân về, để sĩ tốt được nghỉ ngơi, chờ thời cơ, sẽ tự Trường An xuất quân, cả thủy quân lẫn bộ binh, đều tiến như cuốn chiếu, lúc ấy mạn sông đại hà trở về Bắc, sẽ không còn thành trì nào kiên cố nữa".

Quan Tiết chế bàn đóng quân lại tại chánh doanh, sai sang phẳng các bức lũy bằng đất chung quanh thành Đại La, và lấp các hào rãnh, san thành bình địa.

Tháng 3, phủ Tiết chế hạ lệnh kéo quân trở về, [tờ 121b] đi đến hạt Chương Đức, tạm đóng quân lại, sai tạo cầu nổi, để quân qua sông Lễ giang, rồi chia quân đi tuần các Huyện: Thanh Hà, Thượng Phúc và Phú Xuyên; lược định các Huyện: Từ Liêm, Đan Phượng, Ma Nghĩa, An Sơn và Thạch Thất. Rồi do đường Thanh quan trở về Thanh Hoa.

Mậu Hợp thấy quân nhà vua ta đã trở về, bèn trở lại thu thập tro tàn, sai các Tướng chia giữ những nơi xung yếu.

Mùa hạ năm này, Mậu Hợp mở khoa thi Cử nhân ở bến Bồ Đề, lấy bọn Phạm Hữu Năng cộng 17 người trúng tuyển.

Mồng một tháng 8 thuộc ngày Mậu Tý, có sao sa xuống, sắc đỏ, dài chừng 5 trượng, loè sáng như luồng điện, chiếu sáng rực vào nóc nhà, rơi xuống đất có tiếng ầm ầm như tiếng sấm! Mậu Hợp không biết lấy đó làm đáng sợ, vẫn hoang tâm chơi bời, ngoài thì các thế gia chuyên chánh, trong thì hoạn quan chuyên quyền. [tờ 122a] Vợ viên Trấn thủ Nam đạo Sơn quận công Bùi Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên, tức là con gái Nguyễn Quyên, mà người chị gái của Thị Niên là Hoàng hậu của Mậu Hợp, vì thế Thị Niên thường được ra vào trong cung. Mậu Hợp thấy Thị Niên, đem lòng yêu mến, bèn ngầm tính kế giết Văn Khuê để cướp vợ y. Văn Khuê biết tình, bèn dẫn quân bản bộ về giữ hạt Gia Viễn, không theo mệnh lệnh của triều đình. Mậu Hợp mấy lần vời cũng không tới, bèn sai Tướng dẫn quân tới hỏi tội Văn Khuê.

Tháng 10, Văn Khuê trưng binh chống giữ, và sai con trai chạy tới hành doanh, yết kiến phủ Tiết chế, khóc lóc cáo tố sự tình, xin đầu hàng và xin cho quân cứu viện. Phủ Tiết chế rất mừng, bèn họp các Tướng mà rằng:

"Quân địch lập đồn binh ở Gia Viễn, chặn đường tiến binh của ta, đã mấy lần ta đánh đồn này, mà chưa phá được. Năm trước đây, ta xuất quân do đường Thiên quan, ra hạt Mỹ lương Thạch Thất, đánh phá Đông kinh, [tờ 122b] mà phải kéo quân về ngay, là vì sợ thủy quân đạo Đông và Nam của địch, hoặc vượt biển vào đánh, hoặc ngược dòng sông lên phía Bắc, đều có thể làm nguy hại cho ta. Nay là mùa đông rét lạnh, nước sông cạn nông, ta đang tính động binh để trừ giặc ấy, thế mà Tướng biên thù của giặc lại qui hàng ta. Đó là trời giúp cho ta thành công vậy.

Trước đây ta thường thắng trận bằng bộ binh, đó chỉ có thể dùng về phía Tây Bắc thôi. Nếu muốn đánh về phương Đông Nam, phi thủy quân không thể dẹp nổi. Nay được thủy quân của Văn Khuê, ta sẽ dùng ngay, do đường Trường An ra mạn Duy Tân Phú Xuyên, rồi tiến binh theo đại lộ, thì không còn lẽ gì là không thắng. Sẽ có thể định ngày khôi phục đất đai vậy".

Phủ Tiết chế lập tức tâu Hoàng đế xin khởi binh, và sai Hoàng Đình Ái dẫn một đạo quân đi trước, để cứu Văn Khuê.

Khi quân ta tới Bái Đình, Văn Khuê ra nghinh tiếp, phủ Tiết chế sai đem quân bản bộ giữ sông Đàm Giang, [tờ 123a] thì quân Mậu Hợp lui về giữ sông Thiên Phái.

Sau khi úy lạo Văn Khuê, phủ Tiết chế sai Văn Khuê lĩnh thủy quân bản bộ làm đạo quân tiền bộ.

Mậu Hợp sai tôn thất là Nghĩa quốc công giữ quyền Tiết chế Nam đạo, dẫn quân tới sông Thiên Phái thuộc hạt Đàm xá, chia đóng từng Đồn, giữ bến đò Đoan Vĩ, bắt dân đình huyện Đại An và huyện Ý Yên đắp lũy đất chạy theo bờ sông, trồng chông gai lên trên mặt lũy, để chống quân ta.

Phủ Tiết chế sai Văn Khuê đem thủy quân ra cửa sông, đánh vào thượng lưu; cơ súng Tả Hữu bắn theo dọc sông, đánh vào hạ lưu; phủ Tiết chế đích thân sang dò qua sông, đánh vào trung lưu. Quân Mậu Hợp thua chạy, ta thu được 70 chiến thuyền, và rất nhiều khí giới, Nghĩa Quốc Công lui quân về giữ châu Tự nhiên, quan quân ta thì tiến đóng tại Cầu Tái.

**[tờ 123b]** Tướng của Mậu Hợp là Định quận công Trần Bách Niên sang hàng bên ta, phủ Tiết chế sai Bách Niên làm Tướng doanh Tiền thủy quân; Văn Khuê làm Tướng doanh Tả thủy quân. Tiếp đây có hơn 10 Tướng Nam đạo sang hàng bên ta.

Phủ Tiết chế bảo các Tướng Tá rằng:

"Thủy quân ngoi ngược dòng sông, thì lui dễ mà tiến rất khó. Sông Đại hà rộng mênh mông, không có cứ điểm. Vậy thủy quân ta nên do con sông Kim bàng nhỏ hẹp mà tiến, kèm theo bộ binh vào 2 bên bờ sông, tất cả thủy quân bộ binh đều tiến, đầy khắp dưới sông trên cạn, trên liền dưới tiếp, theo con sông Ninh Giang đến sông Xương Giang, rồi buông thuyền mà xuôi, thì còn kẻ nào đương nổi".

Ngày 4 tháng 12 quân ta tiến đóng tại châu Tinh Thần, đến ngày 14, do cửa sông Xương Giang, cả thủy quân lục quân đều tiến.

Mạc Ngọc Liên dàn chiến thuyền chống cự, trồng cột gỗ dưới sông, và đắp lũy đất trên bờ để cố thủ, đều bị quan quân ta phá hủy. Ngọc Liên phải bỏ thuyền **[tờ 124a]** chạy về dưới núi Tam Đảo, quân sĩ đều tan vỡ.

Phủ Tiết chế đích thân đốc bộ binh, thừa thế đuổi dài, thủy quân cũng thuận dòng xuôi xuống, tới cửa Nam Kinh thành, đóng tại bến Sa thảo, bắt được hơn nghìn chiến thuyền, kể cả lớn nhỏ.

Đêm hôm này, Mậu Hợp bỏ kinh thành chạy trốn, các tôn tộc cũng tìm đường trốn lánh. Tướng sĩ thì nối tiếp ra hàng. Tự đây, quân của Mậu Hợp hết phần chiến đấu, tự sông Nhĩ hà trở về Bắc, quân sĩ kéo nhau ra qui thuận.

Ngày 15 phủ Tiết chế tiến quân lên xứ Hải Dương, để đuổi dẹp cho hết quân địch, đóng quân tại Phủ dung liễu kính, sai Tướng doanh Tả thủy là Thái quận công Nguyễn Thất Lý đốc bọn Văn Khuê và Bách Niên, đem 300 chiến thuyền cùng quân các Cơ Nội thủy, đánh vào huyện Kim thành. Mậu Hợp trốn chạy, quan quân thu được rất nhiều **[tờ 124b]** vàng bạc của cải, đồ dùng và con gái, bắt Thái hậu giải về Kinh sư, khi đến sông Bồ Đề, Thái hậu vì quá sợ mà chết.

Mậu Hợp dựng con trai là Toàn làm vua, để giữ việc nước, **đổi niên hiệu là Vũ An thứ nhất.**

Tháng 12, phủ Tiết chế chia quân đánh các ngả, phá tan quân của Kinh Chỉ ở Tân Mỹ thuộc xứ Thanh Hà, thu được 50 chiến thuyền, và rất nhiều khí giới lừa ngựa. Nhà cửa tại các Phủ Hạ Hồng, Nam Sách và Kinh Môn, đều bị đốt cháy gần hết. Dư đảng là bọn Phổ quận công, Hào quận công, Thụy quận công, Lương quận công, Nghĩa quận công, và Lại bộ Thượng thư Phúc quận công Đỗ Uông, Lễ bộ Thượng thư Hồng Khê hầu Nhữ Tống, Công bộ Thượng thư Đồng Hãn, Lại bộ Tả thị lang Ngô Tháo, **[tờ 125a]** Đông các học sĩ Ngô Cung, Tự khanh Nguyễn Cận, Sơn nam Thừa chánh sứ Đàm Văn Tiết, và Hải dương Thừa chánh sứ Phạm Như Giao, đều đến cửa quân xin hàng, quan Tiết chế Trịnh Tùng đều ngỏ lời an ủi, và viết tờ biểu đưa về nơi hành tại tâu Hoàng đế, xin cho các người kể trên được giữ nguyên chức tước cũ.

Khi quan Tiết chế tự sông Tranh về Kinh thành, nghe có người báo: "Mậu Hợp ẩn ở chùa Mô Khuê hạt Phượng Nhỡn". Bèn sai Trà quận công Nguyễn Đình Luận, và Liêm quận công Lưu Chản, dẫn quân đi tìm bắt. Dân địa phương cho biết: "Hôm nọ Mậu Hợp giả làm ông sư, đến ẩn ở đây, đến nay đã 11 ngày". Sĩ tốt bèn đến chùa, thấy Mậu Hợp nghiêm nhiên ngồi xếp bằng bằng, gạn hỏi thì Mậu Hợp ồm ồm đáp rằng:

"Bần tăng tu hành từ hồi còn trẻ tuổi ở am mây này **[tờ 125b]** chén muối, đĩa rau hàng ngày trai dưỡng; thắp hương thờ phật, công đức chuyên làm".

Quân sĩ thấy nhà sư nói hoạt bát khiêm tốn, biết là Mậu Hợp, bèn bắt giữ. Mậu Hợp tự liệu không thể thoát được, bèn thú thực và nói rằng:

"Mấy ngày trước đây, tôi chạy trốn ẩn núp trong rừng rậm, đã quá đói khát, dám xin cho một bình rượu uống cho đã".

Quân sĩ bèn cho bình rượu. Sau khi Mậu Hợp uống thỏa thích, ngậm ngùi than rằng:

"Nghịch chướng quá sâu! Nay cầu làm một người dân thường, cũng không thể được. Tội lỗi chỉ vì tổ tiên đã làm sự giết vua cướp ngôi, đến nỗi con cháu ngày nay phải mắc tội nặng như vậy. Mong Tướng sĩ dẫn tôi đến trước Hoàng đế, để bày tỏ thực tình. Đó là lòng tôi rất mong muốn".

Các Tướng sĩ bèn sai dùng voi chở Mậu Hợp và 2 tên kỹ nữ, giải về Kinh sư.

Khi Mậu Hợp hiến trước hành doanh, phủ Tiết chế sai dành binh mã cực kỳ uy nghiêm, rồi mới cho dẫn Mậu Hợp vào yết kiến. Mậu Hợp lễ dập đầu phủ phục ở ngoài sân, phủ Tiết chế truyền hỏi tới 3 lần, mà Mậu Hợp vì quá sợ, cứ ậm ớ không thể đáp được, phủ Tiết chế bèn sai dẫn ra ngoài cửa quân, giam tù tại đây.

Tất cả các quan văn võ đều bàn:

"Chiếu điều luật, những kẻ phạm tội thoán thí (giết vua cướp ngôi), thì xử theo luật "lăng trì" (tùng xẻo), để làm gương cho mọi người, và đúng phép nước; lại đem thủ cấp tế cáo nhà Tôn miếu, để rửa sỉ nhục của Tiên vương, và bớt cơn giận của thần nhân".

Quan Tiết chế không nỡ gia cực hình, bèn sai đem treo sống Mậu Hợp 3 ngày, rồi chém đầu tại bãi cát Bồ Đề, đem thủ cấp hiến Hoàng đế tại hành tại Vạn Lại xứ Thanh Hoa, đem đóng đinh vào 2 con mắt, rồi bêu ra ngoài chợ.

Con trai Mậu Hợp là Toàn tiếm hiệu xưng là Vũ An, nhưng nhân tâm không qui phục, thế cô ngầm trốn, cũng bị quan quân bắt được, đem chém đầu tại bến Thảo Tân.

Mậu Hợp chiếm ngôi vua cộng 29 năm.

## MAC KÍNH ĐIỂN

Mac Kính Điển là con trai Đãng Doanh và em trai Phúc Hải, tính nhân hậu, linh mãnh, dũng cảm có thừa. Ngụy triều phong tước Khiêm vương.

Khi Phạm Tử Nghi khởi loạn, Phúc Nguyên phải bỏ Kinh thành chạy lánh. Kính Điển xuất tướng sĩ rước về, rồi đem quân dẹp hết các đồ đảng giặc.

Khi 2 đại tướng Lê Bá Ly và Nguyễn Khải Khang, đem toàn đạo binh Tây Nam về qui thuận bản triều ta, Phúc Nguyên phải bỏ Kinh thành chạy đến Kim thành, nhân tâm trong nước lìa tan. Độc một mình Kính Điển thu thập quân dân vùng Đông Bắc, giữ sông Nhị hà trở về Bắc, chống cự quân bên ta, trong nước lại bình định trở lại.

Ông giữ chức Tổng soái Trung doanh, cầm quyền chánh trị khắp trong triều ngoài quận. Mậu Hợp tiến phong tước Khiêm đại vương.

Sau khi ông qua đời, có 9 con trai: Con trưởng là Kính Chi, ngụy triều [tờ 126a] phong tước Đường an vương, chức Phó đốc soái; con thứ là Kính Trực, được phong tước Trung căn công, chức Cẩm y vệ Chương vệ sự; Kính Phu được phong tước Đoan lượng công, chức Hưng quốc vệ Chương vệ sự; Kính Giản được phong tước Huệ thành công, chức Chiêu vũ vệ Chương vệ sự; Kính Tuần được phong tước Đạt lễ công; Kính Cung được phong tước Đôn hậu công; Kính Lễ được phong tước Khuông phụ công; Kính Bang chưa được phong tước. Và 9 con gái.